

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1

**BÀI MỞ ĐẦU
(NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH NGỮ VĂN 7)****A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.***** MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.**

1. Những nội dung chính của sách ngữ văn 7.
2. Cấu trúc của sách và những bài học trong sách Ngữ văn 7.
3. Cách sử dụng sách Ngữ văn 7.

*** NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.****Phần I. Nội dung sách ngữ văn 7.**

1. Học đọc
 - 1.1. Đọc hiểu văn bản truyện
 - Truyện ngắn và tiểu thuyết.
 - Truyện khoa học viễn tưởng.
 - Truyện ngụ ngôn.
 - 1.2. Đọc hiểu văn bản thơ.
Thơ bốn chữ, năm chữ.
 - 1.3. Đọc hiểu văn bản kí
 - Tùy bút.
 - Tản văn
 - 1.4. Đọc hiểu văn bản nghị luận.
 - Nghị luận văn học.
 - Nghị luận xã hội.
 - 1.5. Đọc hiểu văn bản thông tin.
 - 1.6. Thực hành tiếng Việt.
 - Từ vựng.
 - Ngữ pháp.
 - Hoạt động giao tiếp.
 - Sự phát triển của ngôn ngữ.

2. Học viết

Các kiểu văn bản sau:

- Tự sự.
- Biểu cảm.
- Nghị luận.
- Thuyết minh.
- Nhật dụng.

3. Học nói và nghe.

- Nói.
- Nghe.
- Nói nghe tương tác.

Phần II. Cấu trúc của sách ngữ văn 7

Ngoài bài mở đầu, chương trình Ngữ văn 7 gồm có 10 bài học chính.

*** Thời lượng thực hiện: 2 tiết - HKGD**

B. MỤC TIÊU BÀI HỌC**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.****1. Năng lực****1.1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà; tích cực, chủ động trong tìm hiểu bài học. [1]
- Giao tiếp và hợp tác: sử dụng ngôn ngữ để đạt hiệu quả cao trong quá trình làm việc nhóm và trình bày sản phẩm. [2]

1.2. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và văn học

- Nhận biết được một số nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 6 [3].
- Biết được cấu trúc và nội dung môn Ngữ văn [4].
- Nêu được những suy nghĩ cảm xúc riêng của bản thân [5].
- Thực hiện được các mẫu đọc sách. [6]
- Đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên [7].

2. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với việc học tập của bản thân [8]
- Nhân ái: Biết xúc động trước những hình ảnh đẹp, nhân vật hay trong một cuốn sách [9].

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Phiếu học tập, tranh ảnh, sơ đồ tư duy, Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, giáo án, giấy A0, phiếu học tập.
- Học liệu: tri thức cơ bản về cuốn sách, viết: Lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách.

III. Thực hiện tiết dạy

Tiết theo PPCT	Dự kiến nội dung	Ngày dạy	
		7	7
1	Đọc, Viết		
2	Nói nghe và phần còn lại		

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**Tiết 1****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.****Nội dung 1.***** Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**

? Sau khi đã làm quen với chương trình ngữ văn 6 trong năm học trước, em cảm nhận được gì về môn Ngữ văn? Qua đó em đã biết gì, chưa biết gì và cần biết những gì trong chương trình Ngữ văn 7?

*** Bước 2. HS trả lời các câu hỏi bằng cảm xúc chân thật của cá nhân mình (vài ba học sinh chia sẻ)**

*** Bước 3. Cùng chia sẻ.**

*** Bước 4. GV chốt kiến thức:**

Nội dung 2: Nội dung sách Ngữ văn 7

a. **Mục tiêu:** Chia sẻ suy nghĩ về chương trình Ngữ văn 7

b. **Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

Phiếu học tập số 1.

Những điều em đã biết về SGK Ngữ văn 7 (K)	Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 7 (W)	Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này) (L)
....		

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**Bước 1: Giao nhiệm vụ**

? HS hoàn thiện bảng sau: Phiếu học tập số 1: Bảng KWL

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 1.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả trước lớp, những nhóm khác lắng nghe và bổ sung thông tin (nếu cần)

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

=> **GV dẫn vào bài:** Các em thân mến! Vậy là các em đã kết thúc một chặng mới và chính thức bước sang một giai đoạn tiếp theo- một hành trình sẽ có nhiều khó khăn, thử thách hơn nhưng cũng đầy thú vị đang chờ đón các em ở phía trước. Các em sẽ được tìm hiểu cũng như khám phá nhiều thể loại văn học hơn, nhiều kĩ năng hơn mà chúng ta cũng sẽ ứng dụng nhiều trong cuộc sống. Để có được điều đó chương trình Ngữ văn 7 sẽ phần nào trang bị kiến thức nền tảng cho các em. Vậy

chúng ta cùng nhau tìm hiểu xem chương trình Ngữ văn 7 sẽ đem lại cho các em những điều thú vị, mới mẻ gì ở phía trước nhé !

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung I. Học đọc

a. Mục tiêu: Học sinh nắm được nội dung chương trình Ngữ văn 7

b. Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

1. Hoàn thành phiếu học tập số 2,: Tìm hiểu nội dung I. Đọc

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
Nội dung tìm hiểu	Đọc hiểu văn bản truyện, tiểu thuyết	Đọc hiểu văn bản thơ	Đọc hiểu văn bản kí	Đọc hiểu văn bản nghị luận	Đọc hiểu văn bản thông tin
Câu hỏi tìm hiểu	Tổng kê các văn bản , nội dung của các văn bản trong từng thể loại.				

2. Bốn nội dung lớn về sách tiếng Việt Ngữ văn 7 là gì?

3. Hệ thống bài tập trong sách Ngữ văn 7 có những loại cơ bản nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

Thể loại	Các văn bản tìm hiểu
Các văn bản truyện	- Các văn bản truyện, tiểu thuyết: Người đàn ông cô độc giữa rừng (Trích: Đất rừng Phương Nam - Đoàn Giỏi), Dọc đường xứ Nghệ (Trích Búp sen xanh - Sơn Tùng), Buổi học cuối cùng (An-phông-xơ Đô đê), Bố của Xi-mông, - Các văn bản thể loại khoa học viễn tưởng: Bạch tuộc, Chất làm gì? Nhật trình Sol 6, Một trăm dặm dưới mặt đất. - Các văn bản truyện ngụ ngôn:Ếch ngồi đáy giếng, Đeo cà giữa đường, Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân; Thầy bói xem voi...
Các văn bản thơ	Mẹ, Ông đồ, Tiếng gà trưa, Một mình trong mưa, Những canh buồn, Mẹ và quả, Rồi ngày mai con đi.
Các văn bản kí	Cây tre Việt Nam, Trưa tha hương, Người ngồi đợi trước hiên nhà, Tiếng chim trong thành phố.
Các văn bản nghị luận	- Đất rừng phương Nam, Tiếng gà trưa, Sức hấp dẫn của “Hai vạn dặm dưới đáy biển”, Ông đồ. - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, Đức tính giản dị của Bác

	Hồ, Tượng đài vĩ đại nhất, Sự giàu đẹp của Tiếng Việt.
Các văn bản thông tin	- Ca Huế, Hội thi thổi cơm, Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang, Trò chơi dân gian của người Khme Nam Bộ. - Ghe xuồng Nam Bộ, Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số ngày xưa, Tổng kiểm soát phương tiện giao thông,

2. Bốn nội dung lớn về sách tiếng Việt Ngữ văn 7 gồm:

Nội dung	Yêu cầu
Từ vựng	Thành ngữ và tục ngữ, Thuật ngữ; Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt; Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.
Ngữ pháp	Số từ, phó từ; Các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu; Công dụng của dấu chấm lửng.
Hoạt động giao tiếp	Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm-nói tránh; Liên kết và mạch lạc của văn bản; Kiểu văn bản và thể loại.
Sự phát triển của ngôn ngữ	Ngôn ngữ các vùng miền; Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

3. Hệ thống bài tập trong sách Ngữ văn 7 có những loại cơ bản:

- Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.

VD: Bài tập nhận biết các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm-nói tránh.

- Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.

VD: Bài tập phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật nói quá, nói giảm-nói tránh trong tác phẩm văn học và đời sống...

- Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt.

VD: Bài tập viết đoạn văn có chứa các biện pháp nghệ thuật nói quá, nói giảm - nói tránh...

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 2.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả trước lớp, những nhóm khác lắng nghe và bổ sung thông tin (nếu cần)

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nội dung 2 :Học Viết

a. Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng viết văn bản theo 4 bước: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa những nội dung phù hợp theo từng kiểu văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

1. Sách Ngữ văn 7 rèn luyện cho em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của những kiểu văn bản đó là gì?

2. Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 7?

c, Sản phẩm dự kiến

Kiểu văn bản	Nội dung cụ thể
Tự sự	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, có sử dụng các yếu tố miêu tả.
Biểu cảm	- Bước đầu biết làm bài thơ 4 chữ, 5 chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc 1 bài thơ. - Biểu cảm về con người hoặc sự việc.
Nghị luận	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (nghị luận xã hội), phân tích đặc điểm nhân vật (nghị luận văn học).
Thuyết minh	Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi.
Nhật dụng	Viết bản tường trình.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 2.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả trước lớp, những nhóm khác lắng nghe và bổ sung thông tin (nếu cần)

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Hoạt động 3: Luyện tập**a. Mục tiêu: [1, 2,, 3, 5]****b. Nội dung hoạt động**

- Em hãy cho biết các thể loại văn học được học trong chương trình Ngữ văn 7?
- Phần tiếng Việt học những nội dung nào?

c. Sản phẩm dự kiến

- Em hãy cho biết các thể loại văn học được học trong chương trình Ngữ văn 7?

- Văn bản truyện.
- Văn bản thơ.
- Văn bản kí.
- Văn bản nghị luận.
- Văn bản thông tin.

- Phần tiếng Việt học những nội dung nào?

- Từ vựng.
- Ngữ pháp.
- Hoạt động giao tiếp.
- Sự phát triển của ngôn ngữ.

*** Giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau**

Chuẩn bị tiếp phần viết: lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách

Tiết 2.

Hoạt động 1: Khởi động.**a. Mục tiêu:** Tạo sự hứng khởi cho học sinh.**b. Nội dung bài học.**

? Theo em, kĩ năng nói và nghe có quan trọng trong hoạt động giao tiếp hằng ngày của con người không? Vì sao?

Hs suy nghĩ, trả lời.

Gv nhận xét, bổ sung và góp ý.

Gv dẫn vào bài.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**Nội dung III: Hoạt động nói và nghe.****a. Mục tiêu:** Rèn kĩ năng nói và nghe.**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 4.

1. Các nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe.

2. So với các yêu cầu về kĩ năng nói và nghe, em còn có những hạn chế nào?

Kĩ năng	Nội dung cụ thể
Nói	
Nghe	
Nói nghe tương tác	

c. Sản phẩm dự kiến:

Kĩ năng	Nội dung cụ thể
Nói	- Trình bày ý kiến về một vấn đề về đời sống. - Kể lại một truyện ngụ ngôn. - Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.
Nghe	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
Nói nghe tương tác	- Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 2.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả trước lớp, những nhóm khác lắng nghe và bổ sung thông tin (nếu cần)

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nội dung 4: IV. Cấu trúc của sách Ngữ văn 7.**a. Mục tiêu:** HS nắm được cấu trúc của sách Ngữ văn 7.

b. Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 5.

1. Mỗi bài học trong sách Ngữ văn 7 có những phần chính nào? Những nhiệm vụ mà HS làm ở lớp và ở nhà là gì?

2. Theo em, tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi học?

Các phần của bài học	Nhiệm vụ của học sinh
Yêu cầu cần đạt	
Kiến thức ngữ văn	
Đọc	
Viết	
Nói và nghe	
Tự đánh giá	
Hướng dẫn tự học	

c. Sản phẩm dự kiến

Các phần của bài học	Nhiệm vụ của học sinh
Yêu cầu cần đạt	- Đọc trước khi học để có định hướng đúng. - Đọc sau khi học để tự đánh giá.
Kiến thức ngữ văn	- Đọc trước khi học để có kiến thức làm căn cứ thực hành - Vận dụng trong quá trình thực hành.
Đọc - Đọc hiểu văn bản +Tên văn bản. +Chuẩn bị + Đọc hiểu. - Thực hành tiếng Việt. - Thực hành đọc hiểu.	- Đọc hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm... - Đọc trực tiếp tác phẩm, các câu gợi ý ở bên phải, chú thích ở chân trang. - Trả lời câu hỏi đọc hiểu. - Làm bài tập thực hành tiếng Việt.
Viết - Định hướng. - Thực hành.	- Đọc định hướng viết. - Làm các bài tập thực hành viết.
Nói và nghe. - Định hướng. - Thực hành.	- Đọc định hướng nói và nghe. - Làm các bài tập thực hành nói và nghe.
Tự đánh giá	Tự đánh giá kết quả đọc hiểu và viết thông qua phần đọc

	và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận về 1 văn học tương tự văn bản đã học.
Hướng dẫn tự học	- Đọc mở rộng theo gợi ý. - Thu thập tư liệu liên quan đến bài học.

Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu [1,2, 3]

b. Nội dung

1. Trình bày nội dung cụ thể của các kĩ năng nghe, nói và nghe nói tương tác?

2. Nhiệm vụ của học sinh là gì trong phần đọc, viết, nói và nghe.

c. Sản phẩm dự kiến

1. Nội dung cụ thể của các kĩ năng nghe, nói và nghe nói tương tác:

- Nói: + Trình bày ý kiến về một vấn đề về đời sống.

+ Kể lại một truyện ngụ ngôn.

+ Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

- Nghe: Tóm tắt nội dung trình bày của người khác.

- Nói nghe tương tác:

+ Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

+ Thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.

2. Nhiệm vụ của học sinh là gì trong phần đọc, viết, nói và nghe là:

- Đọc:

+ Đọc hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm...

+ Đọc trực tiếp tác phẩm, các câu gợi ý ở bên phải, chú thích ở chân trang.

+ Trả lời câu hỏi đọc hiểu.

+ Làm bài tập thực hành tiếng Việt.

- Nói và nghe:

+ Đọc định hướng nói và nghe.

+ Làm các bài tập thực hành nói và nghe.

- Viết:

+ Đọc định hướng viết.

+ Làm các bài tập thực hành viết.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 2.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả trước lớp, những nhóm khác lắng nghe và bổ sung thông tin (nếu cần)

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng và tìm tòi mở rộng

a. Mục tiêu: [1, 2, 6, 7]

b. Nội dung

Củng cố kiến thức bằng hệ thống sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm dự kiến

d. Tổ chức thực hiện.

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 2.

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả trước lớp, những nhóm khác lắng nghe và bổ sung thông tin (nếu cần)

Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.

HDVN: HS học bài cũ và chuẩn bị bài mới.*Tiết 3****BÀI 1: TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT****Đọc – hiểu văn bản (1)****NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG**(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*)

– Đoàn Giỏi –

**I. MỤC TIÊU****1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

*** Năng lực đặc thù**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [4].

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [5].
- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học được thể hiện trong văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [6].
- Viết được đoạn văn khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” [7].

2. Về phẩm chất: Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi và văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm: Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Quan sát video, chú ý hình ảnh người đàn ông sau và nêu cảm nhận ban đầu của em về người đàn ông trong ảnh qua đoạn video?



- Bật video trích đoạn bộ phim “Đất rừng phương Nam”

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của **GV** hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát khung cảnh

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của **GV**.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Các em thân mến! Miền Tây Nam Bộ là một trong những vùng đất đã đi vào trong rất nhiều tác phẩm văn học. Ở đó ta bắt gặp không chỉ khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình mang nét riêng của miền Tây Nam Bộ mà người đọc còn cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn của con người nơi đây. Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi mà hôm nay cô và các em đi tìm hiểu sẽ cho chúng ta cảm nhận rất rõ nét đẹp đó của con người miền Tây Nam Bộ được thể hiện qua nhân vật Võ Tòng.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114')

2.1 Tri thức đọc – hiểu	
Mục tiêu: [2]; [3]; [5] Nội dung: GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. ? Tính cách nhân vật thường được thể hiện ở những phương diện nào? ? Bối cảnh trong truyện là gì? ? Nội tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong tác phẩm tự sự? ? Em hiểu thế nào là ngôn ngữ vùng miền? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận	1. Tính cách nhân vật, bối cảnh * Tính cách nhân vật: Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác. * Bối cảnh trong truyện thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng);... 2. Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể Một câu chuyện có thể linh hoạt thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn...

của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.	3. Ngôn ngữ các vùng miền - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. - Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng: + Về ngữ âm: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. + Về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương.

2.2 Đọc – hiểu văn bản (...)

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (...)	
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5] Nội dung: GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. Phiếu học tập số 1 B2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Tác giả - Đoàn Giỏi (1925 – 1989) - Quê: Tiền Giang - Ông nổi tiếng với tiểu thuyết "Đất rừng phương Nam" viết cho lứa tuổi thiếu nhi, được tái

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.
- HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.

B4: Kết luận, nhận định

HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

GV:

- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.
- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.
+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.
+ Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất (lời kể của cậu bé An).
- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).
+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.
+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.
- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

? Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” viết về ai và về sự việc gì?

? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Đoàn Giỏi?

? Văn bản thuộc thể loại gì?

? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai?

? Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể?

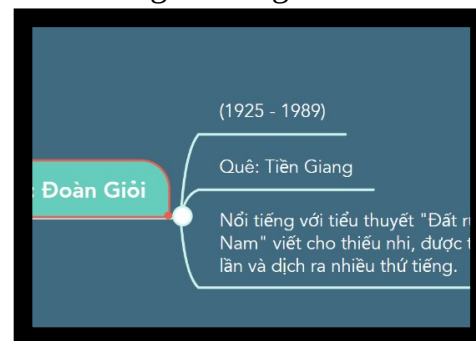
? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.

bản rất nhiều lần và dịch ra nhiều tiếng nước ngoài.



2. Tác phẩm

a) Đọc và tóm tắt

- Đọc
- Tóm tắt

b) Tìm hiểu chung

- **Bối cảnh:** là các tỉnh Tây Nam, vào năm 1945, sau khi thực dân Pháp trở lại xâm chiếm miền Nam.

- **Xuất xứ:** tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”.

- **Thể loại:** tiểu thuyết

- **Nhân vật chính:** Võ Tòng

- **Ngôi kể:** ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 (có sự chuyển đổi ngôi kể)

- **Bố cục:** 2 phần

2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:

1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.
2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

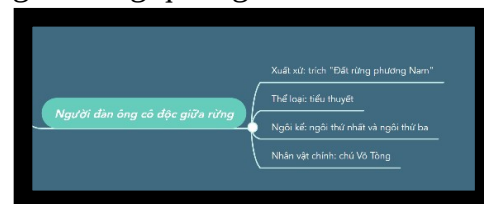
HS:

- Trả lời các câu hỏi của GV.
- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

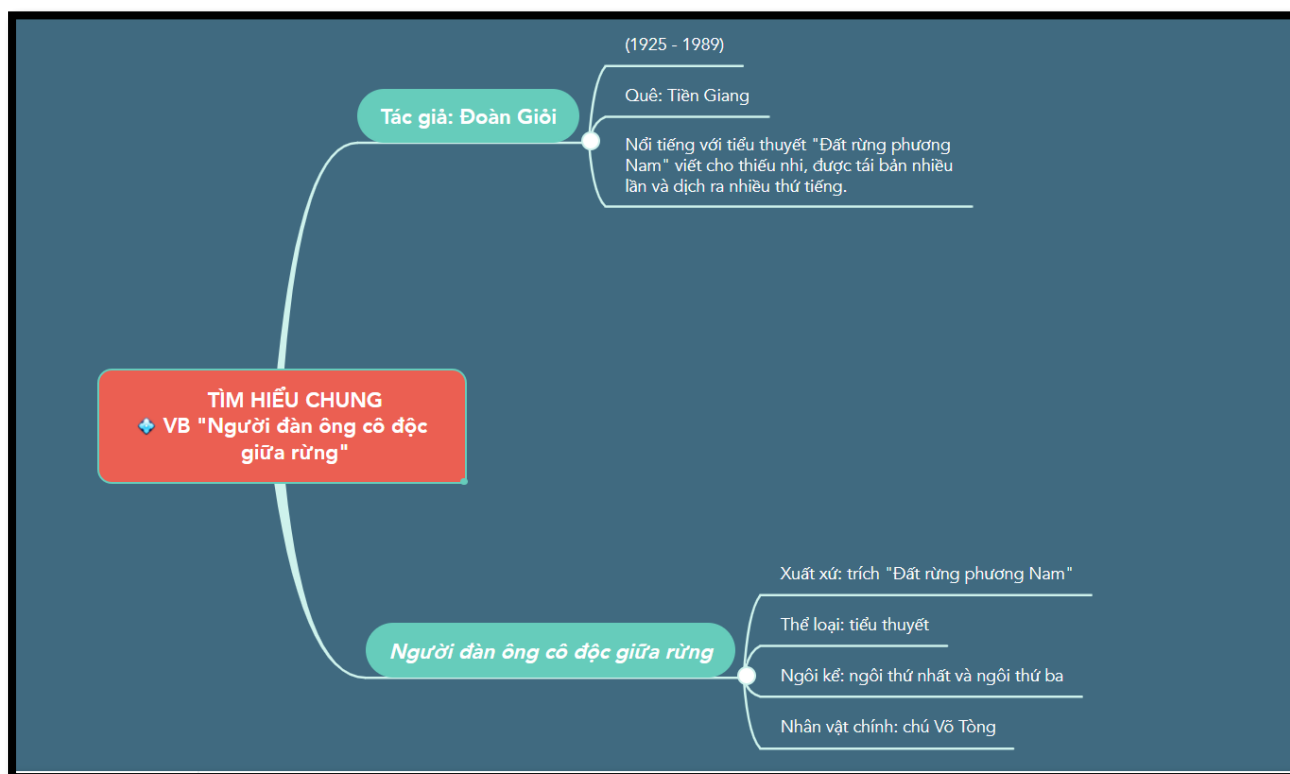
B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.
- Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.

- + Phần 1: Người đàn ông cô độc giữa rừng
- + Phần 2: Người đàn ông cô độc giữa rừng



Sản phẩm tổng hợp:



II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (...)

1. Nhan đề của văn bản

Mục tiêu: Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản

Nội dung:

GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản

HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân GV hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Người đàn ông nói đến ai? ? Cô độc là sống với những ai? ? Giữa rừng gợi không gian ở đâu? B3: Báo cáo thảo luận GV yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản. HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS - Chốt nội dung (sản phẩm). - Chuyển dẫn sang nội dung sau.	“Người đàn ông cô độc giữa rừng” => - <i>Người đàn ông</i> -> nhân vật chính - <i>Cô độc</i>: hoàn cảnh sống một mình. - <i>Giữa rừng</i>: không gian sống → Gợi tả về một người đàn ông đặc biệt, gây sự chú ý và tò mò đối với độc giả.

1. Võ Tòng qua lời kể của ngôi kể thứ nhất (20')

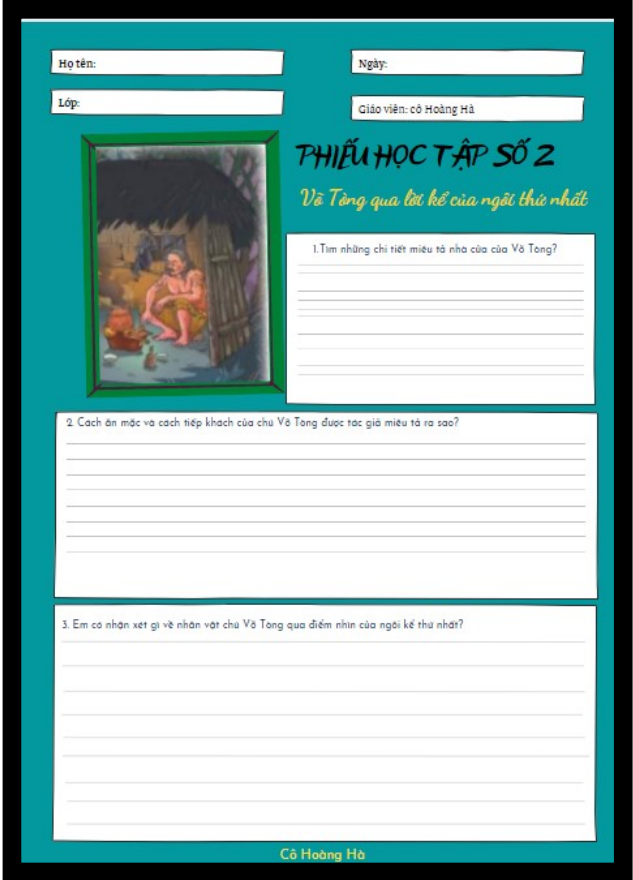
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [7]

Nội dung:

GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về nhân vật Võ Tòng qua điểm nhìn của ngôi kể thứ nhất.

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	P/ diện	Chi tiết	Nhận xét
	Nơi ở	- Trong một túp lều ở giữa rừng. - Giữa lều đặt cái bếp cà ràng. - Sống cùng với con vượn bạc má.	→ NT: miêu tả → Gợi một cuộc sống thiếu thốn.
	Ngoại hình	- Cởi trần - Mặc chiếc quần ka ki còn mới	→ NT: Miêu tả → Gợi hình ảnh

 PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 <i>Võ Tòng qua lời kể của người thứ nhất</i> 1. Tìm những chi tiết miêu tả nhà của Võ Tòng? 2. Cách ăn mặc và cách tiếp khách của chủ Võ Tòng được tác giả miêu tả ra sao? 3. Em có nhận xét gì về nhân vật chủ Võ Tòng qua điểm nhìn của người kể thứ nhất? Cô Hoàng Hà	nhưng lâu không giặt. - Thắt xanh-tuya-rông - Bên hông đeo lưng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt. về một người đàn ông mộc mạc, giản dị.
Dự kiến tình huống khó khăn: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3. Tháo gỡ: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng”). B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình). - Đọc đoạn văn: “có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng”). GV hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “có lẽ bố chúng nói đúng... bắt đầu mùa sinh nở của chúng”). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.	Lời nói và hành động - <i>Lời nói:</i> + Ngồi xuống đây, chú em! + Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em... - <i>Hành động:</i> + Giết giặc bằng bắn tên. + Chế thuốc độc và tẩm độc vào mũi tên để giết giặc. ⇒ Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc. → Chú Võ Tòng là người thân thiện, cởi mở và dễ mến.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS.
- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.

3. Võ Tòng qua lời kể của ngôi thứ ba (...)

Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [8]

Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon ở phần 2.

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chỉ ra dấu hiệu chuyển đổi ngôi kể của đoạn 3?
- Vì sao người đàn ông sống cô độc trong rừng lại có tên gọi Võ Tòng?
- Vì sao Võ Tòng lại đến ở một mình trong khu rừng?
- Qua lời kể của ngôi thứ ba, em có nhận xét gì về nhân vật Võ Tòng?
- Trao đổi và chia sẻ để hoàn thiện phiếu bài tập số 3

Họ và tên:	Ngày:	
Lớp:	Giáo viên: Hoàng Hà	
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 <i>Võ Tòng qua lời kể của ngôi thứ ba</i>		
		
2.2 Nhân vật Võ Tòng qua lời kể của ngôi kể thứ ba		
P/điền	Chi tiết	Nhận xét
Nguồn gốc tên gọi Võ Tòng		
Cuộc sống của Võ Tòng trước khi đến khu rừng		
=>		
Cố: Hoàng Hà		

Phiếu học tập số 3

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: đọc ngữ liệu trong SGK (đoạn 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

GV:

a. Nguồn gốc tên gọi “Võ Tòng”

- Do giết hổ chúa trong rừng.
- Trên mặt có vết sẹo bởi cái tát của con hổ chúa trước khi chết.

b. Lai lịch của Võ Tòng.

- Là một gã đàn ông hiền lành và vô cùng yêu vợ.
- Từng có một gia đình (vợ gã là người đàn bà xinh đẹp).
- Vì chiều vợ, đào mặng cho vợ ăn khi vợ mang bầu nên bị tên địa chủ đánh vào đầu (đầu là nơi thờ phụng ông bà thì may tới số rồi).
- Vung dao chém vào mặt tên địa chủ.

→ NT: kể, tả, sử dụng ngôi kể thứ ba để tạo điểm nhìn khách quan.

⇒ **Võ Tòng là một người đàn ông khỏe mạnh, tính tình ngay thẳng, gan dạ và rất tự trọng.**

- Dự kiến KK: HS khó trả lời câu hỏi số 1 - Tháo gỡ KK: GV nói thêm về nhân vật Võ Tòng trong truyện. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.	
III. TỔNG KẾT (...)	
Mục tiêu: [1]; [2]; [8] Nội dung: - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản... - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”? ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm tự sự? Đặc biệt là khi đi tìm hiểu nhân vật? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).	1. Nghệ thuật - Đan xen và lồng ghép 2 ngôi kể (ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba. - Sử dụng ngôn ngữ mang đậm chất Nam Bộ. 2. Nội dung - Kể về cuộc gặp gỡ của cậu bé An với chú Võ Tòng – một người đàn ông cô độc giữa rừng U Minh vùng Tây Nam Bộ. Qua đó người đọc cảm nhận được chú Võ Tòng không chỉ là người giản dị, mộc mạc, chân thành mà còn là người thẳng thắn, bộc trực, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc. Đây cũng chính là nét đẹp của người dân miền Tây Nam Bộ thời bấy giờ. 3. Khi phân tích nhân vật trong

GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide	tác phẩm tự sự a) Về ngôi kể - Vai trò của từng ngôi kể đặc biệt là sự chuyển đổi ngôi kể trong tác phẩm đem đến khả năng di chuyển điểm nhìn nghệ thuật đồng thời mang đến sự linh hoạt trong lời kể. b) Khi tìm hiểu về nhân vật Chú ý các phương diện sau: - Ngoại hình - Tính cách - Ngôn ngữ (lời nói) - Hành động - Suy nghĩ - Lai lịch...

3. HĐ 3: Luyện tập (16')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Câu 1: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

- A. Đất rừng phương Nam
- B. Ngọn tâm vông
- C. Từ đất Tiền Giang
- D. Sông nước Cà Mau

Câu 2: Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” sử dụng ngôi kể nào?

- A. Ngôi kể thứ nhất
- B. Ngôi kể thứ hai
- C. Ngôi kể thứ ba
- D. Ngôi kể thứ nhất và thứ ba

Câu 3: Qua ngôi kể thứ nhất, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

- A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà.
- B. Là một người cởi mở, hiếu khách.
- C. Là một người chân thành, mộc mạc
- D. Là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc

Câu 4: Qua ngôi kể thứ ba, Võ Tòng hiện lên là một nhân vật như thế nào?

- A. Là một người đàn ông hiền lành, thật thà.
- B. Là một người cởi mở, hiếu khách.
- C. Là người đàn ông hiền lành, khỏe mạnh, tính tình bộc trực, có chí khí nhưng số phận lại vô cùng bất hạnh.
- D. Là một người yêu nước, căm thù giặc.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Võ Tòng?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về Võ Tòng...

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...

* **Dặn dò:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Buổi học cuối cùng”

Đọc – hiểu văn bản (2)**BUỔI HỌC CUỐI CÙNG**

(Truyện kể của một em bé người An- dat)

(An – phong- xơ- đô- đê)

I. MỤC TIÊU**1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

*** Năng lực đặc thù**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “ Buổi học cuối cùng”
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản
- Viết được đoạn văn khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

2. Về phẩm chất: Có tình yêu với tiếng mẹ đẻ, tình yêu quê hương đất nước.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')**

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm: Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV cho HS nghe một đoạn bài hát Thương ca tiếng Việt: <https://www.youtube.com/watch?v=0m-UM6KIMoM>
- Ca từ bài hát cho em hiểu điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát video, lắng nghe lời bài hát trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của

GV hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát khung cảnh

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

- GV dẫn dắt: Với mỗi dân tộc, ngôn ngữ là tinh hoa, là hồn cốt của ngàn đời truyền lại, thậm chí là yếu tố quyết định đến sự còn- mất của dân tộc. Điều này không chỉ đúng với dân tộc ta mà đúng với nhiều dân tộc khác, đất nước khác. Nhà văn người Pháp An-phông- xơ Đô- đê đã thể hiện nội dung này trong đoạn trích "Buổi học cuối cùng" trích trong tác phẩm "Chuyện của một em bé người An-dát."

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

I. Trải nghiệm cùng văn bản	
Mục tiêu: Đọc, kể tóm tắt ... Nội dung: GV sử dụng KT thảo luận nhóm đôi phần tìm hiểu chung HS dựa vào việc chuẩn bị ở nhà để trình bày đôi nét về tác giả	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS, cùng nhau chia sẻ, trao đổi những hiểu biết về tác giả . B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp	1. Tác giả  - An-phông- xơ Đô- đê (1840-1897), nhà văn Pháp - Có cuộc đời đầy biến động - Tác giả của nhiều tập truyện nổi tiếng.

đôi.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.

GV hướng dẫn HS đọc truyện:

Đọc giọng chậm, xót xa cảm động, day dứt.

Lời nói của thầy Ha-men đọc dịu dàng, buồn.

- GV đọc mẫu => học sinh đọc

- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).

+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.

+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.

- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát **phiếu học tập** đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

Phiếu bài tập số 1

HỌ VÀ TÊN: _____

TÓ: _____

Những vấn đề chung về văn bản

1. Bối cảnh
2. Xuất xứ
3. Thể loại
4. Nhân vật chính
5. Ngôi kể
6. Bố cục

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.

2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:

1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn

2. Tác phẩm

a) Đọc và tóm tắt

- Đọc

- Tóm tắt

Câu chuyện về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp đầy xúc động giữa thầy trò và người dân ở vùng đất bị quân Phổ chiếm đóng. Theo lời kể của cậu bé Phrăng ham chơi, không khí của buổi học hôm ấy thật khác lạ, thấm đẫm tình yêu tiếng nói dân tộc.

b) Tìm hiểu chung

- **Bối cảnh:** Các sự việc trong truyện diễn ra tại lớp học vùng An- dát ở Pháp, sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, nước Pháp phải cắt vùng đất An- dát cho nước Phổ.

- **Xuất xứ:** in trong quyển 3 tuyển tập truyện ngắn chọn lọc “Những vì sao” 1873

- **Thể loại:** truyện ngắn

- **Nhân vật chính:** Cậu bé Phrăng

- **Ngôi kể:** ngôi thứ nhất

- **Bố cục:** 3 phần:

+ P1: Từ đầu tới mà vắng mặt em: Quang cảnh từ nhà đến trường dưới con mắt quan sát của Phrăng

+ P2: Tiếp ◇ cuối cùng này:

Diễn biến buổi học cuối cùng

+ P3: Còn lại: Cảnh kết thúc buổi học

đọc. 2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). HS: - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	
II. Suy ngẫm và phản hồi	
1. Nhan đề của văn bản	
Mục tiêu: Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản Nội dung: GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân GV hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Không khí buổi học có gì đặc biệt? ? Những điều khác lạ đó báo hiệu điều gì? B3: Báo cáo thảo luận GV yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản. HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS - Chốt nội dung (sản phẩm). - Chuyển dẫn sang nội dung sau.	Tên truyện: “ Buổi học cuối cùng”: buổi học cuối cùng được học bằng tiếng Pháp và không còn buổi học nào như thế nữa. → Gợi sự tiếc nuối, xót xa
2. Nhân vật Phrăng	
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [7] Nội dung: HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	a. Trước giờ học

- Chia nhóm lớp.
- Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2

- Thời gian: 7 phút

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS

- Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).
- Đọc đoạn văn:

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.
- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS.
- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.

- Định trốn nhưng cưỡng lại được
- Trên đường đến trường thấy nhiều người tập trung trước trụ sở xã
- Khi tới lớp thấy thầy Ha men không mặc lễ phục, không trách mắng, cuối lớp cả dân làng ngồi dự, không khí buổi học yên ắng, khác thường

-> **Tâm trạng lo sợ, ngạc nhiên.**

b. Trong giờ học

- Khi biết đây là buổi học cuối cùng -> Choáng váng,
- Tự giận chính mình đã lười học, ham chơi-> ân hận, tiếc nuối
- Coi sách như người bạn cố tri-> đau lòng vì phải giã từ.
- Không thuộc bài -> xấu hổ
- Thăm thía lời thầy, chăm chú nghe giảng, kinh ngạc vì hiểu bài

c. Kết thúc buổi học:

Cảm phục, nhận ra tình cảm của thầy đối với học sinh, với ngôn ngữ dân tộc và biết ơn thầy.

-> **NT: miêu tả tâm lí độc đáo**

-> **NX: Phrăng là 1 cậu bé hồn nhiên, ham chơi nhưng cũng rất nhạy cảm, tinh tế. Yêu tiếng Pháp, yêu kính thầy.**

3. Nhân vật thầy Ha- men

Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [8]

Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nhân vật thầy Ha-men: HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện

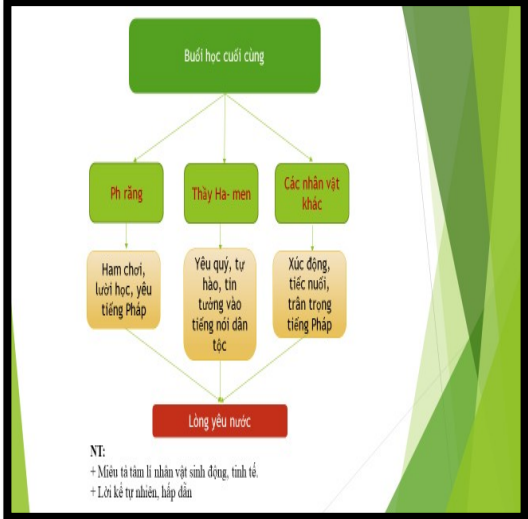
Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Thầy Ha- men được miêu tả qua những

- **Trang phục:** Thầy mặc áo rơ phanh gót màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp

phương diện nào? Qua đó em cảm nhận thầy là người như thế nào? Yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu học tập PHIẾU HỌC TẬP: Nhân vật thầy Ha- men <table><tr><th>Trang phục</th><th>Thái độ với học sinh</th><th>Lời nói về tiếng Pháp</th><th>Hành động cuối buổi học.</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				Trang phục	Thái độ với học sinh	Lời nói về tiếng Pháp	Hành động cuối buổi học.													mịn, đội mũ tròn bằng lụa đen thêu -> đẹp và trang trọng - Thái độ đối với học sinh: + lời lẽ nhẹ nhàng , nhắc nhở + nhiệt tình và kiên nhẫn, ân cần giảng bài như muốn truyền hết hiểu biết của mình cho học sinh -> dịu dàng, yêu thương học sinh - Lời nói về việc học tiếng Pháp: “đó là ngôn ngữ hay nhất, trong sáng nhất, vững vàng nhất, phải giữ lấy nó, đừng bao giờ quên nó....” -> <i>Hình ảnh so sánh khẳng định giá trị thiêng liêng và sức mạnh to lớn của tiếng nói dân tộc trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền độc lập, tự do-> ca tụng, tôn vinh</i> - Hành động , cử chỉ lúc buổi học kết thúc: + xúc động, nghẹn ngào, không nói nên câu + người tái nhợt + dẫn từng nét chữ: “ NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM”. -> <i>Hành động đau đớn, xúc động</i> -> NT: so sánh, miêu tả nhân vật -> ND: Thầy là người yêu nghề dạy học, yêu tiếng mẹ đẻ, yêu nước sâu sắc.
Trang phục	Thái độ với học sinh	Lời nói về tiếng Pháp	Hành động cuối buổi học.																	
Các nhân vật khác trong lớp có tâm trạng như thế nào?				3. Các nhân vật khác - Dân làng ngồi phía cuối lớp lặng lẽ và buồn rầu - Cụ già Hode nâng niu quyển tập đánh vần, tập đọc theo lũ trẻ, giọng run run - Học trò chăm chú nghe giảng,cặm cụi tập viết, muốn khóc -> Xúc động, nuối tiếc.																
III. TỔNG KẾT (...)																				
Mục tiêu: [1]; [2]; [8] Nội dung: - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản... - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.																				

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: Tổng kết nội dung văn bản bằng sơ đồ tư duy ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm tự sự? Đặc biệt là khi đi tìm hiểu nhân vật? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide	

3. HĐ 3: Luyện tập (16')

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** GV tổ chức trò chơi hộp quà may mắn

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Giáo viên chiếu hộp quà chứa câu hỏi

Câu 1: Nội dung chính của truyện : “ Buổi học cuối cùng” là gì?

- **Truyện ca ngợi lòng yêu nước qua tiếng nói dân tộc.**

Câu 2: Từ còn thiếu trong câu sau là gì?

“ Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình , thì chẳng khác gì nằm được.... chốn lao tù.”

- **Từ : “ chìa khóa”**

Câu 3: Đây là buổi học cuối cùng ở vùng nào nước Pháp?

- **Vùng An- dát**

Câu 4: Truyện buổi học cuối cùng sử dụng ngôi kể nào?

- **Ngôi thứ 1**

Câu 5: Nhân vật thầy Ha- men và Phrang được miêu tả qua yếu tố nào?

- **Ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng**

Nhiệm vụ 2: Yêu cầu viết đoạn văn :

Viết đoạn văn khoảng 8 câu nêu cảm nghĩ về nhân vật em yêu thích trong truyện?

Gợi ý:

- **Về hình thức:**

+ đúng bố cục đoạn văn

+ đảm bảo số lượng câu theo yêu cầu

- **Về nội dung:**

+ Mở đoạn: giới thiệu nhân vật(trong tác phẩm nào? Tác giả nào?)

+ Thân đoạn: Nêu cảm nghĩ về trang phục, hành động, cử chỉ, lời nói, thái độ....

+ Kết đoạn: Đánh giá về nhân vật.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu hộp quà

HS: Đọc yêu cầu của câu hỏi và trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Học sinh phát biểu suy nghĩ về tiếng Việt?

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Em hãy phát biểu cảm nghĩ về tiếng mẹ đẻ của dân tộc Việt Nam?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS phát biểu cảm nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...

* **Dặn dò:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài mới.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: NGÔN NGỮ CÁC VÙNG MIỀN

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

- Hiểu được đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng của ngôn ngữ các vùng miền khác nhau
- Biết sử dụng ngôn ngữ các vùng miền đúng hoàn cảnh giao tiếp

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.
- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

II. Thiết bị và học liệu

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức ngữ văn, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi: ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

Dự kiến câu trả lời:

Tên sự vật	(Dự kiến) Tên gọi ở địa phương miền Nam
Hình 1: Quả dứa	Trái thơm
Hình 2: Cái bát (ăn cơm)	Cái chén
Hình 3: Cái mũ	Cái nón
Hình 4: Bắp ngô	Trái bắp
Hình 5: Quả roi	Trái mận

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phổ biến luật chơi: Có 5 bức tranh, HS quan sát tranh để trả lời nội dung các bức tranh trong ảnh. Nếu HS trả lời sai, HS khác có quyền trả lời.

Câu hỏi: HS quan sát tranh, bằng sự hiểu biết của mình em hãy cho biết sự vật được thể hiện trong bức tranh, ở địa phương miền Nam sự vật ấy được gọi là gì?

Tên sự vật
Hình 1: Quả dưa
Hình 2: Cái bát (ăn cơm)
Hình 3: Cái mũ
Hình 4: Bắp ngô
Hình 5: Quả roi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát tranh để nhận biết các sự vật trong tranh.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS phát biểu. Trình bày ý kiến

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS. Dẫn dắt vào bài.

GV kết nối vào tiết học: Các em thân mến, chúng ta có thể thấy ngôn ngữ các vùng miền rất đa dạng, góp phần làm nên sự giàu đẹp của Tiếng Việt. Tiết học hôm nay cô và các em cùng tìm hiểu phần thực hành tiếng việt: Ngôn ngữ các vùng miền.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**2.1. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

a. Mục tiêu: HS hiểu được đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng của ngôn ngữ các vùng miền khác nhau.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm dự án học tập của nhóm

c. Sản phẩm: Sản phẩm dự án học tập của HS.(Sơ đồ tư duy, bài thuyết trình,...)

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm									
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV chia 3 nhóm, đọc phần KT ngữ văn trang 14 để hoàn thành phiếu học tập: (HS chuẩn bị ở nhà) <table><tr><th colspan="3">Ngôn ngữ các vùng miền</th></tr><tr><td>Đặc điểm</td><td>Tác dụng</td><td>Cách sử dụng</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>....</td></tr></table> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày sản phẩm chuẩn bị của nhóm bằng sơ đồ tư duy hoặc bằng bảng nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. + Nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung	Ngôn ngữ các vùng miền			Đặc điểm	Tác dụng	Cách sử dụng				I. Tri thức ngữ văn
Ngôn ngữ các vùng miền										
Đặc điểm	Tác dụng	Cách sử dụng								
.....										

nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.		
Ngôn ngữ các vùng miền		
Đặc điểm	Tác dụng	Cách sử dụng
- Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các mặt ngữ âm và từ vựng: + Đa dạng về ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. + Đa dạng về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương).	- Dùng để phản ánh cách nói của nhân vật, của người dân ở địa phương khác nhau. - Tạo sắc thái thân mật, gần gũi phù hợp với hoàn cảnh của nhân vật. Tô đậm tính chất địa phương.	- Việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cần có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng các tri thức ngữ văn vào thực hành các bài tập và thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phiếu học tập.

Dự kiến SP:

Phiếu học tập số 1

Câu	Từ	Nghĩa	Phạm vi sử dụng	Tác dụng
1.a	Tía	Cha	Miền Nam	Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm.
1.b	Má	Mẹ	Miền Nam	Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm.
1.c	Giùm/qua	Giúp / anh	Miền Nam	Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm.
1.d	Bả	Bà	Miền Nam	Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm.
2.b	Ni	Này	Miền Trung	nt
2.c	Mi / Dớ dận	Mày / Vớ vẩn	Miền Trung	nt

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS					Dự kiến sản phẩm																				
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1,2 SGK GV cho lớp hoạt động cá nhân hoàn thành phiếu học tập số 1. Phiếu học tập số 1 <table><tr><th>Câu</th><th>Từ</th><th>Nghĩa</th><th>Phạm vi sử dụng</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>1.a</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>1.b</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr></table> ? Tìm một số từ ngữ sử dụng ở địa phương em? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành phiếu học tập cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện HS trình bày câu trả lời + HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Gv cho HS chấm chéo bài của nhau (dựa vào bảng kiểm)					Câu	Từ	Nghĩa	Phạm vi sử dụng	Tác dụng	1.a					1.b					...	...	...	...	...	II. Luyện tập 1. Bài tập 1,2
Câu	Từ	Nghĩa	Phạm vi sử dụng	Tác dụng																					
1.a																									
1.b																									
...	...	...	...	...																					
Bảng kiểm chấm điểm <table><tr><th colspan="2">Nội dung chấm điểm</th><th>Điểm đạt được</th></tr><tr><td colspan="2">Xác định được từ và giải nghĩa đúng các từ địa phương trong mỗi ví dụ. Mỗi từ đúng được 1.0đ</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">Xác định đúng phạm vi sử dụng. 2.0đ</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">Nêu đúng tác dụng. Mỗi ví dụ đúng được 2.0đ</td><td></td></tr></table>						Nội dung chấm điểm		Điểm đạt được	Xác định được từ và giải nghĩa đúng các từ địa phương trong mỗi ví dụ. Mỗi từ đúng được 1.0đ			Xác định đúng phạm vi sử dụng. 2.0đ			Nêu đúng tác dụng. Mỗi ví dụ đúng được 2.0đ										
Nội dung chấm điểm		Điểm đạt được																							
Xác định được từ và giải nghĩa đúng các từ địa phương trong mỗi ví dụ. Mỗi từ đúng được 1.0đ																									
Xác định đúng phạm vi sử dụng. 2.0đ																									
Nêu đúng tác dụng. Mỗi ví dụ đúng được 2.0đ																									
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3 SGK			2. Bài tập 3 BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ																						

GV chia lớp thành 2 đội tham gia phần thi tiếp sức với 2 vòng thi: Vòng 1: Mỗi đội 3 (hoặc 4) bạn tham gia thực hiện nhiệm vụ a của BT3: Trong thời gian 1 phút viết các từ có tiếng chứa phụ âm đầu là l, n, v . Mỗi bạn HS được viết 1 từ, lần lượt xoay vòng đến các bạn còn lại cho đến khi hết giờ. Hết thời gian, đội nào viết đúng và nhiều hơn sẽ chiến thắng. Vòng 2: Mỗi đội 3 (hoặc 4) bạn tham gia thực hiện nhiệm vụ c của BT3: Trong thời gian 1 phút viết các từ các thanh hỏi, thanh ngã . Mỗi bạn HS được viết 1 từ, lần lượt xoay vòng đến các bạn còn lại cho đến khi hết giờ. Hết thời gian, đội nào viết đúng và nhiều hơn sẽ chiến thắng. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện trò chơi Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện HS kiểm tra kết quả các đội Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Cho điểm	P.âm đầu l	P.âm đầu n	P.âm đầu v					
	lo lắng, lạnh lùng, lặc lè, lung lay, lạ lẫm, lạc lõng,..	no nê, nao núng, nói năng, nôn nóng, nôn nao,...	vội vàng, vắng vẻ, vội vã, vui vẻ, vênh váo, ví von,...					
	<table><tr><th colspan="2">BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ</th></tr><tr><th>Thanh hỏi</th><th>Thanh ngã</th></tr><tr><td>Tỉ mỉ, nghỉ ngơi, chém chả, rủ rỉ, ...</td><td>ngĩ ngơi, mĩ mẫn, lũ lụt, xử lí,...</td></tr></table>			BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ		Thanh hỏi	Thanh ngã	Tỉ mỉ, nghỉ ngơi, chém chả, rủ rỉ, ...
BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ								
Thanh hỏi	Thanh ngã							
Tỉ mỉ, nghỉ ngơi, chém chả, rủ rỉ, ...	ngĩ ngơi, mĩ mẫn, lũ lụt, xử lí,...							
Nhiệm vụ 2: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV chiếu đoạn thơ: Gọi HS đọc chuẩn chính tả đoạn thơ đó: Lúa nếp là lúa nếp làng Lúa lên lớp lớp lòng nàng lâng lâng Lúa nếp là lúa nếp làng Lúa lên lớp lớp làm lợn no nê. Lên núi lấy lá non về làm nón lá. Lúa nếp là lúa nếp non Lúa lên lá non lá non non nà.								

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát đoạn thơ Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện HS đọc các đoạn thơ + HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, nhận xét cách đọc. Chấm điểm.	
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4 SGK: Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc. - Hình thức: Đoạn văn, đủ số câu quy định, đúng chính tả, ngôn từ trong sáng. - Nội dung: Tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.(Người đàn ông cô độc giữa rừng; Dọc đường sứ Nghệ) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS dựa vào các văn bản đã học để tìm ý viết đoạn văn đúng yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện HS đọc đoạn văn của mình. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	3. Bài tập 4

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung: HS tìm hiểu từ ngữ sử dụng ở địa phương mình

c. Sản phẩm: Sổ tay cá nhân có các từ địa phương

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

? Sưu tầm các từ địa phương được sử dụng ở địa phương em. Cho biết các từ toàn dân tương ứng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS sưu tầm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Trình bày trước lớp các từ ngữ đã sưu tầm được (Tiết học sau)

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức: GV nhận xét, cho điểm phần sưu tầm của HS (giờ học sau)

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản:

ĐỌC ĐƯỜNG XỨ NGHỆ(Trích *Búp sen xanh*)

Sơn Tùng

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)**1. Về kiến thức:**

- + Tri thức về thể loại tiểu thuyết lịch sử (bối cảnh, đề tài, nhân vật, các sự kiện...); nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản.
- + Bối cảnh xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX và gia cảnh thuở nhỏ của Bác Hồ.
- + Tấm lòng của nhà văn đối với lãnh tụ và đất nước.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, từ ngữ địa phương..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) được thể hiện trong văn bản.
- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản và tác dụng, ý nghĩa của những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.
- Phân tích được nhân vật, chi tiết, tình huống trong văn bản.
- Viết được đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng, tự hào, kính yêu và biết ơn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Sống có trách nhiệm với quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu, giấy A0, ...**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...**PHIẾU HỌC TẬP**

Đọc kĩ văn bản và câu hỏi 2,3 cuối bài để hoàn thành phiếu học tập sau:

CHÂN DUNG NHÂN VẬT CÔN VÀ QUAN PHÓ BẢNG

		Quan Phó bảng Sắc	Cậu bé Côn
Lời nói, hành động			
Tính cách, phẩm chất của nhân vật			
Nhận xét chung	<i>Cách kể chuyện</i>		
	<i>Tình</i>		

	<i>cảm, thái độ của tác giả</i>	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu.

- a. *Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức đã chuẩn bị bài vào nội dung của bài học.
- b. *Nội dung:* Giáo viên chia sẻ cho HS theo dõi video bài hát về Bác & nêu yêu cầu. HS thực hiện theo y/c.
- c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh.
- d. *Tổ chức thực hiện:*

B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV chiếu video bài hát “Người về thăm quê” của nhạc sĩ Thuận Yến và giao nhiệm vụ cho HS.
- 1, Em cảm nhận được điều gì về chân dung Bác Hồ được gợi ra từ những lời ca và giai điệu của ca khúc?
- 2, Chia sẻ những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Suy nghĩ cá nhân.
- Gv: theo dõi, khích lệ học sinh làm việc tích cực.

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV: tổ chức cho hs chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- HS trả lời câu hỏi.

B 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- a. *Mục tiêu:* HS nêu được những nét chính về nhà văn Sơn Tùng và đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật vb “ Dọc đường xứ Nghệ”.
- b. *Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh trình bày sản phẩm đã tìm hiểu về tác giả, tác phẩm; cách đọc văn bản và thực hiện kĩ thuật chỉ huy để đọc văn bản.
- c. *Sản phẩm:* Các phiếu học tập, sơ đồ tư duy của HS.
- d. *Tổ chức thực hiện:*

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung về TG, TP. Bước 1: G/v chuyển giao n/v: 1, Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về những hiểu biết chung về tác giả và tác phẩm (thể loại, ngôi kể, nv chính) ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + H/s: làm việc cá nhân hoàn thành sản phẩm tr ở nhà. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày, HS khác nhận xét đánh giá. + Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần. Nhiệm vụ 2: Đọc và tóm tắt VB. Bước 1: G/v chuyển giao n/v. Lớp phó học tập thực hiện kĩ thuật chỉ huy: điều hành lớp đọc và tìm hiểu về bối cảnh chung	I. Đọc và tìm hiểu chung: 1. Tác giả và tác phẩm Búp sen xanh <i>a. Tác giả:</i> - Tên thật là Bùi Sơn Tùng - Sinh năm 1928 tại Nghệ An, mất ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Hà Nội. - Ông tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ; trực tiếp chiến đấu trên các chiến trường từ Bắc vào Nam. - Ông sớm có ý tưởng sưu tầm tìm hiểu những tư liệu về cuộc đời, gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh để viết sách lưu lại cho thế hệ sau - Là nhà văn Việt Nam với nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh và các danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa Việt Nam, Tác phẩm tiêu biểu nhất là tiểu thuyết Búp sen xanh viết về cuộc đời Hồ Chí Minh. <i>b. Tác phẩm Búp sen xanh:</i> - Hoàn cảnh sáng tác: + TP được nhà văn sưu tầm tư liệu và thai nghén suốt hơn 30 năm. Hoàn thành năm 1981 + Xuất bản lần đầu năm 1982 tại NXB Kim Đồng - Thể loại: Tiểu thuyết lịch sử - Ngôi kể: Ngôi 3 → Tác dụng: kể khách quan, linh hoạt những sự việc và kết hợp miêu tả, biểu cảm hợp lí. - Nội dung: TP viết về Bác Hồ từ khi còn nhỏ đến khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911) → Là tác phẩm văn học đầu tiên viết về những năm tháng tuổi thơ của Bác Hồ. 2. Văn bản Đọc đường xứ Nghệ. <i>a. Đọc và tóm tắt.</i> * Đọc:

diễn ra sự việc, nhân vật, nội dung chính trong văn bản.

Lớp phó, cả lớp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ H/s: Thực hiện nhiệm vụ theo sự điều hành của lớp phó.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS khác nhận xét đánh giá.

+ Giáo viên: điều hành quá trình học sinh thực hiện, chỉnh sửa, uốn nắn

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.

Chuẩn lại một số kiến thức cơ bản.

*** Tóm tắt:**

- Trên đường cùng cha và anh qua địa phận Diên Châu, cậu bé Côn hỏi cha về ngôi đền thờ Thục Phán và được cha kể cho nghe câu chuyện về My Châu – Trọng Thủy. Nghe xong cậu cảm kích trước cách vua Thục chém con rồi tự vẫn để giữ trọn chữ tín.

- Quan Phó bảng Sắc còn kể cho con nghe câu chuyện người xưa lí giải về hình dáng núi Hai Vai, núi Trống Thùng, núi Cờ Rách làm cậu bé Côn thêm thấm thía khát vọng của cha ông xưa.

- Khi đi qua đền Quả Sơn, cậu bé Côn rất thắc mắc về sự uy nghi của ngôi đền và công trạng của vị quan được thờ. Ông Sắc đã kể lại cho các con nghe công trạng của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang giúp con không chỉ biết rõ hơn về vị tướng mà còn hiểu ra ý nghĩa sâu xa trong câu về dân gian bà ngoại từng đọc cho nghe.

- Hai anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua nhiều nơi có phong cảnh đẹp, những di tích lịch sử của Nghệ An rồi qua Hà Tĩnh, thăm mộ cụ Nguyễn Du. Côn tần ngần không hiểu vì sao người tài thơ văn như vậy mà không được lập đền thờ, còn kẻ ăn trộm bị đánh chết thì lại có miếu thờ thật trang nghiêm...

*** Một số từ ngữ cần chú ý:**

- Các từ ngữ cuối các trang văn bản.

- Một số danh từ riêng về các địa danh:

b. Tìm hiểu chung

*** Bối cảnh:**

*** Nhân vật chính:** Cha con cụ Nguyễn Sinh Sắc.

Lưu ý: Đây là đoạn trích trong tiểu thuyết văn học có yếu tố lịch sử, không phải văn bản lịch sử thuần túy nên nhân vật được xây dựng theo góc nhìn chủ quan của tác giả.

*** Nội dung chính:**

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật Côn và người cha trên hành trình dọc đường xứ Nghệ

B 1: Chuyển giao nhiệm vụ

1, Xem lại, hoàn chỉnh sản phẩm PHT cá nhân đã chuẩn bị.

2, Trao đổi cặp đôi về nội dung PHT, chú ý phần **Nhận xét chung**

3, Báo cáo sản phẩm của cặp.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi theo hướng dẫn.

- GV theo dõi, quan sát, gợi ý

B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Hs trình bày, hs khác nhận xét.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức

+ Hs điều chỉnh sản phẩm (nếu cần)

Vb kể lại hành trình quan Phó bảng Sắc dẫn hai người con trai đi thăm bạn bè họ hàng dọc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh sau khi thi đỗ Phó bảng với cuộc trò chuyện về thiên nhiên, con người, văn hoá của dải đất Miền Trung.

II. Đọc - hiểu chi tiết văn bản.

1. Anh em Côn và cha trên hành trình dọc đường xứ Nghệ.

a. Quan Phó bảng Sắc.

- Dẫn 2 con đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Kể cho con nghe những truyền thuyết My Châu - Trọng Thủy; về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang...

- Lí giải cặn kẽ cho các con về tên núi Trống Thùng, núi Hai Vai, núi Cờ Rách...

- Giải thích cho Côn những thắc mắc về những nơi 3 cha con đi qua

➔ **Tính cách:**

- Quan Phó bảng Sắc là người am hiểu về thiên nhiên, con người, những truyền thống văn hoá, lịch sử của quê hương.

- Ông có cách dạy con những đạo lí rất nhẹ nhàng mà sâu sắc: thông qua những chuyến đi, những câu chuyện về tên đất, tên người, ông để cho con trực tiếp trải nghiệm và thấm thía những bài học làm người.

b. Cậu bé Côn

- Tần ngần nhìn ngôi đền cổ kính, mong được cha chỉ bảo về sự tích ngôi đền và những ngọn núi...

- Nghe chuyện My Châu – Trọng Thủy: cậu bé nhận ra sự nham hiểm của vua Triệu, sự mất cảnh giác của cha con vua Thục Phán và My Châu; em trân trọng khí tiết của vua Thục khi quyết không để rơi vào tay giặc

	- Nghe cha kể chuyện về các hòn núi: Côn cảm phục sự tưởng tượng và ước vọng của người xưa gửi gắm trong câu chuyện. - Được cha giải thích về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang, cậu bé Côn hiểu ra được, chốn quan trường có người xấu nhưng cũng nhiều vị rất tốt, có công lớn với nhân dân và được nhân dân ghi nhớ... - Côn thắc mắc không hiểu vì sao người học rộng, văn hay như Nguyễn Du khi chết đi chỉ có nấm mồ nhỏ mà kẻ ăn trộm lại được lập miếu thờ → Tính cách, phẩm chất: - Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng cậu bé Côn rất ham học hỏi: Vừa đi theo cha và anh, em vừa quan sát, tưởng tượng về cảnh sắc thiên nhiên, vừa ghi nhớ từng địa điểm và có câu hỏi để hiểu thấu đáo về lịch sử, văn hoá. - Em còn có những cảm nhận tinh tế, có suy ngẫm và lí giải sâu sắc, thấu đáo trước những câu chuyện cha kể. - Cậu bé Côn còn sớm có ý thức trân trọng truyền thống văn hoá và những đạo lí của con người. → Đó chính là những biểu hiện của một con người sớm có lòng yêu nước sâu sắc. c. Nhận xét chung <i>* Cách kể chuyện</i> - Sử dụng ngôi kể thứ 3 để kể linh hoạt dẫn dắt hợp lí, hấp dẫn. - Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại; qua suy nghĩ và lời nói. - Sử dụng thủ pháp truyện lồng trong truyện hợp lí. <i>* Tình cảm, thái độ của tác giả</i> - Có sự am hiểu về thiên nhiên và con người, văn

Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu về thiên nhiên và con người dọc đường xứ Nghệ.

Bước 1: Chuyển giao n/ vụ:

1, Tìm chi tiết trong văn bản tác giả tái hiện thiên nhiên xứ Nghệ?

2. Qua nội dung cuộc trò chuyện của hai anh em Khiêm, Côn với cha, em có cảm nhận và suy nghĩ như thế nào về con người và văn hoá của vùng đất xứ Nghệ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ H/s: Trả lời câu hỏi.

+ Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét đánh giá.

+ Gv: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức

hoá xứ Nghệ.

- Hiểu và trân trọng vốn hiểu biết và phẩm chất cao đẹp của quan Phó bảng.
- Khẳng định, đề cao vẻ đẹp nhân cách của cậu bé Côn.

2. Thiên nhiên, con người, văn hoá dọc đường xứ Nghệ.

- Thiên nhiên, mây trời đẹp như bức tranh gấm thêu; dãy núi xa xa rất nhiều hình nhiều vẻ..; núi non biêng biếc trải tận chân trời xa...; núi Hai Vai, núi Trống Thùng, núi Cờ Rách..

→ Dáng núi non thường thể hiện khát vọng của con người...

- Vùng đất xứ Nghệ là mảnh đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống lịch sử văn hoá, con người giàu khát vọng xây dựng và bảo vệ quê hương.

III. Tổng kết :

1. Nghệ thuật:

- Sử dụng ngôi kể thứ ba với các tình tiết, diễn biến hợp lí.

- Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại, hành động, suy nghĩ giúp nhân vật hiện lên sinh động, chân thực, có chiều sâu.

Nhiệm vụ 6: Khái quát những nét chính về ND và NT của VB. B 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhận xét khái quát về nghệ thuật và nội dung ý nghĩa của văn bản?</i> B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lv cá nhân, trình bày theo ý hiểu. - GV theo dõi, quan sát. B 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Hs trình bày, hs khác nhận xét. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B 4: Đánh giá - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn kiến thức. Hs điều chỉnh sp nếu cần	- Kết hợp kể, tả và bộc lộ cảm xúc suy nghĩ → Giúp câu chuyện hấp dẫn, gửi gắm nhiều thông điệp ý nghĩa. 2. Nội dung: - Văn bản kể lại hành trình anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua những nơi của Nghệ An, Hà Tĩnh. - Qua đó, tác giả tái hiện sinh động chân thực chân dung cậu bé Côn với những quan sát tinh tế, tâm hồn nhạy cảm và suy nghĩ sâu sắc trước mọi cảnh sắc và câu chuyện trong cuộc sống; đồng thời phần nào giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương, cách dạy đạo lí của Quan Phó bảng Sắc với các con và tấm lòng của ông với quê hương mình - VB cũng thể hiện thái độ ngợi ca, trân trọng và biết ơn của tác giả với những vẻ đẹp và giá trị lịch sử văn hoá của vùng đất xứ Nghệ nói riêng và của cả dân tộc nói chung.

Hoạt động luyện tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Chi tiết, hình ảnh nào trong truyện khiến em có cảm xúc nhất? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh báo cáo. HS khác nhận xét.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Hoạt động Vận dụng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- + Viết đoạn văn 7-10 câu nêu cảm nhận của em về nhân vật Côn trong truyện.
- + Vẽ tranh minh họa một chi tiết/ sự việc trong văn bản..

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo vào giờ sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét ý thức học của HS.

***Hướng dẫn học bài.**

- Tìm đọc “*Búp sen xanh*” và những tư liệu về tuổi thơ của Bác
- Chuẩn bị bài mới: *Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.*

Phụ lục 1: Sản phẩm dự kiến cho hoạt động 3.

CHÂN DUNG NHÂN VẬT CÔN VÀ QUAN PHÓ BẢNG

	Quan Phó bảng Sắc	Cậu bé Côn
Lời nói, hành động, suy nghĩ.	- Dẫn 2 con đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An, Hà Tĩnh. - Kể cho con nghe những truyền thuyết My Châu - Trọng Thủy; về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang... - Lí giải cặn kẽ cho các con về tên núi Trống Thùng, núi Hai Vai, núi Cờ Rách... - Giải thích cho Côn những thắc mắc về những nơi 3 cha con đi qua 	- Tần ngần nhìn ngôi đền cổ kính, mong được cha chỉ bảo về sự tích ngôi đền và những ngọn núi... - Nghe chuyện My Châu – Trọng Thủy: cậu bé nhận ra sự nham hiểm của vua Triệu, sự mất cảnh giác của cha con vua Thục Phán và My Châu; em trân trọng khí tiết của vua Thục khi quyết không để rơi vào tay giặc - Nghe cha kể chuyện về các hòn núi: Côn cảm phục sự tưởng tượng và ước vọng của người xưa gửi gắm trong câu chuyện. - Được cha giải thích về công lao của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang, cậu bé Côn hiểu ra được, chốn quan trường có người xấu nhưng cũng nhiều vị rất tốt, có công lớn với nhân dân và được nhân dân ghi nhớ... - Côn thắc mắc không hiểu vì sao người

		học rộng, văn hay như Nguyễn Du khi chết đi chỉ có năm mồ nhỏ mà kẻ ăn trộm lại được lập miếu thờ ...
Tính cách, phẩm chất của nhân vật	- Quan Phó bảng Sắc là người am hiểu về thiên nhiên, con người, những truyền thống văn hoá, lịch sử của quê hương. - Ông có cách dạy con những đạo lí rất nhẹ nhàng mà sâu sắc: thông qua những chuyến đi, những câu chuyện về tên đất, tên người, ông để cho con trực tiếp trải nghiệm và thấm thía những bài học làm người.	- Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng cậu bé Côn rất ham học hỏi: Vừa đi theo cha và anh, em vừa quan sát, tưởng tượng về cảnh sắc thiên nhiên, vừa ghi nhớ từng địa điểm và có câu hỏi để hiểu thấu đáo về lịch sử, văn hoá. - Em còn có những cảm nhận tinh tế, có suy ngẫm và lí giải sâu sắc, thấu đáo trước những câu chuyện cha kể. - Cậu bé Côn còn sớm có ý thức trân trọng truyền thống văn hoá và những đạo lí của con người. → Đó chính là những biểu hiện của một con người yêu nước sâu sắc
Nhận xét chung	<i>Cách kể chuyện</i>	- Sử dụng ngôi kể thứ 3 để kể linh hoạt dẫn dắt hợp lí, hấp dẫn. - Xây dựng nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại; qua suy nghĩ và lời nói. - Sử dụng thủ pháp truyện lồng trong truyện hợp lí
	<i>Tình cảm, thái độ của tác giả</i>	- Có sự am hiểu về thiên nhiên và con người, văn hoá xứ Nghệ. - Hiểu và trân trọng vốn hiểu biết và phẩm chất cao đẹp của quan Phó bảng. - Khẳng định, đề cao vẻ đẹp nhân cách của cậu bé Côn.

KẾ HOẠCH DẠY THỰC HÀNH VIẾT VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Xác định đối tượng biểu cảm.
- Các bước chuẩn bị trước khi viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.
- Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.
- Trình bày cảm xúc, tình cảm về một con người hoặc sự việc.

2. Năng lực

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.
- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong người viết (Đặc điểm nổi bật nào của con người về ngoại hình, tính cách... Sự việc đó diễn ra trong không gian, thời gian nào? Những ai tham gia sự việc và học đã làm gì?)
- Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến (yêu mến, kính trọng, biết ơn với người đó... xúc động, khó quên... đối với sự việc đó).
- Biết các sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc (Những biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, từ láy tượng hình, tượng thanh, câu cảm thán...)
- Viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

3. Phẩm chất

- Yêu mến, quý trọng những người xung quanh.
- Tự hào, trân trọng những sự việc đã diễn ra.
- Bồi đắp thêm tình yêu gia đình, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, sơ đồ tư duy.
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học sinh:

- Soạn bài.
- Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a) *Mục tiêu:* Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh, kích thích sự tìm tòi khám phá của HS về bài mới

b) *Nội dung:* GV tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share”

c) *Sản phẩm:* Chia sẻ cảm xúc của HS

d) *Tổ chức hoạt động:*

Tổ chức hoạt động	
HOẠT ĐỘNG “THINK – PAIR – SHARE”	
Chuyển giao nhiệm vụ	- GV tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share” ? <i>Note lại cảm nhận của em về những hình ảnh và sự việc sau?</i> - HS tiếp nhận, quan sát hình ảnh và sự việc.
Thực hiện nhiệm vụ	- GV: + Chiếu 1 số hình ảnh và sự việc lên máy chiếu. + Yêu cầu HS viết cảm nhận của mình về những hình ảnh và sự việc vừa quan sát vào giấy Note. - HS sau khi quan sát: + Think: Suy nghĩ và note lại suy nghĩ của bản thân về hình ảnh và sự việc GV chiếu trên máy chiếu. + Pair: Trao đổi giấy Note cho bạn cùng bàn. + Share: Chia sẻ với cả lớp cảm nhận - HS quan sát và note lại cảm xúc - GV theo dõi, quan sát HS
Báo cáo thảo luận	- HS chia sẻ cảm xúc của bản thân. - GV lắng nghe và trao đổi lại cảm xúc của mình về những cảm xúc của HS.
Đánh giá kết quả	- GV chia sẻ với HS rồi vào bài - HS viết tên đầu bài vào vở

=> **GV chuyển ý:** Trong cuộc sống có những con người, những sự việc để lại cho em những ấn tượng không thể phai mờ. Vậy hãy chia sẻ cùng cả lớp về những suy nghĩ, tình cảm của bản thân về những con người, sự việc em thấy trong cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) *Mục tiêu:* Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở hoạt động khởi động.

b) **Nội dung:** Tổ chức các hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm nhằm giúp HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

c) **Sản phẩm:** Bài văn biểu cảm và câu trả lời của HS, nhóm HS.

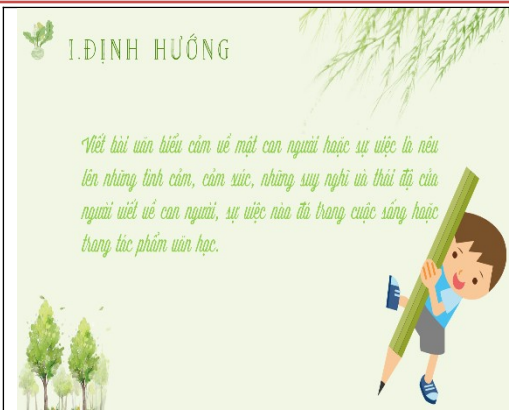
d) **Tổ chức học**



I. ĐỊNH HƯỚNG

HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI

Chuyển giao nhiệm vụ	- GV chuyển giao nhiệm vụ cặp đôi thông qua phiếu học tập: (1) Kiểu bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên điều gì? (2) Để viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc em cần chú ý điều gì? (3) Trong phần thực hành để viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc cần thực hiện mấy bước đó là những bước nào? - HS tiếp nhận
Thực hiện nhiệm vụ	- GV yêu cầu HS bắt cặp và hoạt động nhóm cặp đôi. - HS bắt cặp và cùng nhau hoàn thành PHT.
Báo cáo thảo luận	- GV tổ chức cho các nhóm cặp đôi trình bày sản phẩm. - HS cử đại diện nhóm hoặc luân phiên 2 thành viên trong nhóm trình bày sản phẩm thảo luận. * Dự kiến sản phẩm: (1) Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về con người, sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học. (2) Để viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc, các em cần chú ý: - Xác định đối tượng biểu cảm: Con người, sự việc em định viết bài văn biểu cảm là ai hay là gì? Đó là một con người, một sự việc trong đời sống hay trong tác phẩm văn học? - Suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Con người hoặc sự việc ấy gợi cho em những cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học gì? - Lập dàn ý cho bài viết. - Viết bài văn theo một dàn ý hợp lý; nêu lên những tình cảm, cảm xúc và những suy nghĩ, thái độ của em một cách trung thực.

	(3) Các bước để viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc: - B1: Chuẩn bị - B2: Tìm ý và lập dàn ý - B3: Viết bài - B4: Kiểm tra và chỉnh sửa
Đánh giá kết quả	- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau - Giáo viên nhận xét, đánh giá
Dự kiến ghi bảng	 

=> **GV bổ sung, chuyển ý:** Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về con người, sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học. Vậy để thực hành viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc ta thực hiện 4 bước chuẩn bị - tìm ý và lập dàn ý – viết bài – kiểm tra và chỉnh sửa. Cùng thực hành để tạo ra 1 văn bản biểu cảm hoàn chỉnh về một con người hoặc sự việc.

II. THỰC HÀNH

Chuyển giao nhiệm vụ	HOẠT ĐỘNG NHÓM - GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm từ 6-8 HS - GV chuyển giao nhiệm vụ bằng phiếu học tập - HS cử đại diện nhóm bốc phiếu học tập cho nhóm mình:

BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC
 Hoạt động nhóm cùng hoàn thiện phiếu học tập sau:

(1) Xác định nhân vật mà em định viết bài biểu cảm?

(2) Nhân vật ấy để lại trong em những tình cảm, cảm xúc gì?

(3) Nhân vật ấy gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì?

(4) Viết đoạn văn giới thiệu khái quát về nhân vật sẽ biểu cảm?

(5) Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật?

(6) Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người.
 - Ngoại hình: dáng, da, tóc, khuôn mặt (môi, mắt, lông mi, mũi...), bàn tay, chân, bờ vai...
 - Tính cách
 - Hành động: Đối với mọi người và với em.
 - Ấn tượng, kỉ niệm khó quên

(7) Viết đoạn văn khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người được nói đến.

BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC
 Hoạt động nhóm cùng hoàn thiện phiếu học tập sau:

(1) Xác định sự việc mà em định viết bài biểu cảm?

(2) Sự việc ấy để lại trong em những tình cảm, cảm xúc gì?

(3) Sự việc ấy gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì?

(4) Viết đoạn văn giới thiệu khái quát về sự việc sẽ biểu cảm?

(5) Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về sự việc?

(6) Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về sự việc.
 - Cảm nhận về sự việc mở đầu
 - Cảm nhận về sự việc phát triển
 - Cảm nhận về sự việc cao trào
 - Cảm nhận về sự việc kết thúc

(7) Viết đoạn văn khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc được nói đến.

(1) Xác định nhân vật/ sự việc mà em định viết bài biểu cảm?

(2) Tìm ý bằng việc trả lời các câu hỏi sau:

? Nhân vật hoặc sự việc gây cho em nhiều ấn tượng là ai, sự việc nào (giới thiệu nhân vật, sự việc)?

? Nhân vật hay sự việc ấy để lại trong em những tình cảm, cảm xúc gì (yêu thích, cảm động hay buồn bã...)?

? Nhân vật hay sự việc ấy gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì (về những phẩm chất đáng quý, bài học làm người, kinh nghiệm sống, ...)?

(3) Lập dàn ý

a. Mở bài: viết đoạn văn giới thiệu khái quát về nhân vật/ sự việc sẽ biểu cảm?

b. Thân bài: Lần lượt nêu những cảm xúc và suy nghĩ từ khái quát đến các biểu hiện cụ thể.

- Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật hoặc sự việc.

- Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người hoặc sự việc.

Nhân vật	Sự việc
- Ngoại hình: dáng, da, tóc, khuôn mặt (môi, mắt, lông mi, mũi...), bàn tay, chân, bờ vai... - Tính cách - Hành động: Đối với mọi người và với em. - Ấn tượng, kỉ niệm khó quên	- Cảm nhận về sự việc mở đầu - Cảm nhận về sự việc phát triển - Cảm nhận về sự việc cao trào - Cảm nhận về sự việc kết thúc

c. Kết bài: viết đoạn văn khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ

	của em về con người hoặc sự việc được nói đến. - HS tiếp nhận												
Thực hiện nhiệm vụ	- GV tổ chức cho lớp hoạt động nhóm - HS chia nhóm, cử đại diện bốc thăm phiếu học tập (2 nhóm biểu cảm về 1 con người, 2 nhóm biểu cảm về sự việc). - HS thảo luận nhóm hoàn thành PHT.												
Báo cáo thảo luận	- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm. - Nhóm HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhóm còn lại ghi lại nhận xét.												
Đánh giá kết quả	- GV tổ chức cho HS đánh giá. - HS trong nhóm tự đánh giá quá trình tham gia của các thành viên. - HS các nhóm nhận xét phần báo cáo của nhóm khác - GV quan sát quá trình tham gia hoạt động nhóm và đánh giá												
Dự kiến viết bảng	DÀN Ý BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC <table><tr><th>Các phần</th><th>BC về một con người</th><th>BC về sự việc</th></tr><tr><td>Mở bài</td><td> - Giới thiệu khái quát về đối tượng cần biểu cảm: người thân trong gia đình, trong xã hội (trường lớp, quan hệ xung quanh nhà...) - Nêu khái quát tình cảm em dành cho người ấy: Yêu mến, quý trọng, thương yêu. </td><td> - Giới thiệu khái quát về sự việc </td></tr><tr><td>Thân bài</td><td> - Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người: + Ngoại hình: dáng, da, tóc, khuôn mặt (môi, mắt, lông mi, mũi...), bàn tay, chân, bờ vai. + Tính cách. + Hành động: Đối với mọi người và với em. + Ấn tượng, kỉ niệm khó quên. </td><td> - Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về sự việc. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về sự việc: + Cảm nhận về sự việc mở đầu. + Cảm nhận về sự việc phát triển. + Cảm nhận về sự việc cao trào. + Cảm nhận về sự việc kết thúc. </td></tr><tr><td>Kết bài</td><td> - Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người được nói đến. </td><td> - Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc được nói đến. </td></tr></table>	Các phần	BC về một con người	BC về sự việc	Mở bài	- Giới thiệu khái quát về đối tượng cần biểu cảm: người thân trong gia đình, trong xã hội (trường lớp, quan hệ xung quanh nhà...) - Nêu khái quát tình cảm em dành cho người ấy: Yêu mến, quý trọng, thương yêu.	- Giới thiệu khái quát về sự việc	Thân bài	- Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người: + Ngoại hình: dáng, da, tóc, khuôn mặt (môi, mắt, lông mi, mũi...), bàn tay, chân, bờ vai. + Tính cách. + Hành động: Đối với mọi người và với em. + Ấn tượng, kỉ niệm khó quên.	- Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về sự việc. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về sự việc: + Cảm nhận về sự việc mở đầu. + Cảm nhận về sự việc phát triển. + Cảm nhận về sự việc cao trào. + Cảm nhận về sự việc kết thúc.	Kết bài	- Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người được nói đến.	- Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc được nói đến.
Các phần	BC về một con người	BC về sự việc											
Mở bài	- Giới thiệu khái quát về đối tượng cần biểu cảm: người thân trong gia đình, trong xã hội (trường lớp, quan hệ xung quanh nhà...) - Nêu khái quát tình cảm em dành cho người ấy: Yêu mến, quý trọng, thương yêu.	- Giới thiệu khái quát về sự việc											
Thân bài	- Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người: + Ngoại hình: dáng, da, tóc, khuôn mặt (môi, mắt, lông mi, mũi...), bàn tay, chân, bờ vai. + Tính cách. + Hành động: Đối với mọi người và với em. + Ấn tượng, kỉ niệm khó quên.	- Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về sự việc. - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về sự việc: + Cảm nhận về sự việc mở đầu. + Cảm nhận về sự việc phát triển. + Cảm nhận về sự việc cao trào. + Cảm nhận về sự việc kết thúc.											
Kết bài	- Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về con người được nói đến.	- Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc được nói đến.											

=> **GV bổ sung, chuyên ý:** Sau khi có dàn ý chi tiết để định hướng các ý chính cần đưa vào bài, ta tiến hành thực hành, luyện tập viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc qua hoạt động luyện tập

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kỹ năng áp dụng

kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) *Nội dung*: Luyện tập viết phần thân bài của bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc thông qua hoạt động: “Think - Writing – Pair – Share”

c) *Sản phẩm*: Câu trả lời của HS

d) *Tổ chức hoạt động*:

Chuyên giao nhiệm vụ	HOẠT ĐỘNG “THINK – WRITING – PAIR – SHARE” - GV tổ chức hoạt động “Think - Writing – Pair – Share”: + Think: Đọc lại dàn ý đã lập suy nghĩ, sắp xếp câu từ. + Writing: Viết độc lập lập. + Pair: Trao đổi bài với bạn cùng bàn. + Share: Đọc bài trước lớp. - HS tiếp nhận
Thực hiện nhiệm vụ	- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hành viết phần thân bài. - HS thực hiện đúng các hoạt động “Think - Writing – Pair – Share”
Báo cáo thảo luận	- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm. - HS đọc trước lớp bài viết phần thân bài của mình. - HS khác ghi lại nhận xét. * Dự kiến bài viết về mẹ: <i>“Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha Tần tảo sớm hôm mẹ nuôi con khôn lớn Mang cả tấm thân gầy cha che chở đời con”</i> Trên đời này, có lẽ chẳng còn có điều gì hạnh phúc và sung sướng bằng việc được ở bên cạnh những người mà chúng ta hết mực yêu thương, đặc biệt là được sống bên cha, bên mẹ mỗi ngày. Mẹ là người mang nặng đẻ đau, ôm ấp cho ta từng lời ru điệu hát ngọt ngào nâng bước ta vào đời, thế nên trong trái tim của tôi mẹ luôn có một vị trí vô cùng đặc biệt và thiêng liêng. Mẹ tôi đã 40 tuổi, không còn là cái tuổi xuân sắc, xinh đẹp nữa, bởi mẹ đã hy sinh hết cho chúng tôi rồi. Đôi tay mẹ chai sần thô ráp, thế nhưng khi bàn tay mẹ nắm tay tôi, hay ôm tôi vào lòng lại ấm áp hơn tất cả, đôi mắt của mẹ gần đây đã xuất hiện rất nhiều nếp nhăn, nhưng ánh mắt hiền từ và nhân hậu ấy vẫn chẳng thay đổi qua bao nhiêu năm tháng. Dáng người mẹ hơi thấp, có chút mập mạp nhưng đối với tôi đó là dáng người hoàn mỹ nhất, bởi nó chứa đựng trong đó biết bao nhiêu sự hy sinh, bao nhiêu đắng cay

gian khổ của cuộc đời.

Nước da của mẹ có thể không trắng, nhưng nó lại đẹp lạ kỳ, đẹp bởi những ngày mưa nắng dãi dầu trên đồng ruộng, bán lưng cho đất bán mặt cho trời để nuôi chị em tôi khôn lớn. Bấy nhiêu cay đắng, tảo tần ấy quả thật dù có đi hết kiếp tôi cũng chẳng bao giờ hoàn trả lại cho mẹ được, bởi sự hy sinh ấy to lớn và thiêng liêng quá.

Còn nhớ mãi những ngày tôi 4 tuổi, còn em gái tôi hai tuổi, thuở ấy bố mẹ tôi mới đi vào nam lập nghiệp, cuộc sống bấp bênh và khổ cực vô cùng, thế nên bố mẹ đã tạm gửi chị em tôi về Bắc cho ông bà nội chăm hộ. Vì còn quá nhỏ và không hợp khí hậu, nên chúng tôi bệnh tật liên miên, đặc biệt là em tôi, nó cứ gầy đét, rồi bị hết bệnh này đến bệnh khác. Vì xót chúng tôi xa cha mẹ, lại ốm đau nhiều, nên mới hơn một năm bố mẹ tôi đã vội khăn gói về quê để đón chúng tôi vào nam lại.

Tôi vẫn nhớ mãi ngày ấy, khi nhìn thấy bố mẹ về đến cổng nhà ông nội, cô chú cứ bảo chị em tôi ra đón bố mẹ, nhưng chúng tôi thì do xa cha mẹ lâu quá nên cứ đứng nép sau chân bà nội không chịu ra đón. Chẳng biết ai đã nói câu rằng: “Chắc chúng nó quên cả bố mẹ rồi”, khiến bố tôi lặng cả đi, còn mẹ tôi thì bật khóc nức nở, cô chú phải an ủi mãi, từ đó trở đi mẹ chẳng bao giờ còn nghĩ sẽ xa chúng tôi nữa dù cuộc sống có khó khăn đến thế nào. Nghĩ lại đến giờ, tôi bỗng thấy vừa có lỗi, vừa xót xa, có nỗi đau, sự tổn thương nào bằng việc con cái quên đi cả người làm mẹ.

Rồi tôi nhớ lúc 6, 7 tuổi, vào những ngày mưa dầm, bão bắc mẹ vẫn lặn lội công tôi ra trạm xá, để tiêm vắc-xin phòng bệnh, thậm chí có những lần mẹ còn dùng đôi quang gánh vẫn thường gánh rau đi bán, gánh chúng tôi đi. Một bờ vai nhỏ bé, nhưng gánh cả hai cuộc đời, nghĩ cũng đủ để hiểu có bao nhiêu vất vả, nhọc nhằn. Thế nhưng tôi chưa từng thấy mẹ oán trách, than thở bao giờ, mặc cho những cơn đau lưng hành hạ, những cơn đau đầu hoành hành, mẹ cũng chỉ yên lặng chịu đựng vì không muốn chúng tôi lo lắng.

Ôi, thế gian này quả thật chẳng có ai hy sinh nhiều như mẹ, lấy chồng rồi, mẹ mất tất cả chỉ được lời mỗi mấy đứa con thơ dại. Con là tất cả của mẹ, mẹ chấp nhận đánh đổi cả cuộc đời, để cho con một tương lai tươi đẹp mà không hề tiếc nuối. Càng nghĩ tôi lại

càng thương mẹ biết bao nhiêu.

*** Dự kiến bài viết về sự việc:**

Từ xưa đến nay, dân tộc Việt Nam vẫn có truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Thầy có là những người có công ơn dạy dỗ, dìu dắt chúng ta trong hành trình tìm đến với tri thức. Trong cuộc đời, mỗi người hẳn đều có một người thầy, cô giáo mà bản thân rất kính trọng. Và tôi cũng như vậy.

Người giáo viên mà tôi yêu quý và kính trọng nhất là cô Nguyễn Thu Hà. Cô là giáo viên chủ nhiệm của lớp tôi, cũng là giáo viên dạy môn Ngữ văn. Năm nay, cô ba mươi sáu tuổi. Khuôn mặt của cô trông rất hiền dịu. Nước da trắng hồng, cùng mái tóc dài ngang vai. Đôi mắt với ánh nhìn dịu dàng. Nụ cười của cô luôn rạng rỡ trên môi. Mỗi khi đến lớp, cô thường mặc những trang phục đơn giản, nhưng toát lên vẻ thanh lịch. Tôi cảm thấy cô rất xinh đẹp, trẻ trung.

Trong giờ học, cô là một giáo viên rất nghiêm khắc. Dù vậy, cô cũng rất tâm lí. Cô luôn dành thời gian để truyền đạt cho học sinh kiến thức của môn học một cách tốt nhất. Giọng nói của cô vừa truyền cảm, vừa ấm áp. Tôi rất yêu thích giọng nói của cô. Mỗi khi có bạn không chú ý nghe giảng, cô đều nhắc nhở nhẹ nhàng. Cô rất hay ở lại lớp trong những giờ ra chơi để trò chuyện cùng chúng tôi. Cô tâm sự với cả lớp rất nhiều điều: từ việc học tập, đến vấn đề trong cuộc sống. Nhờ có cô, tôi cảm thấy học được rất nhiều điều bổ ích.

Tôi còn nhớ mãi một kỉ niệm về cô. Hôm đó, cô gọi tôi lên bảng để kiểm tra bài cũ. Nhưng tối hôm trước, tôi đã không học bài do mãi xem phim. Khi nghe cô hỏi, tôi không trả lời được câu hỏi. Lúc đó, tôi nhìn thấy ánh mắt của cô rất buồn. Từ trước tới nay, tôi luôn là một học sinh chăm chỉ. Việc xảy ra ngày hôm nay có lẽ đã khiến cô cảm thấy thất vọng. Cô không trách mắng, mà yêu cầu tôi về chỗ. Cả buổi học hôm đó, tâm trạng của tôi rất nặng nề. Tôi tự trách bản thân. Cuối buổi học, tôi đã chủ động lên xin lỗi cô. Lời nhắc nhở của cô khiến tôi còn nhớ mãi. Nhờ có cô, tôi mới ý thức học tập chăm chỉ hơn.

“Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy” - Đó là câu tục ngữ đề cao vai trò của người giáo viên. Bởi vậy, tôi luôn tự nhắc nhở bản thân phải yêu quý và kính trọng cô giáo của mình.

[illegible]

=> GV bổ sung:

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về đối tượng cần biểu cảm: người thân trong gia đình, trong xã hội (trường lớp, quan hệ xung quanh nhà...)
- Nêu khái quát tình cảm em dành cho người ấy: Yêu mến, quý trọng, thương yêu...

*** Cách mở bài:**

- Trực tiếp: Đi thẳng vào vấn đề

VD: Trong gia đình ai em cũng em yêu quý những để nói về người em yêu quý nhất không thể không nhắc đến...

- Gián tiếp: Đi từ 1 câu thơ, câu ca dao, lời bài hát, chủ đề của đề bài cho.

VD: Câu thơ:

 $+ \text{Me:}$

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Mỗi lần ai đó nhắc đến câu thơ/ cao dao trên là lòng tôi lại nao nao nhớ về mẹ - người phụ nữ sinh thành ra tôi, nuôi nấng tôi khôn lớn thành người. Đó còn là người mà tôi luôn yêu thương và kính trọng.

+ Cha/ bổ:

Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ

Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha.

+ Câu hát: “*Trên trời cao có muôn ngàn ánh sao...và mẹ tôi chỉ có một mà thôi*”

2. Thân bài: Biểu cảm chi tiết về đối tượng

* Yêu cầu cần đạt: Đảm bảo các ý sau: 5 ý là 5 đoạn văn

- Biểu cảm được những nét khái quát về đối tượng: Tuổi tác, dáng người, nghề nghiệp

VD: *Mẹ tôi năm nay chắc 40 tuổi, nhưng so tuổi thì mẹ tôi già hơn nhiều, chắc bởi vì cả cuộc mẹ vất vả lo cho chị em chúng từng miếng cơm, manh áo nên mái mẹ đã pha sương. Với cái dáng người nhỏ nhắn, gầy guộc không ai nghĩ rằng mẹ tôi lại là một người phụ nữ nông dân khỏe khoắn. Mẹ làm mọi việc từ giúp người ta lau dọn nhà cửa đến việc nặng nhọc như bê vác mẹ đều làm hết. Mẹ chỉ mong chúng tôi được trường như bao bạn khác...*

- Biểu cảm chi tiết về ngoại hình của đối tượng: Tóc, trán, lông mày, mắt, gò má, sống mũi, đôi môi, khuôn mặt, bàn tay, bờ vai, bắp chân, hàm răng...

VD:

+ Tóc: Mái tóc của mẹ tôi đã chuyển màu hoa râm (trắng đen) => miêu tả

Vì năm tháng khó nhọc và khổ cực mái tóc của mẹ tôi không còn đen như trước nữa mà nó dần chuyển sang màu hoa râm. Đó là dấu hiệu của năm tháng vất vả ngược xuôi ở một người đàn bà truân chuyên... Tôi yêu lắm mái tóc hoa râm, thô ráp ấy, bởi chính có nó hi sinh mới có hình hài xinh xắn của tôi giờ đây...=> biểu cảm

+ Mắt: Mắt mẹ tôi nhỏ, lông mi ngắn, khóe mắt nhăn nheo => Miêu tả

Mẹ tôi có một đôi mắt không long lanh, cuốn hút như những người phụ nữ xinh đẹp. Đôi mắt ấy nhỏ, đôi hàng mi ngắn và bị sụt mí, quanh khóe mắt đã xuất hiện những nếp nhăn đó là sự hằn in (dấu hiệu) của năm tháng để lại trên khuôn mặt mẹ tôi. Đôi mắt ấy tuy không đẹp nhưng với chúng tôi đôi mắt ấy là món quà vô giá mà thượng đế ban cho mẹ. Đôi mắt luôn nhìn chúng tôi với ánh nhìn đầy trù mến, yêu thương; đôi mắt ấy sẽ trừng xuống và xuất hiện thêm những giọt sương trong suốt khi chúng tôi phạm lỗi lầm hay ngang bướng. Và cũng chính đôi mắt ấy luôn rộng lượng, bao dung khi chúng tôi nhận ra lỗi và biết sửa sai. Quả đúng như người ta nói rằng: “Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn” và mẹ tôi có cửa sổ tâm hồn chan chứa tình yêu thương và sự bao dung.

- Biểu cảm về tính tình, cách cư xử với mọi người:

+ Nóng tính, hiền dịu, hay nói to...

+ Cách cư xử với mọi người: người đó với người lớn (ông bà), bạn đời (bố/mẹ), hàng xóm, bản thân em.

- Biểu cảm về kỉ niệm với đối tượng: vui, buồn, bài học rút

- Nêu ra vai trò của đối tượng trong cuộc sống của em.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại tính cảm của dành cho đối tượng

- Hứa hẹn trong tương lai

=> Mở bài (1 đoạn văn) + Thân bài (5 ý <=> 5 đoạn văn) + Kết bài (1 đoạn văn) = 7 đoạn văn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) *Mục tiêu:* Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b) *Nội dung:* Hoàn thiện phần sưu tầm và làm bài tập của mình ở nhà

c) *Sản phẩm:* Tranh ảnh/ video/ bài viết của HS

d) *Tổ chức hoạt động:*

Chuyển giao nhiệm vụ	- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: ? <i>Sưu tầm những bức ảnh/ vẽ tranh về đề tài “Gia đình em” và viết bài văn biểu cảm về một người hoặc sự việc liên quan đến bức tranh đó thông qua các bước đã thực hành ở các phần trên?</i> - HS tiếp nhận
Thực hiện nhiệm vụ	- HS làm việc cá nhân (tại nhà)
Báo cáo thảo luận	- HS up bài lên Padlet - GV thu thập bài.
Đánh giá kết quả	- HS: + Nhận xét lẫn nhau; HS chấm điểm dưới phần bài của các bạn. + Thư kí lớp chốt điểm và báo cho GV. - GV: Nhận xét, đánh giá, chốt điểm và trao thưởng cho những bài viết ấn tượng

* *Hướng dẫn về nhà*

- Note lại dàn ý chung cho bài văn biểu cảm về một con người hoặc một sự việc và số tay văn học.

- Hoàn thành bài tập được giao và đưa lên Padlet của lớp.

- Chuẩn bị bài mới: Nói và nghe: Thảo luận nhóm về một vấn đề.

=====□□=====

NÓI VÀ NGHE

Tiết:

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

- Nói được ý kiến của bản thân mình về một vấn đề trong đời sống.
- Biết phát triển năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Biết cách nói và nghe phù hợp với vấn đề là nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc/ sự kiện.

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.
- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

Dự kiến câu trả lời:

Cột K	Cột W	Cột L
Những điều em đã biết khi thực hiện để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình.	Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình.	Những điều em rút ra sau phần thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề để thuyết phục các bạn về vấn đề đó.
- Chuẩn bị nội dung trình bày cụ thể, rõ ràng. - Nắm kĩ nội dung mà mình chuẩn bị để trình bày vấn đề một cách tự tin, cuốn hút người nghe. - Trao đổi với bạn bè, người thân những vấn đề còn băn khoăn ...	- Muốn biết quy trình khi trình bày một vấn đề trong đời sống. - Cần lưu ý những gì khi trình bày một vấn đề ?	

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Câu hỏi: Khi được giáo viên giao một nhiệm vụ thuyết trình về một vấn đề nào đó, em sẽ làm thế nào để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra?

Theo em, trong một cuộc họp, để đưa ra được những nguyên nhân cho kết quả của một sự kiện thì ta phải trải qua những công việc nào?

Điền vào cột K, cột W trong bảng KWL sau đây:

Cột K	Cột W	Cột L
Những điều em đã biết khi thực hiện để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình.	Những điều em muốn biết thêm, nhắc lại để thuyết phục các bạn của mình tin vào vấn đề mà mình đưa ra trong buổi thuyết trình.	Những điều em rút ra sau phần thực hành trình bày ý kiến về một vấn đề để thuyết phục các bạn về vấn đề đó.
.....		
.....		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS nhớ lại và điền cột K, cột W trong bảng KWL.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS phát biểu. Trình bày ý kiến**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS. Dẫn dắt vào bài.

GV kết nối vào tiết học: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống thực chất là nêu lên những suy nghĩ của người nói trước một vấn đề trong đời sống. Vậy làm thế nào để vấn đề ấy thuyết phục được người nghe? Tiết học hôm nay sẽ củng cố cho các em kỹ năng trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**2.1 Trước khi nói: Tìm hiểu chung về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.**

a. Mục tiêu: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói nghe trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

b. Nội dung: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS đọc mục Định hướng trong SGK và cho biết: + Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề	I. Tìm hiểu chung về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. 1 Khái niệm - Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống là nêu lên những suy nghĩ của người nói trước một vấn

trong đời sống ? + Lấy ví dụ về các vấn đề có thể nêu lên để trao đổi có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày. + Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống cần chú ý những yêu cầu nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số cặp đôi nhất biểu. + Nhận xét, bổ sung. Trình bày một vấn đề	đề trong đời sống, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình, nhằm thuyết phục người nghe. VD: Vấn đề nêu lên để trao đổi có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày như: - Thế nào là lòng vị tha? - Thế nào là lòng dũng cảm? 2. Yêu cầu chung: Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống các em cần: - Xác định sự việc, sự kiện. - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói. - Chuẩn bị các thiết bị hỗ trợ như tranh, ảnh, máy chiếu...(Nếu có) và chú ý kĩ năng thuyết trình trước tập thể.

2.2. Thực hành về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

a. Mục tiêu:

- Biết trình bày một vấn đề trong đời sống.
- HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

b. Nội dung:

- GV phân chia HS thành nhóm nhỏ. Sử dụng phương pháp dạy học dự án hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu được phân công từ tiết học trước.
- HS Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận (nếu cần) như: giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ,...

c. Sản phẩm: Sản phẩm thảo luận nhóm.

Biểu hiện lòng yêu nước	Văn bản: “Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng)	Văn bản: “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi)	Văn bản: “Buổi học cuối cùng” (Đô -đê)
	Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn yêu quê hương đất nước, ham muốn tìm hiểu về cội nguồn gốc gác	Câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ của tía con An với chú Võ Tòng – người đàn ông cô độc giữa rừng. Cuộc gặp gỡ ngăn ngui đó cho người đọc thấy được tính cách, tinh thần kiên cường dũng cảm của	Tình cảm trân trọng và yêu quý tiếng Pháp của thầy Ha - men, của dân làng và cậu bé Ph răng

		những con người trong thời kì đất nước bị xâm chiếm.	
Tại sao đó là biểu hiện của lòng yêu nước	- Những cảnh vật dọc đường với những thắc mắc của bé Côn:.... - Những câu trả lời của cụ Phó bảng	- Hành động chế vũ khí của Võ Tòng để bắn giặc Pháp.	- Tình yêu với tiếng mẹ đẻ là biểu hiện sâu sắc của tình yêu nước.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trình bày ý kiến về vấn đề các văn bản đã học: “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng) và Buổi học cuối cùng (Đô -đê) đều nói đến biểu hiện của lòng yêu nước. Ý kiến của em như thế nào? <u>Câu hỏi gợi ý:</u> ? Nội dung nào của các văn bản đã học liên quan đến lòng yêu nước? ? Lòng yêu nước được biểu hiện cụ thể trong mỗi văn bản thế nào? (Hoàn thành phiếu học tập số 1) ? Tại sao đó lại là những biểu hiện của lòng yêu nước? <u>Phiếu học tập số 1</u> <table><tr><th>Biểu hiện lòng yêu nước</th><th>Văn bản 1</th><th>Văn bản 2</th></tr><tr><td></td><td>....</td><td>....</td></tr></table>	Biểu hiện lòng yêu nước	Văn bản 1	Văn bản 2				II. Thực hành về trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. 1. Chuẩn bị: (Học sinh chuẩn bị bài ở nhà theo nhóm)
Biểu hiện lòng yêu nước	Văn bản 1	Văn bản 2					
							
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS thực hiện yêu cầu của GV theo nhóm ở nhà Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.							
Nhiệm vụ 2: Thực hành Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? HS dựa vào dàn ý để trình bày bài nói theo cá nhân.	2. Thực hành nói và nghe Dàn ý: *Mở đầu: Nêu tình yêu nước của cả 3 văn bản *Nội dung chính:						

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS chuẩn bị bài nói cá nhân Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS thực hiện bài nói của bản thân trước lớp + HS khác chú ý lắng nghe Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. - Người nói: + Trình bày bài nói + Sử dụng điệu bộ, cử chỉ tự nhiên + Điều chỉnh giọng điệu phù hợp - Người nghe: + Tập trung và nắm được thông tin + Sử dụng ánh mắt khích lệ người nói	- Lòng yêu nước của cả 3 văn bản. - Lí lẽ vì sao đó là biểu hiện của lòng yêu nước. *Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề và liên hệ cuộc sống ngày nay.																								
Bước 1: GV giao nhiệm vụ Sau khi HS trình bày bài nói. HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến theo bảng kiểm kĩ năng nói và bảng tự kiểm kĩ năng nghe theo mẫu: - Cuối giờ học, HS hoàn thành cột L trong bảng KWL. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đánh giá theo các tiêu chí Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức. GV nhận xét, cho điểm dựa theo các tiêu chí của bảng kiểm	3. Tự đánh giá																								
* Bảng kiểm tra kĩ năng nói: <table><tr><th>Nội dung kiểm tra</th><th>Đạt</th><th>chưa đạt</th></tr><tr><td>Có nêu đúng các biểu hiện về lòng yêu nước trong 3 văn bản không?</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Ý kiến người nói trình bày có thuyết phục không?</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định.</td><td></td><td></td></tr></table>	Nội dung kiểm tra	Đạt	chưa đạt	Có nêu đúng các biểu hiện về lòng yêu nước trong 3 văn bản không?			Ý kiến người nói trình bày có thuyết phục không?			- Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định.			* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe: <table><tr><th>Nội dung kiểm tra</th><th>Đạt</th><th>chưa đạt</th></tr><tr><td>- Nắm và hiểu được nội dung chính phần trình bày bài nói của bạn.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của trong phần trình bày của bạn.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Thái độ chú ý tôn trọng,</td><td></td><td></td></tr></table>	Nội dung kiểm tra	Đạt	chưa đạt	- Nắm và hiểu được nội dung chính phần trình bày bài nói của bạn.			- Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của trong phần trình bày của bạn.			- Thái độ chú ý tôn trọng,		
Nội dung kiểm tra	Đạt	chưa đạt																							
Có nêu đúng các biểu hiện về lòng yêu nước trong 3 văn bản không?																									
Ý kiến người nói trình bày có thuyết phục không?																									
- Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định.																									
Nội dung kiểm tra	Đạt	chưa đạt																							
- Nắm và hiểu được nội dung chính phần trình bày bài nói của bạn.																									
- Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của trong phần trình bày của bạn.																									
- Thái độ chú ý tôn trọng,																									

- Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).				ngghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày.		

Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung: HS tự chuẩn bị và thực hành nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống với người thân, bạn bè ngoài cuộc sống

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

? Nói với người thân trong gia đình về tình yêu với quê hương em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị nội dung bài nói

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Thực hành nói với người thân (ở nhà)

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức: GV nhận xét, cho điểm phần chuẩn bị bài nói của HS (giờ học sau)

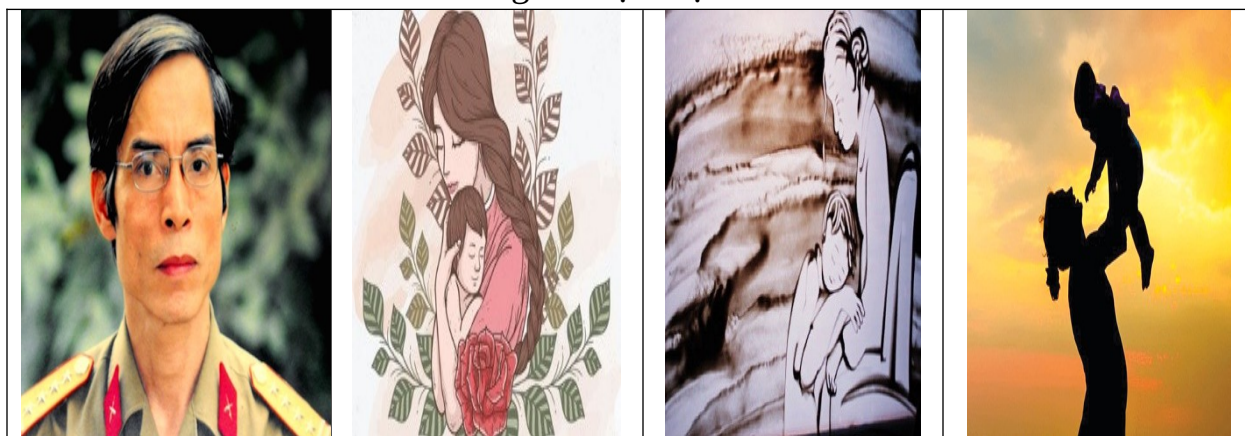
**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI 2- DỰ ÁN GIÁO ÁN MIỄN PHÍ
2022**

BỘ SGK CÁNH DIỀU

BÀI	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	SĐT	CÔNG VIỆC
Bài 2	1. Trương Thị Giang	Trường THCS Phú Xuân- TP Thái Bình	0933049966	
	2. Nguyễn Thị Thanh Nga	Trường THCS Phú Xuân- TP Thái Bình	0972579455	
	3. Bùi Thị Thúy	Trường THCS Phú Xuân- TP Thái Bình	0989146637	
	4. Lê Thị Hạnh	Trường THCS Phú Xuân- TP Thái Bình	0378808266	
	5. Phùng Thị Hằng Nga	Trường THCS Phú Xuân- TP Thái Bình	0834200199	
	6. Hà Thị Hằng	Trường THCS Phú Xuân- TP Thái Bình	0946113884	

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

MẸ



I. MỤC TIÊU

1 Về kiến thức:

- Vài nét chung về nhà thơ Đỗ Trung Lai.
- Một số yếu tố hình thức (về văn, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,...) của bài thơ bốn chữ.
- Nội dung bài thơ : thể hiện sự vất vả của người mẹ, tình yêu thương chân thành của người con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần.
- Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

2 Về năng lực:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ bốn chữ thể hiện trong bài “Mẹ” - Đỗ Trung Lai.
- Chỉ ra được kết cấu bài thơ;
- Nhận biết và thông hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong bài thơ;
- Cảm nhận được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ Mẹ;
- Cảm nhận được tình cảm yêu thương, trân trọng mẹ mà nhà thơ gửi gắm;
- Thấm thía tình yêu thương cha mẹ dành cho chúng ta.

3 Về phẩm chất:

- Yêu thương, biết ơn, trân trọng và hiếu thảo với cha mẹ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về nhà thơ Đỗ Trung Lai và văn bản “Mẹ”.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Hãy tưởng tượng khi mẹ đã già, hãy miêu tả lại hình ảnh đó và nêu cảm xúc của em?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

*Đố ai đếm được lá rừng
Đố ai đếm được mây từng trời cao
Đố ai đếm được vì sao
Đố ai đếm được công lao mẹ thầy.*

Câu ca dao ấy đã thể hiện được những vất vả, hi sinh, được công ơn lớn hơn trời bể của mẹ. Thời gian cứ chảy trôi, người mẹ của chúng ta mỗi ngày càng già đi. Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã khắc họa rất thành công hình ảnh người mẹ lúc về già và qua đó thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ. Trong tiết học hôm nay, cô và cả lớp sẽ cùng tìm hiểu bài thơ “Mẹ” để trân quý những phút giây được ở bên cạnh cha mẹ của mình.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

I. ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà thơ Đỗ Trung Lai và văn bản “Mẹ” b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị. ? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Đỗ Trung Lai? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin. HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	 1. Tiểu sử - Đỗ Trung Lai (1950) - Quê quán: Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Tây cũ (nay Hà Nội). 2. Sự nghiệp: + Tốt nghiệp khoa Vật lý Đại học Sư

	phạm Hà Nội, sau dạy học trong quân đội và làm nhà báo. + Phong cách sáng tác: giọng thơ trữ tình đậm thắm nhưng gửi gắm nhiều tâm sự, triết lý nhẹ nhàng, tự nhiên. - Các tác phẩm tiêu biểu: + <i>Đêm sông Cầu</i> (thơ, 1990) + <i>Anh em và những người khác</i> (thơ, 1990) + <i>Đắng chát và ngọt ngào</i> (thơ, in chung, 1991) + <i>Thơ và tranh</i> (1998) + <i>Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu</i> (truyện và ký, 2000)

2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục...) b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm. - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ?Nêu xuất xứ của bài thơ. ? Xác định thể thơ? Chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ). ?Xác định PTBĐ chính. ? Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần? ? Bài thơ là lời của ai? Thể hiện cảm xúc về ai? Cảm xúc như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi	a) Đọc và tìm hiểu chú thích - HS đọc đúng, truyền cảm. b) Tìm hiểu chung - Xuất xứ: Trích tập thơ “<i>Đêm sông Cầu</i>”. - Thể thơ: 4 chữ. + Mỗi câu gồm 4 tiếng, số câu trong bài không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài được chia linh hoạt, tùy theo nội dung và cảm xúc. + gieo vần chân: chữ cuối cùng của câu hai vần với chữ cuối cùng của câu bốn trong mỗi khổ. + Các câu thơ được ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3 - PTBĐ: Biểu cảm - Bố cục: 2 phần

kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

Phiếu học tập số 1. Phần 2. Tác phẩm. Bảng ghi chép với các mục: Thể thơ và đặc điểm, Phương thức biểu đạt, Bố cục bài thơ, Mạch cảm xúc của bài thơ. Có hình ảnh hoa hồng trang trí.

GV:- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

GV:

- Nhận xét cách đọc của HS.

- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

+ P1: Hình ảnh người mẹ.

+ P2: Tình cảm của người con dành cho mẹ.

- Bài thơ là lời của người con thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ khi nhận ra sự già đi của người mẹ theo năm tháng.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Hình ảnh người mẹ.

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về hình ảnh người mẹ.

- Cảm nhận về hình ảnh đó.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

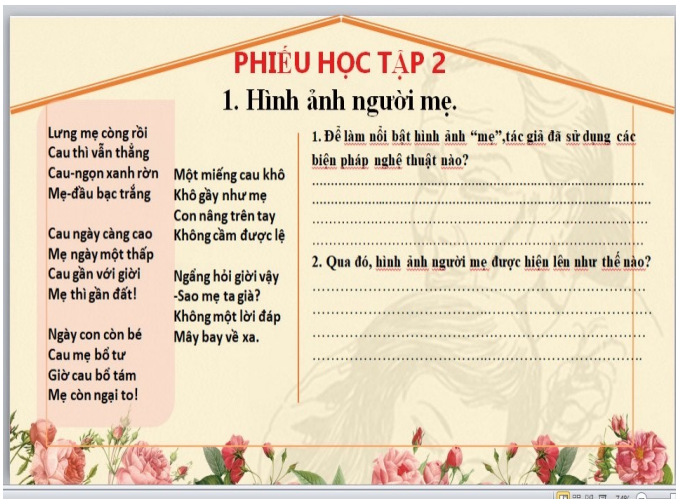
c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi: ? Để làm nổi bật hình ảnh “mẹ” tác giả đã sử dụng	*Những từ ngữ được tác giả dùng để nói về “mẹ” và “cau” trong bài thơ: + Mẹ: còng, đầu bạc trắng, thấp, gần đất

các biện pháp tu từ nào?

? Qua đó, hình ảnh người mẹ được hiện lên như thế nào?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: trao đổi theo nhóm đôi.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức và bổ sung thêm hành động của người mẹ:

+ Khi con còn bé bố cau làm tư.

+ Cau: thẳng, ngọn xanh rờn, cao, gần với trời

- Hình ảnh **sóng đôi** “cau” và “mẹ”: Thông qua hình ảnh cây cau, quả cau gần gũi thân thuộc, nhà thơ bày tỏ nỗi xót xa khi mẹ ngày càng già, mái tóc mẹ hòa vào mây trắng.

- Những hình ảnh **đối lập** như

Hình ảnh mẹ	Hình ảnh cau
+ lưng mẹ “còng”	cau “thẳng”
mẹ “đầu bạc trắng”	cau “ngọn xanh rờn”
mẹ “ngày một thấp”	cau “ngày càng cao”
mẹ “gần đất”	cau “gần trời”

=> Gợi ra sự liên tưởng về tuổi già khiến lòng người con quặn thắt khi “Cau gần với trời – Mẹ thì gần đất”.

- Biện pháp tu từ **so sánh** “Một miếng cau khô – Khô gầy như mẹ”: ví von hình ảnh mẹ già như miếng cau khô để gợi lên hình ảnh già nua héo hắt của người mẹ.

+ Hiện tại: cau bồ tám mẹ còn ngại to. ➔ Tác giả mượn hình ảnh nhai trầu quen thuộc để khắc họa hình ảnh người mẹ. Miếng trầu bồ nhỏ gợi ra tuổi già móm mém của mẹ.	
GV: Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường những đằng sau mỗi con chữ là bao đắng xót, xót xa khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. Không cần nhiều lời chỉ qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng của mẹ mà gợi ra bao cảm nhận về công lao của mẹ, sự nhọc nhằn, đắng cay trong cuộc đời mẹ cho con khôn lớn, trưởng thành. Người con thắng thốt nhận ra quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều, không tránh khỏi quy luật cuộc đời và ngày con xa mẹ đang đến gần, chúng ta cùng tìm hiểu tình cảm của người con dành cho mẹ.	
2. Tình cảm của người con dành cho mẹ	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Cảm nhận được tình cảm của người con dành cho mẹ qua các chi tiết trong bài. - Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ, đặc biệt là biện pháp tu từ so sánh. b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm đôi. - Giao nhiệm vụ: ?Tìm những hành động thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ? ?Em thích nhất hành động nào của người con để thể hiện tình cảm của con dành cho mẹ. ?Qua những hành động đó, em cảm nhận tình cảm của người dành cho mẹ như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ	- Các câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ: “Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ”. -Tình cảm của người con: o Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ. o Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ => Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ. - Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự

sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già? => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.

III. TỔNG KẾT

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 5 - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Về thăm mẹ”? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ bốn chữ - Lời thơ giản dị, tự nhiên. - Hình ảnh thơ gần gũi. - Kết hợp các biện pháp nghệ thuật tu từ : so sánh, ẩn dụ, đối lập... 2. Nội dung Bài thơ mượn hình ảnh cây cau quen thuộc để khắc họa hình ảnh người mẹ. Qua đó, bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ, tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ và sự đau đớn, buồn tủi khi quỹ thời gian không còn nhiều, dường như ngày con xa mẹ đang đến gần. 3. Ý nghĩa - Tình yêu thương bao la của cha mẹ dành cho ta thể hiện từ những điều bình dị, giản đơn nhất ; - Mỗi chúng ta cần biết yêu thương, trân trọng, biết ơn và hiếu thảo với cha mẹ của mình.

3. HĐ 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) **Sản phẩm:** Bài về thể hiện phù hợp nội dung văn bản.

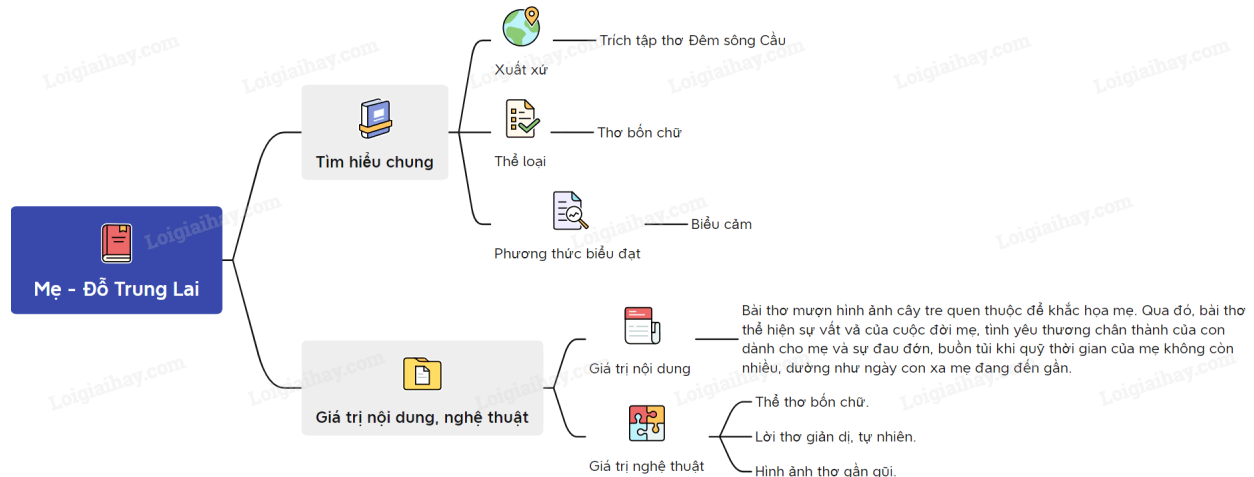
d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS vẽ tranh minh họa



B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức, kỹ năng, thể nghiệm giá trị đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Viết và gửi tặng mẹ tấm bưu thiếp.

? Sưu tầm ca dao, danh ngôn về tình mẫu tử.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS thực hiện làm bưu thiếp và viết những lời yêu thương dành tặng mẹ.

HS làm bưu thiếp và viết tặng mẹ suy nghĩ về bài học, suy nghĩ về mẹ hoặc chúc mẹ những điều tốt đẹp,...

B3: Báo cáo, thảo luận

HS có thể chia sẻ những nội dung các em viết trong bưu thiếp với cô hoặc với các bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chia sẻ với HS suy nghĩ khi đọc những bưu thiếp của các em.
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**ÔNG ĐỒ****– Vũ Đình Liên–****Thời gian thực hiện: 3 tiết****I. MỤC TIÊU****1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn.
- Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn.
- Phân tích được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

2. Về phẩm chất: Giáo dục lòng yêu những di sản văn hoá của dân tộc.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Vũ Đình Liên và văn bản “Ông Đồ”.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HĐ 1: Xác định vấn đề****a.****Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.**b. Nội dung:****GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.**HS** quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học**c.****Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.**d. Tổ chức thực hiện:** Quan sát video về phong tục chơi chữ ngày Tết

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)****B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của **GV** hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát.

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV: chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS: trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Các em thân mến! Dòng thời gian tuy vô hình song cũng thật mạnh mẽ, dữ dội. Cả một thành trì văn hóa phong kiến khoa bảng hàng mười mấy thế kỉ cũng bị vết rày xéo của bọn thực dân làm cho mai một. Song chính hoàn cảnh đó lại là nguồn cảm hứng để những thi nhân gửi gắm nỗi niềm tâm sự của mình. Nhờ vậy mà ngày nay, cô trò chúng ta có dịp ngồi lại để thưởng thức những tác phẩm văn học đó. Có một tác phẩm được trình làng cách đây hàng 80 năm rồi nhưng đến khi đọc lại, chúng ta vẫn thấy nỗi niềm đau đáu và tâm sự nhớ về quá khứ vàng son của mình. Bài thơ mang tên “ Ông đồ” của cố thi sĩ Vũ Đình Liên phần nào giúp chúng ta ngược dòng thời gian trở về quá khứ.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG	
Mục tiêu: - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Nhận biết được tác phẩm thơ lãng mạn. - Đọc diễn cảm tác phẩm thơ hiện đại viết theo bút pháp lãng mạn . Nội dung: - GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung. - HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi. - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh	1. Tác giả

sửa nếu cần thiết.



Phiếu học tập số 1

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.

- HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.

B4: Kết luận, nhận định

HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

GV:

- Nhận xét thái độ làm việc và sp của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

2. Tác phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.

+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.

+ Thể hiện rõ được tâm trạng và nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ.

2 khổ đầu: giọng vui tươi, phấn chấn.

3 khổ tiếp: chậm rãi, trầm buồn, sâu lắng, thiết tha...

- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).

+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.

+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.

- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

? Nêu hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của bài thơ



- Vũ Đình Liên (1913 -1996).

- Quê gốc Hải Dương nhưng sống ở Hà Nội.

- Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới.

- Ông là nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà giáo.

- Thơ ông nặng lòng thương người và niềm hoài cổ

- Một số tác phẩm tiêu biểu: *Ông đồ*, *Lòng ta là những thành quách cũ*, *Lũy tre xanh*,...

2. Tác phẩm

a) Đọc và giải nghĩa từ

- Đọc

- Giải nghĩa từ:

+ **Ông Đồ:** Người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho nếu không đỗ đạt làm quan, thường làm nghề dạy học, gọi là ông Đồ hoặc thầy đồ.

+ **Mực tàu:** Thỏi mực đen, mài với nước làm mực để viết chữ Hán hoặc chữ nho.

+ **Nghiên:** Dụng cụ làm bằng chất liệu cứng, có lòng trũng để mài mực tàu.

b) Tìm hiểu chung

- **Hoàn cảnh sáng tác:**

Khổ 1 viết năm 1935, mùa xuân

? Bài thơ được tác giả viết theo thể thơ nào?
 ? Nêu các PTBD của bài thơ? Đây là PTBD chính?
 ? Có thể chia bài thơ này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: 1. Hướng dẫn HS cách đọc
 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:

1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.
 2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV: Yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:

- Trả lời các câu hỏi của GV.
 - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.
 - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.

năm 1936 mới hoàn thành nốt 4 khổ còn lại.

- **Xuất xứ:** In trên tạp chí “Tinh Hoa”.

- **Thể thơ:** Ngũ ngôn (5 chữ)

- **PTBD:** Biểu cảm (Tự sự, miêu tả)

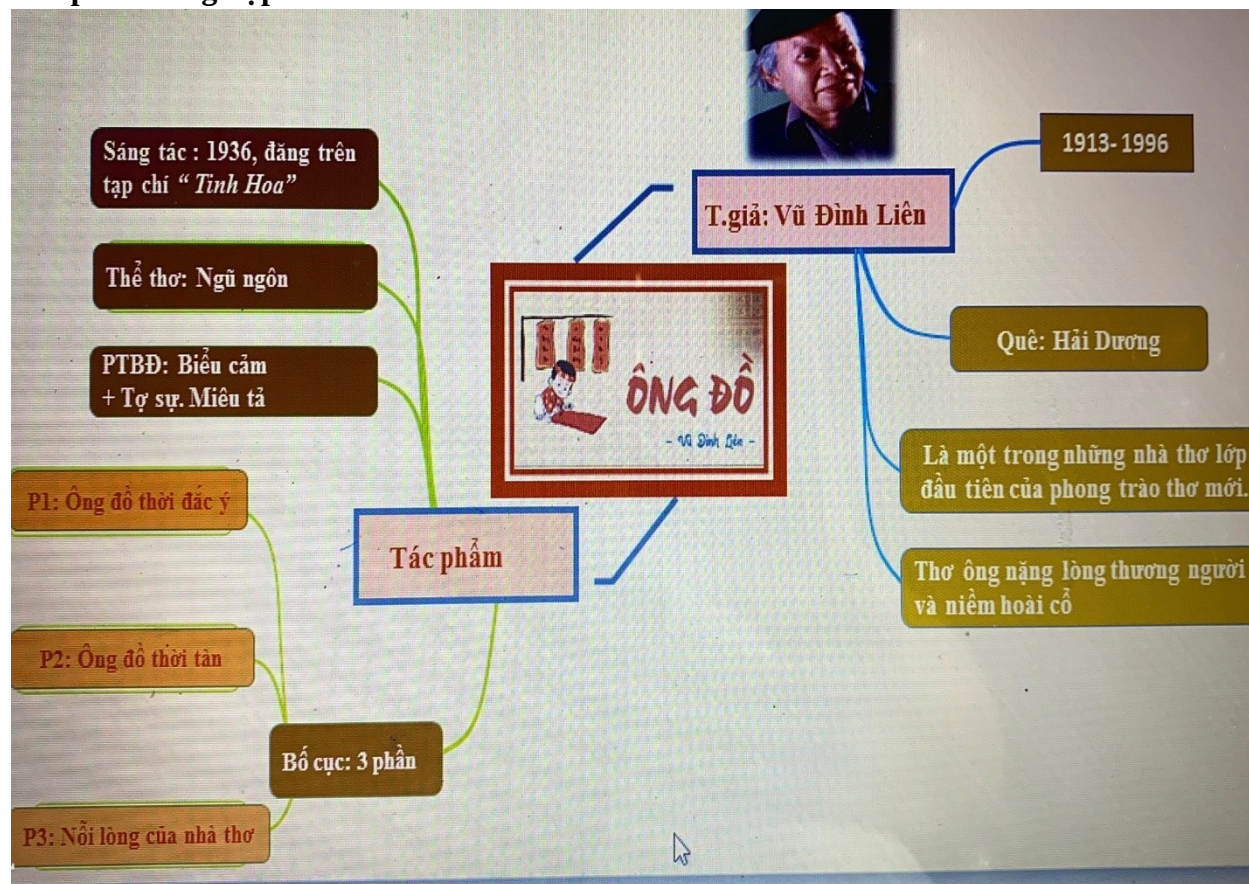
- **Bố cục:** 3 phần

+ Phần 1 (K1,2) : Hình ảnh ông đồ thời đặc ý

+ Phần 2 (K3,4): Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi

+ Phần 3 (K5): Nỗi lòng của nhà thơ.

Sản phẩm tổng hợp:



II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB

1. Hình ảnh ông Đồ thời đặc ý (khổ 1+2)

Mục tiêu: Giúp HS phân tích và nắm được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của đoạn thơ, từ đó thấy được một nét đẹp văn hóa của dân tộc và yêu những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

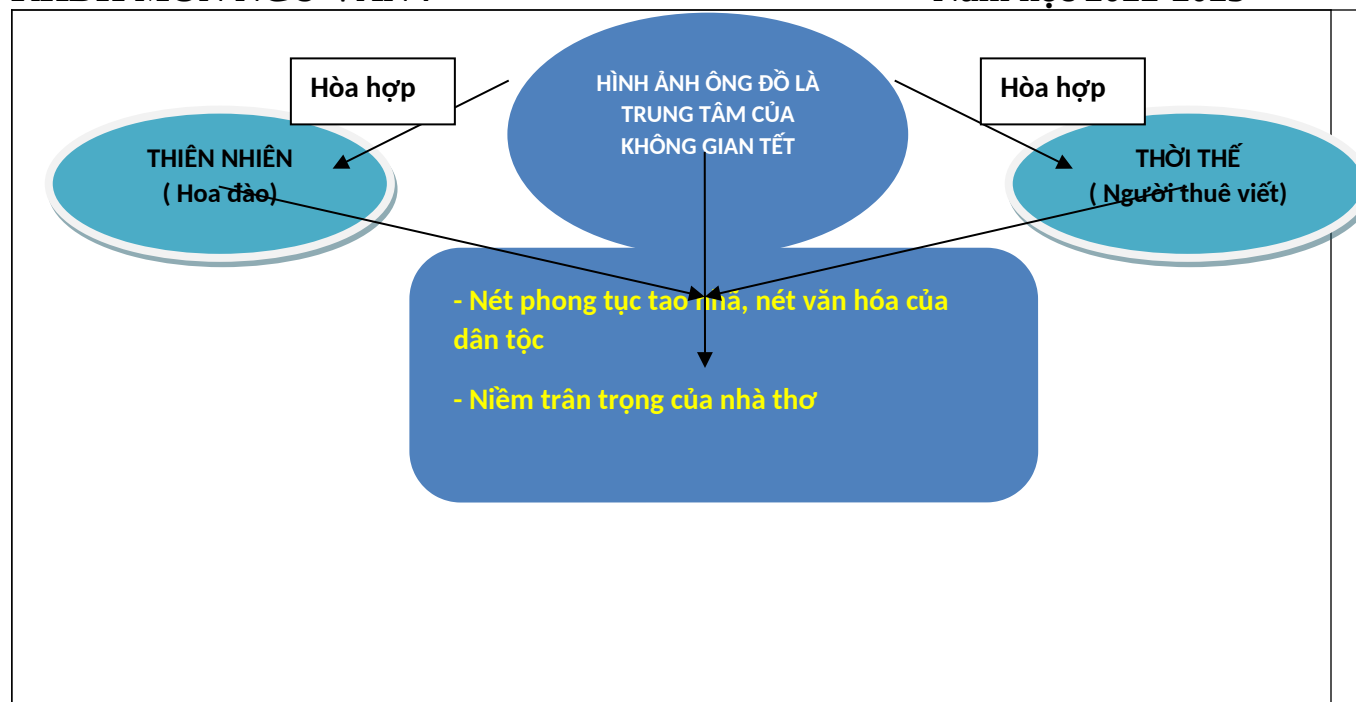
Nội dung:

GV đặt câu hỏi để tìm hiểu nội dung đoạn thơ

HS: Suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

Tổ chức thực hiện		Sản phẩm																													
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Hình ảnh ông Đồ thời đặc ý ? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (thời gian, không gian)? Hình ảnh ông đồ hiện lên ntn (công việc, tài năng)? Để làm nổi bật hình ảnh ông đồ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bối cảnh xuất hiện</th><th colspan="2">Hình ảnh ông đồ</th></tr> <tr> <th>Thời gian</th><th>Không gian</th><th>Công việc</th><th>Tài năng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr> <td colspan="2">N.xét:</td><td colspan="2">N.xét:</td></tr> </tbody> </table>		Bối cảnh xuất hiện		Hình ảnh ông đồ		Thời gian	Không gian	Công việc	Tài năng					N.xét:		N.xét:		a. Bối cảnh xuất hiện <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bối cảnh xuất hiện</th><th colspan="2">Hình ảnh ông đồ</th></tr> <tr> <th>Thời gian</th><th>Không gian</th><th>Công việc</th><th>Tài năng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dịp tết đến xuân về (hoa đào nở)</td><td>bên hè phố đông người qua lại.</td><td>+ Viết câu đối (bày mực tàu giấy đỏ) => phong tục ngày tết ở nước ta xưa. + NT: Cặp từ “ mỗi... lại...” cùng hình ảnh sóng đôi “ hoa đào” – “ ông đồ”=> cho thấy bước chuyển động cuat thời gian. Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời</td><td>+ Nét chữ đẹp, phóng khoáng, bay bổng, sinh động. (như phượng múa rồng bay.) + Thái độ của mọi người: Mọi người quý trọng, mến mộ tài năng của ông đồ. + NT: Hoán dụ (hoa tay), so sánh (như...), thành ngữ (phượng múa rồng bay) => làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ.</td></tr> </tbody> </table>		Bối cảnh xuất hiện		Hình ảnh ông đồ		Thời gian	Không gian	Công việc	Tài năng	Dịp tết đến xuân về (hoa đào nở)	bên hè phố đông người qua lại.	+ Viết câu đối (bày mực tàu giấy đỏ) => phong tục ngày tết ở nước ta xưa. + NT: Cặp từ “ mỗi... lại...” cùng hình ảnh sóng đôi “ hoa đào” – “ ông đồ”=> cho thấy bước chuyển động cuat thời gian. Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời	+ Nét chữ đẹp, phóng khoáng, bay bổng, sinh động. (như phượng múa rồng bay.) + Thái độ của mọi người: Mọi người quý trọng, mến mộ tài năng của ông đồ. + NT: Hoán dụ (hoa tay), so sánh (như...), thành ngữ (phượng múa rồng bay) => làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ.
Bối cảnh xuất hiện		Hình ảnh ông đồ																													
Thời gian	Không gian	Công việc	Tài năng																												
N.xét:		N.xét:																													
Bối cảnh xuất hiện		Hình ảnh ông đồ																													
Thời gian	Không gian	Công việc	Tài năng																												
Dịp tết đến xuân về (hoa đào nở)	bên hè phố đông người qua lại.	+ Viết câu đối (bày mực tàu giấy đỏ) => phong tục ngày tết ở nước ta xưa. + NT: Cặp từ “ mỗi... lại...” cùng hình ảnh sóng đôi “ hoa đào” – “ ông đồ”=> cho thấy bước chuyển động cuat thời gian. Ông đồ xuất hiện không chỉ một năm mà hàng năm như một quy luật tuần hoàn của thời	+ Nét chữ đẹp, phóng khoáng, bay bổng, sinh động. (như phượng múa rồng bay.) + Thái độ của mọi người: Mọi người quý trọng, mến mộ tài năng của ông đồ. + NT: Hoán dụ (hoa tay), so sánh (như...), thành ngữ (phượng múa rồng bay) => làm nổi bật tài hoa, cốt cách của ông đồ.																												
Phiếu học tập số 2 B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Đọc hai khổ thơ và suy nghĩ thảo luận theo nhóm bàn để TLCH GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Ông đồ xuất hiện trong bối cảnh nào (Thời gian, không gian)? ? Em có nhận xét gì về bối cảnh đó? ? Hình ảnh ông đồ hiện lên ntn? Câu thơ nào miêu tả công việc và tài năng của ông? ? Để làm nổi bật hình ảnh và tài năng của ông đồ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? B3: Báo cáo thảo luận GV: Yêu cầu nhóm trưởng trình bày kết quả thảo luận HS: Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS - Chốt nội dung (sản phẩm). - Chuyển dẫn sang nội dung sau.																															

		gian, không gian và con người	
=> Hoa đào là loài hoa đặc trưng cho ngày Tết cổ truyền của dân tộc VN. Hoa đào nở là báo hiệu Tết đã đến, xuân đã về. Ông Đồ là hình ảnh trung tâm của bức tranh xuân đó. Ông có mặt giữa mùa đẹp nhất, vui nhất, hạnh phúc nhất của con người, trong khung cảnh tấp nập đông vui khi Tết đến xuân về.		=> Cuộc sống của ông tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. Sự tồn tại của ông đồ trong xã hội lúc bấy giờ là không thể thiếu. Mọi người quý trọng ông đồ là <i>quí trọng một nếp sống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta, mến mộ các nhà Nho và chữ Nho</i> . Ông là người góp phần làm nên nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.	



G

V: Theo phong tục, khi tết đến, người ta thường sắm câu đối hoặc đôi chữ nho viết trên giấy đỏ hoặc lụa đỏ để dán trên vách, trên cột nhà, vừa để trang hoàng nhà cửa thêm đẹp, vừa để gửi gắm lời chúc tốt lành. Khi đó, người ta phải tìm đến ông đồ (người hay chữ). Ông đồ tài hoa và cốt cách là trung tâm của không gian ngày Tết. Đó là sự hòa hợp của các yếu tố thiên thời, địa lợi (thiên nhiên đẹp đẽ, ấm áp, không khí vui tươi với những bông hoa đào nở,...) và bên cạnh đó là sự hòa hợp của con người - nhân hòa (người thuê viết chữ ông rất đông). Hình ảnh của ông đồ xuất hiện trong ngày Tết là một nét phong tục tạo nết, một nét đẹp văn hóa của dân tộc. Qua hai khổ thơ đầu, chúng ta không chỉ thấy được sự trân trọng của mọi người mà còn thấy được tấm lòng trân trọng của nhà thơ đối với ông đồ cũng như đối với nét đẹp văn hóa dân tộc.

Nhưng đến những năm đầu TK20, nền Hán học (chữ nho) dần mất vị thế quan trọng khi chế độ thi cử PK bị bãi bỏ (Khoa thi cuối cùng vào năm 1915), một thành trì văn hóa cũ sụp đổ. Các nhà nho từ chỗ là nhân vật trung tâm trong đời sống VH tinh thần của dân tộc được XH tôn vinh bỗng chốc bước lạc hướng thời đại, bị bỏ quên và cuối cùng vắng bóng. Trẻ con không đi học chữ nho nữa mà học chữ Pháp, Nhật, quốc ngữ. Cuộc sống tây hóa khiến người ta không còn vui sắm câu đối chơi tết nữa. Ông đồ vắng bóng và biến mất trên đường phố ngày tết và trong tâm trí của mọi người. Và hình ảnh ông đồ được phác họa ntn, chúng ta chuyển sang khổ 3,4.

2. Hình ảnh ông đồ thời tàn lụi

Mục tiêu: Hình dung rõ hình ảnh ông đồ thời tàn cùng thái độ của nhà thơ trước thực tại.

Nội dung:

GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh ông đồ thời tàn lụi.

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia nhóm lớp: 4 nhóm = 4 câu hỏi

- Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 3

Điểm giống và khác nhau ở hai khổ thơ sau với hai khổ thơ đầu

Ông đồ thời đắc ý

Ông đồ thời tàn lụi

bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3,4.

- Thời gian: 7 phút

1. Tìm những chi tiết, hình ảnh cho thấy sự giống và khác nhau trong hai thời điểm ông đồ xuất hiện.

Giống

Ông đồ thời đắc ý

Ông đồ thời tàn lụi

2. Trong hai câu thơ: “ Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sâu” “ Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay”, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật đó?

3. Cảm nhận về hình ảnh ông đồ trong hai khổ thơ 3,4?

4. Sự đối lập của hình ảnh ông đồ ở 4 khổ thơ đầu đã phản ánh điều gì trong đời sống văn hoá của dân tộc?

Dự kiến tình huống khó khăn: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 2.

Tháo gỡ: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em phát hiện biện pháp NT nhân hóa, từ đó hiểu được nỗi buồn của con người,...)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).

- Đọc các khổ thơ 1,2,3,4

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:- Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS.

- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.

- Thời gian: hết đến xuân về

- Ông đồ vẫn ngồi bên hè phố cùng mực tàu, giấy đỏ

- Bao nhiêu người thuê viết,

- Tăm tắp ngợi khen tài

- Người thuê viết nay đâu.

- Qua đường không ai hay (Thờ ơ, đứng đưng, không ai để ý đến sự có mặt của ông, quay lưng lại với một nét đẹp văn hóa.

2. Tác giả đã nhân hoá “giấy đỏ - buồn, nghiên - sâu”. Trời đất, đồ vật dường như cũng âm đạm, buồn bã cùng với ông đồ. Nỗi buồn tủi của ông đồ như thấm vào những vật vô tri, vô giác.

3. Ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy.

- Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc.

4. Đó chính là sự thay đổi trong đời sống văn hoá của người VN: Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc.

GV: Giờ đây ông đồ trở nên trơ trọi lạc lõng, tội nghiệp giữa dòng đời trôi chảy, ông ngồi trong

mưa bụi bay và lá vàng rơi trên giấy. Ông ngồi đấy lặng lẽ mà trong lòng ông là một tấn bi kịch, là sự sụp đổ hoàn toàn. Ông đồ ở 2 khổ thơ sau là ông đồ một thời tàn, bị bỏ rơi vào sự vô tình, lãng quên của mọi người. Hình ảnh đầy xót xa, thương cảm của một lớp người tài hoa đang bị lãng quên, đang tàn tạ trước sự thay đổi của thời cuộc. Con người đã lạnh lùng từ chối một giá trị, một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc. Hình ảnh ông đồ chính là “ di tích tiêu tụy, đáng thương của một thời tàn” - nói như lời của tác giả. Và nhà thơ Tú Xương cũng đã phản ánh sự suy tàn của chữ nho:

“ Nào có hay gì cái chữ nho
Ông nghề, ông cống cũng nằm co...”

3. Nỗi lòng của nhà thơ

Mục tiêu: HS hiểu được tình cảm, thái độ của nhà thơ đối với lớp nhà nho xưa, cảm xúc nuối tiếc một nét đẹp văn hóa dân tộc.

Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nỗi lòng của tác giả HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

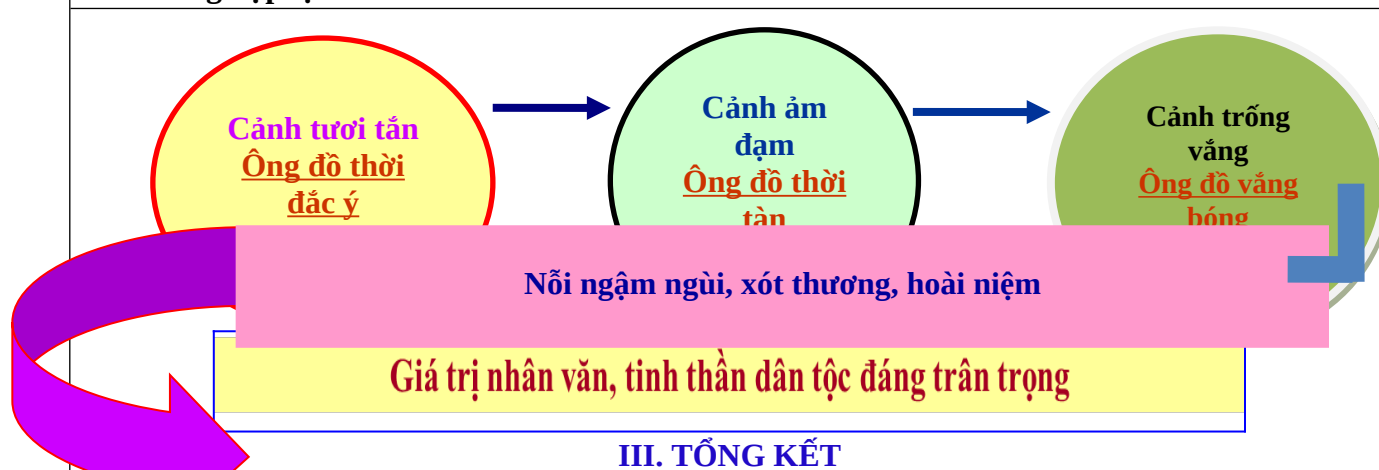
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm						
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trong hai câu thơ đầu, tác giả sử dụng biện pháp NT gì? Tác dụng? - Câu hỏi tu từ cuối bài thể hiện tâm tư gì của nhà thơ? Qua đó, em hiểu nhà thơ là người ntn? - Trao đổi và chia sẻ để trả lời các câu hỏi. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: đọc ngữ liệu trong SGK (khổ 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi, trao đổi cặp đôi. GV: giải thích, bình thêm. B3: Báo cáo, thảo luận GV:- Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS- Gọi HS trả lời câu hỏi - Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau Phiếu bài tập số 4 <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;"></td><td style="width: 33%; text-align: center;">Hình ảnh ông đồ thời đặc ý</td><td style="width: 33%; text-align: center;">Hình ảnh ông đồ thời tàn</td></tr> </table>			Hình ảnh ông đồ thời đặc ý	Hình ảnh ông đồ thời tàn	+ 2 câu đầu: - Sử dụng NT: phép đối: thấy >< không thấy. - Kết cấu đầu cuối tương ứng (Hình ảnh hoa đào) chặt chẽ làm nổi bật chủ đề: “Cảnh cũ người đâu”. => Sự thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ. Hình ảnh ông đồ đã trở thành dĩ vãng, vắng bóng trong cuộc sống hiện đại. + 2 câu cuối: Là một câu hỏi tu từ, một lời tự vấn của nhà thơ. Câu thơ chứa đầy cảm xúc và mang ý nghĩa khái quát. Từ hình ảnh ông đồ ngồi viết câu đối mỗi độ xuân về, nhà thơ đã nói đến cả một lớp “người muôn năm cũ”- những nhà Nho xưa. => Câu hỏi đã toát lên niềm thương cảm chân thành cho những nhà Nho danh giá một thời nay bị lãng quên do thời cuộc thay đổi. - Thương tiếc những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc ta nay bị tàn tạ, lãng quên. => Đó chính là tinh thần dân tộc, lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ. - Ông muốn nhắn nhủ thế hệ trẻ: hãy giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa của dân tộc. <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;"></td><td style="width: 33%; text-align: center;">Hình ảnh ông đồ thời đặc ý</td><td style="width: 33%; text-align: center;">Hình ảnh ông đồ thời tàn</td></tr> </table>		Hình ảnh ông đồ thời đặc ý	Hình ảnh ông đồ thời tàn
	Hình ảnh ông đồ thời đặc ý	Hình ảnh ông đồ thời tàn						
	Hình ảnh ông đồ thời đặc ý	Hình ảnh ông đồ thời tàn						

Khung cảnh			Khung cảnh	Bức bức tranh xuân tươi tắn, rộn rã	Bức tranh xuân tàn lụi, ảm đạm, mưa bụi, lá vàng...
Hình ảnh ông đồ			Hình ảnh ông đồ	Ông đồ là hình ảnh trung tâm, tài năng được mến mộ	Ông đồ đáng thương, cô độc, lạc lõng, bị mọi người quên lãng.
Tình cảm của nhà thơ			Tình cảm của tác giả	-Trân trọng, ngợi ca ông đồ - Trân trọng chữ nho, thú chơi chữ – nét đẹp văn hoá của dân tộc.	-Xót thương cho một lớp người. -Luyến tiếc khi nhìn thấy nét đẹp văn hóa của dân tộc bị phôi pha.

=> Sự tương phản làm nổi bật sự thăng trầm của số phận ông đồ, sự phai nhạt một nét đẹp văn hóa

=> Thể hiện cảm hứng thương người và hoài cổ của Vũ Đình Liên.

GV: Tổng hợp lại kiến thức:



III. TỔNG KẾT

Mục tiêu: Khái quát được nội dung, nghệ thuật của bài thơ

Nội dung:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản...
- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn.	1. Nghệ thuật: - Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng, khai

- Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Ông đồ”? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide	thác có hiệu quả. Giọng điệu chủ yếu của bài là ngậm ngùi, trầm lắng. - Kết cấu tương phản, có hình ảnh đầu cuối lặp lại. - Ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị mà giàu sức gợi. Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ. 2. Nội dung: - Tình cảnh thất thế, tàn tạ đáng thương của ông đồ. - Niềm thương cảm của tác giả trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa. 3. Ý nghĩa: Khắc họa hình ảnh ông đồ, nhà thơ thể hiện nỗi tiếc nuối cho những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc đang bị tàn phai.

3. HĐ 3: Luyện tập (16')

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học để chơi trò chơi ô chữ.

b) **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân => trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

? Hoàn thiện ô chữ trong trò chơi

2. Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là tín hiệu mùa xuân đồng hiện với hình ảnh ông đồ trong khổ thơ thứ nhất
3. Ô chữ có 9 chữ cái. Thủ pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong bài thơ?
Ô chữ có 6 chữ cái. Điền vào phần chấm của câu văn:
Ô chữ có 6 chữ cái. Đây là thú chơi tao nhã của ông cha dịp Tết đến
Ô chữ có 8 chữ cái. Điền vào phần chấm của hai câu thơ sau: Năm nay đào lại nở, / Không thấy
Từ chìa khóa: Ô chữ có 7 chữ cái. Một trong hai cảm hứng chính trong thơ Vũ Đình Liên?

B2: Thực hiện

GV: Chiếu trò chơi

HS: Chọn câu hỏi và trả lời – Tìm ra chữ chìa khóa: **HOÀI CỐ**

4. HĐ 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đoạn văn thuyết trình của hs

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật, lĩnh vực văn hóa.

? Trưng bày một số bức tranh về chữ Nho và phong tục viết chữ Nho của dân tộc (ở chùa đầu xuân) Học sinh nêu cảm nhận về nét văn hóa truyền thống xưa.

? Các em làm gì để giữ gìn, phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và qua quan sát, tìm hiểu của cá nhân.

HS: suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...

* **Dặn dò:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài **“Tiếng gà trưa”**

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT **(1 tiết)**

1. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức:

- Tác dụng của một số biện pháp tu từ: đối lập, so sánh, câu hỏi tu từ,...

1.2 Về năng lực:

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ: đối lập, so sánh, câu hỏi tu từ,

...

1.3 Về phẩm chất:

- Yêu mến vẻ đẹp của Tiếng Việt, tự hào về nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, bồi đắp tình mẫu tử, từ đó có ý thức trước những hành động của mình.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Sách 99 phương tiện và biện pháp tu từ Tiếng Việt.
- Phiếu học tập.

Họ và tên:

Số:

Bài 1: Biện pháp đối lập

Lưng mẹ còng rồi Cau ngày càng cao
Cau thì vẫn thẳng Mẹ ngày một thấp
Cau ngon xanh ròn Cau gần với giới
Mẹ đầu bạc trắng Mẹ thì gần đất!

- Tìm biện pháp đối lập?	
- Tác dụng:	+ Tác dụng diễn đạt: + Tác dụng biểu thị nội dung: + Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả:

Bài 2: Biện pháp so sánh

Một miếng cau khô
Khô gầy như mẹ
Con nâng trên tay
Không cầm được lệ

- Tìm biện pháp so sánh?	
- Tác dụng:	+ Tác dụng diễn đạt: + Tác dụng biểu thị nội dung: + Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả:

Bài 3: Câu hỏi tu từ

Ngẩng hỏi trời vậy
- Sao mẹ ta già?
Không một lời đáp
Máy bay về xa.

- Tìm câu hỏi tu từ?	
- Tác dụng:	+ Tác dụng diễn đạt: + Tác dụng biểu thị nội dung: + Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả:

Bài 4: Câu hỏi tu từ

Năm nay đảo lại nó
Không thấy ông đồ xưa
Những người muốn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

- Tìm câu hỏi tu từ?	
- Tác dụng:	+ Tác dụng diễn đạt: + Tác dụng biểu thị nội dung: + Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả:

Nhận xét chung về tác dụng của các biện pháp tu từ?

.....
.....
.....
.....

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- e) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- f) Nội dung:** GV tổ chức thi kể tên các biện pháp tu từ tiếng Việt, cho ví dụ minh họa.
- g) Sản phẩm:** Tên các biện pháp tu từ và ví dụ.
- h) Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

*** Trò chơi tiếp sức:** Lớp chia thành 2 đội. Trong 5 phút: kể tên các biện pháp tu từ tiếng Việt, cho ví dụ minh họa. Kể tên biện pháp tu từ đúng được 5 điểm, nêu ví dụ đúng được 10 điểm. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS chuẩn bị kiến thức về các biện pháp tu từ để tham gia trò chơi.

B3: Báo cáo, thảo luận:

Hs tham gia cuộc thi do GV điều hành.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét phần thi của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Khái niệm một số biện pháp tu từ		
a) Mục tiêu: Nhắc lại khái niệm về một số biện pháp tu từ. b) Nội dung: Trò chơi Những mảnh ghép hoàn hảo. Nhóm đôi. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện		
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS ghép thông tin 2 cột để có khái niệm đúng về các biện pháp tu từ. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và ghép cột. HS hoạt động nhóm đôi. B3: Báo cáo, thảo luận Chọn 1 cặp đôi lên trình bày. B4. Kết luận, nhận định (GV) - HS nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	Biện pháp tu từ	Khái niệm
	1. So sánh	A. Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi, tả con người.
	2. Nhân hóa	B. Sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau.
	3. Điệp ngữ	C. Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng khái niệm khác có nét tương đồng với nó.
	4. Đối lập (tương phản)	D. Đối chiếu sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng.
	5. Ẩn dụ	E. Lặp lại từ ngữ hay câu nhằm làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.
1-D; 2-A; 3-E; 4-B; 5-C		

3. Hoạt động 3: Luyện tập (Thực hành)

Nêu tác dụng của biện pháp tu từ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết các biện pháp tu từ.

- Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ, đoạn thơ.

b) Nội dung:

- GV sử dụng **Kỹ thuật mảnh ghép** cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Vòng chuyên gia (8 phút: 4p cá nhân, 4p thảo luận nhóm) - Chia lớp ra làm 4 nhóm (Dãy A: Nhóm 1A, 2A; Dãy B: Nhóm 1B, 2B): - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2-1,2-... - Phát phiếu học tập cho cá nhân (Đủ tất cả các câu hỏi của 2 vòng thảo luận). Câu hỏi thảo luận vòng chuyên gia: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ (tác dụng diễn đạt, tác dụng biểu thị nội dung, tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả)? Bài 1. (Biện pháp đối lập) <i>Lưng mẹ còng rồi</i> <i>Cau thì vẫn thẳng</i> <i>Cau-ngọn xanh rờn</i> <i>Mẹ-đầu bạc trắng</i> <i>Cau ngày càng cao</i> <i>Mẹ ngày một thấp</i> <i>Cau gần với giời</i> <i>Mẹ thì gần đất!</i> Bài 2. (Biện pháp so sánh) <i>Một miếng cau khô</i> <i>Khô gầy như mẹ</i> <i>Con nâng trên tay</i> <i>Không cầm được lệ</i> Bài 3. (Câu hỏi tu từ) <i>Ngẩng hỏi giời vậy</i> <i>- Sao mẹ ta già?</i> <i>Không một lời đáp</i>	1. Bài 1 - Biện pháp đối lập: + Lưng mẹ còng – cau vẫn thẳng. + Cau xanh rờn – Đầu mẹ bạc trắng. + Cau càng cao – Mẹ càng thấp. + Cau gần trời – Mẹ gần đất. - Tác dụng: + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn. + Nhấn mạnh: Dấu vết thời gian trên dáng hình của mẹ. + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: yêu mẹ, thương mẹ ngày càng già yếu. 2. Bài 2 - Biện pháp so sánh: + Miếng cau khô gầy như mẹ. - Tác dụng: + Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn. + Nhấn mạnh sự gầy gò, già yếu của mẹ. + Thể hiện tình cảm của nhà thơ: xót xa trước sự già nua của mẹ. 3. Bài 3 - Câu hỏi tu từ: + <i>Sao mẹ ta già?</i> - Tác dụng: + Làm cho lời thơ hay, sinh động

Mây bay về xa.

Bài 4. (Câu hỏi tu từ)

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Nhóm 1A, 1B: Bài 1,2.

Nhóm 2A, 2B: Bài 3,4.

*** Vòng chia sẻ (7 phút)**

- Tạo nhóm mới trong từng dãy A, B (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới) & giao nhiệm vụ mới:

- 4p: Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia?

- 3p: Hoàn thành **câu hỏi nhận xét chung**:

Nhận xét chung về tác dụng của các biện pháp tu từ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Làm việc theo các bước hướng dẫn ở trên.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- **Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:**

+ **Cách thức:** mỗi nhóm trình bày 1 nội dung. Gv hỗ trợ: Chụp ảnh nội dung thảo luận của nhóm, chiếu trên màn hình.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang phần tổng kết.

hơn.

+ Khẳng định tuổi già của mẹ.

+ Thể hiện tình cảm của nhà thơ: thương mẹ tuổi cao, sức yếu.

4. Bài 4

- Câu hỏi tu từ:

+ *Hồn ở đâu bây giờ?*

- Tác dụng:

+ Làm cho lời thơ hay, sinh động hơn.

+ Thể hiện tình cảm của nhà thơ: tiếc nuối một nét đẹp văn hóa dân tộc đã bị phai tàn.

*** Nhận xét đặc điểm chung về tác dụng của các biện pháp tu từ:**

- Tác dụng với sự diễn đạt: Lời thơ hay và giàu sức biểu cảm hơn.

- Tác dụng biểu thị nội dung: Nhấn mạnh nội dung được thể hiện.

- Tác dụng thể hiện tình cảm của tác giả.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

Bài tập: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 3 đoạn thơ mà em thích (Ngoài các đoạn thơ đã làm trong sgk).

- Nộp sản phẩm bằng giấy kiểm tra hoặc trên phần mềm Padlet.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lên ý tưởng cho bài thơ.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:
TIẾNG GÀ TRƯA

– Xuân Quỳnh –



I. MỤC TIÊU

1 Về kiến thức:

- Biết về tác giả Xuân Quỳnh.
- Cơ sở của lòng yêu nước, sức mạnh của người cuộc sống trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: những kỉ niệm tuổi thơ trong sáng, sâu nặng tình nghĩa.
- Nắm được nghệ thuật sử dụng điệp từ, điệp ngữ điệp câu trong bài thơ.

2 Về năng lực:

- Đọc- hiểu, phân tích văn bản thơ trữ tình sử dụng các yếu tố tự sự.
- Phân tích các yếu tố biểu cảm trong bài.
- NL xác định giá trị, NL lắng nghe tích cực, NL tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

3 Về phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ “Tiếng gà trưa”.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** Thực hiện yêu cầu GV đưa ra

- GV: Cho hs xem video và chia sẻ cảm xúc của mình.

c) **Sản phẩm:** HS trình bày được đúng yêu cầu của giáo viên .

- HS: Hs bộc lộ cảm xúc của riêng mình.

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

B2: Thực hiện nhiệm vụ: Viết ra giấy

B3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- GV dẫn dắt: Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã từng viết:

“Quê hương là gì hả mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không nhớ nổi thành người”

Quả đúng như vậy. Ai cũng có một quê hương cho riêng mình và mỗi người có những kỷ niệm gắn bó máu thịt với quê hương yêu dấu. Để rồi khi đi xa luôn đau đáu nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nữ sĩ Xuân Quỳnh cũng đã nhớ về quê hương của mình với những kỷ niệm ấu thơ gắn bó với hình ảnh người bà kính yêu. Nỗi nhớ của Xuân Quỳnh được thể hiện qua bài thơ “Tiếng gà trưa” mà hôm nay cô trò ta cùng thưởng thức.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
Hoạt động 1: Giới thiệu chung a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm b) Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm. d) Tổ chức thực hiện:	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV: Căn cứ vào phần chú thích và những hiểu biết của em về Xuân Quỳnh, hãy trình bày tóm tắt đôi điều về tác giả của bài thơ này? - GV: Hãy cho biết bài thơ được sáng tác trong thời điểm nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh dựa vào sự chuẩn bị ở nhà để trình bày. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. GV bổ sung: - Xuất thân trong một gia đình công chức, mồ côi mẹ từ khi còn nhỏ, xa cha, sống với bà ở La Khê - thời gian này là nguồn cảm hứng để tác giả thể hiện trong sáng tác của mình. - Tập thơ đầu tay: Chồi biếc (1963). Xuân Quỳnh mất ngày 29/8/1988 trong một tai nạn giao thông cùng với chồng - nhà viết kịch hiện đại Lưu	 I. Giới thiệu chung 1. Tác giả - Xuân Quỳnh sinh năm 1942 và mất năm 1988, tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.

Quang Vũ và con trai út Lưu Quỳnh Thơ 13 tuổi. - GV giới thiệu 1 số tác phẩm của Xuân Quỳnh: <i>Tơ tằm, chồi biếc</i> (1963), <i>Hoa dọc chiến hào</i> (1968), <i>Gió Lào cát trắng</i> (1974), <i>Lời ru trên mặt đất</i> (1978), <i>Sân ga chiều em đi</i> (1978), <i>Tự hát</i> (1984), <i>Hoa cỏ may - Tập thơ đạt giải thưởng văn học năm 1990 của hội nhà văn VN.</i> - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.	- Quê ở làng An Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). - Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị, trong sáng của đời sống gia đình và cuộc sống hàng ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đắm thắm - Thơ Xuân Quỳnh trẻ trung, sôi nổi, đôn hậu, giàu nữ tính.

2. Tác phẩm	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, bố cục...) b) Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập cho HS thảo luận nhóm. - HS dùng phiếu học tập để trả lời, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: ? Nêu hoàn cảnh sáng tác? Xác định thể thơ? Chỉ ra những yếu tố đặc trưng của thể thơ qua bài thơ (vần, nhịp, dòng, khổ thơ). ? Bài thơ gồm mấy khổ thơ? Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.	a) Đọc và tìm hiểu chú thích - HS đọc đúng, truyền cảm. b) Tìm hiểu chung * Hoàn cảnh sáng tác: Tiếng gà trưa được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Bài thơ được in lần đầu trong tập thơ <i>Hoa dọc chiến hào</i> (1968) của Xuân Quỳnh. * Thể thơ: ngũ ngôn (5 chữ). * Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả kết hợp biểu cảm. * Bố cục Gồm 3 phần:

	Phần 1: Từ đầu đến “Nghe gọi về tuổi thơ” (Những rung cảm ban đầu của cháu khi nghe tiếng gà trưa). Phần 2: Tiếp theo đến “Đi qua nghe sột soạt” (Tiếng gà trưa gợi về những kỉ niệm tuổi thơ). Phần 3: Còn lại. Những suy tư của cháu từ tiếng
GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN	
1. Tiếng gà trưa làm thức dậy tình cảm làng quê	
Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích a) Mục tiêu: HS phân tích văn bản b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp. c) Sản phẩm: Đáp án của HS d) Tổ chức thực hiện:	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Khổ thơ 1 kể về 1 sự việc bình thường mà thú vị. Theo em đó là sự việc gì? Em có nhận xét gì về thời điểm xảy ra sự việc? - GV: Theo em, biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ này và tác dụng của nó? - GV: Sử dụng điệp từ “nghe” cho ta thấy tác giả đã cảm	- Hoàn cảnh: Người cháu đang trên đường hành quân, nhìn thấy xóm làng liền ghé vào nghỉ ngơi. - Âm thanh: tiếng gà “cục tác cục ta”.

nhận âm thanh tiếng gà trưa bằng những giác quan nào?

- **GV:** Ngoài phép điệp từ, em có nhận xét gì về hình ảnh, ngôn ngữ thơ ở đây?

- **GV:** Đường hành quân xa là đường ra trận, với người ra trận tiếng gà trưa gợi cảm giác mới lạ nào.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung

- Thời điểm cụ thể về thời gian, không gian, nơi chốn

- Điệp từ : nghe - nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa - cảm xúc lan toả trong tâm hồn

- GV: đây là biện pháp tu từ ta sẽ học kĩ ở tiết sau.

- Thính giác, cảm nhận bằng tâm tưởng, hồi ức, bằng cảm xúc của tâm hồn. Như vậy ở đây có sự chuyển đổi cảm giác. Chữ nghe được điệp lại làm cho giọng thơ ngọt ngào hơn, tha thiết hơn, mở ra những liên tưởng đáng yêu.

- Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị

- Nắng trưa xao động, bàn chân đỡ mỏi, tuổi thơ hiện về.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:



- **GV:** Vậy điều đó nói lên tình cảm gì của người chiến sĩ đối với làng xóm quê hương?

- **GV:** Từ việc phân tích trên, em hiểu điều gì về con người, tâm hồn của tác giả?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thảo luận Cặp đôi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung

+ Tiếng gà là âm thanh của làng quê, âm thanh bình dị,

- Tâm trạng: điệp từ “nghe” kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “xao động nắng trưa”, “bàn chân đỡ mỏi”, “trở về tuổi thơ”.

=> Tiếng gà trưa trở thành âm thanh gợi về những kỉ niệm tuổi thơ.

=> Tác giả là người có tình yêu làng quê sâu sắc.

thân thuộc bao đời, âm thanh mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê. + Tiếng gà vang lên phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê, tiếng gà đem lại niềm vui. + Tiếng gà gợi kỉ niệm ấu thơ. - Tình cảm gắn bó với làng xóm quê hương - tình yêu quê hương thấm thiết, sâu nặng. - Tâm hồn rộng mở, yêu làng xóm quê hương tha thiết. - Sự nhạy cảm, tinh tế, yêu những gì đơn sơ, bình dị nhỏ bé nhưng rất đời thân thương. Một tiếng gà trưa cũng gợi mở bao cảm xúc thấm sâu trong lòng. Tiếng gà trưa là âm thanh đồng vọng của gia đình, làng xóm, quê hương đất nước. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. GV bình: Như vậy, tiếng gà nhảy ổ như một phép thần kì đã truyền cho người chiến sĩ bao niềm vui, bao nghị lực. Người lính trẻ nghe tiếng gà trưa như cảm thấy trong nắng trưa đang lung linh, đang nhảy múa xôn xao trước mắt thật vui, tưởng như có làn gió mát thổi qua tâm hồn mình làm vơi đi, làm dịu bớt ánh nắng buổi trưa, như xua tan cái mệt mỏi và tiếp thêm sức mạnh để vượt qua chặng đường phía trước, sẵn sàng dấn thân vào cuộc chiến đấu đầy gian khổ. Nghe tiếng gà trưa người chiến sĩ thêm xao xuyến, mọi kỉ niệm tuổi thơ như được đánh thức, bừng dậy, ùa về.	
2. Tiếng gà trưa gắn liền với kỉ niệm ấu thơ thân thương	
Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích a) Mục tiêu: HS phân tích văn bản b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, làm phiếu bài tập. c) Sản phẩm: Đáp án của HS d) Tổ chức thực hiện:	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: yêu cầu HS đọc khổ thơ 2,3,4,5,6 Và yêu cầu hs làm phiếu bài tập số 2	- Kỉ niệm tuổi thơ bên người bà lần lượt hiện ra qua dòng hồi tưởng của người cháu: - Hình ảnh: con gà mái mơ - mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng - lông óng như màu nắng. Đó là



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ hoàn thành phiếu bài tập.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung.
- Tiếng gà trưa đã khơi dậy hình ảnh những con gà mái với những quả trứng hồng.
- Những chi tiết gợi tả một màu sắc tươi sáng. Qua những chi tiết đó người đọc như thấy hiện ra hình ảnh đàn gà đẹp dễ xinh xắn đáng yêu. Vẻ đẹp ấy gợi liên tưởng tới cuộc sống đầm ấm hiền hoà bình dị.
- **GV:** Lời thơ “Này ... mái” như tiếng gọi được lặp lại trong đoạn thơ có tác dụng gì?
- Biểu hiện tình cảm nồng hậu gắn gũi thân thương sự gắn bó của gia đình và làng quê.
- Kỉ niệm xem trộm gà đẻ bị bà mắng.
- Hình ảnh người bà chăm chút từng quả trứng để giành cho gà mái ấp.
- Nỗi lo lắng của người bà mỗi khi mùa đông trời “Cứ hàng...muối”.
- Niềm vui thuở ấu thơ khi xuân về tết đến có được quần áo mới.
- Đó là lời mắng yêu. Bà có mắng cháu thì cũng xuất phát từ tình yêu thương, từ mong muốn cháu xinh đẹp có hạnh phúc.

GV bình: rõ ràng chi tiết này thể hiện chân thật tình cảm giản dị mà sâu sắc trong tình yêu bà dành cho cháu.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- **GV:** Hình ảnh bà chặt chiu từng quả trứng gọi cho em suy nghĩ gì về bà.
- **GV:** Những câu thơ “Cứ hàng ... áo mới” nói về điều

hình ảnh thân thuộc, gắn gũi với nông thôn.

- Kỉ niệm: người cháu tò mò xem gà đẻ trứng, bị bà mắng “Gà đẻ mà mày nhìn/ Rồi sau này lang mặt” khiến đứa cháu lo lắng. Đó là những nỗi lo hồn nhiên và rất con trẻ.

- Hình ảnh:

- Bà khum soi trứng, chặt chiu từng quả để đem bán lấy tiền mua quần áo mới cho cháu.

- Mùa đông tới, trời trở lạnh, bà lại lo lắng đàn gà sẽ chết.

=> Thể hiện tình cảm của bà dành cho cháu, một tình cảm yêu thương trù mẫn.

gì? - GV: Em có nhận xét gì về nỗi lo của bà? - GV: Chi tiết niềm vui được quần áo mới gợi cho em cảm nghĩ gì về tuổi thơ và tình bà cháu? - GV: Qua tất cả những chi tiết trên, em có nhận xét gì về bà? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung - Luôn chịu thương, chịu khó tần tảo vất vả chịu đựng trong cảnh nghèo khổ. - Nói về nỗi lo của bà khi gió mùa đông tới, khi trời có sương. Thực chất của nỗi lo đó bà lo gà hồng không có gà bán không có tiền mua quần áo mới cho cháu. - Là nỗi lo vì niềm vui của cháu. Nỗi lo ấy cho ta thấy được tình yêu thương giản dị thầm lặng của người bà quê hương. - Tuổi thơ gắn liền với niềm vui bé nhỏ trong lành ở gia đình và làng quê. - Vui vì có quần áo mới song vui hơn vì được sống trong sự yêu thương của bà.	
- GV: Qua tất cả những chi tiết trên, em có nhận xét gì về bà? - Bà là người nghèo khó nhưng giàu tình yêu thương giàu đức hi sinh sống hết lòng vì cháu Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.	- Bà là người nghèo khó nhưng giàu tình yêu thương giàu đức hi sinh sống hết lòng vì cháu => Vẻ đẹp của bà chính là vẻ đẹp muôn đời của người bà, người mẹ Việt Nam, vẻ đẹp của người bà trong truyện cổ tích ...
3. Tiếng gà trưa và những suy tư của người chiến sĩ	
NV3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu: HS đọc hai khổ thơ cuối. - GV đặt câu hỏi. - GV: Theo em trong “giấc ngủ ...trứng ” thì con người chỉ có thể mơ thấy điều gì? - GV: Trong khổ thơ cuối tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng? ? Đó là một mục đích chiến đấu như thế nào? - GV: Vì sao người chiến sĩ có thể nghĩ rằng cuộc chiến đấu của mình còn là “vì.... thơ”? - GV: Tất cả những điều ấy giúp con hiểu gì về người	- Ý nghĩa của tiếng gà trưa: mang bao nhiêu hạnh phúc, kỉ niệm về người bà. - Điệp từ "vì": khẳng định mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: bảo vệ Tổ quốc, gia đình, quê hương, mục đích lớn lao được bắt nguồn từ những gì bình thường,

chiến sĩ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung + Trong đoạn thơ này tiếng gà trưa đã gợi lên điều gì? + Vì sao có thể nghĩ rằng “Tiếng ...phúc”? - Tiếng gà trưa đã thức dậy bao tình cảm bao kỷ niệm. Tiếng gà trưa là âm thanh bình dị của làng quê đem lại niềm yêu thương cho con người. - Mơ thấy những điều tốt lành, những niềm vui và hạnh phúc. - Điệp từ “vì” có tác dụng khẳng định mục đích chiến đấu, lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ. ? Đó là một mục đích chiến đấu như thế nào? - Mục đích vừa cao cả vừa bình dị. - Ổ trứng và tiếng gà là những điều chân thật thân thương quý giá; là biểu tượng hạnh phúc ở một miền quê. Vì thế cuộc chiến đấu hôm nay còn có thêm ý nghĩa bảo vệ những điều chân thật và quý giá đó. - Là người gắn bó với gia đình, quê hương đất nước. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. GV bình: như vậy đối với người chiến sĩ âm thanh của tiếng gà trưa như là nút khởi động, như là chiếc chìa khóa chỉ chạm khẽ vào kí ức đã làm sống dậy những tình cảm, những kỉ niệm tuổi ấu thơ. Không những thế đối với cuộc sống hiện tại âm thanh ấy còn như lời thúc giục người chiến sĩ chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp. Rõ ràng nếu không phải là người yêu mến và gắn bó với gia đình với quê hương đất nước thì làm sao một âm thanh rất đời bình dị ấy lại gợi lên trong lòng người chiến sĩ những tình cảm lớn lao cao đẹp như vậy.	giản dị nhất. => Mục đích chiến đấu cao cả, thiêng liêng thể hiện lòng yêu Tổ quốc.
III. TỔNG KẾT	
Hoạt động 4 : Hướng dẫn tổng kết a) Mục tiêu: Học sinh biết cách tổng kết nội dung kiến thức bài học. b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp. c) Sản phẩm: Đáp án của HS d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ năm chữ diễn đạt tình

- GV: Nêu nội dung và ý nghĩa bài thơ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. -Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá - HS đọc ghi nhớ trong sgk.	cảm tự nhiên. - Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ. 2. Nội dung: - Tiếng gà trưa đã khơi gợi những kỉ niệm tuổi thơ và tình cảm bà cháu. Tình cảm gia đình đã góp phần làm cho tình cảm yêu nước trở nên sâu sắc.

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Bài vẽ hoặc viết đoạn văn thể hiện phù hợp nội dung văn bản

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- **GV:** Đọc diễn cảm bài thơ và hoàn thành nội dung bài thơ bằng sơ đồ tư duy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh tự vẽ sơ đồ tư duy.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trình bày kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Giáo viên nhận xét, đánh giá

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn biểu cảm từ 5 đến 7 câu về kỉ niệm tuổi thơ mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

-Bước 4: Kết luận, nhận định:

Giáo viên nhận xét, đánh giá

VIẾT
TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ
(2 tiết)

1. MỤC TIÊU**1.1 Về kiến thức:**

- Đặc điểm cơ bản của thơ 4 chữ, 5 chữ: nguồn gốc, số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp..

1.2 Về năng lực:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ bốn chữ, năm chữ;

- Bước đầu biết làm bài thơ bốn chữ, năm chữ.

1.3 Về phẩm chất:

- Biết thể hiện tình cảm của bản thân (với mọi người, với thiên nhiên,...) qua các bài thơ 4 chữ, 5 chữ, từ đó có ý thức trước những hành động của mình.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**Tiết 1:****1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ về chủ đề thơ ca.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về chủ đề thơ ca.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

*** Trò chơi ô chữ:** Lớp chia thành 2 đội. Các đội lần lượt chọn câu hỏi để trả lời. Trả lời đúng câu hỏi hàng ngang được 10 điểm; đoán đúng ô chữ hàng dọc chủ đề được 30 điểm; trả lời sai thì nhường quyền cho đội còn lại. Đội nào nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.

1. Thể thơ chủ yếu dùng trong các bài ca dao Việt Nam? (6 chữ cái) – Lục bát.

2. Nhà thơ được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam? (5 chữ cái) – Tố Hữu.

3. Thao tác chọn những tiếng giống nhau phần vần ở các câu thơ trong một bài thơ được gọi là gì? (7 chữ cái) – Gieo vần.

4. Trong bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” của Minh Huệ, hình tượng nhân vật trung tâm là ai? (5 chữ cái) – Bác Hồ.

5. Các bài thơ “Lượm”, “Đêm nay Bác không ngủ”, “Mẹ”, “Tiếng gà trưa” là những sáng tác thuộc thời kỳ nào văn học nào của Việt Nam? (7 chữ cái) – Hiện đại.

- Ô chữ chủ đề: Tên gọi của một thể loại văn học rất giàu nhạc điệu, đậm chất trữ tình. (từ Hán Việt – 5 chữ cái) – Thi Ca.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS chuẩn bị kiến thức về thơ ca để tham gia trò chơi.

B3: Báo cáo, thảo luận:

Hs tham gia cuộc thi do GV điều hành.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét phần thi của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới: Tìm hiểu đặc điểm thơ 4 chữ, 5 chữ

a) Mục tiêu: kiến thức cơ bản về thơ 4 chữ, 5 chữ. b) Nội dung: Kỹ thuật lớp học đảo ngược, Hoạt động nhóm đôi, Sơ đồ tư duy c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS trình bày sơ đồ tư duy nêu hiểu biết về thơ 4 chữ, 5 chữ. (GV giao việc trước cho hs trên phần mềm hoặc phiếu học tập in sẵn) B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin: Nguồn gốc, đặc điểm (số câu, số chữ, gieo vần, ngắt nhịp, nội dung) thơ 4 chữ, 5 chữ. HS tự tìm hiểu thông tin ở nhà. Trong giờ học thảo luận nhóm đôi, hoàn thiện sơ đồ của mình. B3: Báo cáo, thảo luận Chọn 1 cặp đôi lên trình bày. Cặp đôi thống nhất chọn sơ đồ tư duy của 1 bạn và trình bày theo sơ đồ đó. B4. Kết luận, nhận định (GV) - HS nhận xét lẫn nhau. - GV trình chiếu trang padlet có phần chuẩn bị cá nhân của các học sinh. Nhận xét thái độ, tinh thần chuẩn bị của hs. - GV Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. - GV bổ sung: + Nguồn gốc của thơ 4 chữ: Vè, đồng dao,... VD (video): Xúc xắc xúc xẻ (Đồng dao) Xúc xắc xúc xẻ Năm mới năm mới Nhà nào còn thức Mở cửa cho chúng tôi...	* Thơ 4 chữ - Nguồn gốc: Thể thơ bốn chữ có nguồn gốc Việt Nam, xuất hiện từ xa xưa và được sử dụng nhiều trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là vè, do thích hợp với lối kể chuyện. - Mỗi dòng thơ: 4 tiếng. - Số câu không hạn định. - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu. - Ngắt nhịp: 2/2; 1/3; 3/1 - Dựa vào vị trí của vần trong câu: + Vần lưng. + Vần chân. - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần: + Vần liền. + Vần cách. - Chủ đề: phong phú. * Thơ 5 chữ - Nguồn gốc: Phổ biến trong Tục ngữ và trong hát dặm Nghệ Tĩnh. Trong thơ thì sau này người ta mới dùng. - Mỗi dòng thơ: 5 tiếng. - Số câu không hạn định. - Có thể chia khổ thơ, thường mỗi khổ có 4 câu. - Ngắt nhịp: 2/3; 3/2; 1/2/2; 4/1; 1/4. - Dựa vào vị trí của vần trong câu:

+ Nguồn gốc của thơ 5 chữ: Hát dặm: Là thể ca 5 chữ gồm nhiều trố (khố), mỗi trố thường có 5 câu, trong đó thường có một câu láy lại. Ví dụ (video minh họa): Thuyền và bến (Hò bơi thuyền) <i>Nước sông Lam dào dạt Đây cảnh đẹp Nam Đàn Ai đi chợ Sa Nam Mà xem thuyền, xem bến</i> <i>Thuyền xưa nay còn nhớ Nơi bến cũ sông nhà Dù thuyền có đi xa Bến vẫn chờ, vẫn đợi</i> <i>Dù con nước vơi đầy Thuyền xuôi ngược đó đây Vẫn nhớ về bến cũ Thuyền vẫn về bến cũ</i> - Neo đậu bến xưa (An Thuyên). + Nhịp trong thơ: Nhịp thơ là chỗ ngắt dòng thơ, câu thơ thành từng vế khi đọc; hoặc cách xuống dòng cuối các câu thơ. Vai trò: Tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời góp phần biểu đạt nội dung bài thơ. + Cách gieo vần: Là chọn các tiếng có phần vần giống nhau hoặc gần giống nhau để tạo âm điệu trong thơ. <i>Dựa vào vị trí của dòng thơ có chứa vần:</i> - Vần liền: Các câu thơ chứa vần ngay cạnh nhau. - Vần cách: Các câu thơ chứa vần không cạnh nhau. 2. <i>Dựa vào vị trí của vần trong dòng thơ:</i> - Vần chân: Tiếng chứa vần nằm cuối câu thơ. - Vần lưng: Tiếng chứa vần nằm giữa câu thơ * Bài tập nhanh: Nhận diện cách gieo vần: 1. <i>Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thăng Cau-ngọn xanh rờn Mẹ-đầu bạc trắng</i> 2. <i>Lặng yên bên bếp lửa Vẻ mặt Bác trầm ngâm Ngoài trời mưa lâm thâm</i>	+ Vần lưng. + Vần chân. - Dựa vào vị trí của câu có chứa vần: + Vần liền. + Vần cách. - Chủ đề: phong phú. - VD 1 số bài thơ 4 chữ, 5 chữ. VD1: Vần chân – vần cách. VD2: Vần chân – vần liền.

Mái lều tranh xơ xác.

3. Luyện tập: (thực hành)

3.1. Thi thả thơ (Điền từ thích hợp vào chỗ trống)

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết cách chọn từ ngữ thích hợp trong thơ đảm bảo ý nghĩa câu thơ và vần, nhịp.

b) Nội dung:

- GV sử dụng trò chơi Thả thơ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách chơi. Luật chơi: Mỗi đội cử 5 hs đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng. ? Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống? 1. (Ngay, trong, đây) Bóng bàng tròn lăm Tròn như cái nong Em ngồi vào Mát ơi là mát! 2. (băm, cày, lao) (mặt, sương, mờ) Ngựa phăm phăm bốn vó Như ... xuống mặt đường Mặc sớm rừng mù Mặc đêm đông giá buốt. 3. Trung thu đón trăng sáng Trời bỗng mù mịt ... Em thở dài ngao ngán Trăng ướn nhòe, buồn chưa! 4. Trung thu đón trăng sáng Trời bỗng mù mịt sương Em thở dài ngao ngán Trăng ướn nhòe, buồn ... ! 5. Bé em ơi hãy ngủ Ba mẹ đi làm rồi Ngủ ngoan nhé ... Trong lời ru của chị Gió hiu hiu thổi ... Thơm hương bưởi nồng nàn	1. Bóng bàng tròn lăm Tròn như cái nong Em ngồi vào trong Mát ơi là mát! 2. Ngựa phăm phăm bốn vó Như băm xuống mặt đường Mặc sớm rừng mù sương Mặc đêm đông giá buốt. 3. Trung thu đón trăng sáng Trời bỗng mù mịt mưa Em thở dài ngao ngán Trăng ướn nhòe, buồn chưa! 4. Trung thu đón trăng sáng Trời bỗng mù mịt sương Em thở dài ngao ngán Trăng ướn nhòe, buồn thương! 5. Bé em ơi hãy ngủ Ba mẹ đi làm rồi Ngủ ngoan nhé bé ơi Trong lời ru của chị Gió hiu hiu thổi nhẹ Thơm hương bưởi nồng nàn Hoa cúc thả nắng vàng

Hoa cúc thắm nắng ... Nghiêng vào trong giấc ngủ. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Dán từ cần điền vào chỗ trống. B3: Báo cáo HS: - Trả lời câu hỏi của giáo viên. - Nhận xét câu trả lời của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và kết luận đội thắng cuộc.	Nghiêng vào trong giấc ngủ.
3.2. Viết tiếp một số câu thơ theo dòng thơ mở đầu cho sẵn	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Tập phát triển một số câu thơ theo chủ đề được gợi ý. b) Nội dung: - GV sử dụng Kỹ thuật thảo luận nhóm. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp ra làm 4-6 nhóm (Mỗi dãy gồm 2-3 nhóm): Viết tiếp để tạo thành bài thơ 4 chữ, 5 chữ (từ 4 đến 8 câu) Dãy A: Mùa xuân xinh tươi Dãy B: Ngày đầu em đến lớp B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Làm việc theo nhóm. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm: - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ	* Học sinh tự bộc lộ.

nhóm của HS.	
Tiết 2: 3.3. Tập làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hs tự làm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ theo các chủ đề: Người thân, kỷ niệm, loài cây, con vật,... B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Làm việc cá nhân. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). - Em muốn viết về đối tượng nào? Tình cảm của em với đối tượng? - Tìm hình ảnh, sự việc ấn tượng nhất về đối tượng? - Dự kiến sử dụng biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp từ,...) - Chú ý cách gieo vần, số tiếng trong dòng thơ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu học sinh lên trình bày. HS: - Cá nhân lên trình bày sản phẩm: Bài thơ của bản thân. - Các hs khác theo dõi, quan sát, nhận xét, giúp bạn hoàn thiện bài thơ. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong sản phẩm của HS.	* HS tự bộc lộ.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

- Sưu tầm thêm bài thơ hay 4 chữ, 5 chữ.

- Nộp sản phẩm bằng giấy ktra hoặc trên phần mềm.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu nguồn tư liệu ở sách, báo, internet...

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho **GV** qua hệ thống CNTT mà **GV** hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau.

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

- Biết trình bày cảm nghĩ của mình về một bài thơ bốn chữ, năm chữ theo quy trình 4 bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết đoạn văn và kiểm tra, chỉnh sửa.
- Rèn luyện tư duy cách nghĩ và cách biểu đạt suy nghĩ để viết đoạn văn cảm nghĩ về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Biết tạo lập văn bản dưới hình thức một đoạn văn
- Rèn năng lực tự học, hợp tác và sáng tạo trong viết cảm nghĩ về bài thơ bốn chữ, năm chữ.

2. Về phẩm chất:

- Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống và con người.
- Yêu quý, trân trọng những nhân vật, sự vật, sự việc cao đẹp, ý nghĩa trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.
- Phiếu học tập số 1, số 2, bảng kiểm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

	Bài văn	Đoạn văn
Giống nhau		
Khác nhau		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

(Phân tích đoạn văn mẫu)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

(1) Bài thơ “**Mẹ**” của nhà thơ Đỗ Trung Lai là một trong những bài thơ hay viết về mẹ. (2) Đọc bài thơ em vô cùng xúc động. (3) Xuyên suốt bài thơ là **hình ảnh sóng đôi: mẹ và cau**. (4) Nhà thơ đã chọn một thứ cây rất gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê cùng **nghệ thuật đối lập** qua từng khổ thơ đã đem đến cho người đọc **những cảm nhận hết sức chân thực**: “*Lưng mẹ còng rồi/Cau thì vẫn thẳng/Cau - ngọn xanh rờn/Mẹ - đầu bạc trắng*”. (5) **Lời thơ ngỡ như lời nhận xét thông thường** những đằng sau mỗi con chữ là **bao đắng xót xa** của con khi nhận ra thời gian, nỗi vất vả cuộc đời đã hằn lên lưng còng, trên mái đầu bạc trắng của mẹ. (6) Không cần nhiều lời chỉ **qua hai hình ảnh lưng còng và mái đầu bạc trắng** của đã cho chúng ta thấy được công lao của mẹ; sự nhọc nhằn, đắng

cay mẹ trải qua để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. (7) Cùng với thời gian, cau ngày càng cao, mẹ ngày một thấp: “*Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất*” đọc lên **nghe thật xót xa**. (8) Khoảng cách về sự gần đất của mẹ theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng cho thấy quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều. (9) Mẹ như ngọn đèn trước gió, như chuối chín cây, thời khắc con không còn mẹ đang đến ngày một gần. (10) Thời gian làm mẹ ngày một già đi, răng rụng dần nên miếng cau nhỏ nhưng vẫn khó khăn với mẹ. (11) **Đọc những vần thơ ấy, ai không rưng rưng nghẹn ngào, không thảng thốt giật mình nghĩ tới mẹ của mình để rồi tự vấn lương tâm “mình đã làm được gì cho mẹ?”** giống như nhà thơ, kết thúc bài thơ bằng **câu hỏi tu từ không lời đáp**: “*Ngẩng hỏi giời vậy/- Sao mẹ ta già?/Không một lời đáp/ Mây bay về xa*”. (12) **Với thể thơ 4 chữ, hình ảnh thơ mộc mạc gần gũi cùng nghệ thuật đối lập tương phản**, bài thơ đã gây **bao xúc động** trong lòng người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến tình cảm thiêng liêng nhất của mỗi người: TÌNH MẪU TỬ. (13) Chúng ta, những người làm con hãy ghi nhớ công ơn trời biển của cha mẹ và hãy làm sao để nụ cười luôn nở trên môi của mẹ nhé. .

(Theo bài làm của học sinh, có sửa chữa)

Yêu cầu	Nhận xét về bài viết mẫu
Nhận xét về hình thức, cấu trúc, dung lượng của đoạn văn	
Người viết đã giới thiệu được nhan đề và tên tác giả của bài thơ chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào?	
Người viết đã nêu được cảm xúc chung về bài thơ chưa? Đó là cảm xúc gì, được thể hiện qua những câu văn nào?	
Người viết đã chỉ ra được được những chi tiết, hình ảnh, yếu tố nghệ thuật đặc sắc của bài thơ chưa? Đó là những chi tiết nào, được thể hiện qua những câu văn nào?	
Người viết đã trình bày được ý nghĩa, tác dụng, lí do yêu thích những chi tiết đó chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào?	
Người viết đã khái quát được những cảm xúc, ấn tượng, suy nghĩ của bản thân về những chi tiết nội dung, nghệ thuật của bài thơ chưa? Đó là những suy nghĩ, cảm	

xúc nào, được thể hiện qua những câu văn nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 (Thực hành tìm ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả)	
Định hướng	Dự kiến
Bài thơ nào của tác giả nào để lại cho em nhiều ấn tượng / em yêu thích nhất?	
Em có ấn tượng hoặc yêu thích các chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào của bài thơ? (Có thể chỉ lựa chọn một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc, độc đáo)	
Vì sao em yêu thích các chi tiết đó? (Hoặc các chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?)	
Bài thơ đã gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?	

BẢNG KIỂM (Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ)				
Yêu cầu	Sáng tạo	Đạt	Chưa đạt	Dự kiến chỉnh sửa
Đảm bảo hình thức đoạn văn (cấu trúc, dung lượng)				
Giới thiệu được nhan đề, tác giả và nêu được cảm nhận chung về bài thơ				
Chỉ ra được chi tiết, hình ảnh đặc sắc				
Chỉ ra nét độc đáo trong cách thể hiện của nhà thơ				
Khái quát lại cảm xúc của bản thân về bài thơ bốn chữ, năm chữ				

Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt					

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức về bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Hiểu được việc ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ là gì?

b) Nội dung:

- **GV** đặt câu hỏi.
- **HS:** Trao đổi, chia sẻ, thảo luận.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Em đã từng được học, được đọc, được nghe những bài thơ nào được làm theo thể thơ bốn chữ, năm chữ? Trong đó em thích nhất bài thơ nào? Vì sao? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS:- Xem lại phần chuẩn bị bài học ở nhà. - Chuẩn bị ý kiến cá nhân GV: - Quan sát, hỗ trợ nếu có. B3: Báo cáo, thảo luận HS:- Trả lời câu hỏi dựa trên sự chuẩn bị ở nhà. - Trình bày ý kiến cá nhân. GV: - Giúp học sinh xác định đúng các bài thơ bốn chữ, năm chữ. - Lắng nghe, chia sẻ, dẫn dắt học sinh trao đổi ý kiến cá nhân. B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS. - <i>Kết nối với bài học: Như vậy qua hoạt động trên, các em đã biết trình bày miệng những ý kiến, suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về các bài thơ bốn chữ, năm chữ. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách để ghi những suy nghĩ, ý kiến, cảm xúc đó của mình thành một đoạn văn hoàn chỉnh.</i>	- Học sinh kể được tên các bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả. - Học sinh biết trình bày miệng những ý kiến, suy nghĩ về bài thơ bốn chữ, năm chữ.
HD 2: Hình thành kiến thức mới	
1. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản	

- GV đặt câu hỏi, giao phiếu bài tập, hoạt động nhóm.
- HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi/ nhóm bàn

c) Sản phẩm: Phiếu học tập số 1

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò			Sản phẩm dự kiến				
	Bài văn	Đoạn văn	* Giống nhau: - Đều có bố cục 3 phần: Mở, thân, kết và có chức năng giống nhau. - Trình bày một nội dung trọn vẹn (cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ) * Khác nhau: <table><tr><th>Bài văn</th><th>Đoạn văn</th></tr><tr><td> - Dung lượng lớn hơn, gồm nhiều đoạn văn tạo thành - Có phần tách đoạn, phân tách ý bằng cách xuống dòng. - Các ý được triển khai chi tiết hơn, cụ thể hơn. </td><td> - Dung lượng ngắn hơn - Một đoạn do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. - Các ý triển khai một cách khái quát. </td></tr></table> * Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 4,5 chữ: * Về hình thức: - Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. - Bố cục gồm 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn. * Về nội dung: Các câu cùng hướng vào một chủ đề, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn.	Bài văn	Đoạn văn	- Dung lượng lớn hơn, gồm nhiều đoạn văn tạo thành - Có phần tách đoạn, phân tách ý bằng cách xuống dòng. - Các ý được triển khai chi tiết hơn, cụ thể hơn.	- Dung lượng ngắn hơn - Một đoạn do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. - Các ý triển khai một cách khái quát.
Bài văn	Đoạn văn						
- Dung lượng lớn hơn, gồm nhiều đoạn văn tạo thành - Có phần tách đoạn, phân tách ý bằng cách xuống dòng. - Các ý được triển khai chi tiết hơn, cụ thể hơn.	- Dung lượng ngắn hơn - Một đoạn do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. - Các ý triển khai một cách khái quát.						
Giống nhau							
Khác nhau							
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: 1. Nêu điểm giống và khác nhau giữa bài văn và đoạn văn (Bố cục, dung lượng, hình thức trình bày)? 2. Từ đó rút ra yêu cầu khi viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 4,5 chữ? - GV yêu cầu học sinh HS trả lời các yêu cầu của phiếu học tập số 1. - Thảo luận nhóm (cặp đôi hoặc bàn) về các yêu cầu của phiếu học tập số 1. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng trong SGK kết hợp với bài soạn, nêu các yêu cầu của đoạn văn. - HS làm việc cá nhân trên phiếu học tập số 1. - HS trao đổi, thảo luận, bổ sung, sửa chữa hoàn thiện phiếu học tập số 1. B3: Báo cáo, thảo luận GV gọi một số HS trình bày. HS: - Trình bày kết quả phiếu học tập số 1. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định: - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.							

2. Phân tích kiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ chữ: Hình thức, nội dung. HS xác định các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ, năm chữ dựa vào phần Định hướng (SGK/53). b) Nội dung: HD phân tích mẫu: HS làm việc cá nhân và nhóm trên phiếu h. tập số 2. c) Sản phẩm: Phiếu học tập số 2. d) Tổ chức thực hiện:											
HD 3: Thực hành, vận dụng											
a) Mục tiêu: HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung. b) Nội dung: - GV hướng dẫn HS phân tích đề bài và tiến hành các bước chuẩn bị (trước khi viết) bằng phiếu học tập số 2. - HS viết bài. - Đánh giá bằng bảng kiểm. c) Sản phẩm: Phiếu học tập số 2, bài viết của học sinh và kết quả đánh giá bài viết dựa trên bảng kiểm. d) Tổ chức thực hiện:											
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến										
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV trình chiếu đề bài và cung cấp phiếu học tập số 3. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Định hướng</th><th>Dự kiến</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bài thơ nào của tác giả nào để lại cho em nhiều ấn tượng / em yêu thích nhất?</td><td></td></tr> <tr> <td>Em có ấn tượng hoặc yêu thích các chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào của bài thơ? (Có thể chỉ lựa chọn một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc, độc đáo)</td><td></td></tr> <tr> <td>Vì sao em yêu thích các chi tiết đó? (Hoặc các chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?)</td><td></td></tr> <tr> <td>Bài thơ đã gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?</td><td></td></tr> </tbody> </table> B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK/53,54 và hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 3.	Định hướng	Dự kiến	Bài thơ nào của tác giả nào để lại cho em nhiều ấn tượng / em yêu thích nhất?		Em có ấn tượng hoặc yêu thích các chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào của bài thơ? (Có thể chỉ lựa chọn một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc, độc đáo)		Vì sao em yêu thích các chi tiết đó? (Hoặc các chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?)		Bài thơ đã gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?		2. Thực hành Đề bài: Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên). - Chuẩn bị. - Tìm ý và lập dàn ý - Viết bài. - Kiểm tra và chỉnh sửa. Đoạn văn tham khảo: Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ “Ông đồ”
Định hướng	Dự kiến										
Bài thơ nào của tác giả nào để lại cho em nhiều ấn tượng / em yêu thích nhất?											
Em có ấn tượng hoặc yêu thích các chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào của bài thơ? (Có thể chỉ lựa chọn một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc, độc đáo)											
Vì sao em yêu thích các chi tiết đó? (Hoặc các chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?)											
Bài thơ đã gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?											

HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo, thảo luận * Giai đoạn 1: GV: Gọi một số HS trình bày phần tìm ý của cá nhân. HS: Lắng nghe, trao đổi, thảo luận, chỉnh sửa, hoàn thiện ý tưởng. * Giai đoạn 2: - HS viết bài. - GV gọi một số HS trình bày bài viết của cá nhân. HS: - Trình bày bài viết của cá nhân. - Theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm. B4: Kết luận, nhận định: - GV nhận xét sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm và chốt kỹ năng, phẩm chất cần đạt. - Yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết sau chỉnh sửa.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS b) Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần). d) Tổ chức thực hiện:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập) Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi học xong bài “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề. - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành (dàn ý) Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có). - Dặn dò: Hoàn thành bài viết đoạn văn hoàn chỉnh. - Chuẩn bị bài sau.

NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trao đổi về một vấn đề trong tác phẩm văn học
- Xác định được thể thơ 4 chữ, 5 chữ.

2. Về năng lực:

- Biết lập ý và trình bày một vấn đề bằng lời văn nói của bản thân
- Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể)
- Biết cách nói và nghe phù hợp với nội dung bài trình bày.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: Trân trọng, yêu mến những tác phẩm văn học.
- Chăm chỉ: Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính,...

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo, phiếu học tập...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Khô 1 bài thơ	Chưa chọn và nêu được chi tiết đặc sắc	Nêu được ý nghĩa và chi tiết đặc sắc tuy chưa hay.	Nói được nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ấn tượng.
2. Nội dung, nghệ thuật đặc sắc, hấp dẫn	ND, nghệ thuật sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu rõ.	Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung, nghệ thuật..	Nội dung bài nói phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp.	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lý	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục đích: Kết nối kiến thức thực tế với bài học, tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu ảnh các bài thơ: “Mẹ”-của tác giả Đỗ Trung Lai, “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh, đặt ra các câu hỏi để HS trả lời.



Bài tập: Trong các bài thơ “ Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh), em thích nhất bài thơ nào? Vì sao?

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV chiếu các bài thơ

? Bài tập: Trong các bài thơ “ Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh), em thích nhất bài thơ nào? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ cá nhân
- GV nhắc nhở những HS chưa tập trung (nếu có), phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

GV: Rất nhiều các ý kiến khác nhau nhưng đa số chọn bài *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh .

? Vì sao em thích bài thơ đó?

Vì bài thơ có nội dung thể hiện tình bà cháu rất thân thuộc, gần gũi với các em thường ngày và một số nghệ thuật đặc sắc các em đã học.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét và kết nối vào bài

Gv: Vì đại đa số các em đều lựa chọn bài *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh nên trong tiết : Nói và nghe hôm nay chúng ta cùng luyện nói với đề bài:

Qua bài thơ “ Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) , em thích nhất biện pháp nghệ thuật nào? Vì sao?

GV:

- + Chúng ta đã từng gặp các dạng đề như : trình bày ý kiến về một vấn đề và thường là vấn đề về các hiện tượng đời sống thì trong buổi luyện nói và nghe hôm nay, việc trao đổi về một vấn đề về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ có điểm gì khác không?

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Định Hướng

a) Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung thuyết trình

b) Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

c) *Sản phẩm*: Các câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* **Nhiệm vụ 1**: Phân biệt giữa việc nêu ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội với nêu ý kiến về một tác phẩm văn học.

- HS thực hiện câu hỏi

? Em hãy nêu điểm giống và khác nhau giữa việc nêu ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội với nêu ý kiến về tác phẩm văn học?

Hs làm việc nhóm (bàn) qua phiếu học tập (2 p).

Điểm khác nhau	
ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội 	ý kiến về tác phẩm văn học
Điểm giống nhau	
..... 	

Các nhóm nhận xét chéo sản phẩm của nhau

Gv: Chốt, Đưa đáp án qua phiếu học tập.

*** Nhiệm vụ 2:** Xác định yêu cầu, định hướng đề bài.

- GV yêu cầu HS đọc lại phần *Định hướng* và nêu những băn khoăn, thắc mắc.
- GV yêu cầu học sinh xem lại phần thực hành Đọc hiểu trước đó (bài thơ *Tiếng gà trưa*) vì phần này sẽ cung cấp tư liệu cho các HĐ nói-nghé.
- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi

A, PHÂN BIỆT

Phiếu học tập

Điêm khác nhau

PHIẾU HỌC TẬP Ý kiến về một hiện tượng đời sống xã hội Là trình bày ý kiến về các hiện tượng đời sống như: Thế nào là lễ phép, nói lời cảm ơn xin lỗi khi nào... Dùng lý lẽ, bằng chứng thực tế để làm sáng tỏ. 	Ý kiến về tác phẩm văn học Là trình bày ý hiểu của em sau khi đọc, học xong tác phẩm ấy. Dùng bằng chứng là những lời thơ, lời văn trong tác phẩm để làm sáng rõ một đặc điểm nội dung và nghệ thuật hoặc nội dung của tác phẩm. 
Điểm giống nhau Đều cần phải đưa ra lý lẽ và bằng chứng để làm sáng rõ một vấn đề, làm cho người nghe, người đọc hiểu được vấn đề.	

B. YÊU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG

(1)- Lựa chọn các vấn đề cần trao đổi.

- Xác định các nội dung, ý kiến cần trao đổi..

-Trao đổi, thảo luận trong nhóm về vấn đề đó.

Lưu ý:

- Khi trao đổi cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân đồng thời tôn trọng các ý kiến khác.
- Cần xác định được nét đặc sắc về giá trị nghệ thuật mà em đã chọn làm bật lên nội dung của bài thơ.

- ? Xác định nội dung cần trao đổi là gì
- Là bài thơ Tiếng gà trưa
 - Lựa chọn vấn đề cần trao đổi là gì?
 - Là một đặc điểm nổi bật về nghệ thuật / nội dung của bài thơ.

GV: Cần có sự chuẩn bị về bài thơ bằng việc xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ *Tiếng gà trưa*.

***Nhiệm vụ 3:**

Hs thực hiện câu hỏi của gv

? Nêu các bước để thực hiện bài trình bày

Hs trả lời cá nhân

Gồm các bước:

- Bước 1: Định hướng (đã thực hiện ở trên)
- Bước 2: Chuẩn bị

a, Tìm hiểu đề

b, Tìm ý và lập dàn ý

3, Thực hành luyện nói và nghe.

4, Trao đổi, góp ý, chỉnh sửa.

- HS nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ câu hỏi của GV.

Bước 3: Thảo luận, báo cáo

- HS trả lời cá nhân câu hỏi của GV.

*** Tìm hiểu đề**

? Trong phần tìm hiểu đề, các em cần làm gì ?

Gạch chân chú ý các từ: Bài thơ Tiếng gà trưa, nghệ thuật/ nội dung đặc sắc.

? Hiểu thế nào là đặc sắc?

Là nổi bật, gây ấn tượng khiến em chú ý.

? Em phát hiện ra nghệ thuật đó bằng cách nào?

Đọc nhiều lần và tìm ra dấu hiệu nhận biết.

Chẳng hạn: Biện pháp điệp ngữ là nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, ngữ hay đoạn nào đó nhằm nhấn mạnh ý tưởng, cảm xúc...

* Tìm ý: Hs thảo luận (cặp đôi) qua phiếu tìm ý

C. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

(1): Định hướng (đã thực hiện ở trên)

(2): Chuẩn bị

a, Tìm hiểu đề

- Khi tìm hiểu đề, cần đọc kỹ đề bằng cách gạch chân các ý chính đó là dựa vào bài thơ *Tiếng Gà trưa* để tìm và chỉ ra các yếu tố nghệ thuật, chọn lấy 1 nghệ thuật đặc sắc ấn tượng.

- Thể loại: Nghị luận.

(Trao đổi một vấn đề về nội dung hoặc nghệ thuật một tác phẩm văn học, tức là các em cần bàn bạc rồi đưa ra ý kiến của mình bằng các dẫn chứng tìm được trong bài thơ và dùng lý lẽ, dẫn chứng vừa tìm được để thuyết phục về việc tại sao em lại ấn tượng nhất về nghệ thuật đó).

b, Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói

* Tìm ý (phiếu tìm ý)

Hs trả lời các câu hỏi trong phiếu tìm ý

Trong bài thơ em thích hoặc ấn tượng với điều gì nhất?

Điều đó được thể hiện ở những yếu tố nào?

Vì sao em thích hoặc ấn tượng với

Đề bài: Trong bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh), em thích nhất điều gì? Vì sao ?

PHIẾU TÌM Ý	
Họ và tên học sinh.....	
Trong bài thơ, em thích hoặc ấn tượng với điều gì nhất?	
Điều đó đã được thể hiện ở những yếu tố nào?	
Vì sao em thích hoặc ấn tượng với điều đó?	

Hs trả lời câu hỏi của gv

GV chốt

* Lập dàn ý:

- Chia nhóm 4 học sinh/ bàn trao đổi về dàn ý bài thuyết trình.
- Học sinh tập trình bày trong nhóm và góp ý cho nhau.
- Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Có dàn ý cho cả lớp xem).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và nhắc lại các bước trình bày bài nói, chuyển dẫn sang mục sau.

điều đó?

Ấn tượng nhất là cụm từ: *Tiếng gà trưa* được nhắc lại tới 5 lần gây ấn tượng và cảm xúc mạnh với người đọc. Âm thanh tiếng gà nhảy ổ vào ban trưa kéo dài và lan tỏa, xuyên suốt bài thơ tạo âm vang về những kỉ niệm của nhân vật trữ tình với Tiếng gà trưa.

* Dàn ý tham khảo:

- Lời chào.
- MB: Nêu điều em thích hoặc ấn tượng nhất ở bài thơ.
- TB:

+ Nêu ý kiến cụ thể của em về các biện pháp tu từ nghệ thuật đặc sắc.

Ở khổ đầu điệp từ **nghe** nhấn mạnh cảm xúc của nhân vật trữ tình khi nghe tiếng gà nhảy ổ vào ban trưa:

Nghe xao động nắng trưa.

Nghe bàn chân đỡ mỏi.

Nghe gọi về tuổi thơ.

Động từ *nghe* có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và cũng làm xao động cả lòng người.

Theo Đinh Trọng Lạc “Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ”

Những nghệ thuật đặc sắc ấy đã làm bật lên giá trị của nội dung bài thơ đó là tình cảm bà cháu nồng đượm, sự biết ơn của người cháu trước công lao chăm sóc dạy dỗ chỉ bảo của bà dành cho cháu

Điệp từ **vì:**

“Cháu chiến đấu hôm nay.

Vì lòng yêu tổ quốc

.....

Ổ trứng hồng tuổi thơ”

Ở khổ thơ cuối nhấn mạnh lòng biết ơn của người cháu đối với bà và những kỉ

	niệm tuổi thơ về tiếng gà, những con gà mái, về bà. - Lời kết KB: Với giá trị nghệ thuật điệp ngữ qua từ “nghe, vì” mang lại cho bài thơ vẻ đẹp độc đáo của nghệ thuật ngôn từ.
Nhiệm vụ 2: TRÌNH BÀY BÀI NÓI a) Mục tiêu: Giúp HS - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. b) Nội dung: GV yêu cầu: HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị & nhận xét HĐ nói của bạn. c) Sản phẩm: - Sản phẩm nói của học sinh. d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị cho bài thuyết trình. Bước 2: - Chia nhóm (bàn) trao đổi về dàn ý bài thuyết trình - Học sinh tập trình bày trong nhóm và góp ý cho nhau Bước 3: Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp. - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS - Tôn trọng các ý kiến khác nhau - Chú ý lí lẽ và dẫn chứng phải chọn lọc, tiêu biểu có sức thuyết phục - Chuyển dẫn sang mục sau.	II- THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE - Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Dựa vào dàn ý để trình bày).
Nhiệm vụ 3: TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI III. TRAO ĐỔI, CHỈNH SỬA a) Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói. - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn. b) Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. c) Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS. d) Tổ chức thực hiện:	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**Giáo viên:**

* Trình / gắn bảng phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.

- GV: Đưa ra phiếu tiêu chí đánh giá

PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

**PHIẾU
TIÊU
CHÍ**

Người nói	Người nghe
Xem xét nội dung và cách thức trình bày: + Đã nói hết các nội dung có trong dàn ý đã làm chưa? + Còn thiếu nội dung nào? + Có mắc lỗi về cách trình bày không?	Tự đánh giá cách nghe của bản thân: + Kiểm tra lại thông tin thu được từ người nói. + Tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe: + Đã hiểu và nắm được nội dung chính của bài trình bày chưa? + Thái độ khi nghe bạn trình bày như thế nào?

- GV hướng dẫn các nhóm cho điểm bài nói nhóm bạn dựa vào phiếu tiêu chí trên, cho điểm vào phiếu nhận xét, thang điểm 10

PHIẾU NHẬN XÉT

Tên	Nội dung	Diễn đạt	Tác phong	Điểm

* Yêu cầu HS đánh giá:

* GV đặt thêm câu hỏi:

+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?

+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?

- **Học sinh:** tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.**HS:** Ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra phiếu nhận xét.**Bước 3: Thảo luận, báo cáo**- **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.- **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Yêu cầu học sinh làm bài luyện tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ-2P

- HS tìm ý và lập dàn ý cho đề luyện tập.
- GV hướng dẫn HS .

Bước 3: Báo cáo, thảo luận-6p

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định-1p

GV nhận xét bài làm của HS.

IV. LUYỆN TẬP

Trong bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) ngoài biện pháp nghệ thuật điệp ngữ còn biện pháp nghệ thuật nào cũng đặc sắc không kém, em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?

Gợi ý:

Ở khổ đầu biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác từ thính giác sang thị giác (xao động nắng trưa), xúc giác (bàn chân đỡ mỏi), cảm xúc kỉ niệm (gọi về tuổi thơ).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

(GV giao bài tập)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

V. VẬN DỤNG

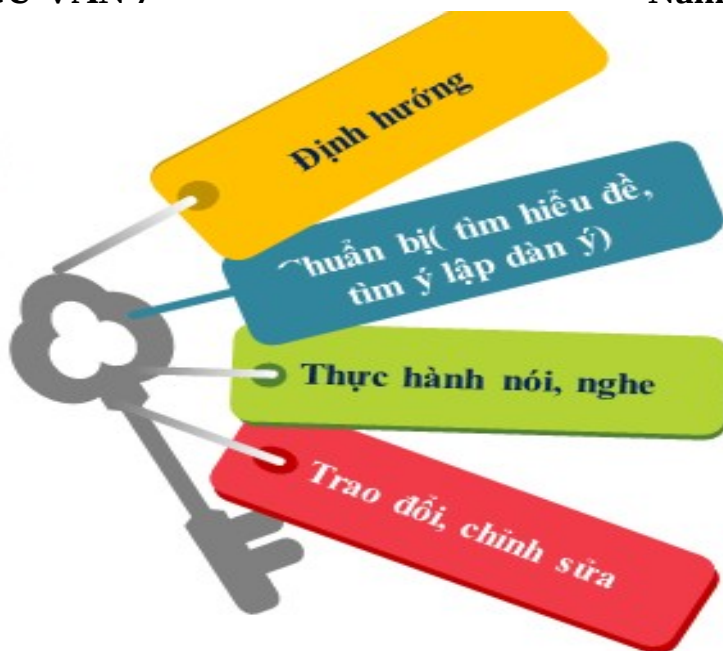
Bài tập: Qua 2 bài thơ: “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Mẹ” (Đỗ Trung Lai) em thích nhất biện pháp nghệ thuật nào, vì sao ?

* Kết thúc: GV gọi HS nhắc lại nội dung bài học:

? Khi nói nghe: “trao đổi về một vấn đề” các em cần có những bước nào?

* CÙNG CỎ

? Khi nói
nghe
“trao đổi
về một
vấn đề”
các em
cần có
những
thao tác
nào?



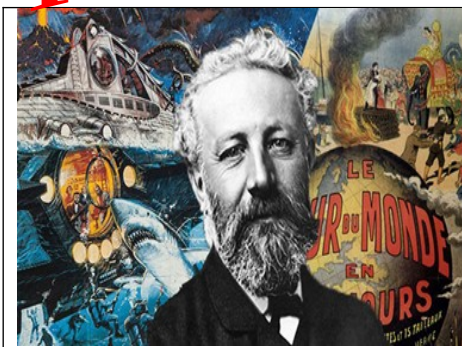
GV chốt bài. Nhắc nhở, dặn dò học sinh.

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI 3- DỰ ÁN GIÁO ÁN MIỄN PHÍ
2022**

BÀI	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	SĐT	CÔNG VIỆC
Bài 3	1. Bùi Thị Thu Huyền	Trường THCS Đông Minh, Tiền Hải, Thái Bình	0974381879	Thực hành đọc hiểu: <i>Nhật trình Sol 6</i>
	2. Bùi Thị Hồng Liên	THCS Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	0364706895	
	3. Phạm Thị Hương	Trường TH&THCS Phong Châu, Đông Hưng, Thái Bình	0386427665	Đọc hiểu văn bản 1: <i>Bạch tuộc</i>
	4. Trương Thị Hằng	TH và THCS Đông Xuyên, Tiền Hải, Thái Bình.	0904595171	Đọc hiểu văn bản 2: <i>Chất làm gỉ</i>
	5. Hoàng Thị Tĩnh	TH và THCS Thái Xuyên, Thái Thụy, Thái Bình.	0936303829	1. Nói và nghe: Thảo luận nhóm về một vấn đề 2. Phần khung G.A chung của toàn bộ bài 3 (Phần đầu và cuối giáo án bài 3)
	6. Đỗ Thị Vân Anh	THCS Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	0976851221	1. Thực hành tiếng Việt: Số từ - Phó từ 2. Viết: Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc

BÀI 3

Truyện khoa học viễn tưởng



I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tri thức Ngữ văn (Truyện khoa học viễn tưởng, đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật....
- Số từ và phó từ
- Viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc
- Thảo luận vấn đề gây tranh cãi

2. Về năng lực

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba).
- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.
- Nhận biết và vận dụng được phó từ và số từ vào đọc hiểu nói và nghe có hiệu quả
- Viết được bài văn biểu cảm về con người và sự vật .
- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.

3. Phẩm chất

- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Máy tính, Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu VB mẫu.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập:
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài thảo luận nhóm của HS về một vấn đề gây tranh cãi.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**Hoạt động 1: xác định vấn đề****a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, hình ảnh gợi cho em suy nghĩ điều gì.

- HS quan sát các hình ảnh trên màn chiếu suy nghĩ cá nhân và trả lời.

c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của hình ảnh
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

d) Tổ chức thực hiện:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1. Chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát và đặt câu hỏi:



? Những hình ảnh trên gợi cho em cảm xúc và mong muốn gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu cá nhân lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

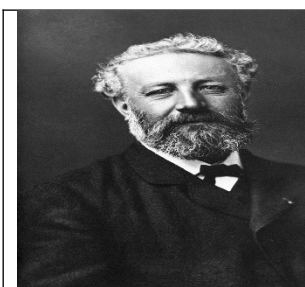
B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

Harry Potter là tên của series tiểu thuyết phim huyền bí gồm bảy phần của nhà văn Anh Quốc J. K. Rowling. Bộ truyện viết về những cuộc phiêu lưu phù thủy của cậu bé **Harry Potter** cùng hai người bạn thân là Ronald Weasley và Hermione Granger, lấy bối cảnh tại Trường Phù thủy và Pháp sư **Hogwarts** nước Anh.

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới



ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1:
BẠCH TUỘC
(Trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển)
Giuy-n Vec- nơ
Ngày soạn: *Ngày dạy:*



I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

b. Năng lực đặc thù

- Biết cách đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng.
- Xác định được ngôi kể trong văn bản.
- Phân tích được đề tài, sự kiện, tình huống và nhân vật, bối cảnh truyện.
- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

2. Về phẩm chất:

- + Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua việc mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.
- + Tình yêu thương còn thể hiện qua thái độ nuôi tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. Học liệu

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh về nhà văn Giuyn vec- nơ và văn bản “Bạch tuộc”.

Phiếu số 1: Nối

Phần 1	Hình ảnh con bạch tuộc khổng lồ
Phần 2	Cuộc chiến của đoàn thủy thủ với những con bạch tuộc khổng lồ

Phiếu số 2

Hãy sắp xếp các chi tiết, sự kiện theo trình tự xuất hiện trong đoạn trích	

Phiếu số 3

Con bạch tuộc	Đoàn thủy thủ

Phiếu số 4

Nghệ thuật	
Nội dung	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em đã bao giờ xem một bộ phim khoa học viễn tưởng chưa? Khi đó, em có những suy nghĩ gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Tri thức đọc, hiểu	
a. Mục tiêu: - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (Sự kiện, tình huống, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản “ Bạch tuộc” b. Nội dung: - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi. - HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. c. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. ? Đề tài của truyện KHVТ thường gắn với các lĩnh vực khoa học nào? ? Truyện KHVТ các sự kiện có thật hay do nhà văn tưởng tượng ra? ?Tình huống trong truyện KHVТ thường diễn ra như thế nào? ? Cốt truyện trong tác phẩm KHVТ thường gắn với sự kiện gì? ?Nhân vật trong truyện KHVТ thường là những con người như thế nào? ? Bối cảnh trong truyện là gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. B4: Kết luận, nhận định HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	1. Đề tài Đề tài của truyện KHVТ thường gắn với các lĩnh vực khoa học như: Công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất... 2. Sự kiện Sự kiện trong truyện KHVТ có thể bắt đầu từ sự kiện có thật; từ đó, nhà văn hình dung, tưởng tượng ra câu chuyện. 3. Tình huống Tình huống trong truyện KHVТ thường đột ngột, bất ngờ, có phần li kì, mạo hiểm 4. Cốt truyện Cốt truyện trong tác phẩm KHVТ thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ; với những sự kiện “ đi trước thời gian”, những tình huống táo bạo, bất ngờ,.. 5. Nhân vật Nhân vật trong truyện KHVТ thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế,... trong các lĩnh vực (đề tài) mà tác phẩm đề cập. 6. Bối cảnh Bối cảnh trong truyện KHVТ thường gắn với đề tài của truyện.

2.2 Đọc, hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

a. Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Giuyn Vec- nơ và tác phẩm “Ba vạn dặm dưới đáy biển” cũng như đoạn trích “Bạch tuộc”.

b. Nội dung: - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyên giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Giuyn Véc- nơ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.	 - Giuyn Véc-nơ (1828- 1905), Pháp. - Người đi tiên phong trong thể loại văn học Khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những "cha đẻ" của thể loại này. - Ông là người có tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.
	

2. Tác phẩm

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, ngôi kể, bố cục...)

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Thể hiện rõ lời thoại - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ: (Phiếu học tập số 1) ? Truyện “Bạch tuộc” thuộc thể loại gì? Em hiểu gì về thể loại đó? ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Làm việc cá nhân 2', nhóm 5' + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân. + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình. GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	a) Đọc và tóm tắt - HS đọc đúng. b) Tìm hiểu chung - Xuất xứ: Trích tiểu thuyết <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>. - Văn bản thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng. (Tri thức Ngữ văn trang 58) - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của nhân vật Tôi). - Văn bản chia làm 2 phần + P1: Từ đầu... đèn trên trần bật sáng → Hình ảnh con bạch tuộc khổng lồ. + P2: Còn lại: → Cuộc chiến của đoàn thủy thủ với những con bạch tuộc khổng lồ.
II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Hình ảnh con bạch tuộc khổng lồ	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết nói về những con bạch tuộc - Hoàn cảnh xuất hiện. b. Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh	

d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyên giao nhiệm vụ (GV) * Vòng chuyên sâu (7 phút) - Chia lớp ra làm 2 nhóm hoặc 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,... (nếu 2 nhóm) hoặc 1,2,3,4 (nếu 4 nhóm)... - Phát phiếu học tập số 2& giao nhiệm vụ: Nhóm I: Tìm những chi tiết nói về hoàn cảnh xuất hiện những con bạch tuộc? Nhóm II: Tìm những chi tiết miêu tả về con bạch tuộc? * Vòng mảnh ghép (8 phút) - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới & giao nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu? 2. Trong cuộc nói chuyện giữa Nét với Giáo sư A-rôn-nác, hình ảnh những con bạch tuộc được miêu tả như thế nào? 3. Nhà văn đã sử dụng nghệ thuật gì để miêu tả về những con bạch tuộc? 4. Qua đó em biết gì về những con bạch tuộc? B2: Thực hiện nhiệm vụ * Vòng chuyên sâu HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). * Vòng mảnh ghép (7 phút) HS: - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép. - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại. GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.	a. Hoàn cảnh xuất hiện: - Tàu No-ti-lốt lặn xuống biển, cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. - Cuộc nói chuyện của Nét với Giáo sư A-rôn-nác về những con bạch tuộc. => Qua cuộc nói chuyện giữa Nét và Giáo sư A-rôn-nác, độc giả có những hình dung ban đầu về con bạch tuộc. Đó là một con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương. b. Con bạch tuộc khổng lồ xuất hiện: - Con bạch tuộc dài chừng tám mét. - Nó bơi lùi rất nhanh. - Mát nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy. - Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong. - Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi. - Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. - Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm. - Thân hình thoi. - Nặng chừng hai mươi, hai trăm tấn. - Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ. - Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại. => Con bạch tuộc được miêu tả rất cụ thể, chi tiết, rõ ràng. Đây là một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu. Trong miêu tả của tác giả, có những chi tiết giống với đặc điểm thực tế của loài bạch tuộc, có những chi tiết mang tính tưởng tượng. Khi tác phẩm ra đời, chỉ một số người đi biển mới từng gặp bạch tuộc. Bằng trí tưởng tượng rất phong phú, tác giả đã giúp độc giả hình dung được một loài vật đáng sợ.

B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2					
2. Cuộc chiến đấu với con bạch tuộc					
a. Mục tiêu: Giúp HS - Cuộc giáp chiến của thủy thủ đoàn với những con bạch tuộc. - Nghệ thuật kể chuyện. b. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh d. Tổ chức thực hiện:					
Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Chuyện gì đã xảy ra với con tàu? ? Giải thích nghĩa của từ “Giáp chiến”? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: 2 phút làm việc cá nhân. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. HS: Trình bày những hiểu biết của mình B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	a) Trước khi giáp chiến - Con tàu bỗng dừng lại, toàn thân rung lên, đứng yên không nhúc nhích, chân vịt không quay nữa - Giáp chiến nghĩa là tiến gần đến để giao tranh.				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ: 1. Tìm những chi tiết miêu tả cuộc chiến đấu của thủy thủ đoàn với những con bạch tuộc 2. Em có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện của tác giả? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân. - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).	b) Cuộc giáp chiến <table border="1" data-bbox="743 1209 1485 1276"> <tr> <th>Con bạch tuộc</th><th>Đoàn thủy thủ</th></tr> <tr> <td data-bbox="743 1276 1062 1871"></td><td data-bbox="1062 1276 1485 1871"></td></tr> </table>	Con bạch tuộc	Đoàn thủy thủ		
Con bạch tuộc	Đoàn thủy thủ				

HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	- Một cái vôi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, hai chục cái vôi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên.	- Sẵn sàng giáp chiến với con bạch tuộc khổng lồ. - Thuyền trưởng Nê-mô chặt đứt phăng cái vôi khủng khiếp.
	- Một cái vôi lao tới, nhắc bóng người thủy thủ lên.	- Thuyền trưởng Ne-mô chặt đứt phăng cái vôi khủng khiếp. - Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba nhà khoa học chiến đấu với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu.
	- Tám vôi thì bảy vôi bị chặt đứt, cái vôi còn lại vẫn quấn chặt người thủy thủ trên không.	- Thuyền trưởng và mọi người định lao đến cứu người thủy thủ.
	- Phun ra chất lỏng màu đen. - Cuốn theo một người thủy thủ xuống biển.	- Ai cũng sôi sục tinh thần căm thù.
	- Một con bạch tuộc quật ngã Nét, định nuốt chửng anh.	- Nét phóng lao nhọn vào mắt con quái vật. - Nê-mô lao đến cứu Nét.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Cuộc giáp chiến kết thúc như thế nào? ? Tại sao mắt Nê- Mô ứa lệ? ? Thông qua cuộc giáp chiến em có nhận xét gì về đoàn thủy thủ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 5' (đọc SGK, tìm chi tiết) - Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi. Mắt Nê-mô ứa lệ vì ông vừa mất một người đồng hương của mình trong trận chiến với lũ quái vật bạch tuộc - Các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục 3.	c. Cuộc giáp chiến kết thúc <table border="1"> <thead> <tr> <th>Con bạch tuộc</th><th>Đoàn thủy thủ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, lặn xuống biển sâu.</td><td>Đoàn thủy thủ chiến thắng, đứng lặng người nhìn xuống biển cả.</td></tr> <tr> <td>=> Đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo, sẵn sàng giết chết đoàn thủy thủ nhưng cuối cùng đã nhận kết cục thua trận, phải chạy trốn xuống biển.</td><td>=> Đoàn thủy thủ dũng cảm, kiên cường chống lại lũ quái vật biển sâu. Trong cuộc chiến đó, ta không chỉ thấy được sự anh dũng mà còn thấy được tình thân đoàn kết, tình yêu thương. Những người thủy thủ không ngại nguy hiểm để cứu đồng đội của mình, và họ rất đau đớn trước sự hi sinh của một người đồng hương.</td></tr> </tbody> </table>	Con bạch tuộc	Đoàn thủy thủ	Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, lặn xuống biển sâu.	Đoàn thủy thủ chiến thắng, đứng lặng người nhìn xuống biển cả.	=> Đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo, sẵn sàng giết chết đoàn thủy thủ nhưng cuối cùng đã nhận kết cục thua trận, phải chạy trốn xuống biển.	=> Đoàn thủy thủ dũng cảm, kiên cường chống lại lũ quái vật biển sâu. Trong cuộc chiến đó, ta không chỉ thấy được sự anh dũng mà còn thấy được tình thân đoàn kết, tình yêu thương. Những người thủy thủ không ngại nguy hiểm để cứu đồng đội của mình, và họ rất đau đớn trước sự hi sinh của một người đồng hương.
Con bạch tuộc	Đoàn thủy thủ						
Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, lặn xuống biển sâu.	Đoàn thủy thủ chiến thắng, đứng lặng người nhìn xuống biển cả.						
=> Đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo, sẵn sàng giết chết đoàn thủy thủ nhưng cuối cùng đã nhận kết cục thua trận, phải chạy trốn xuống biển.	=> Đoàn thủy thủ dũng cảm, kiên cường chống lại lũ quái vật biển sâu. Trong cuộc chiến đó, ta không chỉ thấy được sự anh dũng mà còn thấy được tình thân đoàn kết, tình yêu thương. Những người thủy thủ không ngại nguy hiểm để cứu đồng đội của mình, và họ rất đau đớn trước sự hi sinh của một người đồng hương.						
3. Những chi tiết đặc sắc							
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học? ? Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 5' (đọc SGK, tìm chi tiết) - Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho	* Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học: - Sự ra đời của tàu ngầm. - Hình ảnh con bạch tuộc - một loài vật mà có người đã trực tiếp thấy. * Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn: - Tàu No-ti-lốt lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét. => Khi tác phẩm ra đời, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai nhưng tác giả đã tưởng tượng đến viễn cảnh chiếc tàu có thể lặn được thực tế ở độ sâu hai, ba ngàn mét.						

bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi. - Các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	- Chi tiết miêu tả những con bạch tuộc: lao nhon, súng bắn đều vô hiệu, bạch tuộc rất to lớn, khổng lồ, vòi của bạch tuộc có khả năng mọc lại, đặc điểm của loài bạch tuộc... => Lúc này, chỉ một số người đi biển mới nhìn thấy bạch tuộc, nhưng tác giả đã có thể hình dung được những đặc điểm cụ thể của loài bạch tuộc (về kích cỡ), tưởng tượng ra trận chiến giữa chúng với đoàn thủy thủ. => Tác giả đã dựa trên những thành tựu của khoa học và công nghệ cùng với những hiểu biết của mình và trí tưởng tượng phong phú để sáng tạo nên một câu chuyện kịch tính, li kì, hấp dẫn, mở ra một thế giới mới mẻ, thú vị cho độc giả.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 4. - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện? ? Nội dung chính của văn bản “Bạch tuộc”? ? Từ câu chuyện, em rút ra được bài học gì cho mình khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôi kể thứ nhất làm câu chuyện chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể chuyện. - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, thú vị. - Từ ngữ giàu gợi hình gợi cảm. - Sử dụng nhiều từ ngữ bộc lộ cảm xúc, những câu cảm thán. 2. Nội dung, Bài học - Văn bản kể về cuộc chiến đấu dũng cảm của đoàn thủy thủ trên tàu No-ti-lớt với quái vật của biển cả - những con bạch tuộc khổng lồ, hung dữ. Qua đó, độc giả thấy được lòng dũng cảm, kiên cường, trách nhiệm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội của những người thủy thủ. - Bài học: Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy dũng cảm đối mặt với nó, hãy “chiến đấu” với những thử thách đến cùng. Chiến thắng sẽ thuộc về những người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ. Hãy biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn; không nên ích kỉ, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà bỏ mặc người khác. Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh để vượt qua, chiến thắng được khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Hãy sắp xếp các chi tiết, sự kiện sau theo trình tự xuất hiện trong đoạn trích *Bạch tuộc*.

1	Lũ bạch tuộc thất bại, lặn xuống biển sâu.
2	Cuộc chiến giữa đoàn thủy thủ với những con bạch tuộc khổng lồ.
3	Những con bạch tuộc khổng lồ xuất hiện.
4	Đoàn tàu No-ti-lốt lặn giữa biển
5	Cuộc nói chuyện giữa "tôi" và Nét về những con bạch tuộc khổng lồ.

Bài 2: Theo em tình huống nào trong văn bản được mô tả hấp dẫn nhất?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

-> Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống giáp chiến của thủy thủ tàu No-ti-lốt với những con quái vật bạch tuộc

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Nhân vật nào trong đoạn trích “Bạch tuộc” để lại trong em nhiều ấn tượng nhất? Hãy miêu tả (Khoảng 4,5 dòng) hoặc vẽ trên giấy chân dung nhân vật này?

- Nộp sản phẩm vào trang paleo hoặc lớp học classzoom.

<https://classroom.google.com/c/Mzc0OTc0NzM2NjQ5?cjc=xgvj3j3>

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

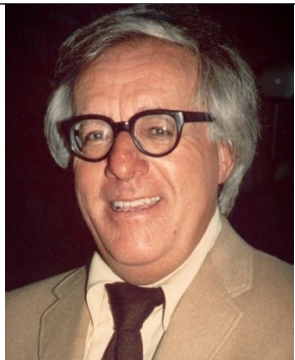
B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết tiếp theo.

	Độc hiểu văn bản 2 CHẤT LÀM GI - RÂY BRET-BƠ-RY - Ngày soạn: Ngày dạy:	

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

- Biết cách đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng.
- Xác định được ngôi kể trong văn bản.
- Phân tích được đề tài, sự kiện, tình huống và nhân vật, bối cảnh truyện.
- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

2. Về phẩm chất:

- + Từ ý tưởng tạo ra chất làm gi để phá hủy mọi vũ khí và ngăn chặn chiến tranh trên thế giới của viên trung sĩ đã bồi dưỡng những ý tưởng sáng tạo, nghiên cứu khoa học kỹ thuật của giới trẻ.
- + Truyện thể hiện ước mơ của người viết về một thế giới hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Từ đó bồi dưỡng tinh thần yêu chuộng hòa bình và phát triển.

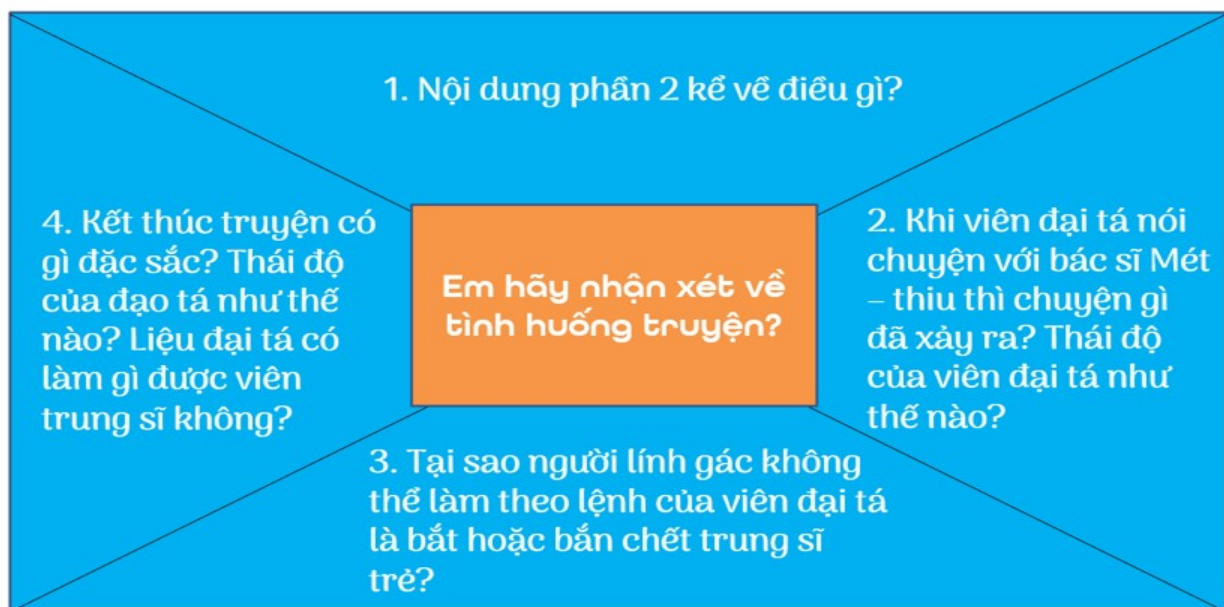
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh về nhà văn Rây Bret-bơ-ry và văn bản *Chất làm gi*.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

Phiếu học tập số 1

Em hãy điền vào phiếu học tập của mình bằng cách trả lời các câu hỏi trong bảng sau:

	VIÊN ĐẠI TÁ	TRUNG SĨ TRẺ
Mong muốn	Viên đại tá mong muốn gì?	Trung sĩ trẻ mong muốn gì?
Niềm tin	Viên đại tá có tin vào ý tưởng của trung sĩ trẻ không?	Trung sĩ trẻ có tin vào ý tưởng của bản thân không?
Dự định	Viên đại tá đã dự định làm gì với trung sĩ trẻ?	Trung sĩ trẻ đã trình bày những dự định của mình như thế nào?
Kết thúc cuộc nói chuyện	Viên đại tá có tin tưởng anh trung sĩ không?	Anh trung sĩ đã làm gì tiếp theo?
Đánh giá về cuộc nói chuyện? (Cuộc nói chuyện có mang tính xây dựng không? Các nhân vật có tìm được tiếng nói chung không?)		



Phiếu học tập số 3

Em hãy điền vào phiếu học tập của mình bằng cách trả lời các câu hỏi trong bảng sau:

1. Nội dung chính của văn bản <i>Chất làm gỉ</i> ?	
2. Từ câu chuyện, em rút ra ý nghĩa gì?	
3. Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV cho HS xem đoạn video nói về chiến tranh. GV hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Khi xem xong đoạn video, em có suy nghĩ gì về chiến tranh?

? Nếu em trong vai trò là một người lính, em sẽ làm gì để ngăn chặn cuộc chiến tranh?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**I. TÌM HIỂU CHUNG****1. Tác giả**

a. Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Rây Bret-bơ-ry và tác phẩm *Chất làm gỉ*.

b. Nội dung:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi
? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Ray
Bơret-Bơ-Ry?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

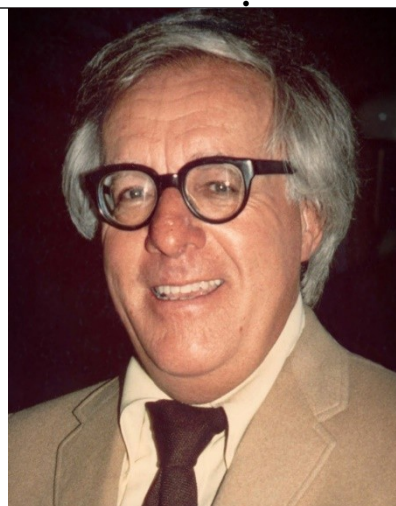
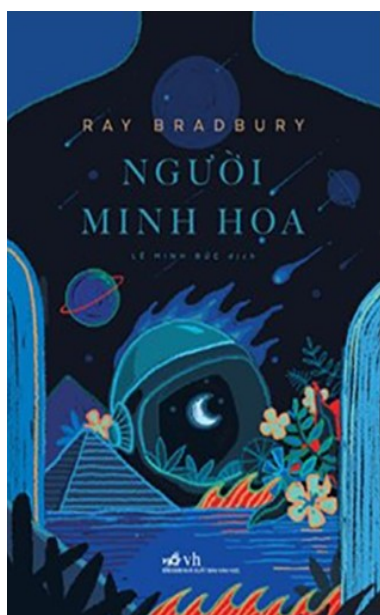
HS quan sát SGK.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời câu hỏi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến
thức lên màn hình.

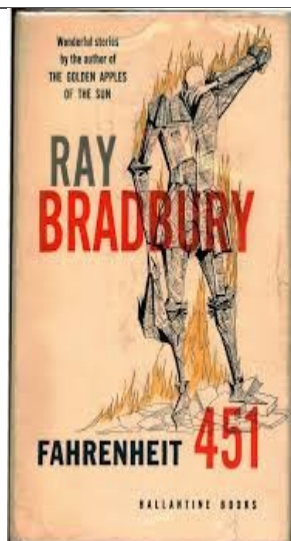


* Tiểu sử:

- Ray Bret-bơ-ry (Ray Bradbury Douglas) (22/8/1920-5/6/2012) là một nhà văn chuyên về sáng tác các tác phẩm kinh dị, khoa học viễn tưởng và bí ẩn người Mỹ.
- Là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất thế kỷ XX và XXI của nước Mỹ.
- Ông đã được giải thưởng Franh-klin (Franklin) và O Hen-ry (O Henry)

* Các tác phẩm chính:

- Nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết 451 độ F (Fahrenheit 451, 1953) và tập hợp những câu chuyện khoa học viễn tưởng như Xứ Tháng Mười (The Martian Chronicles -1950) và Người minh họa (The Illustrated Man, 1951). Nhiều tác phẩm của ông đã được chuyển thể thành phim và chương trình truyền hình.



2. Tác phẩm

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, ngôi kể, bố cục...)

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Thể hiện rõ lời thoại. - GV gọi 3 học sinh phân vai để đọc rõ lời thoại của các nhân vật đồng thời thể hiện rõ tư tưởng, tính cách, hành động của nhân vật mình hóa thân. - Tóm tắt văn bản: Viên đại tá cho gọi anh trung sĩ đến để nói cho anh biết về kế hoạch chuyển anh đến một nơi khác vì đại tá nghe nói anh trung sĩ có những biểu hiện không bình thường về thần kinh gây ảnh hưởng đến công việc. Anh trung sĩ không đồng ý và nêu ra ý tưởng của mình là không muốn có chiến tranh nên đã nghiên cứu ra chất làm gì để phá hủy các loại vũ khí ngăn chặn chiến tranh. Sau một hồi nói chuyện, Đại tá vẫn không tin vào ý tưởng của anh trung sĩ, cho rằng anh đang mắc chứng bệnh hoang tưởng và cần được bác sĩ Mét-thiu hỗ trợ. Sau cuộc nói chuyện, anh trung sĩ đi ra khỏi phòng. Ngay sau đó, viên Đại tá được tận mắt chứng kiến sự phá hủy của chất làm gì ngay trong cuộc nói chuyện với bác sĩ Mét – thiu, với anh	2.1. Đọc và tóm tắt a. Đọc: - HS đọc đúng. b. Tóm tắt:

lính gác khiến đại tá tức điên lên.

- GV giao nhiệm vụ:

? Nêu xuất xứ của văn bản *Chất làm gỉ*?

? Truyện *Chất làm gỉ* thuộc thể loại gì? Em hiểu gì về thể loại đó?

? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó?

? Chỉ ra các PTBD của văn bản?

? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

? Gỉ sét là gì? Nguyên nhân tạo ra gỉ sét (chất làm gỉ)?

(GV có thể giải thích thêm: Khi sắt hay hợp kim của sắt (như thép...) tiếp xúc với oxy và độ ẩm trong một khoảng thời gian dài, tạo thành một hợp chất mới gọi là oxít sắt hay còn gọi là gỉ sắt. Chất xúc tác chính cho quá trình gỉ là nước. Cấu trúc sắt hoặc thép có vẻ chắc chắn, nhưng các phân tử nước có thể xâm nhập vào các lỗ nhỏ và vết nứt trong bất kỳ kim loại nào kể cả sắt, sự kết hợp của nguyên tử hidro có trong nước với các nguyên tố khác để hình thành axit, ăn mòn sắt, làm cho sắt bị phôi ra nhiều hơn. Nếu trong môi trường nước biển, sự ăn mòn có thể xảy ra nhanh hơn. Trong khi đó các nguyên tử oxy kết hợp với các nguyên tử sắt để hình thành oxít sắt hay gỉ sắt, chúng làm yếu sắt và làm cho cấu trúc của sắt trở nên giòn và xốp.)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc văn bản. Tóm tắt được văn bản.

- Làm việc cá nhân 2', nhóm 5'

GV:

- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS: Trình bày sản phẩm của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

GV:

- Nhận xét cách đọc của HS.

- Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

2.2. Tìm hiểu chung

a. Xuất xứ: Trích *Truyện khoa học viễn tưởng chọn lọc*, Thái Hà dịch.

b. Thể loại: Truyện ngắn (Truyện khoa học viễn tưởng).

c. Ngôi kể: Ngôi thứ ba.

d. Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

e. Bố cục: (2 phần)

- Phần 1 (từ đầu đến “Tạm biệt đại tá”): Cuộc nói chuyện của trung sĩ và viên đại tá.

- Phần 2 (còn lại): Sự phá hủy của chất làm gỉ.

g. Nhan đề: CHẤT LÀM GỈ

- Gỉ sét là gì?

Gỉ sét (hay rỉ sét) là sắt bị oxy hóa. Gỉ sét được hình thành do sắt kết hợp với oxy khi có mặt nước hoặc không khí ẩm. Trên bề mặt sắt thép bị rỉ hình thành những lớp vảy rất dễ vỡ, thường có màu nâu, nâu đỏ hoặc đỏ. Lớp gỉ này không có tác dụng bảo vệ sắt ở phía trong. Nếu có đủ thời gian, oxy và nước, bất kỳ khối sắt nào cũng sẽ bị gỉ hoàn toàn và phân hủy.

- Chất làm gỉ?

Sắt kết hợp với oxy và nước (ở môi trường) bị biến thành các oxít sắt, làm hư kết cấu sắt ban đầu.

=> Dựa trên cơ sở khoa học về chất làm gỉ, viên trung sĩ đã nghiên cứu và tạo ra chất có thể phá hủy các loại vũ khí để ngăn chặn các cuộc chiến tranh => Ý tưởng về chất có thể làm cho thế giới được hòa bình => Tư tưởng nhân văn ngay từ nhan đề truyện.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**1. Cuộc nói chuyện giữa trung sĩ và viên đại tá****a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Chỉ ra nội dung và ý nghĩa của cuộc nói chuyện; biết được tính cách của từng nhân vật.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật thông qua lời đối thoại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng phiếu học tập, câu hỏi cho HS thảo luận; sử dụng KT đặt câu hỏi cho HS trả lời.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh.**d. Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện			Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Phiếu học tập số 1: - Chia lớp ra làm 2 nhóm hoặc 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,... (nếu 2 nhóm) hoặc 1,2,3,4 (nếu 4 nhóm)... - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:			a. Cuộc nói chuyện giữa hai nhân vật: * Mong muốn: - Viên đại tá muốn chuyển anh trung sĩ trẻ đi nơi khác, có thể là sang bên kia đại dương và phục vụ trong một quân đoàn nào đó thật xa. - Muốn sống không có chiến tranh. Anh muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm, những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa và giống như những con quái vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hố có lấp đầy nhựa đường. * Niềm tin: - Viên đại tá không tin vào ý tưởng của viên trung sĩ. - Trung sĩ rất tin tưởng vào ý tưởng của bản thân, bởi vì anh đã nghiên cứu về chất làm gỉ dựa trên cơ sở khoa học. * Dự định: - Đại tá dự định gọi điện cho bác sĩ Mét-thiu vì đại tá nghĩ rằng viên trung sĩ cần có sự giúp đỡ của bác sĩ khám chữa. - Anh trung sĩ dự định phá hủy vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ, đầu tiên là khắp châu Mỹ trong vài ngày, sau đó sẽ sang châu Âu. Trong vòng một tháng, sẽ làm cho cả thế giới tránh được thảm họa chiến tranh. * Kết thúc cuộc nói chuyện:
	VIÊN ĐẠI TÁ	TRUNG SĨ TRẺ	
Mong muốn	Viên đại tá mong muốn gì?	Trung sĩ trẻ mong muốn gì?	
Niềm tin	Viên đại tá có tin vào ý tưởng của trung sĩ trẻ không?	Trung sĩ trẻ có tin vào ý tưởng của bản thân không?	
Dự định	Viên đại tá đã dự định làm gì với trung sĩ trẻ?	Trung sĩ trẻ đã trình bày những dự định của mình như thế nào?	
Kết thúc cuộc nói chuyện	Viên đại tá có tin tưởng anh trung sĩ không?	Anh trung sĩ đã làm gì tiếp theo?	
Đánh giá về cuộc nói chuyện? (Cuộc nói chuyện có mang tính xây dựng không? Các nhân vật có tìm được tiếng nói chung không?)			
- Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về mong muốn và niềm tin của 2 nhân vật. - Nhóm 3,4: Tìm hiểu về dự định của 2 nhân vật và kết quả của cuộc nói chuyện. - Cả 2 nhóm đánh giá về cuộc nói chuyện.			
B2: Thực hiện nhiệm vụ			

HS: Làm việc cá nhân 2', nhóm 5'

GV: Theo dõi, hỗ trợ HS.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS: Trình bày sản phẩm của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

GV: Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

HS trả lời các câu hỏi sau:

Nhân vật anh trung sĩ:

? Nhân vật anh trung sĩ được giới thiệu qua lời của ai? Và được giới thiệu như thế nào?

? Em có nhận xét gì về mong muốn của anh trung sĩ?

? Em có nhận xét gì về ý tưởng của trung sĩ?

? Qua cuộc nói chuyện với viên đại tá, em hãy cho biết trung sĩ trẻ là một người như thế nào?

Nhân vật viên đại tá:

? Viên đại tá trong truyện được giới thiệu như thế nào?

? Em có nhận xét gì về mong muốn của viên đại tá?

? Em hãy nhận xét về thái độ của viên đại tá trong cuộc nói chuyện với trung sĩ trẻ?

Qua cuộc nói chuyện với trung sĩ trẻ, em hãy cho biết viên đại tá là một người như thế nào?

Nghệ thuật:

? Trong phần 1, tác giả Rây Bret-bơ-ry đã sử dụng những nghệ thuật nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: 2 phút làm việc cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV: - Yêu cầu HS trình bày.

HS: Trình bày những hiểu biết của mình

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.

- Đến lúc này, đại tá vẫn chưa tin viên trung sĩ.

- Trung sĩ dùng chất làm gì để phá hủy tất cả các vũ khí để ngăn chặn chiến tranh.

=> **Cuộc nói chuyện không mang tính xây dựng do viên đại tá và trung sĩ trẻ có cách nhìn nhận khác nhau về chiến tranh và sự tiến bộ của khoa học.**

b. Nhân vật trung sĩ trẻ:

- Tên là Hô – lit. Là một người lính trẻ đã trải qua cuộc chiến tranh 16 năm.

- Mong muốn cao cả, tốt đẹp: Xóa bỏ vũ khí, chấm dứt chiến tranh.

- Ý tưởng thông minh, sáng tạo, dựa trên cơ sở khoa học để tạo ra chất làm gì phá hủy các loại vũ khí để kết thúc chiến tranh trên thế giới.

=> Trung sĩ trẻ là một người tài giỏi, có lí tưởng, có ước mơ cao đẹp.

c. Nhân vật viên đại tá:

- Là cấp trên của trung sĩ trẻ, có quyền lực chỉ huy đơn vị.

- Mong muốn tầm thường, vì lợi ích của cuộc chiến tranh

- Ông gạt phăng tất cả những dự định, ước mơ của trung sĩ và khẳng định yêu cầu cấp dưới phải làm theo mệnh lệnh.

=> Viên đại tá là người có tính cách nóng nảy, bị kích động, không biết lắng nghe và tin tưởng cấp dưới, chuyên quyền độc đoán, bảo thủ.

*** Nghệ thuật:**

- Xây dựng nhân vật qua lời đối thoại trực tiếp, từ đó bộc lộ tính cách, tâm lí của nhân vật.

- Nghệ thuật đối lập trong con người và tính cách của hai nhân vật chính thông qua đối thoại.

- Trí tưởng tượng độc đáo dựa trên sự tiến bộ của khoa học.

=> Làm nổi bật tư tưởng nhân văn của Rây Bret-bơ-ry về một thế giới không còn chiến

		tranh.
2. Sự phá hủy của chất làm gỉ		
a. Mục tiêu: Giúp HS - Tìm hiểu sự phá hủy của chất làm gỉ là có thật. Từ đó thấy được tư tưởng nhân văn của tác giả: Mong muốn thế giới không còn chiến tranh. - Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, trí tưởng tượng phong phú... b. Nội dung: - GV sử dụng KT khăn trải bàn, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c. Sản phẩm: Câu trả lời của từng nhóm học sinh. d. Tổ chức thực hiện:		
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Làm việc nhóm theo KT khăn trải bàn: Chia lớp thành 3 nhóm: (Tiết này GV có thể cho HS ngồi theo hình chữ U). Nhóm 1 trình bày câu 1, 2 Nhóm 2 trình bày câu 3, 4 Nhóm 3 trình bày câu hỏi trung tâm. 1. Nội dung phần 2 kể về điều gì? 2. Khi viên đại tá nói chuyện với bác sĩ Mét – thiêu thì chuyện gì đã xảy ra? Thái độ của viên đại tá như thế nào? 3. Tại sao người lính gác không thể làm theo lệnh của viên đại tá là bắt hoặc bắn chết trung sĩ trẻ? 4. Kết thúc truyện có gì đặc sắc? Thái độ của đạo tá như thế nào? Liệu đại tá có làm gì được viên trung sĩ không? CHTT: Em hãy nhận xét về tình huống truyện? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm,		a. Tình huống truyện: - Phần (2) kể về việc đại tá gọi cho bác sĩ Mét-thiêu để nhờ chữa bệnh cho viên trung sĩ. Nhưng sau đó, tất cả những điều viên trung sĩ nói đã xảy ra, khiến đại tá tức giận và đòi bắt anh ta. - Khi đại tá đang nói chuyện với bác sĩ Mét – thiêu thì cây bút của ông ta đã biến thành gỉ vàng trong sự sửng sờ và tức giận của đại tá. - Lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá bởi vì khẩu súng của anh ta đã biến thành gỉ sắt màu vàng. - Đại tá tức giận và phải dùng chiếc ghế gỗ để tóm viên trung sĩ. Đại tá không thể làm gì được viên trung sĩ, vì anh ta có thể đã trốn thoát. => Tình huống truyện bất ngờ, tự nhiên, li kì, hấp dẫn, trí tưởng tượng phong phú.

chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.

- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo.



B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* Trả lời các câu hỏi:

? Trung sĩ trẻ Hô – lit đã chứng minh điều gì?

? Chất làm gỉ có sức mạnh như thế nào?

? Ý nghĩa của chất làm gỉ là gì?

? Nghệ thuật được sử dụng trong phần 2?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Làm việc cá nhân 5' (đọc SGK, tìm chi tiết)

- Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

GV: Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục Tổng kết.

b. Sự phá hủy của chất làm gỉ

- Trung sĩ trẻ đã chứng minh chất làm gỉ là có thật dựa trên cơ sở khoa học.

- Chất làm gỉ có sự phá hủy ghê gớm, nó có thể biến những thiết bị quân sự, những vũ khí chiến tranh biến thành chất bột có màu vàng đỏ: Cái bút, khẩu súng, máy bay, tàu thuyền quân sự...

c. Ý nghĩa của chất làm gỉ

- Mong muốn chấm dứt chiến tranh, thế giới được sống trong bình yên.

- Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ của tác giả.

=> Tư tưởng nhân văn của tác giả Rây Bret-bơ-ry muốn thế giới thoát khỏi những cuộc chiến tranh, con người được sống trong hòa bình.

* Nghệ thuật:

- Xây dựng tình huống bất ngờ, li kì, nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

- Xây dựng tâm lý, tính cách, hành động của nhân vật để bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

→ Ước mơ chất làm gỉ dựa trên cơ sở của khoa học kĩ thuật sẽ trở thành hiện thực để cứu thế giới ra khỏi những cuộc chiến tranh.

III. Tổng kết

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 3. - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nội dung chính của văn bản Chất làm gì. ? Từ câu chuyện, em rút ra ý nghĩa gì? ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	1. Nội dung: Câu chuyện kể về cuộc nói chuyện giữa viên đại tá và trung sĩ trẻ về một loại chất làm gì có thể làm han gí tất cả các loại vũ khí để ngăn chặn chiến tranh trên thế giới và sự phá hủy của chất làm gì xảy ra thực sự bất chấp sự tức giận và sự bất lực trong việc ngăn cản trung sĩ trẻ của viên đại tá. 2. Ý nghĩa: Qua câu chuyện về chất làm gì có thể phá hủy tất cả các loại vũ khí để ngăn chặn chiến tranh, tác giả Rây Bret-bơ-ry đã cho người đọc thấy trí tưởng tượng độc đáo dựa trên cơ sở của khoa học kĩ thuật và tư tưởng nhân văn lớn của tác giả: Mong muốn thế giới luôn được sống trong hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ. 3. Nghệ thuật: - Xây dựng nhân vật thông qua đối thoại trực tiếp, nghệ thuật đối lập làm nổi bật tính cách, hành động, lời nói của các nhân vật. - Trí tưởng tượng phong phú, độc đáo dựa trên cơ sở của khoa học kĩ thuật. - Xây dựng tình huống bất ngờ, li kì, nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc chơi trò chơi: DỪNG CHẤT LÀM GÌ NGĂN CHẶN CHIẾN TRANH. b. Nội dung: <i>Bạn hãy cùng trung sĩ trẻ dùng chất làm gì để ngăn chặn chiến tranh bằng cách trả lời đúng các câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng sẽ phá hủy được 1 vũ khí chiến tranh. Trả lời được hết tất cả các câu hỏi sẽ nhận được biểu tượng hòa bình.</i> c. Sản phẩm: Đáp án đúng của trò chơi d. Tổ chức thực hiện	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên tổ chức trò chơi cho HS. Câu 1: Truyện “Chất làm gì” thuộc thể loại nào? A. Truyện trinh thám B. Truyện khoa học C. Truyện khoa học viễn tưởng D. Truyện truyền kì Câu 2: Dòng nào nêu đúng tên các nhân vật của truyện? A. Đại tá, viên trung sĩ (Hô-lít), bác sĩ Mét-thiu,	Đáp án các câu hỏi: Câu 1: Đáp án C Câu 2: Đáp án: A Câu 3: Đáp án: D Câu 4: Đáp án: B Câu 5: Đáp án: B Câu 6: Đáp án: A Câu 7: Đáp án: B

người lính gác B. Đại tá, viên trung sĩ, người cận vệ C. Đại tá Hô-lít, viên trung sĩ, bác sĩ Mét-thiu, người lính gác D. Đại tá, viên trung sĩ Mét-thiu, bác sĩ Hô-lít, người lính gác Câu 3: Đâu không phải là các sự kiện chính của truyện? A. Đại tá muốn điều chuyển viên trung sĩ đến nơi khác. B. Viên trung sĩ nói về ý tưởng muốn phá hủy tất cả vũ khí bằng chất gỉ sét. C. Ý tưởng của viên trung sĩ được chứng minh và đại tá muốn tiêu diệt viên trung sĩ. D. Viên trung sĩ bị bắt giam chờ ngày xử tội. Câu 4: Dòng nào không nêu đúng những dự định mà viên trung sĩ đã nói với đại tá? A. Sẽ phá hủy các vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ. B. Sẽ phá hủy các căn cứ quân sự bằng khí độc. C. Đầu tiên sẽ đi khắp châu Mỹ trong vài ngày, sau đó sẽ sang châu Âu để phá hủy các vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ. D. Mục tiêu trong vòng một tháng, thế giới sẽ tránh được thảm họa chiến tranh. Câu 5: Em hiểu “chất làm gỉ” là gì? A. Là một chất hóa học có thể phá hủy mọi thứ vũ khí. B. Là chất tạo ra phản ứng khiến cho các loại vũ khí bằng kim loại đều bị gỉ và tan thành bụi. C. Là một phép thuật có khả năng phá hủy mọi thứ. D. Là một thiết bị mà con người có thể dùng để điều khiển theo ý muốn. Câu 6: Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở nào? A. Dựa vào cấu trúc của các nguyên tử xác định. B. Không dựa trên cơ sở thực tế nào C. Dựa vào cơ chế hoạt động của hơi nước. D. Dựa vào một nhân tố bí ẩn có khả năng phá hủy các vật bằng kim loại. Câu 7: Vì sao người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá? A. Vì người lính gác đã bị ý tưởng của viên trung sĩ chinh phục. B. Vì khẩu súng của người lính gác đã biến thành	Câu 8: Đáp án: D Câu 9: Đáp án: A Câu 10: Đáp án: C

vụn sắt gỉ màu vàng. C. Vì người lính gác đã bị khống chế. Câu 8: Dòng nào không nêu đúng nhận xét về tính cách của nhân vật viên đại tá? A. Thiếu tin tưởng người khác B. Thiếu sự đồng cảm, lắng nghe C. Nóng giận và kích động D. Bình tĩnh khi giải quyết vấn đề và tin tưởng cấp dưới Câu 9: Ý tưởng về chất làm gỉ của viên trung sĩ có ý nghĩa gì? A. Ý nghĩa nhân văn, muốn cho thế giới không có chiến tranh, tránh được các thảm họa do chiến tranh gây ra. B. Ca ngợi trí tưởng tượng phong phú của con người. C. Khẳng định tài năng của viên trung sĩ. Câu 10: Truyện thể hiện ước mơ gì của người viết? A. Ước mơ chinh phục vũ trụ B. Ước mơ chinh phục những chân trời khoa học. C. Ước mơ về một thế giới hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ. D. Ước mơ được khẳng định bản thân. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Điều khiển trò chơi. HS: Đọc yêu cầu của câu hỏi và lựa chọn đáp án B3: Báo cáo, thảo luận: - GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án. - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.	

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn. b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa). d. Tổ chức thực hiện	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về ý tưởng chất làm gỉ	

phá hủy các vũ khí để ngăn chặn chiến tranh sau khi học xong văn bản <i>Chất làm gỉ?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết nói về ý tưởng và sự phá hủy của chất làm gỉ). HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn. B3: Báo cáo, thảo luận GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm. HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...	

4. Hoạt động 5: Dặn dò về nhà:

- Học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài Thực hành tiếng việt.

TUẦN..... Tiết Ngày soạn:	THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ - PHÓ TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

*** Năng lực đặc thù:**

- Nhận diện được số từ, phó từ trong câu.
- Biết vận dụng số từ và phó từ trong đọc, viết, nói và nghe.

2. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu/Ti vi, máy tính.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

- Các phiếu học tập được sử dụng trong bài:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu	Phó từ	Đi kèm loại từ	Ý nghĩa bổ sung cho từ trung tâm

a			
b			
c			
d			
e			
f			
g			
h			
i			
k			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Câu	Số từ	Nghĩa mà từ bổ sung cho danh từ trung tâm	Hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu
a			
b			
c			
d			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) *Nội dung:* Từ video bài hát quen thuộc, học sinh phát hiện và kết nối vào bài học.

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): - GV cho cả lớp quan sát bài tập trên màn chiếu và gọi 1 HS đọc câu hỏi: ?Tìm các danh từ, động từ, tính từ có trong các câu văn sau: <i>Các bạn học sinh đang trao đổi rất say sưa hai bài tập cô giáo đã giao.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	- Danh từ: bạn, học sinh, bài tập, cô giáo - Động từ: trao đổi, giao - Tính từ: say sưa

HS thảo luận nhóm theo bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS đại diện nhóm trình bày kết quả. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV nhận xét và giới thiệu bài học: <i>Các em vừa xác định được các danh từ, động từ, tính từ trong câu. Vậy các từ còn lại: các, đang, rất, hai, đã giữ vai trò gì trong câu? Trong bài học ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em tìm hiểu thêm về các từ đó qua bài học: Số từ và Phó từ nhé!</i>	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. Kiến thức Ngữ văn

a) Mục tiêu:

- Học sinh hiểu và nhận biết được số từ, phó từ. .
- Sử dụng được số từ, phó từ trong đọc, viết, nói và nghe.

b) Nội dung: Các kiến thức cơ bản về số từ và phó từ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nội dung 1: Số từ 1. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Tổ chức trò chơi: “Ai nhanh hơn”. GV giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hiện (<i>Yêu cầu đã được giao tới các nhóm từ tiết trước</i>): ? Tìm và ghi lại những câu văn có chứa các từ chỉ số lượng và số thứ tự trong văn bản “Bạch tuộc” của Giuyn Vec-nơ. - GV chiếu ví dụ mẫu. HS Quan sát và phân tích các ví dụ mẫu: ? Xác định ý nghĩa của từ in đậm và cho biết chúng bổ nghĩa cho danh từ nào trong câu: a) Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. b) Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. c) Năm 1861, về phía tây bắc Tê-nê-rip, cũng ở khoảng vĩ độ này, thủy thủ tàu A-lếch-tơn phát hiện ra một con bạch tuộc khổng lồ đang bơi cùng tuyến đường. ?Nhận xét về vị trí của các số từ so với danh từ mà nó bổ sung ý nghĩa?	1. Số từ - Ý nghĩa: + <i>Tám, mười lăm, một: chỉ số lượng</i> + <i>1861: chỉ số thứ tự</i> - Bổ sung ý nghĩa cho các danh từ: + tám -> mét + mười lăm: phút + 1861: Năm + một: con (bạch tuộc) => Những từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự của sự vật ta gọi là Số từ. - Vị trí: + Số từ đứng trước danh từ bổ sung ý

?Trở lại với ví dụ phần khởi động, e hãy xác định số từ có trong câu và nêu ý nghĩa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện theo nhóm: Tìm và ghi lại các câu văn - HS quan sát ví dụ mẫu -> thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm. => Tổ trọng tài đếm nhanh và công bố nhóm thắng cuộc là nhóm tìm được nhiều câu văn đúng yêu cầu nhất. - HS trình bày cá nhân phát hiện trên ví dụ mẫu. => GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	nghĩa về số lượng + Số từ đứng sau danh từ bổ sung ý nghĩa về thứ tự - Số từ: ba -> chỉ số lượng
Nội dung 2: Phó từ 2. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Ví dụ 1: GV chiếu lại Bài tập phần Khởi động: ? Các từ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Những từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào? <i>Các bạn học sinh đang học bài rất say sưa, cố hoàn thành ba bài tập cô giáo đã giao.</i> ? Xác định các ý nghĩa mà từ in đậm đã bổ sung cho các động từ, tính từ và danh từ? ? Nhắc lại khái niệm Phó từ? *Ví dụ 2: ? Các từ in đậm trong câu sau bổ sung nghĩa cho những từ nào?	2. Phó từ - Bổ sung ý nghĩa: + các -> bạn (Danh từ) + đang -> học (Động từ) + rất -> say sưa (Tính từ) + đã -> giao (Động từ) - Ý nghĩa: + các: chỉ số nhiều + đang: chỉ thời gian + rất: chỉ mức độ + đã: chỉ thời gian => Các từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ hoặc đại từ để bổ sung ý nghĩa... ta gọi là phó từ.

a) Con vật khủng khiếp quá! (Véc-nơ) b) Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong... (Véc-nơ) c) Đó là mơ ước tự nhiên của mỗi người trong chúng ta (Brét-bơ-ry) d) Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại. (Véc-nơ) e) Tôi biết đó là vô vọng nhưng tôi vẫn cố khởi động thiết bị liên lạc. (En-di uya) f) ... Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay. (Brét-bơ-ry) g) Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa và bất giác lùi lại. (Véc-nơ) h) Dù có vấp phải cái gì, chúng ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. (Véc-nơ) i) Tôi đã quyết định rồi. (Brét-bơ-ry) k) Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. (Véc-nơ) ? Những từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào? ? Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa gì cho các động từ, tính từ và danh từ? ? Khái quát các ý nghĩa mà phó từ thường bổ sung cho các từ đi kèm với nó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu - HS thảo luận theo nhóm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + HS trình bày kết quả cá nhân + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức bằng sơ đồ tư duy.	- Bổ sung ý nghĩa: a. quá -> khủng khiếp (Tính từ) b. đang -> đỗ (Động từ) c. mỗi -> người (Danh từ) d. lại -> mọc (Động từ) e. vẫn -> cố (Động từ) f. đừng -> để tâm (Động từ) g. cũng -> đưa (mắt) (Động từ) h. không -> ngại (Động từ) i. rồi -> quyết định (Động từ) k. luôn luôn -> mở, khép (Động từ) - Ý nghĩa: + quá: chỉ mức độ + đang: chỉ thời gian + mỗi: chỉ số ít + lại: chỉ sự lặp lại + vẫn: chỉ sự tiếp diễn + đừng: chỉ sự cầu khiến + cũng: chỉ sự diễn ra đồng thời, tương tự + không: chỉ sự phủ định + rồi: chỉ sự hoàn thành, kết quả + luôn luôn: chỉ tính thường xuyên, liên tục.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) *Mục tiêu:* HS được luyện tập để khái quát lại kiến thức đã học trong bài, áp dụng kiến thức để làm bài tập.
b) *Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm tập SGK/69-70
c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS
d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt

3.

4. Bài 1/69

5. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát phiếu học tập. HS hoạt động theo nhóm

? Từ các ví dụ 2 trong bài học về phó từ, thực hiện bảng thống kê theo Phiếu học tập số 1:

Câu	Phó từ	Đi kèm loại từ	Ý nghĩa bổ sung cho từ trung tâm
a			
b			
c			
d			
e			
f			
g			
h			
i			
k			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm trình bày

- GV gọi 1 nhóm nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng.

Bài 2/70

6. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Hs đọc đề bài

- Hoàn thành bảng thống kê theo Phiếu học tập số 2.

II. Thực hành**Bài 1**

Câu	Phó từ	Đi kèm loại từ	Ý nghĩa bổ sung cho từ trung tâm
a	quá	Tính từ	chỉ mức độ
b	đang	Động từ	chỉ thời gian
c	mỗi	Danh từ	chỉ số ít
d	lại	Động từ	chỉ sự lặp lại
e	vẫn	Động từ	chỉ sự tiếp diễn
f	đừng	Động từ	chỉ sự cầu khiến
g	cũng	Động từ	chỉ sự diễn ra đồng thời, tương tự
h	không	Động từ	chỉ sự phủ định
i	rồi	Động từ	chỉ sự hoàn thành, kết quả
k	luôn	Động từ	chỉ tính thường xuyên, liên tục.

Bài 2

Câu	Số từ	Nghĩa mà từ bổ sung cho danh từ trung	Hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ

Câu	Số từ	Nghĩa mà từ bổ sung cho danh từ trung tâm	Hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu
a			
b			
c			
d			

Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu
- HS thảo luận theo nhóm.

Bước 3:Báo cáo, thảo luận

- + HS trình bày kết quả của các nhân
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Bài 3/70**7. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? HS đọc đề bài

? Các tổ hợp "số từ + danh từ" in đậm trong những câu dưới đây giúp em hình dung về loài bạch tuộc như thế nào?

- a) Đó là một con bạch tuộc dài chừng **tám mét**. (Véc-nơ)
 b) Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng **hai mươi, hai lăm tấn**. (Véc-nơ)
 c) Con quái vật có **tám vòi** thì **bảy vòi** đã bị chặt đứt. (Véc-nơ)

Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động độc lập.

Bước 3:Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày kết quả của mình
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của bạn.

		tâm	âm đầu
a	bảy	bổ sung ý nghĩa số lượng	x
b	hai mươi	bổ sung ý nghĩa số lượng	mười → mười
c	mười lăm	bổ sung ý nghĩa số lượng	năm → lăm
d	hai, ba	bổ sung ý nghĩa thứ tự	x

Bài 3

a) **Số lượng và kích thước của con bạch tuộc.** (Số lượng: một con; kích thước: tám mét)

b) **Số lượng khối thịt và cân nặng của con bạch tuộc.** (Số lượng khối thịt: một; cân nặng: hai mươi, hai lăm tấn).

c) **Số lượng vòi của bạch tuộc.** (Bạch tuộc có tám vòi, trong đó có bảy vòi đã bị chặt đứt).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG a) <i>Mục tiêu:</i> Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức. b) <i>Nội dung:</i> Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi c) <i>Sản phẩm:</i> Bài làm của HS d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Bạch tuộc, trong đó có sử dụng phó từ và số từ. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm trong đoạn văn đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS: - Viết 1 đoạn văn. - Nội dung: cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Bạch tuộc, trong đó có sử dụng phó từ và số từ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm. HS: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có). - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.	HS có thể tham khảo đoạn văn sau: <i>Sau khi học xong văn bản Bạch tuộc, tôi cảm thấy trí tưởng tượng của con người thực là phong phú. Ở thời điểm tác phẩm ra đời, tàu ngầm vẫn đang ở giai đoạn thử nghiệm sơ khai và chúng ta mới chỉ biết sơ qua về loài bạch tuộc. Thế nhưng Véc-nơ, tác giả của Hai vạn dặm dưới đáy biển đã đưa vào tác phẩm của mình những tưởng tượng phong phú đi trước thời gian. Những tưởng tượng đó đã khiến tôi khâm phục sự sáng tạo của con người.</i> - Phó từ: đang - Số từ: hai vạn - Nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm: bổ sung ý nghĩa số lượng của chiều sâu dưới đáy biển.

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ:**

- Học và nắm chắc ND bài học.
- Hoàn thiện các bài tập và chọn viết về một nhân vật trong văn bản còn lại.
- Chuẩn bị bài: Thực hành đọc hiểu: **Nhật trình Sol 6 (En-di Uya)**



THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN
NHẬT TRÌNH SOL 6
(Trích tiểu thuyết Người về từ sao Hỏa)

Andy –Weir

Ngày soạn:

Ngày dạy:



I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

- Thực hành đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng.
- Xác định được ngôi kể trong văn bản.
- Phân tích được đề tài, sự kiện, tình huống và nhân vật, bối cảnh truyện.
- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

2. Về phẩm chất:

- + Lòng dũng cảm, khả năng ứng biến linh hoạt trước những hoàn cảnh khó khăn bất ngờ tưởng chừng như tuyệt vọng.
- + Ý chí nghị lực, khát vọng sống, tinh thần vượt khó, khả năng giải quyết vấn đề khi bản thân và người khác rơi vào những tình huống nguy hiểm, khẩn cấp...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh về nhà văn Andy – Weir, tiểu thuyết “Người về từ sao hỏa” , văn bản “Nhật trình Sol 6
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

Phiếu số 1: Xác định thông tin văn bản

a. Xuất xứ	
b. Thể loại (Thể loại? đề tài, PTBĐ? Ngôi kể?)	
c. Bố cục (Nội dung và giới hạn từng phần)	

Phiếu số 2

QUÁ TRÌNH TÔI GẶP VÀ VƯỢT QUA TAI NẠN	
1. Vì sao nhân vật tôi lại bị thương? Cảm giác của tôi khi đó như thế nào?	

2. Tôi tỉnh lại như thế nào? Tình trạng khi đó?	
3. Dụng cụ nào đã giúp tôi vượt qua tai nạn? Vì sao?	
4. Sau khi tỉnh lại tôi đã làm gì?	
5. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn?	
* Qua đó em nhận xét gì về tình huống tôi và đồng đội đã gặp phải – Đặc biệt là tình huống của tôi? Dự đoán điều tệ nhất có thể xảy ra trong tình huống đó? 	
=> Kết quả của tình huống? Từ việc tôi đã làm, nhận xét, đánh giá về nhân vật? 	

Phiếu số 3

Tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật	Hành động
* Nhận xét:	
* Tình cảnh và những nguy cơ mà nhân vật gặp phải khi mắc kẹt tại sao Hòa?	
Tình cảnh	Nguy cơ
⇒ Nhận xét:	

Phiếu số 4

Nghệ thuật	

Nội dung	

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a. Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong văn học, cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: Chơi trò chơi “Đoán nhân vật”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách 1:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV đưa ra thông tin 3 thông tin về một nhân vật liên quan chủ đề sinh tồn nơi hoang dã để HS suy nghĩ, vận dụng kiến thức của bản thân đoán nhân vật

1. Đây là nhân vật rất nổi tiếng trong tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Anh Daniel – Defoe.

2. Do bị đắm tàu, nhân vật này đã bị trôi dạt vào đảo hoang, chống chọi với đói rét, mưa nắng, thú dữ, bệnh tật, sự cô đơn...

3. Chiều chân dung nhân vật

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ – trả lời cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhân vật Rô-bin-sơn Cru-xô _ Trí thông minh nghị lực, sự khéo léo đã giúp Rô – Bin sơn tồn tại, chiến thắng nghịch cảnh để sinh tồn trên hoang đảo hơn 10 năm.

GV: Liên hệ - dẫn dắt – giới thiệu vào văn bản: Câu chuyện về nghị lực sinh tồn luôn hấp dẫn người đọc. Như Robinson ít ra vẫn đấu tranh sinh tồn ở môi trường trái đất, nhưng nếu chẳng may em rơi vào hoàn cảnh gần như Robinson nhưng lại ở môi trường ngoài trái đất thì sao? Điều gì có thể xảy ra? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Cách 2:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV cho HS xem 1 video về đề tài Sao Hỏa/ Du hành vũ trụ và trả lời câu hỏi

<https://laodong.vn/the-gioi/da-mat-voi-video-cac-chuyen-du-hanh-vu-tru-cua-nasa-977955.ldo>

? Vì sao nói về điều gì?

? Em có suy nghĩ gì về “Du hành vũ trụ”?

? Nội dung vì sao phản ánh điều gì về sự phát triển của thế giới?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ – trả lời cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

GV: Liên hệ - dẫn dắt – giới thiệu vào văn bản:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**I. TÌM HIỂU CHUNG****1. Tác giả**

a.Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Andy-Weir và tác phẩm “Người về từ sao Hỏa” cũng như đoạn trích “Nhật trình Sol 6”.

b.Nội dung:

- HS thực hiện BT dự án, tìm kiếm và chia sẻ thông tin về tác giả - tác phẩm

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * BT dự án: - Nhóm 1: HS đọc SGK, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả ở nhà qua Internet -> Thuyết trình trước lớp về tác giả và tiểu thuyết “Người về từ sao Hỏa” ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Andy – Weir ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Đọc SGK, xem lại thông tin đã tìm hiểu ở nhà B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. 	 - Andy Weir sinh ngày 16/06/1972 tại California, Mỹ. Năm 15 tuổi, ông được thuê làm lập trình viên cho một phòng thí nghiệm quốc gia và kể từ đó đến nay, vẫn làm việc như một kỹ sư phần mềm. - Ông rất đam mê khoa học không gian, thích nghiên cứu thuyết tương đối, cơ học quỹ đạo và lịch sử du hành vũ trụ có người lái. - Người về từ sao Hỏa (Tên gốc: The Martian) là tiểu thuyết đầu tay, được ông bắt đầu viết từ năm 2009. Bị từ chối bởi nhiều nhà xuất bản, Andy Weir đã quyết định đăng tác phẩm trên website cá nhân dưới dạng truyện dài kỳ cho độc giả đọc miễn phí. Sau đó, trước yêu cầu của người hâm mộ, ông đã phát hành phiên bản Amazon Kindle với giá tối thiểu 99 cent. Trong vòng ba tháng, phiên bản Kindle đã bán được 35,000 bản, nằm trong top sách khoa học giả tưởng bán chạy nhất của Amazon. Thành công này đã thu hút sự chú ý của các nhà xuất bản, và đến năm 2013, sách đã được ký hợp đồng xuất bản dưới dạng audiobook và sách giấy. Bộ phim cùng tên chuyển thể từ cuốn sách, với sự tham gia của Matt

	Damon, đã trở thành bom tấn của mùa thu 2015 và được giới chuyên môn đánh giá rất cao, nhận được 7 đề cử cho giải Oscar.

2. Tác phẩm

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, ngôi kể, bố cục...)

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Thể hiện rõ lời thoại - Giải thích một số từ: Sol, Hap, MAV... - HS hoàn thiện, thảo luận trong nhóm Phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà) ? Đoạn trích “Nhật trình Sol” thuộc thể loại gì? Em hiểu gì về thể loại đó? Xác định đề tài của tác phẩm? ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc văn bản - Thảo luận thống nhất trong nhóm (2') - Nhóm 2 lên thuyết trình (2') - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (1') GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).	a) <i>Đọc và chú thích</i> - HS đọc đúng. - Tóm tắt nội dung đoạn trích b. <i>Xuất xứ:</i> Trích tiểu thuyết <i>Người về từ sao Hỏa</i> c. <i>Thể loại:</i> Văn bản thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng. (Tri thức Ngữ văn trang 58) - Đề tài: Du hành vũ trụ - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của nhân vật Tôi). d. <i>Bố cục:</i> Văn bản chia làm 2 phần + P1: (<i>Đầu – tình trạng này quá lâu</i>): Nguyên nhân và quá trình mắc nạn của tôi + P2: Còn lại: Tình cảnh và những nguy cơ mà tôi gặp phải khi mắc kẹt lại sao hỏa.

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). GV: - Nhận xét cách đọc của HS. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .	
II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Nguyên nhân và quá trình mắc nạn của nhân vật tôi	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết nói về nguyên nhân mắc nạn của nhân vật tôi - Quá trình tôi vượt qua nguy hiểm. b. Nội dung: - GV sử dụng bảng kiểm, KT đặt câu hỏi - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn . c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
ND 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia lớp ra làm hoặc 4 - 6 nhóm: - Các nhóm thảo luận, gạch chân bằng bút chì vào văn bản + Tìm những chi tiết nói về nguyên nhân mắc nạn của tôi. + Tìm những chi tiết miêu tả bộ đồ dù hành và cách tôi khắc phục lỗi của nó để tự cứu mình. - Hoàn thiện phiếu BT số 2 1. Vì sao nhân vật tôi lại bị thương? Cảm giác của tôi khi đó như thế nào 2. Tôi tỉnh đã tỉnh lại như thế nào? Tình trạng khi đó? 3. Dụng cụ nào đã giúp tôi vượt qua tai nạn? 4. Sau khi tỉnh lại tôi đã làm gì? 5. Nhận xét về cách kể chuyện của nhà văn? * Qua đó em nhận xét gì về tình huống tôi và đồng đội đã gặp phải – Đặc biệt là tình	a. Nguyên nhân: - Trận bão cát ác liệt đã khiến Na Sa hủy nhiệm vụ. Tôi cùng những người đồng hành phải từ căn cứ quay lại tàu không gian (MAV) trong bộ đồ chuyên dụng của phi hành gia. b. Quá trình mắc nạn và vượt qua của tôi - Đĩa liên lạc bị gió thổi bay đâm vào ăn ten thu tầm. - Một trong những chiếc đăng tên đâm vào tôi xuyên qua áo du hành -> Tôi cảm nhận cơn đau đớn nhất cuộc đời xé toạc một bên người + Áp xuất trong bộ đồ giảm, đôi tai ù lên đau đớn - Tôi thức dậy nhờ tiếng báo động ôxi trong bộ đồ + Chiếc ăng –ten xuyên thủng bộ đồ và bên hông. + Tôi bị đánh bật xa về phía sau, lăn xuống

huống của tôi? Dự đoán điều tệ nhất có thể xảy ra trong tình huống đó. => Kết quả của tình huống? Từ việc làm của tôi em có đánh giá, nhận xét gì về nhân vật? ? B2: Thực hiện nhiệm vụ B1: HS: - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân. - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm). GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần). B2: - GV yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu bài tập cho nhau để kiểm tra chéo - GV đưa bảng kiểm chuẩn, yêu cầu 1 HS đọc, các nhóm đối chiếu, tích kết quả đúng, bổ sung chi tiết, đáp án còn thiếu. HS: Thực hiện nhiệm vụ B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một – hai nhóm lên nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm bạn qua bảng kiểm của GV - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - 5 phút đầu các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhóm bạn - 3 phút tiếp: Các nhóm công bố kết quả nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung 2 ND2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ?Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào	một ngọn đồi dốc... + Máu tuôn trào từ vết thương...bộ đồ trung hòa trở lại -> Bộ đồ du hành đã cứu nhân vật tôi sống sót - Sau khi tỉnh lại: + Cần thận xem xét bên hông, khắc phục lỗi hỏng trên bộ đồ + Rút đăng ten ra khỏi người dù đau đớn => Trí tưởng tượng phong phú, kết hợp với vốn hiểu biết sâu về KH, tác giả đã tạo ra một tình huống nguy hiểm đặc biệt khiến nhân vật đối diện với tử thần, làm nền tảng cơ sở cho những tình tiết truyện phát sinh về sau. - Bằng một chút may mắn, vốn kiến thức tích lũy từ trước, cùng với sự dũng cảm, kiên cường, nhân vật tôi đã bình tĩnh xử lý trước những vấn đề khó khăn và TẠM THỜI vượt qua được nguy hiểm.

thành tựu của khoa học? ? Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn? ? Tác dụng của yếu tố tưởng, siêu nhiên trong đoạn trích? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 5' (đọc SGK, tìm chi tiết) - Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi. - Các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	* Những chi tiết cho thấy tác giả dựa vào thành tựu của khoa học: - Những chuyến du hành vũ trụ, khám phá các hành tinh trong đó có sự thật con người đã đặt chân đến sao Hỏa. - Tàu vũ trụ, áo phi hành gia, các thiết bị liên lạc, thông tin ... * Những chi tiết tưởng tượng của nhà văn: - Cơn bão cát trên sao Hỏa - Căn cứ Háp - Quá trình tôi gặp nạn và vượt qua tai nạn => Tác giả đã dựa trên những thành tựu của khoa học và công nghệ cùng với những hiểu biết của mình và trí tưởng tượng phong phú để sáng tạo nên một câu chuyện kịch tính, li kì, hấp dẫn, mở ra một thế giới mới mẻ, thú vị cho độc giả.
2. Tình cảnh và những nguy cơ mà tôi phải đối mặt khi mắc kẹt tại sao Hỏa?	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Nhận biết những nguy cơ mà tôi gặp phải sau khi bị mắc kẹt. - Đánh giá tình huống mà tôi gặp phải. - Nghệ thuật kể chuyện b. Nội dung:	

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh d. Tổ chức thực hiện:		
Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt	
ND1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Điều gì khiến “ tôi vui mừng không tả” và điều gì khiến “ Tôi buồn da diết” ? Tại sao chiếc MAV được coi là quan trọng nhất? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: 1 phút làm việc cá nhân. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. HS:Trình bày câu trả lời của mình B4: Kết luận, nhận định (GV) - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	- Điều khiển “<i>tôi vui mừng khôn tả</i>”: Căn Háp vẫn còn nguyên vẹn - Điều khiển “<i>Tôi buồn da diết</i>”: Chiếc MAV đã đi rồi => MAV là thiết bị kết nối liên lạc với căn cứ dưới trái đất và là phương tiện duy nhất có thể đưa đoàn phi hành gia trở về trái đất.	
ND2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 3 & giao nhiệm vụ: 1. Tìm những chi tiết miêu tả suy nghĩ và hành động của nhân vật tôi? 2. Em có nhận xét gì về tâm trạng, suy nghĩ và hành động của nhân vật? 3. Chỉ ra tình cảnh mà tôi và những nguy cơ mà tôi có thể gặp sau khi xem xét mọi thứ ? Em có nhận xét gì về tình cảnh đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 3 phút làm việc cá nhân. - 5 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV)	Tâm trạng, suy nghĩ của tôi	Hành động
	- Khi trở về Háp: biết mình tàn đời nhưng không muốn chết - Biết vô vọng không có cách nào liên lạc với Hơ - mét	- Lăn mò tìm khóa khí, mở cửa vào căn cứ - Sau khi vào: Cởi bộ đồ phi hành, xem xét rõ ràng vết thương, khâu nó lại - Vẫn cố khởi động thiết bị liên lạc, kiểm tra bộ đồ của mình
=> Suy nghĩ, nhìn nhận thẳng thắn vào tình cảnh của mình. Hành động nhanh nhẹn, dứt khoát, không chịu từ bỏ hy vọng dù trong hoàn cảnh tuyệt vọng. * Tình cảnh của nhân vật tôi - Mắc kẹt trên sao Hỏa, không có cách nào liên lạc với trung tâm. Ở Trái đất ai cũng nghĩ rằng mình đã chết.		

- GV đưa ra bảng kiểm các nhóm đối chiếu kết quả. - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. ND3: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Tình huống trong vb này nói riêng và các tình huống trong các văn bản KHVT đã học nói chung có gì khác so với tình huống trong các truyện ngắn các em đã học? Tình huống như vậy có tác dụng gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc nhóm bàn, trao đổi, thống nhất ý kiến. - Học sinh trả lời, các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi. - Các bạn khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	- Nguy cơ có thể gặp: + Nếu máy oxy hỏng -> Chết ngộp + Máy lọc nước hỏng -> Chết khát + Cẩn Háp thùng lỗ -> Tội nổ tung + Hết thức ăn -> Đói chết => Tình huống vô cùng khó khăn tuyệt vọng, phải đối diện với nhiều nguy cơ mang tính sinh tồn, chưa có cách giải quyết. - Tình huống đột ngột bất ngờ, có phần li kì, mạo hiểm -> Đặc trưng về tình huống trong truyện KHVT

	=> Tác dụng: Tăng sức hấp dẫn, thu hút người đọc dõi theo câu chuyện.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập số 4. - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện? ? Nội dung chính của văn bản “Nhật trình Sol 6”? ? Vì sao truyện này có tính chất viễn tưởng? ? Từ câu chuyện, em rút ra được bài học gì cho mình khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Đề tài hấp dẫn, mang tính hiện đại - Ngôi kể thứ nhất làm câu chuyện chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể chuyện. - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, thú vị khi tạo ra tình huống truyện bất ngờ li kì, hấp dẫn. 2. Nội dung, Bài học - Văn bản kể về tình cảnh khi gặp nạn và những nguy cơ mà phi hành gia Mark Watney phải đối mặt -> Truyện này có tính chất viễn tưởng bởi nó có nhiều yếu tố tưởng tượng, hư cấu dựa trên những kiến thức thành tựu của khoa học vũ trụ hiện đại, đề tài mới lạ, gần với công nghệ tương lai kết hợp với bối cảnh vũ trụ hùng vĩ, bí hiểm. - Bài học: Khi gặp khó khăn hay hiểm nguy, hãy bình tĩnh dũng cảm đối mặt với nó. Kiến thức và những kĩ năng của bản thân sẽ giúp chúng ta vượt qua nguy hiểm. Trong mọi tình huống đừng bao giờ tuyệt vọng.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Bài tập 1: Những chi tiết nào trong văn bản *Nhật trình Sol 6* thể hiện tác giả có rất

nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ?

1	Những thông số kỹ thuật khoa học chính xác
2	Cấu trúc, cấu tạo hoạt động của những thiết bị liên lạc, Ăn ten, tàu vũ trụ
3	Kiến thức vật lý, hóa học vũ trụ
4	Cấu tạo, chức năng, cách thức hoạt động và cách khắc phục lỗi của bộ đồ phi hành gia
5	Những nguyên lý trong ngành hàng không vũ trụ
...	

Bài tập 2: Phân biệt yếu tố thần kì siêu nhiên trong truyện khoa học viễn tưởng và yếu tố kì ảo, huyền huyền trong truyện dân gian?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

BT 2: Phân biệt yếu tố thần kì, siêu nhiên trong truyện khoa học viễn tưởng và yếu tố kì ảo, huyền huyền trong truyện dân gian:

- Yếu tố tưởng tượng siêu nhiên trong truyện KHVT: Những chi tiết tưởng tượng phải luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tại thời điểm tác phẩm ra đời.
- Yếu tố tưởng tượng kì ảo trong truyện dân gian hoàn toàn là hư cấu của tác giả dân gian nhằm một mục đích nào đó, không có thật.

B4: Kết luận, nhận định:

GV nhấn mạnh một lần nữa các đặc trưng của thể loại truyện khoa học viễn tưởng, cách đọc hiểu một văn bản khoa học viễn tưởng. Đánh giá bài làm của HS, động viên, khích lệ những bài tốt bằng cách cho điểm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) **Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

Bài tập:

1. Giả sử ở trong hoàn cảnh của nhân vật “Tôi”, em sẽ có suy nghĩ và hành động như thế nào?
2. Tìm xem bộ phim cùng tên được chuyển thể từ tác phẩm và viết cảm nhận của mình sau khi xem.

- Nộp sản phẩm vào trang *paled* hoặc lớp học *classzoom*.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết tiếp theo.

TUẦN Tiết Ngày soạn:	HOẠT ĐỘNG VIẾT: VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC

I. MỤC TIÊU:

1. Về năng lực:

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào việc tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản.
- Rèn kĩ năng trình bày những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ và thái độ về một người, một sự việc nào đó trong cuộc sống hay trong tác phẩm văn học.

2. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu/Ti vi, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề a) <i>Mục tiêu</i> : HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học b) <i>Nội dung</i> : HS lắng nghe video bài hát và trình bày cảm nhận. c) <i>Sản phẩm</i> : Câu trả lời của học sinh d) <i>Tổ chức thực hiện</i> :	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV chiếu video. - HS lắng nghe đoạn video bài hát “Mẹ là phật sống đời con” và trả lời câu hỏi: ? Theo em nội dung đoạn bài hát nói ai? Và nói về điều gì? ? Cảm xúc của em khi nghe đoạn bài hát như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe đoạn video bài hát GV: hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày câu trả lời của mình. - HS trình bày. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV kết nối với dạng bài Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc để giới thiệu dẫn dắt vào bài mới: <i>Các em thân mến, trong cuộc sống việc bày tỏ những cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm... của bản thân đối với một ai đó hay một sự việc nào đấy rất quen thuộc đối với mỗi chúng ta, đúng không nào? Và, để việc bày tỏ những cảm xúc, suy nghĩ, tình cảm... trong giao tiếp của các em đạt hiệu quả, ngày hôm nay, cô trò mình sẽ cùng tìm hiểu và thực hành viết một dạng văn biểu cảm quen thuộc nhé. Chúng ta sẽ đến với bài học: Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc</i>	- Nội dung đoạn bài hát nói về Mẹ. Nói về những tình cảm và lòng biết ơn của con dành cho mẹ kính yêu. - Nghe đoạn bài hát em rất xúc động và thêm yêu kính, biết ơn mẹ nhiều hơn.
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới Nhiệm vụ 1: Định hướng a) Mục tiêu: - HS biết được kiểu bài <i>Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc</i> và các yêu cầu đối với kiểu bài này. b) Nội dung: - Thế nào là Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc. - Những lưu ý khi viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc. c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d) Tổ chức thực hiện:	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Quan sát phần Định hướng SGK/75 và trả lời câu hỏi: ? Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là gì? ? Để Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc ta cần lưu ý điều gì?	- Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ và thái độ về một người, một sự việc nào đó trong cuộc sống hay trong tác phẩm văn học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: suy nghĩ và trả lời cá nhân - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV chỉ định 1 – 3 học sinh trình bày câu trả lời của mình. - HS trình bày. - Các bạn còn lại nhận xét và bổ sung nội dung còn thiếu (nếu có). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. - Kết nối với đề mục: Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc	- Để Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc ta cần lưu ý: + Xác định đối tượng biểu cảm: con người, sự việc em định viết trong bài văn biểu cảm là ai hay là gì? Đó là một con người, sự việc trong đời sống hay trong tác phẩm văn học? + Suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Con người ấy/ sự việc ấy gợi cho em những cảm xúc tình cảm hay những suy nghĩ/ bài học gì? + Lập dàn ý cho bài viết. + Viết bài văn theo một dàn ý hợp lí; nêu lên những tình cảm, cảm xúc và những suy nghĩ, thái độ của em một cách trung thực.
Nhiệm vụ 2: Thực hành a) <i>Mục tiêu:</i> Giúp HS - Biết viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo trình tự các bước. - Biết cách trình bày những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ và thái độ về một người, một sự việc nào đó trong cuộc sống hay trong tác phẩm văn học. b) <i>Nội dung:</i> - Các bước cụ thể để Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. c) <i>Sản phẩm:</i> Câu trả lời của học sinh. d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: ? Nhắc lại các bước cần thực hiện khi thực hành Viết một bài văn hoàn chỉnh? - GV giao nhiệm vụ cho HS thực hành một đề bài cụ thể: <i>Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” (Véc-nơ) đã học.</i> 1. Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản “Bạch tuộc” (Véc-nơ) 2. Xác định nhân vật hoặc sự việc mà em định viết bài văn biểu cảm. 3. Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý. 4. Sửa lại bài sau khi đã viết xong? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV:	II. THỰC HÀNH - Cần đảm bảo 4 bước: + Chuẩn bị + Tìm ý và lập dàn ý + Viết bài văn hoàn chỉnh + Kiểm tra lại và sửa chữa Bước 1. Chuẩn bị - Đọc kĩ văn bản “Bạch tuộc” - Xem lại tiết đọc hiểu văn bản. - Xác định nhân vật hoặc sự việc yêu thích. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý a) Tìm ý Tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi: - Nhân vật hoặc sự việc gây cho em nhiều ấn tượng nhất trong văn bản “Bạch tuộc” là ai,

- Hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” (Véc-nơ) đã học, tìm ý và lập dàn ý. - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. - Sửa bài cho học sinh. Học sinh: - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: + Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	sự việc nào? (<i>Giới thiệu nhân vật/tóm tắt sự việc</i>) - Nhân vật hay sự việc ấy để lại cho em những tình cảm, cảm xúc gì? (<i>yêu thích, cảm động, sung sướng hay buồn bã...</i>) - Nhân vật hay sự việc ấy gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì (<i>Về những phẩm chất đáng quý, bài học làm người, kinh nghiệm sống...</i>)? b) Lập dàn ý * Mở bài: Nêu tên nhân vật hoặc sự việc trong đoạn trích “Bạch tuộc” mà em muốn viết bài văn biểu cảm. * Thân bài: Lần lượt nêu những cảm xúc, suy nghĩ từ khái quát đến các biểu hiện cụ thể. Ví dụ: - Nêu ấn tượng và cảm xúc chung về nhân vật hoặc sự việc. (<i>Ví dụ: Cảm phục, ngưỡng mộ thuyền trưởng Nê-mô; Cảm nghĩ về giáo sư A-rôn-nác, nhân vật xưng tôi trong truyện hoặc cảm xúc về trận chiến với Bạch tuộc.</i>) - Nêu các biểu hiện cụ thể của tình cảm, suy nghĩ về con người hoặc sự việc cụ thể. Như: + Theo em, thuyền trưởng Nê-mô là người dũng cảm, vị tha (<i>kể lại 1 số chi tiết, hành động, ngôn ngữ, cử chỉ, suy nghĩ... của ông</i>); hoặc sự việc chiến đấu với đàn bạch tuộc khổng lồ là một cuộc chiến đấu căng thẳng, nguy hiểm và dữ dội (<i>kể tóm tắt lại trận chiến</i>) + Em cảm phục, ngưỡng mộ vị thuyền trưởng có lòng dũng cảm và luôn vì người khác; hay trận chiến đấu với bạch tuộc đã để lại trong em những ấn tượng và cảm xúc tự hào về sức mạnh của con người trước biển cả. + Rút ra bài học từ nhân vật hoặc sự việc vừa nêu. - Kết bài: Khẳng định lại ấn tượng, cảm xúc và suy nghĩ của em về con người hoặc sự việc được nói đến trong bài văn. Bước 3. Viết bài

	- Dựa vào dàn ý đã lập em hãy viết một bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” (Véc-nơ) đã học. Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết - Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ, đúng trình tự ở dàn ý hay chưa. - Đọc và phát hiện các lỗi và sửa lại bài viết. Như: + Lỗi về ý: thiếu ý (sơ sài, chưa nêu được hết những điều cần viết); ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí); lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết);... +Lỗi về diễn đạt (dùng từ, đặt câu), chính tả...
Nhiệm vụ 3: Trả bài a) Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. b) Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. c) Sản phẩm: Bài của học sinh đã chữa d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm Bước 3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chiếu bài tham khảo lên màn chiếu và cho một HS đọc to bài tham khảo trước lớp.	III. TRẢ BÀI <i>HS có thể tham khảo bài viết sau:</i> Trong đoạn trích Bạch tuộc, em ấn tượng nhất là thuyền trưởng Nê-mô, một người vừa có vẻ đẹp của thể lực lẫn tinh thần. Thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích Bạch tuộc hiện lên là một người sẵn sàng chiến đấu với lũ bạch tuộc, nói cách khác, ông là một người quyết đoán, gan dạ. Ông đã sẵn sàng chiến đấu với những con bạch tuộc bằng rìu và đã chém đứt các vòi của chúng. Khi Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, giáo sư A-rôn-nác đã lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước giáo sư. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật, và thế là Nét thoát chết trong gang tấc. Ở

chi tiết này, có thể thấy sức mạnh cùng sự nhanh nhẹn của một thuyền trưởng. Phải có sức khỏe về thể chất, Nê-mô mới có thể sẵn sàng chiến đấu với lũ "quái vật" này và có những hành động vô cùng nhanh như vậy.

Không những thế, Nê-mô còn là một người có cả vẻ đẹp về tâm hồn – ông sống rất tình cảm. Vì sao ông phải chiến đấu với lũ bạch tuộc? Đó không chỉ còn là vì lũ bạch tuộc khiến con tàu No-ti-lốt không đi được mà còn vì những con người trên chiếc tàu ấy. Nếu không chiến đấu với lũ bạch tuộc, sẽ không có cơ hội nào để cứu người thủy thủ kia, không có cơ hội nào để cứu Nét Len. Việc Nê-mô chặt đứt vôi bạch tuộc hay riu của ông cắm phập vào mồm quái vật vừa cho thấy sức mạnh thể chất của ông, nhưng cũng nói lên sự giận dữ của ông với lũ "quái vật" dám động vào những người trên tàu. Nói cách khác, đó là tình cảm giữa người với người, tình cảm của những người đã thân thiết dành cho nhau. Tôi nhớ nhất là chi tiết mắt Nê-mô ứa lệ khi nghĩ về "biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình". Tôi ấn tượng bởi đó là sự xúc động của một con người dành cho một con người, của người có quê hương dành cho đồng hương của mình, của một thuyền trưởng dành cho thuyền viên.

Tôi còn ấn tượng bởi ông không khóc nức nở, không khóc thành tiếng hay một sự xúc động thái quá. Ở đây, Nê-mô chỉ "ứa nước mắt", những giọt nước mắt của ông cứ trào ra, ông không hề kêu lên hay cố tình thể hiện mà nó là cảm xúc chất chứa đến hồi bộc phát. Chi tiết này là một chi tiết đắt giá nói lên vẻ đẹp tinh thần của Nê-mô.

Nhân vật Nê-mô với sự gan dạ, quyết đoán và tình thương người đã để lại trong tôi sự cảm phục và ngưỡng mộ. Ông cũng cho tôi hiểu về sức mạnh của con người, sức mạnh của tinh thần đồng đội. Chính Nê-mô đã cho tôi biết cách cần phải rèn luyện bản thân cả về thể chất lẫn tinh thần.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

- a) *Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
 b) *Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
 c) *Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.
 d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Giáo viên giao bài tập cho HS.**

Bài tập: Hãy viết bài văn biểu cảm về một người thân mà em yêu quý.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS:

- Dựa vào các bước trong cách làm biểu cảm về một con người hoặc sự việc để thực hiện đối với bài văn biểu cảm về một người thân mà em yêu quý.
- Chú ý những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc..., tìm các ý, lập dàn ý cho bài văn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ:**

- Học và nắm chắc ND bài học.
- Hoàn thiện các bài viết vào vở bài tập.
- Soạn bài: Nói và nghe *“Thảo luận nhóm về một vấn đề”*

TUẦN:

Tiết:

Ngày soạn:

NÓI VÀ NGHE:

THẢO LUẬN NHÓM VÀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU**2. Về kĩ năng**

***Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

***Năng lực đặc thù:**

- Nhằm được mục đích, yêu cầu thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là dùng hình thức nói (thuyết trình) để trao đổi, tranh luận vấn đề còn có ý kiến thống nhất .

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
- Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...
- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi
- Trình bày vấn đề trước tập thể

3. Về phẩm chất

- *Yêu nước:* Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.
- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm,...

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Lựa chọn vấn đề gây tranh cãi	Chưa nêu được vấn đề	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện nhưng chưa rõ quan điểm.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện rõ quan điểm.
2. Lập luận	Không biết cách tổ chức hệ thống lí lẽ kết hợp với dẫn chứng để chứng minh cho luận điểm	Luận điểm tương đối phù hợp, rõ ràng. Hệ thống lí lẽ hợp lí, được củng cố bằng dẫn chứng	Luận điểm phù hợp, rõ ràng, sâu sắc và tất cả được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng sắc bén
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe;	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào

	người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

a) <i>Mục tiêu:</i> – Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết. b) <i>Nội dung:</i> HS dựa kiến thức đã học thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. c) <i>Sản phẩm:</i> Câu trả lời của HS. d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu học sinh đọc lại văn bản : “Bạch tuộc” và “Chất làm gỉ”, tóm tắt hai văn bản B2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (hay hoạt động cá nhân) - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần) B3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày sản phẩm của nhóm (hay của cá nhân) B4: Kết luận, nhận định (GV): - HS nhận xét, bổ sung - GV đánh giá kết quả của học sinh trên cơ sở đó dẫn dắt học sinh vào bài mới.	- Văn bản <i>Bạch tuộc</i> kể lại câu chuyện: cuộc giáp chiến giữa các nhà thám hiểm trên con tàu No-ti-lớt với những con bạch tuộc khổng lồ. Kết quả của cuộc giáp chiến: một người đã bị bắt đi, bạch tuộc chết và bị thương phải lặn xuống biển. - Văn bản “ <i>Chất làm gỉ</i>”: viên trung sĩ Hô-lít gặp đại tá và trình bày về ý tưởng của mình là nghiên cứu một chất làm hoen gỉ sắt thép để giữ gìn hòa bình thế giới. Viên đại tá không tin và yêu cầu anh đi gặp bác sĩ để kiểm tra. Và kết truyện là những vật dụng sắt thép bị hoen gỉ và đại tá muốn giết viên trung sĩ nhưng không được .

Gv giới thiệu bài mới : Truyện khoa học viễn tưởng là những câu chuyện do tác giả tưởng tượng nhưng luôn dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ, truyện khoa học viễn tưởng hấp dẫn người đọc bằng các sự kiện giàu kịch tính, tình huống bất ngờ; kích thích trí tưởng tượng. truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tại thời điểm tác phẩm ra đời. Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng Trái Đất,... Sự kiện trong truyện khoa học viễn tưởng có thể bắt đầu từ sự kiện có thật; từ đó, nhà văn hình dung, tưởng tượng ra câu chuyện. Như vậy trong truyện khoa học viễn tưởng, có yếu tố có thật và yếu tố không có thật...

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Định hướng

a) Mục tiêu: Lựa chọn vấn đề tranh cãi

b) Nội dung : Ý kiến cá nhân về vấn các điểm chưa thống nhất

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV : Chia lớp thành 4 nhóm 1,2,3,4 Các nhóm bắt thăm đề tài thảo luận B2: Thực hiện nhiệm vụ - Nhóm trưởng phân công công việc cho các thành viên trong nhóm - Các thành viên: + Đọc kĩ văn bản , đọc kĩ phần tóm tắt + Chuẩn bị ý kiến cá nhân B3: Báo cáo, thảo luận * Tên văn bản - Nội dung thảo luận : - Ý kiến cá nhân: B4: Kết luận, nhận định: Lựa chọn vấn đề gây tranh cãi	Sự việc và con người được kể trong văn bản “Bạch tuộc” hoặc “Chất làm gỉ” có thực hay không?

2. Thực hành

a) Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được nội dung cần thảo luận

b) Nội dung: HS đọc lại 2 văn bản phần đọc hiểu, thực hiện theo yêu cầu của GV

- Xem lại nội dung bài đọc hiểu.

- Tìm hiểu thông tin về khoa học viễn tưởng.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Thảo luận: Sự việc và con người được kể trong văn bản “Bạch tuộc” hoặc “Chất làm gỉ” có thực hay không? GV chia lớp thành 2 nhóm N1,3: Tìm những chi tiết có thật và không có thật về sự vật và con người trong Văn bản : Bạch tuộc	Văn bản	Sự việc có thật	Sự việc không có thật
	Bạch tuộc	Những hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại	Những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị, con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét...

N2,4: Tìm những chi tiết có thật và không có thật về sự vật và con người trong văn bản : Chất làm gi:

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận theo nhóm , đưa ra ý kiến thống nhất

B3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm trình bày

Văn bản	Sự việc có thật	Sự việc không có thật
Bạch tuộc		
Chất làm gi		

B4: Kết luận, nhận định

GV Yêu cầu các nhóm nhận xét, cho ý kiến

Chất làm gi

Nhân vật đại tá, viên trung sĩ và những xung đột, chiến tranh

Chất làm gi là một phát minh xuất phát từ những nguyên lí khoa học, mang tính khả thi và có thể thực hiện được.

- Đó là một phát minh mang tính nhân văn, hướng đến một mục tiêu cao đẹp nhằm xây dựng một thế giới hòa bình nên nó hoàn toàn có thể thực hiện được.

Nhân vật như vậy có lẽ vẫn tồn tại bởi con người thường ghét chiến tranh, yêu hòa bình, có những người họ sẽ sẵn sàng làm mọi thứ để đổi lấy hòa bình dù cho điều đó có thể đi ngược lại lý tưởng mà đất nước họ đang theo đuổi.

- Viên trung sĩ muốn biến những cỗ đại bác thành sắt gi, những vi khuẩn trong ruột bom trở nên vô hại và xe tăng đổ rụi, nằm im trong các hố đầy nhựa đường để chiến tranh kết thúc.

- Đó là một phát minh mang tính tưởng tượng nhiều hơn bởi nó là rất khó để có thể tạo ra một thiết bị đạt đến hoàn hảo như vậy.

- Nó là không thể bởi khi con người còn mâu thuẫn, tranh chấp với nhau về lãnh thổ, kinh tế thì chiến tranh vẫn sẽ tiếp diễn và vũ khí hạt nhân vẫn sẽ phát triển.

- Nếu thực sự có một viên trung sĩ như vậy trong một doanh trại quân đội, có lẽ cậu đã bị đuổi hoặc bắn chết ngay từ khi ý tưởng điên rồ của cậu bị phát hiện bởi nó đi ngược lại lí

			tưởng nơi cậu đang làm việc.

2. Thực hành**Phiếu học tập số 1**

Mục đích thảo luận ?	Mục đích thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm thuyết trình để tìm cách giải quyết.
Nội dung thảo luận	“Sự việc và con người được kể trong văn bản <i>Bạch tuộc</i> hoặc <i>Chất làm gì</i> có thực hay không?
Ý kiến đồng ý	Những nguy hiểm có thật trong nơi biển cả
Ý kiến phản bác	Những con bạch tuộc với những vòi khổng lồ không có thật
Ý kiến thống nhất và các điểm còn khác biệt	Sự việc có thật : Những hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại. Sự việc không có thật: Những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị, con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét...

Phiếu học tập số 2

LẬP DÀN Ý		
Mở đầu	Nêu vấn đề cần thảo luận: “Sự việc và con người được kể trong văn bản <i>Bạch tuộc</i> hoặc <i>Chất làm gì</i> có thực hay không?”	- Giới thiệu thể loại: - Giới thiệu vấn đề tranh cãi đó là sự việc gì, trong tác phẩm nào?
Nội dung chính	+ Nếu tóm tắt nội dung câu chuyện <i>Bạch tuộc</i> (ngắn dài, tùy thời gian). + Nêu các điểm gây tranh cãi. Ví dụ: Có người cho là sự việc và con người được kể trong văn bản ấy không có thực; một số người cho là có thực. + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về chuyện có thực và không có thực. + Nêu ý kiến nhằm giải quyết các điểm gây tranh cãi.	Văn bản <i>Bạch tuộc</i> kể lại câu chuyện là cuộc giáp chiến giữa các nhà thám hiểm trên con tàu No-ti-lót với những con bạch tuộc khổng lồ của đại dương với các cảnh như tay bạch tuộc quấn chặt lấy tên thủy thủ, cảnh Nê- mô liên tiếp xông tới chặt đứt vòi bạch tuộc để giải cứu cho đồng đội của mình nhưng đã bị chúng tấn công bằng loại “mực” đen. Và kết quả của cuộc giáp chiến: một người đã bị bắt đi, bạch tuộc chết và

		bị thương phải lặn xuống biển. Đứng trước các sự việc diễn ra trong văn bản, có người cho là sự việc và con người được kể trong văn bản ấy không có thực; một số người cho là có thực. Bản thân em cho rằng những con bạch tuộc khổng lồ với những đặc điểm kì dị như: con vật khổng lồ mắt màu xanh, thân hình thoi và đổi màu từ xám sang nâu đỏ. Con bạch tuộc dài chừng 8m, có 8 râu dài uốn cong, hàm răng nhọn rung lên bần bật, thân hình là khối thịt tằm 20, 25 tấn. Con tàu lặn dưới biển hai, ba nghìn mét rồi nổi lên gần mặt biển năm trăm mét... là những chi tiết không có thật bởi trên thực tế con bạch tuộc rất nhỏ, những con tàu ngầm hiện đại cũng không lặn sâu như vậy. Còn những chi tiết sự hiểm nguy trong lòng biển cả, về lòng dũng cảm của con người, về mơ ước và khao khát có những con tàu ngầm hiện đại là có thật. Ngày nay, ước mơ chế tạo những con tàu ngầm hiện đại đã trở thành hiện thực.
Kết thúc	Khẳng định lại ý kiến của cá nhân về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản đang được thảo luận.	Trên đây là bài trình bày của em về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản Bạch tuộc đang được thảo luận. Trong bài em cũng đưa ra và giải thích về những điều có thật và không có thật đó.

TRÌNH BÀY NÓI	
a) Mục tiêu: Tổ chức cho HS trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kĩ năng nói của người trình bày. Từ đó, GV nhận xét về kĩ năng và nội dung nói – nghe của HS; đưa ra các uốn nắn về kĩ thuật nói. b) Nội dung: HS Trình bày bài nói theo dàn bài đã chuẩn bị	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ	

- GV yêu cầu học sinh thực hiện theo nhóm - Nhóm trưởng chủ trì, nêu vấn đề cần thảo luận. - Các cá nhân dựa vào dàn ý đã làm, nêu ý kiến của mình trước nhóm - Trao đổi, tranh luận các ý kiến còn khác biệt. Chú ý các lỗi cần tránh khi nghe và có thái độ phù hợp trong thảo luận, trao đổi - Nhóm trưởng tổng kết việc thảo luận, các điểm thống nhất và điểm còn khác biệt B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận trong nhóm B3: Báo cáo, thảo luận Các thành viên báo cáo trước nhóm B4: Kết luận, nhận định - Gv yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày - Hs trình bày vấn đề được thảo luận của nhóm mình - HS khác trình bày nhận xét đưa ra ý kiến phản bác . - Gv nhận xét đánh giá kết quả thực hiện của học sinh.	- Bài nói của học sinh

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI									
a) Mục tiêu: HS trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kĩ năng nói của người trình bày b) Nội dung: Dựa vào bài nói của học sinh GV yêu cầu các học sinh nhận xét :									
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): GV cùng HS thống nhất các nguyên tắc thảo luận: 1. Lắng nghe lẫn nhau. 2. Tôn trọng ý kiến trái chiều. 3. Phản biện dựa trên lí lẽ, dẫn chứng. Yêu cầu HS nhận xét theo yêu cầu sau : <table border="1"> <tr> <th>Nội dung</th><th>Nhận xét</th></tr> <tr> <td>Thông tin từ người nói</td><td>Lí lẽ + Bằng chứng 1.... + Bằng chứng 2....</td></tr> <tr> <td>Ngôn ngữ, điệu bộ</td><td></td></tr> <tr> <td>Ý kiến trao đổi</td><td></td></tr> </table> B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lắng nghe bài nói của bạn - Nhận xét theo các tiêu chí B3: Báo cáo, thảo luận HS đưa ra nhận xét của mình về bài của bạn	Nội dung	Nhận xét	Thông tin từ người nói	Lí lẽ + Bằng chứng 1.... + Bằng chứng 2....	Ngôn ngữ, điệu bộ		Ý kiến trao đổi		
Nội dung	Nhận xét								
Thông tin từ người nói	Lí lẽ + Bằng chứng 1.... + Bằng chứng 2....								
Ngôn ngữ, điệu bộ									
Ý kiến trao đổi									

B4: Kết luận, nhận định

HS trao đổi về bài nói

GV nhận xét thống nhất ý kiến (nếu cần)

3. Hoạt động 3: Luyện tập**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân, làm bài tập của GV giao.**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.**d) Tổ chức thực hiện:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên giao bài tập cho HS:

Sự việc và con người trong Văn bản *Chất làm gì có thật* hay không**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào phiếu tìm ý lập dàn ý

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét bài làm của HS, những ưu điểm của bài nói này so với bài trước.

- Chuyển dẫn sang mục khác.

4. Hoạt động 4: Vận dụng**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức, nội dung của bài học cho HS,**b) Nội dung:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).**d) Tổ chức thực hiện:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

(GV giao bài tập)

Bài tập 1: Hãy tìm hiểu xem những điều viết trong hai văn bản trên ngày nay đã trở thành hiện thực chưa .**Bài tập 2:** Hãy giới thiệu một vấn đề nào đó trong phim hay một câu chuyện khoa học viễn tưởng em đã được đọc hoặc được xem .**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS;
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Phụ Lục**Phiếu học tập số 1****PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Lựa chọn vấn đề cần thảo luận

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

Mục đích thảo luận ?	
Nội dung thảo luận	

Phiếu học tập số 2**LẬP DÀN Ý**

Mở đầu	Nêu vấn đề cần thảo luận:	
Nội dung chính	+ Nêu tóm tắt nội dung câu chuyện . + Nêu các điểm gây tranh cãi. + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về chuyện có thực và không có thực. + Nêu ý kiến nhằm giải quyết các điểm gây tranh cãi.	
Kết thúc	Khẳng định lại ý kiến của cá nhân về những điều có thực và tưởng tượng trong văn bản đang được thảo luận.	

TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Nội dung chính của đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản Một trăm dặm dưới mặt đất là gì?

- A. Kể lại những câu chuyện phiêu lưu và thám hiểm miệng núi lửa
- B. Miêu tả cảnh một giáo sư người Đức thực hiện cuộc du hành trong lòng đất
- C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ
- D. Kể lại cảnh đoàn thám hiểm khám phá những bí mật trong trung tâm Trái Đất

ĐA:

- C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích Một trăm dặm dưới mặt đất là gì?

- A. Kể lại câu chuyện A-xen bị tai nạn, rơi vào một chiếc hang rộng vô cùng
- B. Kể lại câu chuyện vị giáo sư đã khám phá ra chiếc hang trong lòng đất
- C. Kể lại việc vì sao cậu bé A-xen lại bị rơi vào chiếc hang rộng vô cùng
- D. Kể lại cảnh cậu bé A-xen khám phá ra bí mật của vùng biển Lin-đen-brốc

ĐA

- **B. Kể lại câu chuyện vị giáo sư đã khám phá ra chiếc hang trong lòng đất**

Câu 3. Không gian trong đoạn trích là không gian nào?

- A. Trong hang và trên mặt đất
- B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ
- C. Bãi biển và bầu trời
- D. Bầu trời sao và vòm đá hoa cương

ĐA

- **B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ**

Câu 4. Vì sao biển ngấm trong đoạn trích lại có tên là Lin-đen-brốc?

- A. Tên biển đã có từ thời xa xưa
- B. Do người dân địa phương đặt từ lâu
- C. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó
- D. Lấy tên từ một truyền thuyết về biển cả

ĐA

C. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó

Câu 5. Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện ở việc miêu tả cảnh nào?

- A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông
- B. Cảnh cậu bé A-xen bị hất xuống một đường hầm thẳng đứng
- C. Cảnh từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn
- D. Cảnh khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương

ĐA:

- **A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông**

Câu 6. Phương án nào nêu nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

- A. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường, không có thực
- B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh, siêu nhiên
- C. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học
- D. Tạo ra tình huống li kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết

- **ĐA : C. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học**

Câu 7. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học?

- A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngẩng nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!

C. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!

D. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.

- **ĐA: A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.**

Câu 8. Câu nào sau đây chứa số từ?

A. Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy!

B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngẩng nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!

C. ... Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ấm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!

D. Không lẽ cháu bị điên vì cháy thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

- **ĐA: C. Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ấm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!**

Câu 9. Câu văn "Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động." đã sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

ĐA: B. So sánh

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trả lời câu hỏi: Vì sao cuối đoạn trích, nhân vật "tôi" lại "ngẩng nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!"?

Gợi ý: nhân vật "tôi" đã "ngẩng nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!"

. + Do vẻ đẹp trong lòng hang dưới mặt đất quá sức tưởng tượng của nhân vật "tôi".

+ Vẻ đẹp thiên nhiên dưới lòng đất đẹp đến nỗi trí tưởng tượng của nhân vật "tôi" hoàn toàn bất lực, và "tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người".

+ Cái ngỡ ngàng, sững sốt của nhân vật tôi chắc chắn là do nhìn thấy cảnh đẹp ngoài sức tưởng tượng; và có lẽ trong lòng anh cũng đang reo lên những cảm xúc lẫn lộn về sự kì vĩ của tạo hóa.

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI 4- DỰ ÁN GIÁO ÁN MIỄN PHÍ
2022**

BỘ SGK CÁNH DIỀU

BÀI	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	SĐT	CÔNG VIỆC
Bài 4	1. Vũ Long Hiệp	Trường TH-THCS Hà Nội Thăng Long	0963336073	
	2. Lê Thị Thuỳ Trang	Trường THCS Tân Phú - Huyện Quốc Oai - Hà Nội	0965929891	
	3. Đỗ Thị Thu Hoài	THCS Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	0981389219	
	4. Nguyễn Thị Huệ	THCS An Đà- Ngô Quyền- Hải Phòng	0765617975	
	5. Nguyễn Thị Lý	THCS Tân Hội- Đan Phượng- Hà Nội		

**BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC
VĂN BẢN 1: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI
TRONG TRUYỆN “ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM”**



A. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học
- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm của nhà văn Đoàn giởi trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên và trân quý con người, trân quý tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.
- *Đọc hiểu hình thức:* Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận (ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.
- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

2. Về phẩm chất: Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Bùi Hồng và tác phẩm “Đất rừng phương Nam”.
- Các phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT

HD 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a.Mục tiêu:** Hoạt động nhằm khởi động - kích hoạt kiến thức nền, kết nối kiến thức đã biết với bài học. Qua đó tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh
- b. Nội dung:-** HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm:**Tất cả HS nắm được nhiệm vụ học tập- chia sẻ được hiểu biết của bản thân.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV -HS	Kết quả cần đạt
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) Cho hs nghe bài hát về vùng đất phương Nam “ Bài ca đất phương Nam” – Tô Thanh Phương? Lời bài hát gợi cho em nhớ tới văn bản nào? Của ai? Em còn nhớ gì về nhân vật chính trong văn bản đó? B2. HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi. B3. Tổ chức cho HS nhận xét ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	-Lời bài hát gợi cho em nhớ tới văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng” – tác phẩm “ Đất rừng phương Nam” - Đoàn giởi - Nhân vật Võ Tòng- một con người mộc mạc giản dị chân thành cởi mở và có lòng yêu nước

HD2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I.TRI THỨC NGỮ VĂN

- a.Mục tiêu:** Sau hoạt động này, HS có thể:

- Phát biểu được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học và giá trị nhận thức của văn học.
- Xác định được kiến thức cần tìm hiểu trong SGK: Tiếp cận văn bản, các kiến thức Ngữ văn trong mục “ Kiến thức Ngữ văn” để kết nối vào bài học

b. Nội dung: HS làm việc với SGK và tham gia trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Sổ tay văn học, vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

1. Đặc điểm của văn bản nghị luận văn học

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1. Đọc phần “ Kiến thức Ngữ văn” SGK. Hãy chia sẻ những hiểu biết về đặc điểm của nghị luận văn học? Giá trị nhận thức của nghị luận văn học? B2. HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời B3. Tổ chức cho HS thuyết trình những nội dung thu thập được. B4. Giáo viên tổng hợp, khắc sâu kiến thức.	-Đặc điểm của nghị luận văn học <u>Mục đích:</u> thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học <u>Nội dung:</u> thường tập trung phân tích vẻ đẹp về nội dung hoặc sự độc đáo về hình thức của tác phẩm văn học

Ở lớp 6, HS đã biết về mục đích của VB nghị luận thông qua khái niệm VB nghị luận. Ở đây, mục đích của VB nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học. Nội dung chính của VB nghị luận là một khái niệm mới, GV cần chú ý giải thích khái niệm và cách xác định nội dung chính của VB nghị luận (dựa vào tri thức đọc hiểu trong SGK).

Ở lớp 6, HS đã biết về khái niệm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận và nhận biết các yếu tố này trong những VB nghị luận đơn giản, chỉ có một tầng ý kiến. Tuy vậy, ở một số VB nghị luận cụ thể (đặc biệt là nghị luận văn học), tác giả trình bày ý kiến thành các tầng, bậc, rồi mới triển khai lí lẽ và bằng chứng. Do vậy, để HS có thể đọc hiểu VB nghị luận có hai tầng ý kiến, có thể là khái niệm Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong VB nghị luận. GV cần kích hoạt kiến thức nền của HS về khái niệm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng (đã học trong Ngữ văn 6), sau đó dựa vào phần tri thức đọc hiểu và sơ đồ trong SGK để HS nhận ra khái niệm ý kiến lớn, ý kiến nhỏ.

2. Giá trị nhận thức của văn học

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) Chia sẻ kiến thức “ Kiến thức Ngữ văn” SGK về giá trị nhận thức của văn học B2. HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK. B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	<u>Giá trị nhận thức của văn học:</u> tác phẩm văn học không chỉ mang lại cho con người hiểu biết về thiên nhiên con người và cuộc sống xã hội mà còn giúp người đọc hiểu chính mình. Văn học có giá trị nhận thức là muốn khẳng định tác phẩm văn học mang lại hiểu biết cho người đọc.

II. Tìm hiểu chung

1. Đọc văn bản 1 kết hợp tìm hiểu thông tin theo định hướng trong hộp chỉ dẫn.
2. Trả lời các câu hỏi trong SGK, phần chuẩn bị theo mẫu.

PHIẾU SỐ 1

1. Nhà văn Bùi Hồng
2. Những chú ý khi đọc văn bản nghị luận văn học
Cách đọc
Thể loại
Phương thức biểu đạt:
Bố cục

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1 (1) HS làm việc dự án cho phiếu số 1 (1)Nêu hiểu biết của em về tác giả? (2) Gọi HS đọc đoạn 1 và nêu cách đọc văn bản nghị luận (3) Văn bản viết theo thể loại gì? PTBD của văn bản? (4) Trình bày bố cục của văn bản? B2. HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK. B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	1. Tác giả: Nhà văn: Bùi Hồng (1931- 2012) quê ở Hà Tĩnh 2. Tác phẩm: - Cách đọc: đọc chậm rãi, rõ ràng , chú ý nhấn giọng ở những câu văn nêu dẫn chứng “ ba ba to bằng cái nia....khiêng nổi” Đọc với giọng tha thiết với những dẫn chứng được trích từ tác phẩm “ Đất rừng phương Nam” - Thể loại: Nghị luận văn học - phương thức biểu đạt: Nghị luận - Bố cục: 3 phần Phần 1: từ đầu...trẻ em→ giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam” Phần 2: tiếp ...vô tận → nghệ thuật miêu tả cảnh trong Đất rừng phương Nam Phần 3: còn lại → nghệ thuật miêu tả con người trong Đất rừng phương Nam

HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU VĂN BẢN

III. Tìm hiểu chi tiết

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1 (1) GV chia nhóm cặp đôi (1)Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản)	1. Vấn đề nghị luận trong văn bản: a. Vấn đề chính: Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm <i>Đất rừng phương Nam</i> .

(2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (thể hiện khái quát vấn đề nghị luận) (3) Mục đích của văn bản là gì? (4) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào B2. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	b. Mục đích của văn bản: Cho người đọc thấy được vẻ đẹp của khung cảnh và nghệ thuật miêu tả con người trong tác phẩm. Từ đó, người đọc có được những hiểu biết về con người, thiên nhiên Nam Bộ, khơi gợi sự yêu thích đối với nơi này. c. Phương pháp: để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến. <u>GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy</u> 2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng

Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng

PHIẾU SỐ 2 (GV cho hs làm ở nhà)

Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
Ý kiến 1:		
Ý kiến 2		
Ý kiến 3		
Nhận xét đánh giá		

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả				
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp khi cho hs tìm hiểu đoạn 1- sgk (tìm hiểu ý kiến 1). Còn đoạn 2 và 3 GV cho hs sử dụng KT mảnh ghép để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng – rút ra nhận xét đánh giá - Chia nhóm lớp. Vòng 1: Nhóm 1,2: tìm hiểu về thiên nhiên trong Đất rừng phương Nam Nhóm 3,4: tìm hiểu về con người trong Đất rừng phương Nam Vòng 2: - Tạo nhóm mới - Giao nhiệm vụ: Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng 1 Rút ra nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và	2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng * Ý kiến 1: Đặc điểm khái quát của Đất rừng phương Nam - Nhân vật: thuộc nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề. - Kết cấu chương hồi kiểu truyền thống: không gian, thời gian rạch ròi, nhân vật thiện ác, trắng đen tách bạch và bộc lộ qua hành động, hình dáng, ngôn ngữ. => Tác giả cho người đọc cái nhìn bao quát về những đặc sắc của tác phẩm. * Ý kiến 2: Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong tác phẩm Đất rừng phương Nam. <table border="1"> <tr> <th>Lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th></tr> <tr> <td>Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong</td><td>ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng</td></tr> </table>	Lí lẽ	Bằng chứng	Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong	ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng
Lí lẽ	Bằng chứng				
Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong	ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng				

bằng chứng của tác giả - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 - Thời gian: 10 phút (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì? GV hỏi thêm để mở rộng vấn đề (4) Trong phần 3 tác giả so sánh hai nhân vật ông Hai bán rần và chú Võ Tòng. Em hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai nhân vật này?	phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.		lực lưỡng mới khiêng nổi.														
	Đó là cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp rừng U Minh dưới ánh Mặt Trời vàng óng.		Những thân cây tràm vỏ trắng...xanh thắm không cùng.														
	Và nổi rợn ngợp trước dòng sông Năm Căn		Nước âm âm đổ ra biển...như hai dãy trường thành vô tận...														
	Ông không nhiều lời, đôi khi chỉ vài ba nét		Những lời nói ngọt nhạt,...lão Ba Ngụ.														
	=> Những bằng chứng cụ thể, giàu hình ảnh, sinh động, làm sáng tỏ lí lẽ, đem đến ngạc nhiên cho người đọc. → Tác giả đưa ra những nhận định đúng đắn, giúp người đọc hiểu hơn về vẻ đẹp của <i>Đất rừng phương Nam</i>. Để làm sáng tỏ lí lẽ của mình, tác giả nêu rõ những dẫn chứng được trích từ trong tiểu thuyết của Đoàn Giỏi. Chắc hẳn phải rất yêu thích, hiểu rõ về tác phẩm, Bùi Hồng mới có thể đưa ra những nhận định xác đáng và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục như vậy. * Ý kiến 3: Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả con người Nam bộ trong tác phẩm <i>Đất rừng phương Nam</i>.																
<table><tr><td></td><td>Ông Hai bán rần</td><td>Võ Tòng</td></tr><tr><td>Giống</td><td colspan="2">Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ. - Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ. - Đều đánh trả và bị tù.</td></tr><tr><td>Khác</td><td>Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.</td><td>- Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con</td></tr></table>			Ông Hai bán rần	Võ Tòng	Giống	Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ. - Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ. - Đều đánh trả và bị tù.		Khác	Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.	- Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con	<table><tr><td>Lí lẽ</td><td>Bằng chứng</td></tr><tr><td>- Con người Nam bộ được miêu tả với những nét sắc sảo, lạ lùng.</td><td>+ Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo. + Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngụ.</td></tr><tr><td>- Tác giả khắc họa kĩ lưỡng nhất hai nhân vật:</td><td>+ Giống nhau:</td></tr></table>	Lí lẽ	Bằng chứng	- Con người Nam bộ được miêu tả với những nét sắc sảo, lạ lùng.	+ Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo. + Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngụ.	- Tác giả khắc họa kĩ lưỡng nhất hai nhân vật:	+ Giống nhau:
	Ông Hai bán rần	Võ Tòng															
Giống	Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ. - Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ. - Đều đánh trả và bị tù.																
Khác	Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.	- Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con															
Lí lẽ	Bằng chứng																
- Con người Nam bộ được miêu tả với những nét sắc sảo, lạ lùng.	+ Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo. + Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngụ.																
- Tác giả khắc họa kĩ lưỡng nhất hai nhân vật:	+ Giống nhau:																

	- Kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rần, lấy mật, săn cá sấu,... - Gương mặt khoát, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp nếp đường nhăn	chết, vợ trở thành vợ nhỏ của địa chủ. - Làm nghề săn bẫy thú. - Hai hố mắt sâu hoắm, từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Chỗ gò má bên phải có năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào...	ông Hai bán rần và chú Võ Tòng	+ Khác nhau
<i>Nhờ có cách so sánh, tác giả đã khắc họa rõ nét hơn đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm: hình ảnh ông Hai rần hiện lên đẹp đẽ, tự do còn chú Võ Tòng hiện lên với tính cách cương trực, mạnh mẽ, dũng cảm và ngoại hình có phần bặm trợn, hung dữ. Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ và qua đó cũng là</i>			=> Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ.	

để khẳng định tài năng của nhà văn Đoàn Giỏi khi xây dựng nhân vật B2. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: <u>GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức</u> Chuyển ý: Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã làm rõ được mục đích của văn bản chưa?	

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) HS làm việc cặp đôi (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về đoạn trích <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> (trích truyện <i>Đất rừng phương Nam</i>) đã học ở Bài 1? (2) Văn bản <i>Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam"</i> đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào? B2. HS chia sẻ phần ý kiến của mình với bạn bên dưới B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	3. Giá trị nhận thức - Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nội dung và mục đích của cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa ông Hai và chú Võ Tòng trong đoạn trích <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> (trích truyện <i>Đất rừng phương Nam</i>) đã học ở Bài 1 - Văn bản <i>Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam"</i> đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Cụ thể: Văn bản <i>Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam"</i> đã cho em hiểu thêm về đặc điểm thiên nhiên và tính cách con người Nam Bộ vùng châu thổ Cửu Long Giang. Từ đó văn bản khơi gợi trong lòng người đọc tình cảm yêu mến với mảnh đất này.

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) HS làm việc cặp đôi - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục. - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.

được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”? ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm nghị luận văn học và giá trị nhận thức sau khi học văn bản nghị luận văn học. (4) Trình bày bố cục của văn bản? B2.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK. B3.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	- Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc. 2. Nội dung Văn bản phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm <i>Đất rừng phương Nam</i> của Đoàn Giỏi. 3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học - Xác định vấn đề nghị luận - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì? - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào? - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này.

3. HĐ 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

- A. Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm “Đất rừng phương Nam”
- B. Kể chuyện về vùng đất phương Nam
- C. Miêu tả về vùng đất phương Nam
- D. Giới thiệu về nhà văn Đoàn Giỏi

2. Vì sao văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” là văn bản nghị luận?

- A. Vì văn bản tập trung miêu tả vùng đất phương Nam
- B. Vì tác giả kể về cái hay cái đẹp của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”
- C. Vì tác giả giúp người đọc hiểu người đàn ông cô độc là ai
- D. Vì tác giả phân tích cái hay về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “Đất rừng phương Nam”

3. Theo em mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

- A. Ca ngợi Võ Tòng
- B. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên vùng đất phương Nam
- C. Nêu lên cách xây dựng nhân vật của tác giả Đoàn Giỏi
- D. Chỉ ra cái hay của tác phẩm “Đất rừng phương Nam”

4. Người viết đã bày tỏ cảm xúc về tác phẩm qua câu văn nào?

- A. Nhân vật trong Đất rừng phương Nam có nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề như một xã hội thu nhỏ
- B. Đoàn Giỏi đã từng viết một loạt sách về các con vật trên rừng dưới biển...

C. Người đọc không chỉ ngạc nhiên mà còn thấm đẫm cảm xúc bởi Đoàn Giỏi là một nhà thơ, một thi sĩ của đất rừng phương Nam.

D. Cả ba ý trên đều đúng

c) Sản phẩm: Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HĐ 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Viết một đoạn văn bày tỏ quan điểm của em khi có ý kiến cho rằng “ Tác giả Bùi Hồng đã phân tích cái hay của tác phẩm Đất rừng phương Nam bằng cách đưa ra được các bằng chứng rất thuyết phục. Em có đồng ý với ý kiến đó không?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về Võ Tòng...

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...

* **Dặn dò:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”

A.MỤC TIÊU**1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học
- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm của nhà văn Đoàn giời trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên và trân quý con người, trân quý tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.
- *Đọc hiểu hình thức:* Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận (ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.
- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Về đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

2. Về phẩm chất: Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà nghiên cứu Đinh Trọng Lạc và tác phẩm “Tiếng gà trưa”, “Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh”.
- Các phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**TIẾT****HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a.Mục tiêu: Huy động kiến thức nền, kết nối kiến thức đã biết với bài học; tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “Món quà bí mật” gồm 4 câu hỏi. Trả lời chính xác câu hỏi, HS được nhận phần quà (Điểm tốt, cộng điểm, tràng pháo tay...)

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Kết quả cần đạt

HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1 GV tổ chức trò chơi “Món quà bí mật” ?1 Mục đích chính của nghị luận văn học là gì? ?2 Nội dung của bài nghị luận văn học là gì? ?3 Các yếu tố của bài NLVH là gì? ?4 (Từ một bức tranh) Bức tranh này gợi em nhớ đến bài thơ nào em đã học? B2.HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi. B3.Tổ chức cho HS nhận xét ý kiến của bạn? B4.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học	- Mục đích của NLVH: Thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học. - Nội dung của NLVH: Phân tích vẻ đẹp nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm - Các yếu tố của bài NLVH: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng - Bài thơ “Tiếng gà trưa” của tác giả Xuân Quỳnh.

HOĐ2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. Đọc - Tìm hiểu chung

a.Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức chung về tác giả Đinh Trọng Lạc và tác phẩm “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” (Xuất xứ, thể loại, PTBD, bố cục).

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ tìm hiểu tại nhà theo nhóm 4 người, thảo luận và trả lời Phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm: Bản thuyết trình của HS về sản phẩm đã thảo luận tại nhà.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1. – GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Cách đọc: to, rõ ràng, diễn cảm ở những khổ thơ là dẫn chứng trong bài. - GV giao nhiệm vụ nghiên cứu PHT số 1 ở tiết trước. Mời các nhóm xung phong thuyết trình kết quả. B2. HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu tại nhà. B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4.Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức.	1. Tác giả: Nhà nghiên cứu: Đinh Trọng Lạc (1928-2000) quê ở Hà Nội. 2. Tác phẩm: a. Xuất xứ: Bài viết được in trong sách “Vẻ đẹp ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5” b. Thể loại: Nghị luận văn học c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận d. Bố cục: 4 phần - Phần 1: từ đầu...tuổi thơ→ Vẻ đẹp khổ thơ thứ nhất - Phần 2: tiếp ...vui sướng → Vẻ đẹp khổ thơ thứ hai - Phần 3: tiếp...của bà → Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài - Phần 4: Còn lại→ Vẻ đẹp khổ cuối.

II. Đọc - Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm văn bản nghị luận văn học “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”; đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả Đinh Trọng Lạc.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm tại lớp, đại diện trình bày kết quả thảo luận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và Bản thuyết trình thảo luận nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1 (1) GV chia nhóm cặp đôi (1) Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản) (2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (Thể hiện khái quát vấn đề nghị luận) (3) Bài thơ “Tiếng gà trưa” được tác giả phân tích theo trình tự nào? (4) Mục đích của văn bản là gì? (5) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào B2. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức.	1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản a. Vấn đề nghị luận: Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ “Tiếng gà trưa”. b. Trình tự nghị luận: Bám sát mạch cảm xúc bài thơ “Tiếng gà trưa”. Cảm xúc được bắt nguồn từ âm thanh tiếng gà khơi nguồn nỗi nhớ về tuổi thơ, kí ức về người bà; cảm xúc được tiếp nối bằng kỉ niệm và cảm xúc biết ơn, yêu kính bà; cuối cùng lắng đọng ở mục đích chiến đấu cao đẹp của người chiến sĩ ở khổ thơ cuối. c. Mục đích của văn bản: Giúp người đọc hiểu được sự độc đáo nghệ thuật (ngôn từ, biện pháp tu từ, nhịp điệu) và nét đặc sắc nội dung (tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước) của bài thơ “Tiếng gà trưa”. Từ đó, văn bản khơi gợi và bồi dưỡng cho người đọc tình yêu đối với tác phẩm văn chương và tình cảm gia đình cao quý, c. Phương pháp nghị luận: để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến. <u>GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy</u>

Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả		
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1 (1) GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm (gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng - Chia nhóm lớp. - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 - Thời gian: 10 phút (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng	2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng * Ý kiến 1: Về đẹp của khổ thơ thứ nhất		
		Đặc sắc về nghệ thuật	Đặc sắc về nội dung
	Lí lẽ	Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc độc đáo về lập âm, dấu chấm lửng, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác	Khổ thơ thứ nhất là nguồn mạch cảm xúc của bài thơ, âm thanh tiếng gà khơi gợi nỗi nhớ về tuổi thơ, về bà kính yêu.
	Dẫn chứng	+ Dòng thơ thứ tư “Cục..cục tác cục ta”: phép lập âm, dấu chấm lửng + tác dụng..	“Khổ thơ đầu kể chuyện anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên một xóm nhỏ,

chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì? B2. HS làm việc theo nhóm – sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức	+ So sánh âm thanh “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh với âm thanh tiếng gà trong thơ Trần Đăng Khoa. + Ấn tượng chuyển đổi cảm giác + tác dụng.	nghe tiếng gà nhảy ổ”... “Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm tuổi thơ”.									
GV phát vấn cá nhân HS, mở rộng, nâng cao kiến thức. (4) Trong văn bản, tác giả đã rất chú trọng phân tích hình thức nghệ thuật (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ) để làm nổi bật nội dung bài thơ. Em học hỏi được điều gì từ cách viết của tác giả để cảm nhận và phân tích vẻ đẹp của một bài thơ? (5) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã đạt được mục đích của văn bản nghị luận văn học chưa? Vì sao? → GV mời HS trả lời. GV nhận xét, chốt kiến thức.	* Ý kiến 2: Vẻ đẹp của khổ thơ thứ hai <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Đặc sắc về nghệ thuật</th><th>Đặc sắc về nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lí lẽ</td><td>Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật so sánh, đảo ngữ, kết hợp tự sự và miêu tả, kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng khiến lời thơ ấn tượng, góp phần thể hiện cảm xúc trong bài. Những kỉ niệm trở nên lung linh, hấp dẫn và sống động.</td><td>Tiếng gà trưa đã gợi về trong tâm hồn người cháu – người chiến sĩ những kỉ niệm tuổi thơ thiếu thốn, khó khăn sống bên bà những đông đầy niềm vui lấp lánh.</td></tr> <tr> <td>Dẫn chứng</td><td>+ Mỗi câu kể là một câu tả... + Câu thơ kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng “này” để chỉ và người nghe lưu ý tưởng tượng + So sánh, đảo ngữ làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp đẽ</td><td>“Tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để người cháu được vui sướng”.</td></tr> </tbody> </table>			Đặc sắc về nghệ thuật	Đặc sắc về nội dung	Lí lẽ	Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật so sánh, đảo ngữ, kết hợp tự sự và miêu tả, kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng khiến lời thơ ấn tượng, góp phần thể hiện cảm xúc trong bài. Những kỉ niệm trở nên lung linh, hấp dẫn và sống động.	Tiếng gà trưa đã gợi về trong tâm hồn người cháu – người chiến sĩ những kỉ niệm tuổi thơ thiếu thốn, khó khăn sống bên bà những đông đầy niềm vui lấp lánh.	Dẫn chứng	+ Mỗi câu kể là một câu tả... + Câu thơ kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng “này” để chỉ và người nghe lưu ý tưởng tượng + So sánh, đảo ngữ làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp đẽ	“Tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để người cháu được vui sướng”.
	Đặc sắc về nghệ thuật	Đặc sắc về nội dung									
Lí lẽ	Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật so sánh, đảo ngữ, kết hợp tự sự và miêu tả, kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng khiến lời thơ ấn tượng, góp phần thể hiện cảm xúc trong bài. Những kỉ niệm trở nên lung linh, hấp dẫn và sống động.	Tiếng gà trưa đã gợi về trong tâm hồn người cháu – người chiến sĩ những kỉ niệm tuổi thơ thiếu thốn, khó khăn sống bên bà những đông đầy niềm vui lấp lánh.									
Dẫn chứng	+ Mỗi câu kể là một câu tả... + Câu thơ kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng “này” để chỉ và người nghe lưu ý tưởng tượng + So sánh, đảo ngữ làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp đẽ	“Tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để người cháu được vui sướng”.									
	* Ý kiến 3: Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Đặc sắc về nghệ thuật</th><th>Đặc sắc về nội dung</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lí lẽ</td><td>Khổ thơ có nét độc</td><td>Sáu dòng thơ là</td></tr> </tbody> </table>			Đặc sắc về nghệ thuật	Đặc sắc về nội dung	Lí lẽ	Khổ thơ có nét độc	Sáu dòng thơ là			
	Đặc sắc về nghệ thuật	Đặc sắc về nội dung									
Lí lẽ	Khổ thơ có nét độc	Sáu dòng thơ là									

		đáo về nhịp điệu chậm, buồn và cấu trúc để thể hiện cảm xúc mệnh mang, mang nặng suy tư, chiêm nghiệm của người cháu khi nghĩ về bà, tình yêu thương của bà.	những độc thoại trong tâm hồn người cháu, giàu chất suy tưởng khi người cháu nhận ra, suy ngẫm về tình yêu thương, sự tần tảo, lo lắng hi sinh của bà dành cho mình
	Dẫn chứng	+ Sáu dòng thơ chỉ làm thành một câu đơn + Mỗi dòng chỉ gồm năm tiếng nhưng có cách ngắt nhịp khác dòng kia.	“Nhịp điệu khổ thơ là nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng... Chi tiết nhỏ bé thế, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà”
* Ý kiến 4: Về đẹp của khổ thơ cuối: “Khổ thơ cuối là hay nhất, cảm động nhất”			
		Đặc sắc về nghệ thuật	Đặc sắc về nội dung
	Lí lẽ	Khổ thơ có lời độc thoại đầy cảm xúc của người chiến sĩ và điệp ngữ “Vì”	Khổ thơ cuối thể hiện những tình cảm cao đẹp nhất, mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: vì tình yêu với bà, với xóm làng, với Tổ quốc và vì tình yêu với tuổi thơ, với tiếng gà bình yên mỗi sớm mai.
	Dẫn chứng	+ Anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động... + Việc lặp lại từ “VÌ” ở đầu các dòng	+ Khổ thơ cuối chứa đựng “những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành” + Khổ thơ cuối thể hiện “ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, vì nhân dân,

	thơ đã góp phần thể hiện...	những người thân yêu trong gia đình, người bà yêu quý với bao kỉ niệm tuổi thơ”
→ Nhận xét: Lời văn giàu cảm xúc, bám sát đặc trưng văn bản thơ; lí lẽ và dẫn chứng giàu sức thuyết phục.		

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) HS làm việc cặp đôi (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về bài thơ “Tiếng gà trưa” đã học ở Bài 2? (2) Văn bản <i>Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”</i> đã bồi đắp tâm hồn em như thế nào? B2. HS thảo luận nhóm đôi. B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức.	3. Giá trị nhận thức - Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đã học ở Bài 2) - Văn bản <i>Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”</i> đã bồi đắp tâm hồn em về tình cảm gia đình, tình cảm bà cháu, tình yêu Tổ quốc, quê hương; tạo động lực để em tiếp tục học tập và cống hiến.

III. Tổng kết

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS khái quát đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trình bày kết quả suy nghĩ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1 GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân. <i>? Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản?</i> <i>? Trình bày hiểu biết của em khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học?</i> B2. HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK. B3. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4. Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục. - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng. - Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc. 2. Nội dung Văn bản phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa”. 3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản nghị luận

	văn học - Xác định vấn đề nghị luận - Xác định mục đích văn bản nghị luận - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản - Chỉ rõ tác dụng của hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản. - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này.

3. HĐ 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS: Có ý kiến cho rằng “Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? Em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài thực hiện viết bài.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời HS đọc bài, chấm chữa.

- GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS, nhận xét, rút kinh nghiệm.

4. HĐ 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp một bài thơ em yêu thích.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

HS tự chọn ngữ liệu, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV giao nhiệm vụ kiểm tra ở tiết học sau.

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV kiểm tra vào tiết học hôm sau.

* **Dặn dò:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng Việt”

BÀI 4: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

TUẦN- TIẾT: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM CHỦ VỊ

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

* **Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

* **Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được các cách thực hiện mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ)
- + Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ
- + Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ
- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.
- Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. *Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b. *Nội dung:* Giáo viên cho học sinh xác định các thành phần câu và nêu vai trò của từng thành phần câu.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Kết quả cần đạt
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP Bước 1. GV đưa câu hỏi 1. Xác định thành phần chính trong câu văn sau: (a) Xuân đã về. (b) Mùa xuân tươi đẹp đã về. 2. Nhận xét về cấu tạo câu của CN câu b có gì đặc biệt? Bước 2	- HS xác định: (a) Xuân/ đã về. CN VN (b) Mùa xuân/ tươi đẹp/ đã về. CN VN

+ HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

Bước 3

+ HS trình bày.

+ HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học

Trong nhiều trường hợp chúng ta bắt gặp cụm chủ-vị làm một thành phần nào đó của câu hoặc một thành phần của cụm từ. Cách dùng như vậy gọi là mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ - vị. Để hiểu kĩ cách dùng này bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu..

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu:

- Các cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1:

1. Xem lại phần chuẩn bị bài ở nhà, trao đổi với bạn bên cạnh (2 phút) thống nhất phần tìm hiểu các cách mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị.

Bước 2:

- HS trao đổi, thảo luận.
- Cử đại diện báo cáo kết quả.

Bước 3:

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến SP:

Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:

- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ
- Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

I. Kiến thức cơ bản

Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:

- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ
- Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.															
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP															
a. Mục tiêu: - HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị. b. Nội dung: Học sinh làm tập SGK/90-91. c. Sản phẩm: Phần bài tập hs đã làm. d. Tổ chức thực hiện:															
Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1. Bước 1: 1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1(SGK/90) 2. GV phát phiếu bài tập, HS hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo.		II. Thực hành: Bài tập 1 <table><tr><th>Câu</th><th>Vị ngữ là cụm động từ</th><th>Động từ trung tâm</th><th>Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ</th></tr><tr><td>a</td><td>tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên</td><td>tưởng</td><td>mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên</td></tr><tr><td>b</td><td>cũng làm kỉ ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ</td><td>làm</td><td>kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ</td></tr></table>		Câu	Vị ngữ là cụm động từ	Động từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ	a	tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên	tưởng	mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên	b	cũng làm kỉ ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ	làm	kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ
Câu	Vị ngữ là cụm động từ	Động từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ												
a	tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên	tưởng	mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên												
b	cũng làm kỉ ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ	làm	kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ												
Bước 2: - Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo Bước 3: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - HS khác nhận xét và bổ sung. Bước 4: - GV đánh giá, nhận xét - GV chốt kiến thức Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2. Bước 1: 1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 2(SGK/90) 2. Hãy hoạt động nhóm đôi thống nhất đáp án bài tập 2 sau đó trình bày. Bước 2: - HS trao đổi, thảo luận. - Cử đại diện báo cáo kết quả. Bước 3: - Đại diện nhóm báo cáo kết quả. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV đánh giá, nhận xét		Bài tập 2 a) nét mặt hằm hằm. b) tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía... Bài tập 3													

- GV chốt kiến thức: Nhiệm vụ 3: HS làm bài tập 3. Bước 1: - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm bàn (3 phút) thực hiện các nhiệm vụ: 1. Tìm chủ ngữ là cụm danh từ 2. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi chủ ngữ đó. Bước 2: + HS thảo luận nhóm. + Cử đại diện báo cáo. Bước 3: + Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm thảo luận. + Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập 4. Bước 1: 1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 4(SGK/91) 2. Hãy hoạt động nhóm đôi thống nhất đáp án bài tập 4 sau đó trình bày. Bước 2: - HS trao đổi, thảo luận. - Cử đại diện báo cáo kết quả. Bước 3: - Đại diện nhóm báo cáo kết quả. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: - GV đánh giá, nhận xét - GV chốt kiến thức:	<table><tr><th>Câu</th><th>Chủ ngữ là cụm danh từ</th><th>Danh từ trung tâm</th><th>Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ</th></tr><tr><td>a</td><td>Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi</td><td>quần áo</td><td>má nuôi tôi vừa khâu cho tôi</td></tr><tr><td>b</td><td>Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc</td><td>chuyện</td><td>bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc</td></tr></table>	Câu	Chủ ngữ là cụm danh từ	Danh từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ	a	Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi	quần áo	má nuôi tôi vừa khâu cho tôi	b	Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc	chuyện	bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc
	Câu	Chủ ngữ là cụm danh từ	Danh từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ									
	a	Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi	quần áo	má nuôi tôi vừa khâu cho tôi									
b	Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc	chuyện	bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc										
Bài tập 4 a) trời mưa to b) Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí													
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập 5SGK/91 và bài tập mở rộng. c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:													
Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập mở rộng. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:													

Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi:
“Nhìn hình đặt câu”

Thể lệ: Gv chia lớp thành 3 nhóm, hs thảo luận nhóm theo 3 bước:

- + Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (1’).
- + Bước 2: Chia sẻ với bạn bên cạnh: (1’).
- + Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.

Gv đưa 3 hình ảnh, hs đặt câu và dựa theo câu: tôi thấy

Bức tranh 1



Bức tranh 2



Bức tranh 3



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.
- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:
 - + Kết quả làm việc của học sinh.
 - + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 5: HS làm bài tập 5.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yc hs hoạt động cá nhân trong 5 phút và trả lời câu hỏi sau:

Viết đoạn văn (Khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Trình bày kết quả.
- HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Đoạn văn tham khảo

Văn bản “*Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa*” là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “*Tiếng gà trưa*”, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “*Bà ơi*” thật cảm động. Đó là tình cảm chất

Bài tập 5:

chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “Vi” ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.

- Một vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ *Tiếng gà trưa*, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của Xuân Quỳnh."

- Một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "Việc Xuân Quỳnh để cho từ Vi ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần".

*** Dặn dò**

- Ôn tập lại kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị
- Hoàn thiện các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng vào vở.

Chuẩn bị bài: *Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạt dậm dưới đáy biển*

- Đọc kĩ phần kiến thức Ngữ Văn trang 83.
- Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK.
- Làm các phiếu học tập.

BÀI 4.

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN
(NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)TUẦN.....TIẾT: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU
SỨC HẤP DẪN CỦA TÁC PHẨM HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN

___Lê Phương Liên___

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

a. Năng lực chung.

- Biết tự học, tự chủ trong việc đọc - hiểu một văn bản nghị luận văn học, biết hợp tác và sáng tạo để tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học: mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung*: Nhận biết được nội dung văn bản thể hiện: Sự sáng tạo và trí tưởng tượng của nhà văn Giuyn Véc-nơ trong các sáng tác của mình, khẳng định ông là nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng. Khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người

- *Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận (ý kiến, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của tác giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

2. Về phẩm chất:

- *Chăm học, chăm làm*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm*: Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi. _

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung**: HS chia sẻ

c) **Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: GV nhắc lại yêu cầu: <i>Trong tiết trước, cô đã yêu cầu các em về nhà đọc trước cuốn truyện “Hai vạn dặm dưới đáy biển”. Một bạn hãy kể tóm tắt lại truyện.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS nghe và trả lời Bước 3: + HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học + GV dẫn dắt: Văn học cổ điển luôn có một sức lôi cuốn riêng của nó, và tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” cũng không ngoại lệ. Tác giả Jules Verne đã đưa ra nhiều ý tưởng đi trước thời đại về tàu ngầm, và cách mô tả đáy biển của ông khiến người đọc bị cuốn hút Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản nghị luận về truyện này.	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP Bước 1: – GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Cách đọc: to, rõ ràng, chú ý nhấn giọng ở những câu văn nêu dẫn chứng. - GV giao nhiệm vụ nghiên cứu PHT số 1 ở tiết trước. Mời các nhóm xung phong thuyết trình kết quả. 1. Em hãy giới thiệu những nét cơ bản về tác giả Lê Phương Liên 2. Em cho biết thể loại, phương thức	1. Tác giả  - Tác giả: Lê Phương Liên - Sinh năm 1951 - Quê quán: Hà Nội. - Từng là cô giáo dạy sau khi tốt nghiệp khoa Toán - Lý trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

biểu đạt của văn bản?

3. Văn bản “Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển” viết về vấn đề gì?

4. Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?

Bước 2:

+ HS trao đổi thảo luận và trả lời

Bước 3:

+ HS đại diện trình bày sản phẩm thảo luận, HS khác bổ sung câu trả lời của bạn.

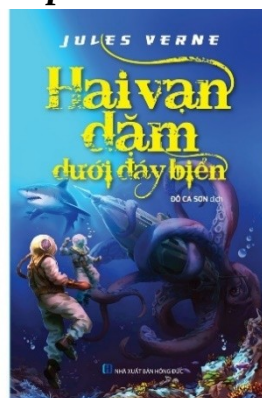
Bước 4: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bản

- Tác phẩm: truyện vừa “*Những tia nắng đầu tiên*” và truyện ngắn “*Câu hỏi trẻ thơ*” là tác phẩm đầu tay. Bên cạnh đó còn có các tác phẩm: *Khi mùa xuân đến*, *Hoa dại*, *Bức tranh còn vẽ*, *Én nhỏ*, *Khúc hát hạnh phúc*, *Dòng thu*, *Cuộc phiêu lưu của chú rôi Tểu*, *Khu vườn biết nói*, *Ký ức ánh sáng*..

- Bà đã được nhận nhiều giải thưởng như: Giải thưởng Trung ương Đoàn, Giải thưởng Bộ Giáo dục năm 1970 cho truyện ngắn *Câu hỏi trẻ thơ*, Huy chương Vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 1997.

- Bà có rất nhiều những sáng tác đặc sắc dành cho thiếu nhi

2. Tác phẩm



a. Thể loại: Nghị luận văn học.

b. Phương thức biểu đạt: Nghị luận.

c. Bố cục:

- Phần 1: Từ đầu ... *kì lạ*. Giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm.

- Phần 2: Tiếp ... *của tác giả*. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc

- Phần 3: Tiếp ... *tình người?* Sự sáng tạo của Véc-nơ.

- Phần 4: Còn lại. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới.

II. Đọc – Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm văn bản nghị luận văn học “Sức hấp dẫn của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*”; đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “ Hai vạn dặm dưới đáy biển, nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả Lê Phương Liên

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chặt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và Bản thuyết trình thảo luận nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP Bước 1. GV yêu cầu HS đọc phần (1) và trả lời các câu hỏi: (1) Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản) (2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (Thể hiện khái quát vấn đề nghị luận) (3) Mục đích của văn bản là gì? (4) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2. + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3. + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản a. Vấn đề nghị luận: Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i> . b. Mục đích của văn bản: Giúp người đọc hiểu thêm về các nhân vật, lối viết độc đáo của truyện. Đặc biệt, đó là thông điệp mà tác giả muốn truyền tải đến người đọc qua các tình huống truyện được dựng lên Từ đó người đọc thấy được sự hấp dẫn của tác phẩm c. Phương pháp nghị luận: để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến. <u>GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy</u>

Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm (gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng - Chia nhóm lớp. - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 + Nhóm 1: Tìm hiểu phần 1	2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng * Ý kiến 1. Giới thiệu tác phẩm - Đặc sắc của tác phẩm: có nhiều yếu tố kì lạ và có tính nhân văn. - Tóm tắt: Câu chuyện về cuộc hành trình bất đắc dĩ của nhà nghiên cứu biển A-rôn-nác, Giáo sư Viện bảo tàng Pa-ri, cùng người cộng sự Công-xây và người thợ săn cá voi Nét Len sau khi đột nhiên bị rơi vào con tàu No-ti-lốt

+ Nhóm 2: Tìm hiểu phần 2 + Nhóm 3: Tìm hiểu phần 3 + Nhóm 4: Tìm hiểu phần 4 - Thời gian: 10 phút (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì? B2. HS làm việc theo nhóm – sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả B3.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: <u>GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức</u>	kì lạ. => Phần mở đầu cung cấp cho người đọc những thông tin cơ bản nhất của tác phẩm <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>. * Ý kiến 2. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc - Con người luôn luôn muốn tiến ra biển, muốn làm chủ biển cả và muốn chiếm lĩnh trọn vẹn tất cả các đại dương + Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i> là một con người bí ẩn gần như huyền thoại, chính là hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả Véc – nơ + Thuyền trưởng Nê-mô là một con người vừa có trí tuệ, vừa có tính phiêu lưu, mạo hiểm. + Đọc <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>, người đọc được chia sẻ khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh với nhân vật tự sự, Giáo sư A -rôn-nác, có lẽ cũng chính là hiện thân của tác giả. =>Tác giả xây dựng được những nhân vật mang những tính cách, hành động riêng biệt, có cá tính riêng, tạo sự thu hút, hấp dẫn cho tác phẩm. * Ý kiến 3. Sự sáng tạo của Véc-nơ trong tác phẩm - Véc-nơ đã ghi dấu ấn vào lịch sử văn học thế giới chính là ở những sáng tạo mang tính khoa học viễn tưởng + Những máy móc công nghệ hiện đại. + Những dự cảm về không gian tận đáy biển xa xôi, nơi con người chưa đặt chân đến. => Véc-nơ có vốn hiểu biết sâu rộng về địa lí thế giới, am hiểu cặn kẽ về kiến thức vật lí, toán học, sinh học, lịch sử, tự nhiên và xã hội... Chính những điều này đã tạo nên thành công cho tác phẩm của ông. - Đặc sắc trong tác phẩm: + Một lối kể chuyện hấp dẫn. + Tình huống bất ngờ, nghẹt thở, đầy kịch tính. + Giọng văn hài hước, dí dỏm, chan chứa tình cảm yêu thương con người. => Tạo nên sức hấp dẫn trong mọi thời đại của tác phẩm. - Giá trị nhân văn + Ca ngợi sức mạnh của con người. + Thể hiện sự hòa đồng giữa con người với biển cả: con người cần biển cả, yêu biển cả, hiểu về biển cả hơn như tìm hiểu bản thân mình. + Thể hiện tình cảm giữa con người với con người. => Tác phẩm mang những giá trị nhân văn sâu sắc, có giá trị mọi thời đại.

	* Ý kiến 4. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới - Nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng. - Thể hiện khát vọng chinh phục thế giới.

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

Hoạt động của GV -HS	Dự kiến kết quả
HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP B1(1) HS làm việc cặp đôi (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về văn bản <i>Bạch Tuộc</i> (trích tiểu thuyết <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>) đã học ở Bài 3? B2.HS chia sẻ phần ý kiến của mình với bạn bên dưới B3.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn? B4.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:	3. Giá trị nhận thức Văn bản này giúp ta hiểu thêm về văn bản <i>Bạch tuộc</i> nó không chỉ là một câu chuyện phiêu lưu, mạo hiểm, mang lại cho ta những cảm xúc nhất thời, hơn hết nó mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc thể hiện khao khát muốn tìm hiểu, muốn sống chung với biển cả của nhân loại.

III. Tổng kết

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1. GV đặt câu hỏi 1. Rút ra nội dung và ý nghĩa của văn bản? 2. Nhận xét về nghệ thuật văn bản Bước 2. + HS tiếp nhận nhiệm vụ. + HS trả lời từng câu hỏi Bước 3. + HS trình bày + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	III. Tổng kết 1. Nội dung - Văn bản cho người đọc hiểu hơn về nội dung, nhân vật, sự sáng tạo trong tác phẩm <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i>. Qua đó, người đọc cũng hiểu rõ hơn về tác giả và vị trí của ông trên diễn đàn văn học thế giới. 2. Nghệ thuật <i>Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.</i> - <i>Bố cục mạnh mẽ, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.</i> 3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học - Xác định vấn đề nghị luận - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì? - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào? - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu

	thêm về văn bản được phân tích và 6 chính văn bản nghị luận này.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS: Hãy viết đoạn văn (từ 5 – 7 dòng) về nhân vật thuyền trưởng Nê-mô, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài thực hiện viết bài.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời HS đọc bài, chấm chữa.

- GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS, nhận xét, rút kinh nghiệm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về sức hấp dẫn của một tác phẩm mà em đã học

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

HS tự chọn ngữ liệu, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV giao nhiệm vụ kiểm tra ở tiết học sau.

HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV kiểm tra vào tiết học hôm sau.

Dặn dò: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc phần định hướng, chuẩn bị trước bài “Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật”

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 7

Bài 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

TÊN TIẾT DẠY: VIẾT: VIẾT BÀI PHÂN TÍCH VỀ ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT

Môn: Ngữ văn

Thời gian thực hiện:

I. MỤC TIÊU:

1. Về năng lực

* **Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

* **Năng lực đặc thù**

- Dùng lời văn của bản thân để viết bài phân tích đặc điểm của một nhân vật trong tác phẩm văn học (đã học, đã đọc, đã nghe) đầy đủ bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.
- Hiểu được các chi tiết, đặc điểm về nguồn gốc, gia đình, tính cách, con người và số phận hoặc tình huống... làm nên nét độc đáo, nổi bật của nhân vật, từ đó dùng lời văn của bản thân để phân tích, đánh giá về nhân vật văn học.
- Biết lựa chọn một số từ ngữ, cách đặt câu, tìm dẫn chứng, dùng lí lẽ để phân tích, đánh giá về nhân vật thông qua các đặc điểm đã được tác giả nói tới, kết hợp yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, biểu cảm theo cảm nhận của mình.
- Tập trung trọng tâm vào các đặc điểm của nhân vật để đưa ra cái nhìn toàn diện và sâu sắc nhất, qua đó thấy được nét riêng độc đáo trong hình tượng nhân vật được phân tích.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

+ Phiếu học tập số 1:

PHIẾU TRUYỆN

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Đọc lại văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” và xác định các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng theo các gợi ý sau:

VnTeach.Com

221

Ngoại hình:

Xây dựng thân:

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**1. Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: GV đưa ra câu hỏi phát vấn: Trong các tác phẩm văn học đã đọc, học hay nghe kể lại em thích nhất là nhân vật nào? Điều gì về nhân vật khiến em ấn tượng và yêu thích nhân vật ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận

→GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Khi đọc một tác phẩm tự sự nào đó chắc hẳn mỗi chúng ta sẽ đều yêu thích, ấn tượng hoặc thậm trí có tình cảm rất sâu sắc đối với một nhân vật được tác giả xây dựng trong tác phẩm. Và hình ảnh của nhân vật ấy sống mãi trong lòng bạn đọc là nhờ tài năng của tác giả đã tạo ra những đặc điểm riêng biệt ấn tượng để nhân vật ấy có nét riêng khác biệt với các nhân vật khác. Vậy đặc điểm của nhân vật có ảnh hưởng như thế nào tới cách nhìn của người đọc về nhân vật ấy? Khi viết một bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật văn học ta cần khai thác các đặc điểm của nhân vật đã được xây dựng ra sao? Để trả lời câu hỏi đó tiết học này cô và các em cùng củng cố và phát triển kĩ năng viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học.

- b. *Nội dung*: GV phát phiếu học tập số 1, HS trả lời vào phiếu học tập.
 c. *Sản phẩm*: Phiếu học tập của học sinh
 d. *Tổ chức thực hiện*:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Định hướng

a. *Mục tiêu*:

HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài văn phân tích đặc điểm nhân vật:

- Dùng lời văn của mình.
- Biết cách lựa chọn từ ngữ, cách đặt câu; biết sử dụng dẫn chứng, lí lẽ để làm sáng tỏ vấn đề, biết đánh giá, nhận xét nhân vật dựa vào các đặc điểm mà tác giả đưa ra trong tác phẩm, thêm các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm để bài viết chặt chẽ, giàu cảm xúc hơn.

b. *Nội dung*:

- GV sử dụng KT động não để hỏi HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề.

- HS trả lời

c. *Sản phẩm*: Các câu trả lời của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi

Với đề bài: “Viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học” thì:

1. Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?
2. Khi viết bài phân tích đặc điểm nhân vật chúng ta cần lưu ý những điều gì? Cần dựa vào đâu để phân tích?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- HS dựa vào các gợi ý từ SGK để trả lời câu hỏi
- Trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung.

GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.

I. ĐỊNH HƯỚNG

1. Đề bài:

Viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học.

2. Các yêu cầu

- Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả, nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của nhân vật trong tác phẩm như: lai lịch, hình dáng, tính cách, những suy nghĩ, lời nói, việc làm...
- Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm văn học và đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó.
- Ghi chép những đặc điểm của nhân vật đã được nói đến trong tác phẩm. Đưa ra đánh giá, suy nghĩ về nhân vật dựa trên những đặc điểm đó.
- Lập dàn ý và viết bài phân tích đặc điểm của nhân vật theo dàn ý đã lập.

- Kết nối với đề mục: Thực hành viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Trích tiểu thuyết “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn giời)	
Hoạt động 2: Thực hành a. Mục tiêu: Giúp HS - Biết viết bài theo các bước. - Tập trung vào các đặc điểm nổi bật làm nên số phận của nhân vật - Lựa chọn một số từ ngữ để viết câu, viết đoạn, sử dụng dẫn chứng, lí lẽ hợp lí đưa ra các nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách khách quan; bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm và tìm ý, lập dàn ý. b. Nội dung: - GV sử dụng phiếu học tập số 1, yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ trong phiếu. - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời độc lập vào phiếu được phát. c. Sản phẩm: - Câu trả lời của học sinh. - Phiếu học tập đã làm của HS. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi 1. Yêu cầu HS đọc lại văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” của Đoàn Giỏi, tìm các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng và thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 1. 2. Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý. 3. Sửa lại bài sau khi đã viết xong? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn học sinh đọc lại văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” của Đoàn Giỏi để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý. - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. - Sửa bài cho học sinh. Học sinh: - Hoàn thiện phiếu học tập số 1. - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.	II. THỰC HÀNH Đề bài: <i>Viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Trích tiểu thuyết “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn giời).</i> 1. Chuẩn bị Hoàn thiện phiếu học tập số 1 2. Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi: - Đặc điểm của nhân vật Võ Tòng được khắc họa từ những đặc điểm nào? (Chỉ rõ qua các từ ngữ trong văn bản) - Qua các đặc điểm ấy em thấy nhân vật Võ Tòng được khắc họa như thế nào? - Nhân vật Võ Tòng để lại trong em những ấn tượng, tình cảm và suy nghĩ gì về con người Nam Bộ? b) Lập dàn ý - Mở bài: Giới khái quát về nhân vật Võ Tòng, tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn trích được khai thác. - Thân bài: Phân tích và làm sáng tỏ nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. - HS: + Trình bày sản phẩm của mình. + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.	+ Lai lịch: Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu. + Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thăm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao;... + Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ phá hoại gia đình mình, chỉ ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú;... + Hành động và việc làm: - Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng. -Kết bài - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là một con người như thế nào?) - Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay 3. Viết bài - Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau: + Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài + Viết đoạn văn phân tích một đặc điểm nào đó của nhân vật Võ Tòng + Viết đoạn văn phân tích toàn bộ các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng 4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại bài viết.
Hoạt động 3: Trả bài <i>a. Mục tiêu:</i> Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. <i>b. Nội dung:</i> - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. <i>c. Sản phẩm:</i> Bài của học sinh đã chữa. <i>d. Tổ chức thực hiện:</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	III. TRẢ BÀI

- GV giao nhiệm vụ. - HS làm việc theo nhóm. Bước 3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.	
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. <i>Mục tiêu:</i> Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể. b. <i>Nội dung:</i> HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao. c. <i>Sản phẩm:</i> Bài làm của học sinh. d. <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS. Bài tập: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS: - Dựa vào các bước trong cách làm viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật văn học. - Chú ý chuỗi sự kiện (mở đầu, phát triển, kết thúc), tìm các ý, lập dàn ý cho bài văn. HS: Tìm các chi tiết, đặc điểm của nhân vật Dế Mèn qua đó đưa ra nhận xét, đánh giá về nhân vật. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình. - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét.	Đề bài: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài) 1. Bước 1: Chuẩn bị - Xem lại nội dung văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” - Chú ý các đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích 2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý - HS tìm ý: - <i>Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba đoạn gồm:</i> + Mở bài: Nêu tên nhân vật, tác giả, tác phẩm và đoạn trích. + Thân đoạn: a. Vẻ đẹp ngoại hình của Dế Mèn – Vẻ đẹp mạnh mẽ: bóng hơn, vuốt sắc, đầu nổi, răng đen tuyền. – Cử chỉ, vóc dáng: khuyu chân, đập phanh, toàn thân run khi đi, vuốt râu nghiêm nghị, nghiêm nghị. => Vẻ đẹp khỏe khoắn, trẻ trung, tràn đầy sức sống của chú dế mèn. b. Tính cách và thái độ của Dế Choắt – Kiêu căng, tự phụ, không quan tâm đến người khác: mắng Dế Choắt.

	– Cừ chỉ đặc ý, tự hào: phớt lờ Dế Choắt khi đòi đào tổ. – Coi thường người khác, xúc nổi: coi thường những người yếu đuối, vất vả mà sống không nổi. – Ngông cuồng, đại dốt: trêu ghẹo chị Cốc. c. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn – Khoe với Dế Choắt là muốn trêu ghẹo chị Cốc, nhưng sau đó nó lên vào hang ẩn náu, chỉ sau khi chị Cốc bay đi mới dám ra khỏi hang. – Vô cùng ân hận khi Dế Choắt lại phải chịu những trò đùa của mình. – Trước cái chết thương tâm của Dế Mèn, em đã hiểu ra bài học không nên hiếu thắng, phải suy nghĩ trước khi hành động kéo mang họa vào thân. - Nhận xét về nhân vật Dế Mèn: Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm đã phân tích về Dế Mèn. + Kết đoạn: Đánh giá ý nghĩa của nhân vật Dế Mèn, rút ra bài học nhận thức trong cuộc sống 3. Bước 3: Viết Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn hoàn chỉnh phân tích đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài).
Nhiệm vụ 2: Trả bài Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài văn theo phiếu đánh giá gợi ý Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. +HS tự sửa lại bài văn để hoàn chỉnh theo yêu cầu. +Tự kiểm tra lại bài văn của mình theo gợi ý của GV.	4. Bước 4: Trả bài (Kiểm tra, chỉnh sửa đoạn văn)
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. <i>Mục tiêu:</i> Phát triển năng lực phân tích, đánh giá về một nhân vật văn học trong chương trình sách giáo khoa đã được học. b. <i>Nội dung:</i> Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ. c. <i>Sản phẩm:</i> Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).	

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy phân tích đặc điểm về một nhân vật văn học mà em yêu thích trong chương trình sách giáo khoa đã được học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.

*** Hướng dẫn tự học ở nhà:** Học bài cũ, làm bài tập, chuẩn bị bài “Nói và nghe”.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 7**Bài 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC****TÊN TIẾT DẠY: NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

Môn: Ngữ văn

Thời gian thực hiện:

I. MỤC TIÊU:**1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù**

- HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe thảo luận nhóm về một vấn đề đã được học.
- Có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.
- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

3. Về phẩm chất:

- Tự tin thể hiện bản thân
- Biết lắng nghe

II. Thiết bị và học liệu**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.**III. Tiến trình dạy học****1. Hoạt động 1: Khởi động****a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập****Yêu cầu:** Nhắc lại những kiến thức thảo luận nhóm về một vấn đề đã được định hướng ở bài 3 (Trang 77)**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.****Gợi ý:**

- Thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là dùng hình thức nói (thuyết trình) để trao đổi, tranh luận về một vấn đề nào đó còn có ý kiến chưa thống nhất. Mục đích thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt của các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.
- Để thực hiện thảo luận nhóm về một vấn đề, các em cần chú ý:
 - Lựa chọn được vấn đề gây tranh cãi (chưa thống nhất).
 - Xác định các điểm đã thống nhất và các điểm còn khác biệt.

- Chuẩn bị ý kiến của cá nhân về các điểm chưa thống nhất.
- Chú ý đến thái độ, cử chỉ khi phát biểu, thảo luận.
- HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kỹ thuật trình bày 01 phút).

Bước 4: Kết luận, nhận định. GV dẫn dắt vào nội dung tiết học.

Cuộc sống của chúng ta đôi khi trong một cuộc thảo luận nhóm sẽ xảy ra tranh luận, mâu thuẫn về một vấn đề nào đó. Thế nên, trước những vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên suy nghĩ, nhận xét; sử dụng lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ, đồng thời phải đưa ra được sự thống nhất trong nhóm khi tham gia thảo luận. Tiết học hôm nay sẽ tiếp tục giúp các em biết cách để thảo luận nhóm về một vấn đề.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành

Hoạt động 1: Thực hành nói và nghe

Đề bài: Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Em sẽ nêu ý kiến như thế nào trong buổi thảo luận nhóm?

TRƯỚC KHI NÓI

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kỹ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

?Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Bài nói nhằm mục đích gì?
- Người nghe là ai?
- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?
- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?

I. Trước khi nói

1. Chuẩn bị nội dung nói

- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).
- Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* ở Bài 1 và các yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng đã nêu ở phần *Viết*.
- Tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau giữa kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật.
- Xác định các điểm thống nhất và các điểm còn gây tranh cãi.
- Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.
- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với phần trình bày bài nói.
- Bổ sung tranh ảnh, video,... (nếu cần):

? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình? - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: HS báo cáo kết quả và	2. Tìm ý, lập dàn ý *Tìm ý: Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp: + Tìm ý cho bài nói qua việc đặt và trả lời các câu hỏi sau: Kể lại câu chuyện về nhân vật là thế nào? => Kể lại câu chuyện là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến câu chuyện đã xảy ra, đồng thời không cần nhận xét về nhân vật. => Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như về: lai lịch, hình dáng, suy nghĩ, lời nói, việc làm... Qua các đặc điểm của nhân vật ta có thể thấy nêu lên nhận xét của người viết về nhân vật ấy. => Giống nhau ở chỗ: Đều dựa vào các sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong văn bản để khai thác, sử dụng vào bài nói. => Khác nhau ở chỗ: + Kể lại: cần khách quan. Không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại. Kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự + Phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói. Phân tích thuộc kiểu văn bản nghị luận. - Khi phân tích đặc điểm nhân vật ta chỉ nên lựa chọn những chi tiết liên quan tới nhân vật ấy trong tác phẩm, không sử dụng các chi tiết không liên quan tới nhân vật. -Không nên liệt kê và kể lại toàn bộ câu chuyện theo

thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Em hãy tự tập luyện bằng cách: - Đứng trước gương để tập trình bày bài nói. - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt.... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói. -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.	các sự kiện đã có, chỉ chọn lọc những đặc điểm để làm nổi bật nhân vật được phân tích. - Khi kể lại ta không nên liệt kê các đặc điểm của nhân vật mà cần bám sát vào các sự kiện, sự việc đã được tác giả xây dựng. *Lập dàn ý: Mở bài: Nêu vấn đề: Việc kể lại câu chuyện về Võ Tòng và phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> có gì giống nhau và khác nhau? -Khẳng định ý kiến phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy là chưa chính xác. Thân bài: -Nêu tóm tắt yêu cầu của việc kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng: +Kể lại câu chuyện là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến câu chuyện đã xảy ra, đồng thời không cần nhận xét về nhân vật Võ Tòng. - Ví dụ: Khi kể lại đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” ta cần bám sát vào diễn biến câu chuyện theo trình tự hợp lí đã được tác giả xây dựng: - Kể lại việc tía nuôi dắt An đi thăm chú Võ Tòng tại nhà của chú. - Quá khứ của chú Võ Tòng. -Cuộc sống hiện tại của nhân vật Võ Tòng. +Phân tích đặc điểm nhân vật: là giới thiệu mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, việc là,... - Nêu nhận xét của người viết về nhân vật Võ Tòng: <i>Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc. Là người đàn ông khỏe mạnh, tính tình ngay thẳng, gan dạ và rất tự trọng...</i>

+ Chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai yêu cầu trên.

Giống nhau	Đều dựa vào sự việc và chi tiết về nhân vật Võ Tòng trong văn bản
Khác nhau	- Kể lại câu chuyện cần khách quan, không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại. - Phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói. - Kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự còn phân tích nhân vật thuộc kiểu văn bản nghị luận

Kết bài:

- Khẳng định lại những điểm giống và khác nhau giữa kể chuyện và phân tích nhân vật.

3. Tự luyện tập và trình bày

+ Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)

+ Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày.

4. Kiểm tra, chỉnh sửa.

* Bảng tự kiểm tra bài nói:

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
Giới thiệu được vấn đề: Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Khẳng định quan điểm cá nhân.	
Em đã trình bày lần lượt: các lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề	

	Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề. Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày.	
THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE a. Mục tiêu: N1- GQVĐ: Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong. c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS. d. Tổ chức thực hiện.		
Bước 1: GV giao nhiệm vụ:Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn -HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. Lưu ý: - GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2)	II. Thực hành nói và nghe	
TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI a. Mục tiêu: N1- GQVĐ - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói. - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.		

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

c. Sản phẩm: Phiếu đánh giá bài nói .**d. Tổ chức thực hiện.***** Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nói gắn với các tiêu chí.

*** GV đặt thêm câu hỏi:**

+ Với người nghe: *Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*

+ Với người nói: *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*

-HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công***** Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn.
- Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.

*** Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.****III. Đánh giá, thảo luận**

*** Bảng kiểm tra bài nói của bạn: Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)**

*** Bảng tự kiểm tra kỹ năng nghe:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn	
-Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn.	
-Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến.	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ

NHÓM.....

TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Giới thiệu được vấn đề trong tác phẩm tự chọn	Chưa có vấn đề để nói	Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa gắn với vấn đề được đưa ra.	Giới thiệu ngắn gọn về yêu cầu của đề đưa ra và khẳng định được quan điểm cá nhân
2. Vấn đề đưa ra thảo luận có nhiều ý kiến chưa thống nhất	Nội dung sơ sài, chưa có lí lẽ, dẫn chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề	Có lí lẽ, dẫn chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề nhưng chưa hấp dẫn.	Lí lẽ sâu sắc, dẫn chứng phong phú, hấp dẫn, thuyết phục người nghe.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động thuyết trình	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động thuyết trình	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động thuyết trình
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng.
Tổng:/10 điểm			

Bài nói tham khảo:

Đề bài: Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Ý kiến của em thế nào? Hãy thảo luận nhóm về vấn đề đã nêu.

Chào hỏi, giới thiệu vấn đề bài nói:

Xin chào các bạn, tôi là... học sinh lớp ...Hôm nay tôi ở đây để trình bày ý kiến của mình về nhận định sau. Có người cho rằng: Phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Theo ý kiến của cá nhân tôi thì ý kiến này chưa hoàn toàn chính xác. Thứ nhất chúng ta cần hiểu thế nào là kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật. Kể lại câu chuyện về nhân vật là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến của câu chuyện đó, không cần nêu nhận xét về nhân vật, kể

lại thuộc kiểu văn bản tự sự. Còn phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, việc làm,... và nêu nhận xét của người viết về nhân vật đó, phân tích nhân vật thuộc kiểu văn bản nghị luận

Như vậy khi kể lại câu chuyện về nhân vật Võ Tòng, chúng ta chỉ cần kể lại diễn biến câu chuyện đó từ việc ông Hai đến thăm Võ Tòng, câu chuyện về quá khứ đáng thương của anh và cuộc sống cô độc hiện tại của anh ở căn lều giữa rừng U Minh. Còn khi phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng chúng ta cần chỉ ra lai lịch, xuất thân, hoàn cảnh số phận, tính cách và phẩm chất của Võ Tòng. Để từ đó trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật này.

Như vậy chúng ta có thể khẳng định ý kiến trên chưa thật sự đầy đủ. Mặc dù khi kể lại nhân vật hay phân tích nhân vật chúng ta đều cần dựa vào những sự việc và chi tiết cụ thể về nhân vật Võ Tòng ở trong văn bản. Tuy nhiên khi kể lại câu chuyện cần khách quan, không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại. Còn khi phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói.

Trên đây là những ý kiến và suy nghĩ của tôi về vấn đề đầu bài đặt ra. Rất mong sẽ nhận được những đóng góp của thầy cô và các bạn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

2. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

4. Tổ chức thực hiện

*** Nhiệm vụ: Đọc bài viết “ VỀ BÀI THƠ ÔNG ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN”**

(SGK/ 98) và trả lời các câu hỏi.

Đáp án:

1	2	3	4	5	6	7	8	9
C	B	D	B	A	C	B	D	C

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Đọc bài viết “ VỀ BÀI THƠ ÔNG ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN”

(SGK/ 98) và trả lời các câu hỏi .

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

-Tổ chức báo cáo sản phẩm trên lớp.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**1. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài tập.

2. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

3. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.**4. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập về nhà)

Bài tập: Có ý kiến cho rằng bài thơ “ Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh chủ yếu nói lên tình yêu quê hương đất nước của tác giả. Em sẽ nêu ý kiến như thế nào trong buổi thảo luận nhóm?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận vào buổi chiều hoặc tiết học sau.
- HS khác nhận xét, góp ý.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

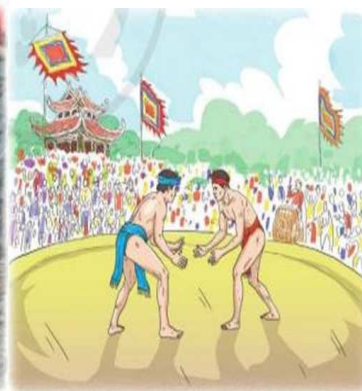
- Tìm đọc một số bài phân tích các văn bản *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê), *Búp sen xanh* (Sơn Tùng), *Bố của Xi-mông* (Mô-pa-xăng), *Mẹ* (Đỗ Trung Lai), *Ông đồ* (Vũ Đình Liên), *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh), *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (Véc-nơ), *Người về từ Sao Hoả* (Uya),...
- Đọc một số bài nghị luận văn học và ghi lại những đoạn văn mà trong đó, tác giả phân tích cái hay, cái đẹp của các tác phẩm văn học.
- Thử làm một video quay lại bài nói của mình và trao đổi với các bạn trong lớp.
- Hệ thống hoá kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy.
- Chuẩn bị bài 5 : Văn bản thông tin

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI 5- DỰ ÁN GIÁO ÁN
MIỄN PHÍ 2022
BỘ SGK CÁNH DIỀU**

BÀI	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	SĐT	CÔNG VIỆC
	1. Vũ Thị Ánh Tuyết	THCS Tô Hiệu- Lê Chân- Hải	0989400778	

Bài 5	(1977)	Phòng		Thực hành TV
	2. Đỗ Thị Quyên (Nhóm trưởng) (1979)	THCS Chu Văn An- Ngô Quyền- Hải Phòng	0936811264	ĐHVB: Ca Huế
	3. Lê Minh Hiếu (1980)	Trường THCS Bạch Đằng, Hồng Bàng, Hải Phòng	0338159576	ĐHVB: Hội thi thổi cơm
	4. Lê Thị Hồng Hoa (1989)	Trường THCS Lý Tự Trọng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0973479759	THĐH: Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang
	5. Vũ Thị Minh Hạnh	Trường THCS Lý Tự Trọng. Địa chỉ: quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0963268438	Viết: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi
	6. Bùi Thị Mai	THCS Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ	0948309565	Nói và nghe: Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi

BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;
- Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa....) của văn bản giới thiệu quy tắc luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

2. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- *Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề*: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

1.2. Năng lực chung

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

1.3. Phẩm chất

Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

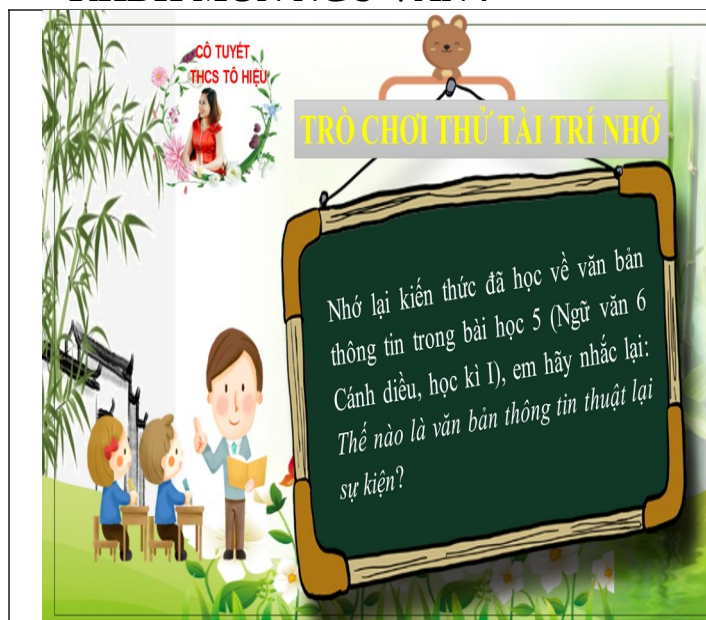
- SGK, SGV
- Tranh, ảnh liên quan đến bài học.
- Máy tính, ti vi.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về văn bản thông tin kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Thử tài trí nhớ” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Câu hỏi này nhằm tạo không khí và dẫn dắt hs vào bài học.



Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Thủ tài trí nhớ”

Học sinh trả lời câu hỏi và điền kiến thức vào bảng trống

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh chơi trò chơi “Ô cửa bí mật”.
- Trả lời câu hỏi trong ô cửa mình chọn.

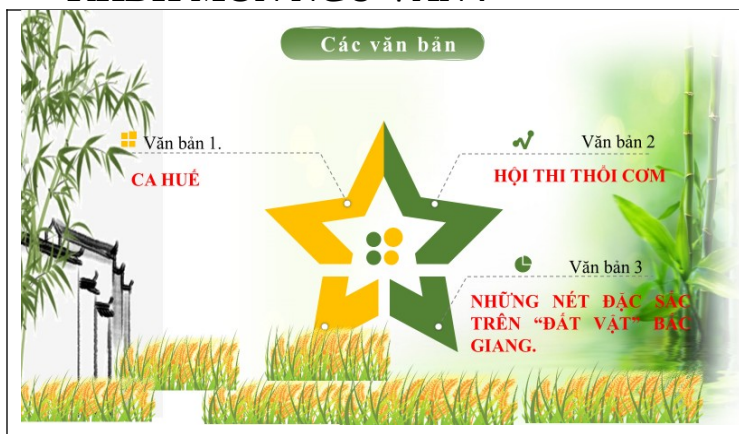
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV nhận xét và giới thiệu bài học:

Sản phẩm dự kiến





Văn bản thông tin	
Từ khóa	Biểu hiện
Văn bản thông tin	Văn bản thông tin là văn bản có mục đích chuyển tải thông tin một cách tin cậy, xác thực.
Sa-pô	Sa-pô là đoạn văn ngắn nằm ngay dưới nhan đề văn bản nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và tạo sự lôi cuốn đối với người đọc.
Nhan đề	Nhan đề là tên của văn bản thể hiện nội dung chính của văn bản.
Đề mục	Đề mục là tên của một chương, mục, hoặc phần của văn bản. Đề mục giúp cho bố cục văn bản mạch lạc và dễ tiếp nhận. Dưới mỗi đề mục là một hoặc vài đoạn văn tạo thành bộ phận của văn bản.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu:

- Đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;
- Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa....) của văn bản giới thiệu quy tắc luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng phiếu bài tập, hoạt động nhóm, cá nhân.

K (Những điều em đã biết)	W (Những điều em muốn biết thêm)	L (Những điều em đã học được)

Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ: Trình bày sản phẩm cá nhân đã chuẩn bị trước ở nhà.

Sản phẩm dự kiến

I. Kiến thức ngữ văn



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc phần kiến thức ngữ văn, văn bản
- Trình bày sản phẩm, phiếu bài tập (đã chuẩn bị ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

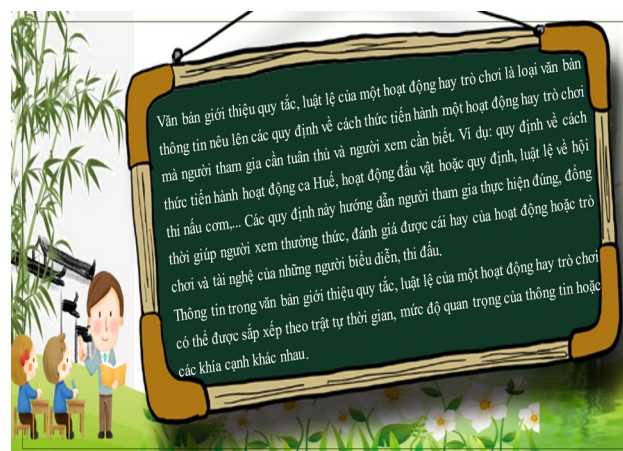
- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.



3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về văn bản thông tin.

b. Nội dung:

Học sinh làm tập mở rộng.



Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi: “Giải cứu rừng xanh” *Luật chơi: Ngôi rừng của chúng ta đang bị những kẻ xấu tấn công. Chúng bắt các loài động vật giam cầm trong cũi sắt. Các em hãy giải cứu rừng xanh bằng cách trả lời các câu hỏi nhé! Mỗi đáp án đúng sẽ giải cứu một con vật đáng thương đang bị nhốt trong cũi. ✓ Mỗi em đều được xung phong. ✓ GV đọc câu hỏi, ai có câu trả lời sẽ giơ tay, bạn nào nhanh nhất sẽ được gọi. . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ + Suy nghĩ cá nhân và giơ tay. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)	II. Luyện tập

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:
 - + Kết quả làm việc của học sinh.
 - + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập mở rộng bằng trò chơi.



Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi: “Làm thẻ thông tin” *Luật chơi: Phương pháp làm thẻ thông tin đã được giới thiệu lớp 6. Em hãy làm thẻ thông tin ghi lại các từ khóa liên quan đến văn bản thông tin, ở cuối mỗi thẻ, để 3 ô vuông nhỏ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV:	

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân
- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:
 - + Kết quả làm việc của học sinh.
 - + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.

Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Văn bản 1: CA HUẾ

Thời lượng: 3 tiết



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;

- Mỗi quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa....) của văn bản giới thiệu quy tắc luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

2. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- *Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề*: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

1.2. Năng lực chung

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

1.3. Phẩm chất

Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV
- Tranh, ảnh liên quan đến bài học.
- Máy tính, ti vi.
- Phiếu học tập.

- III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về ca Huế kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Ô cửa bí mật” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Câu hỏi này nhằm tạo không khí và dẫn dắt hs vào bài học.



Ô CỬA BÍ MẬT

1
2
3
4

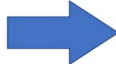
1

2

3

4

KEY: Đây là một thành phố?



Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Ô cửa bí mật”

Luật chơi:

Tinh thần xung phong

- Có bốn ô cửa tương ứng với 4 câu hỏi; trả lời đúng câu hỏi được 10 điểm và một mảnh ghép sẽ được mở.
- Sau bốn câu hỏi được trả lời sẽ mở ra bức tranh của từ khóa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh chơi trò chơi “Ô cửa bí mật”.
- Trả lời câu hỏi trong ô cửa mình chọn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV nhận xét và giới thiệu bài học:

Có người nói rằng nếu chưa nghe ca Huế trên sông Hương thì xem như chưa một lần đến Huế. Còn gì thú vị bằng khi du khách thả hồn du thuyền trên dòng sông Hương thơ mộng để thả hồn vào những điệu hò mê mông, những câu hát nam ai,

Sản phẩm dự kiến

**Ô số 1: Nơi nào thành quách dọc ngang,
Theo cha, Bác vượt gian nan học hành**

Đáp án: Huế

Ô số 2: Vì sao Huế được gọi là cố đô?

Đáp án: Huế được gọi là cố đô vì trước kia nơi đây là thủ phủ của các vị vua chúa triều Nguyễn (1687 - 1945).
Đầu tiên, Huế được chọn làm thủ đô dưới triều đại Tây Sơn khi vua Quang Trung tức Nguyễn Huệ lên ngôi trị vì. Đến năm 1802 khi Nguyễn Ánh tức vua Gia Long lên ngôi vẫn chọn thành Phú Xuân thuộc Huế ngày nay làm kinh đô cho nhà Nguyễn. Năm 1945 Huế chính thức không còn là thủ đô của Đảng Trong Việt Nam khi vua Bảo Đại - Vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn thoái vị.



Ô số 3: Huế có bao nhiêu di sản được UNESCO công nhận?

Tính đến thời điểm hiện tại Huế có tổng cộng 5 di sản được UNESCO công nhận. Các di sản gồm:

1. Quần thể Di tích cố đô Huế
2. Nhã nhạc cung đình Huế
3. Mộc bản triều Nguyễn
4. Châu bản triều Nguyễn
5. Thơ văn trên Kiến trúc cung đình Huế

nam bình sâu lắng...Ca Huế đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2015 và đang được xây dựng hồ sơ trình UNESCO đề nghị công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Vậy ca Huế có gì hấp dẫn, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.



2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu:

- Đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;
- Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa....) của văn bản giới thiệu quy tắc luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng phiếu bài tập, hoạt động nhóm, cá nhân.



HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

Tổ 1, 2: Tìm hiểu chung về văn bản (xuất xứ, thể loại, PTBD, bố cục) dựa trên gợi ý của phiếu bài tập 01

Tổ 3, 4: Cách trình bày của văn bản (nhan đề, sa pô, các tiểu mục, sự kết hợp kênh chữ và kênh hình,...) có tác dụng gì? (dựa trên gợi ý của phiếu bài tập 02)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01

1. Xuất xứ

2. Thể loại

3. PTBD

4. Bố cục

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Nội dung

Nhan đề

Tiểu mục

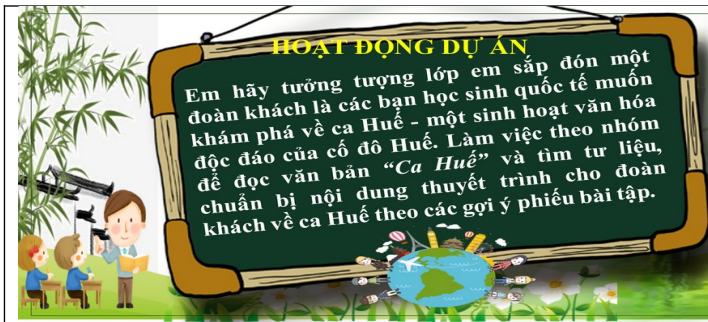
Kênh hình

Mục đích

I. Đọc- Tìm hiểu chung**Tổ chức thực hiện****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ: Trình bày sản phẩm hoạt động dự án của tổ đã chuẩn bị trước ở nhà.

Sản phẩm dự kiến**II. Đọc- Tìm hiểu chung****1. Đọc**



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc phần kiến thức ngữ văn, văn bản
- Trình bày sản phẩm, phiếu bài tập (đã chuẩn bị ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Trước đây, nghe ca Huế ở sông Hương là thú vui tao nhã của hoàng thân và quan chức trong cung đình Huế. Ngày nay, loại hình ca múa này đã được “bình dân hóa” để mọi du khách đến đây đều được thưởng thức ca Huế trên sông Hương và yêu Huế hơn. Những câu hát, điệu hò cùng giọng điệu Huế ngọt ngào và dễ thương làm say đắm lòng người, cho du khách cảm giác xao xuyến, buồn, vui đến lạ kỳ. Vậy cô trò chúng ta cùng đi vào tìm hiểu chi tiết để cùng khám phá hiểu biết về ca Huế qua văn bản.

CHÚ THÍCH

Cột A	Cột B
1. Hát cửa quyền	a. chỉ tầng lớp trên, được coi là cao sang trong xã hội
2. Diễn xướng	b. phòng nghe (thính nghe, phòng, gian phòng); như thính phòng: nhạc biểu diễn trong phạm vi không gian nhỏ, dễ phân biệt với nhạc giao hưởng, nhạc sáo khấu dành cho các không gian hoành tráng
3. Giới thượng lưu (từ cũ)	c. nơi trình bày các sáng tác dân gian bằng động tác, lời, âm thanh, nhịp điệu,...
4. Thính phòng	d. chỉ những người sành về sáng tác và thưởng thức về chương nghệ thuật
5. Môi trường diễn xướng	e. trình bày (biểu diễn) các tác phẩm dân gian bằng động tác, lời lẽ, âm thanh nhịp điệu.
6. Tao ngộ	g. gặp gỡ tình cờ
7. Tào nhân mặc khách	h. một hình thức của hát ca trò diễn trong cung vua, phủ chúa

2. Tìm hiểu chung



CÁCH TRÌNH BÀY VĂN BẢN

Nội dung	Văn bản thông tin này giới thiệu về hoạt động trình diễn ca Huế.
Nhan đề	Nhan đề “Ca Huế” ngắn gọn, trực tiếp đưa ra đối tượng chính của văn bản giúp người đọc nhanh chóng nắm bắt được chủ đề.
Tiêu mục	Văn bản được phân làm nhiều tiêu mục, mỗi tiêu mục diễn giải về một khía cạnh trong hoạt động ca Huế, bao gồm: nguồn gốc ca Huế, các quy tắc và phong cách trình diễn, sự bổ sung và sáng tạo của nghệ nhân, giá trị văn hóa của ca Huế. Cách triển khai từng ý một cách rõ ràng, mạch lạc giúp người đọc từng bước nắm được các đặc điểm chính của ca Huế.
Kênh hình	Hình ảnh ban nhạc ca Huế được đính kèm bài viết giúp người đọc có cái nhìn cụ thể và trực quan hơn về nội dung đã được giới thiệu trong văn bản.
Mục đích	Thông tin trong văn bản cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trình diễn ca Huế theo lối đơn giản, ngắn gọn, giúp đồng bào đối tượng người đọc có thể dễ dàng tiếp cận. Từ đó, văn bản có tác dụng hiệu quả trong việc lan tỏa hiểu biết về ca Huế - một di sản văn hóa của dân tộc.

II. Đọc- Tìm hiểu chi tiết

a. Mục tiêu

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

b. Nội dung

- Học sinh tìm hiểu mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; Thảo luận nhóm để nhận biết vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

Trò chơi: *Mảnh ghép hoàn hảo (áp dụng kĩ thuật Các mảnh ghép)*

Giai đoạn 1
Nhóm chuyên sâu

Giai đoạn 2
Nhóm mảnh ghép

1. Chia sẻ kiến thức vòng chuyên sâu.
2. Các thông tin trong văn bản có ý nghĩa thế nào đối với xã hội nói chung và với cá nhân em nói riêng

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

THINK PAIR SHARE

Thảo luận nhóm đôi

03:00

| | |
|-------|--|
| Think | - Học sinh thực hiện hoạt động cá nhân "Think": Câu văn nào trong văn bản đã khái quát được giá trị của hoạt động ca Huế? |
| Pair | - Học sinh thực hiện hoạt động cặp đôi "Pair": Trao đổi với bạn bè suy nghĩ của mình. |
| Share | - Học sinh trình bày cá nhân trước lớp hoạt động "Share": Chia sẻ những điều vừa trao đổi về câu văn trong văn bản đã khái quát được giá trị của hoạt động ca Huế trước lớp. |

Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ:
- + NV1: Trình bày nguồn gốc của ca Huế.(Kĩ thuật hỏi đáp)
- +NV 2: Các quy tắc và phong cách biểu diễn của ca Huế(Kĩ thuật mảnh ghép)
- Gv chia lớp thành 8 nhóm, mỗi nhóm từ 5-8 bạn. Thực hiện kĩ thuật mảnh ghép.
- +NV 3: Giá trị đã được công nhận của ca Huế(Kĩ thuật nhóm đôi)
- Gv chia lớp thành các nhóm 2 người nhóm thực hiện kĩ thuật nhóm đôi.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc phần kiến thức ngữ văn, văn bản
- Trình bày ý kiến cá nhân, sản phẩm nhóm thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, nhóm cử đại diện trình bày

Dự kiến sản phẩm

II. Đọc- Tìm hiểu chi tiết

1. Nguồn gốc ca Huế

Nguồn gốc của ca Huế có gì đặc biệt?

Ca Huế khởi nguồn từ hát cửa quyền trong cung vua phủ chúa, với hình thức diễn xướng mang tính bác học dành cho giới thượng lưu say mê nghệ thuật. Theo thời gian, lối hát thính phòng này dần được dân gian hóa để có điều kiện đến được với nhiều tầng lớp công chúng.

2. Các quy tắc và phong cách biểu diễn của ca Huế

*Những thông tin thể hiện quy tắc, luật lệ của ca Huế bao gồm:

- + Thông tin về môi trường diễn xướng
- + Thông tin về số người trình diễn
- + Thông tin về số lượng và các loại nhạc cụ.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

Ca Huế là một thể loại âm nhạc cổ truyền của xứ Huế, Việt Nam, bao gồm ca và đàn, ở nhiều phương diện khá gần gũi với hát đò, làm từ dòng nhạc dân gian bình dị và cung đình nhã nhạc, thanh cao. Ca Huế hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và dòng ca nhạc cung đình, nhã nhạc, trang trọng uy nghi nên có thần thái của ca nhạc thính phòng, thể hiện theo hai dòng lớn điệu Bắc và điệu Nam, với trên 60 tác phẩm thanh nhạc và khí nhạc. Thú nghe ca Huế tao nhã, đầy sức quyến rũ. Với kỹ thuật đàn và hát, ca Huế đặc biệt tinh tế nhưng ca Huế lại mang đậm sắc thái địa phương, phát sinh từ tiếng nói, giọng nói của người Huế nên gần gũi với Hò Huế, Lý Huế; là chiếc cầu nối giữa nhạc cung đình và âm nhạc dân gian

| Nội dung hoạt động | Quy tắc, luật lệ |
|---|--|
| Môi trường diễn xướng | Không gian hẹp, không có ánh mặt trời |
| Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế | Khoảng từ 8 đến 10 người |
| Số lượng người nghe ca Huế | Hạn chế |
| Số lượng nhạc công | Khoảng từ 5 đến 6 người |
| Số lượng nhạc cụ | 4 đến 6 loại |
| Phong cách biểu diễn | Biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách |

2. Các quy tắc và phong cách biểu diễn của ca Huế

- + Quan hệ giữa người biểu diễn và người thưởng thức: Trong phong cách truyền thống, người diễn và người nghe có quen biết hoặc biết tiếng về nhau, còn trong phong cách phục vụ du khách, người dẫn chương trình sẽ làm cầu nối giữa đôi bên.
- Điểm khác biệt giữa hai phong cách biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách
- Độ am hiểu của người thưởng thức: Trong phong cách truyền thống, người nghe am hiểu về ca Huế, còn trong phong cách phục vụ du khách, người nghe không cần có hiểu biết rõ ràng về ca Huế.
- Hoạt động đi kèm: Buổi biểu diễn truyền thống đi kèm hoạt động bình phẩm, đánh giá nghệ thuật, còn buổi biểu diễn phục vụ du khách đi kèm lời giới thiệu khái quát về ca Huế của người dẫn chương trình dành cho khán giả.

⇒ Thông tin trong văn bản cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trình diễn ca Huế theo lối đơn giản, ngắn gọn, giúp đông đảo đối tượng người đọc có thể dễ dàng tiếp cận. Từ đó, văn bản có tác dụng hiệu quả trong việc lan tỏa hiểu biết về ca Huế - một di sản văn hóa của dân tộc.

3. Giá trị đã được công nhận của ca Huế

Ca Huế là một Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.

III. TỔNG KẾT

a. Mục tiêu

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

b. Nội dung

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm bàn để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản...

- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.



| Tổ chức thực hiện | Dự kiến sản phẩm |
|---|--|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: <p>? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</p> <p>? Nội dung chính của văn bản “Ca Huế”?</p> <p>? Qua văn bản, em rút ra bài học gì giới thiệu về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS lên trình bày, nhóm cử đại diện trình bày - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng | <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin trong văn bản được Trình bày, sắp xếp theo trình tự: Từ khái quát đến cụ thể và theo thời gian, rõ ràng, chính xác - Văn bản đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của văn bản thông tin. - Nhan đề, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc.. <p>2. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trình diễn ca Huế theo lối đơn giản, ngắn gọn, giúp đông đảo đối tượng người đọc có thể dễ dàng tiếp cận. - Qua đó, văn bản có tác dụng hiệu quả trong việc lan tỏa hiểu biết về ca Huế - một di sản văn hóa của dân tộc và nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể này. <p>3. Khi giới thiệu về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi cần chú ý giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc của hoạt động hay trò chơi (nếu có) - Các qui tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi (thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia, các bước tiến hành trò chơi, hoạt động, các thử thách cần vượt qua, tiêu chí đánh giá.) |

nhóm.

- Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide

- Nêu ý nghĩa của hoạt động, trò chơi...

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về văn bản thông tin ca Huế.

b. Nội dung: Học sinh làm tập mở rộng.

THẢO LUẬN NHÓM ĐÔI

. Những dấu hiệu nhận biết loại văn bản thông tin về một quy tắc hay một luật lệ

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT



.....

.....

.....

.....



Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV phát phiếu bài tập- yêu cầu học sinh hoạt động nhóm đôi, làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó thống nhất và chia sẻ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo, đại diện chia sẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm đôi
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Dự kiến sản phẩm

III. Luyện tập

THẢO LUẬN NHÓM ĐÔI

. Những dấu hiệu nhận biết loại văn bản thông tin về một quy tắc hay một luật lệ

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT



Văn bản có các bước hướng dẫn và các đề mục rõ ràng, có hình ảnh minh họa cụ thể.

Văn bản trên giới thiệu những mẹo đọc liên quan đến hoạt động học tập.

Văn bản cung cấp thông tin bổ ích và được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.

Mục đích văn bản: hướng dẫn học sinh cách ghi chép khoa học để nắm bắt thông tin văn bản nhanh nhất.



4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài SGK và bài tập mở rộng bằng trò chơi.



Trò chơi
Thử tài phóng viên

Nhiệm vụ

Em hãy đi thu thập ý kiến của 03 người cảm nhận về ca Huế.
(yêu cầu: 3 ý kiến không trùng nhau)

→ Ghép những ý kiến và nhận xét ý kiến nào phù hợp nhất.

Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập sgk.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân trong 10 phút và trả lời câu hỏi sau:

Nhóm 1: Dựa vào các thông tin từ văn bản trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) tóm tắt những hiểu biết của em về ca Huế.

Nhóm 2: Hãy nêu một hoạt động ca nhạc truyền thống của quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hoạt động ca Huế.

Nhóm 3: Bên cạnh cái nôi dân ca Huế, em còn biết những vùng dân ca nổi tiếng nào của nước ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.

+ Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.

- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài,

Dự kiến sản phẩm



Vận dụng

Bắt nguồn từ một hình thức diễn xướng sang trọng trong cung đình, ca Huế dần chuyển hóa để gần gũi hơn với đời sống nhân dân. Ca Huế được biểu diễn trong không gian hẹp, không có ánh mặt trời với số lượng người nghe hạn chế. Ban nhạc gồm 8 đến 10 người, trong đó có 5 hoặc 6 nhạc công, chơi một trong các dàn nhạc cụ: tứ tỳ, ngũ tỳ hoặc lục nư. Hai phong cách: biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách phù hợp với những đối tượng người nghe khác nhau. Hiện ca Huế đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả.
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập mở rộng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi: “Thử tài phóng viên”

***Luật chơi:**

- ✓ Mỗi em đều được làm phóng viên.
- ✓ GV đọc câu hỏi, ai có câu trả lời sẽ giơ thẻ, bạn nào nhanh nhất sẽ được gọi.
- ✓ Người chiến thắng là HS có câu trả lời chính xác, nhanh, rõ.

***Nhiệm vụ: Em hãy đi thu thập ý kiến của 03 người cảm nhận về ca Huế.**

(yêu cầu: 3 ý kiến không trùng nhau)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ
- + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.
- **GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân
- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).



Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:
 - + Kết quả làm việc của học sinh.
 - + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

...

□□□□□□□□

BÀI 5:**Đọc – hiểu văn bản
HỘI THI THỐI CƠM****I. MỤC TIÊU****1. Về năng lực***** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà [2].
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản [3].

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cách trình bày, cách triển khai thông tin,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi. [4].
- Biết được quy tắc, luật lệ của Hội thi thối cơm ở một số địa phương, thấy được sự phong phú đa dạng trong cách tổ chức hội thi thối cơm [5].
- Biết giới thiệu, thuyết minh, giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi cả trong viết, nói và nghe. [6].

2. Về phẩm chất: Yêu quý, trân trọng truyền thống văn hoá của dân tộc.

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, qui tắc, yêu thích các hoạt động, các trò chơi lành mạnh giúp phát triển thể chất và tinh thần.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về Hội thi thối cơm
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')**

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát tranh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Quan sát video, viết tên các trò chơi, hội thi dân gian có video?



- Chiếu tranh

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan video, suy nghĩ cá nhân để viết câu trả lời ra phiếu học tập

GV hướng dẫn HS quan sát video.

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV Yêu cầu HS giơ phiếu học tập, 1 HS đọc câu trả lời đã làm trong phiếu học tập

HS Giơ phiếu học tập.

- 1 HS kể tên các trò chơi, hội thi dân gian có trong video

- Nhận xét câu trả lời của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em, chiếu đáp án

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Các em thân mến! Việt Nam là một đất nước giàu bản sắc văn hoá dân tộc. Bản sắc văn hoá dân tộc không chỉ được thể hiện ở phong tục tập quán, ở các làng nghề truyền thống ...mà còn được thể hiện qua các lễ hội, các trò chơi, các hội thi dân gian như: Đánh đu, đấu vật, đi cà kheo, tung còn, cờ người, nấu cơm... Mỗi một trò chơi, hội thi đều có phạm vi, cách chơi, luật chơi khác nhau. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về một trong những hội thi dân gian đó là “ Hội thi thổi cơm”.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114')

2.1 Đọc – hiểu văn bản (...')

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (...')

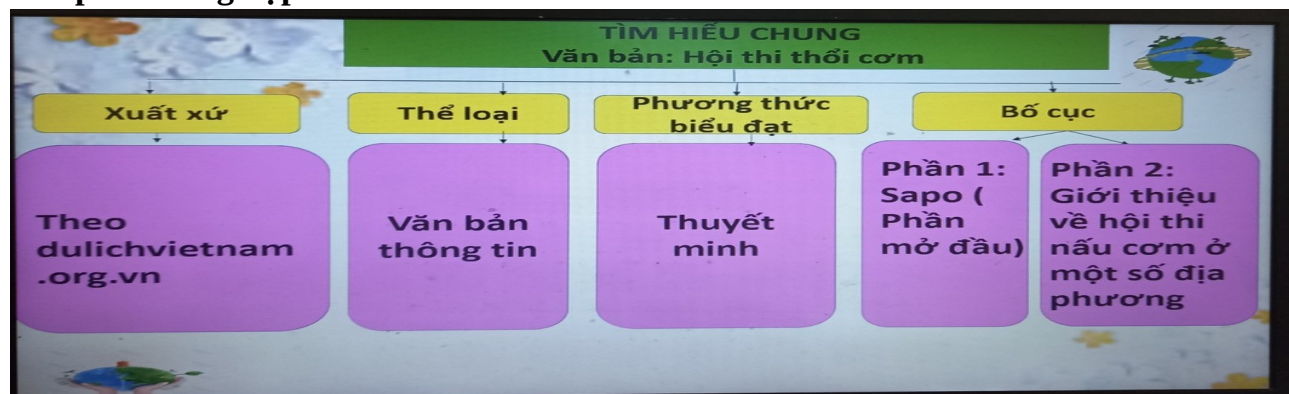
Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]

Nội dung:

| <p>GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung</p> <p>HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm</p> | |
|--|--|
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| <p>1. Đọc</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>a. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn đọc nhanh. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ). + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy. + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán. - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. <p>b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:</p> <p>? Văn bản “Hội thi thổi cơm” viết về nội dung gì?</p> <p>? Nêu xuất xứ của văn bản?</p> <p>? Văn bản thuộc thể loại gì?</p> <p>? Phương thức biểu đạt chính của văn bản?</p> <p>? Chỉ ra bố cục của văn bản Hội thi thổi cơm. Mỗi phần của văn bản cung cấp cho người đọc thông tin gì? Theo em, thông tin nào là quan trọng nhất? Vì sao?</p> <p>? Các thông tin trong văn bản được sắp xếp theo trật tự nào?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hướng dẫn HS cách đọc 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). <p>HS:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thái độ đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | <p>1. Đọc.</p> <p>2. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ:
Theo dulichvietnam.org.vn - Thể loại: Văn bản thông tin - PTBD chính: Thuyết minh - Bố cục: 2 phần + Phần 1: Sapo (phần mở đầu):
khái quát chủ đề văn bản + Phần 2: Giới thiệu về hội thi thổi cơm ở một số địa phương - Thông tin về thể lệ cuộc thi là quan trọng nhất vì nó cho người đọc thấy được cuộc thi sẽ diễn ra theo cách thức nào, đồng thời giúp nhận định được nét khác biệt trong hội thi của các địa phương. Có thể nói, đây chính là những thông tin làm nên giá trị của bài viết. - Thông tin được sắp xếp thành từng phần tương ứng với từng địa phương. Trong mỗi một phần ấy, thông tin lại chủ yếu được sắp xếp theo trình tự thời gian, tương ứng với từng giai đoạn của cuộc thi: từ khi bắt đầu cho tới lúc tìm ra đội thắng cuộc. - Cách sắp xếp thông tin như vậy |

giúp tái hiện toàn bộ quá trình cuộc thi như một thước phim tuần tự hiện ra trước mắt người đọc. Qua đó, người đọc dễ dàng nắm được thể lệ cũng như các giai đoạn trong cuộc thi.

Sản phẩm tổng hợp:



II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (...)

*. Nhan đề của văn bản

Mục tiêu: Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản

Nội dung:

GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản

HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Nhan đề của văn bản cung cấp thông tin gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo thảo luận

GV yêu cầu một vài HS trả lời

HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS

- Chốt nội dung (sản phẩm).

- Chuyển dẫn sang nội dung sau.

Nhan đề văn bản: “Hội thi thổi cơm”

Cung cấp thông tin về hội thi thổi cơm ở một số địa phương trên đất nước ta

1. Phần mở đầu (Sapo)

Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [5]

Nội dung:

GV sử dụng KT cặp đôi chia sẻ để tìm hiểu nội dung của phần Sapo

| | |
|---|---|
| HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi để trả lời câu hỏi | |
| <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
 ? Tại sao đoạn mở đầu lại in đậm? Nội dung chính của đoạn này là gì?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ
 HS Quan sát đoạn mở đầu, suy nghĩ, trao đổi, chia sẻ với bạn cùng bàn, cùng nhau thống nhất ý kiến</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận
 GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.
 HS: HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)
 GV:
 - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.
 - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.</p> | <p>- Đoạn mở đầu được in đậm vì đây là đoạn Sapô khái quát chủ đề, nội dung của văn bản, có vai trò thu hút sự chú ý của độc giả.</p> |
| 2. Hội thi thổi cơm ở một số địa phương | |
| <p>Mục tiêu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]</p> <p>Nội dung:
 GV sử dụng KT các mảnh ghép để tìm hiểu Hội thi thổi cơm ở một số địa phương.
 HS làm việc cá nhân, nhóm, liên kết nhóm thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.</p> | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
 1. Văn bản Hội thi thổi cơm đã giới thiệu Hội thi thổi cơm ở những địa phương nào?
 - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2
 - Thời gian: 7 phút</p> | |

| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 | | | | | |
|---|--|------------|----------|-----------|---------------|
| Tìm hiểu Hội thi thổi cơm ở một số địa phương | | | | | |
| Nhóm | Nội dung | Thể lệ | | | |
| | | Đội trường | Các bước | Thử thách | Cách đánh giá |
| 1 | Thi nấu cơm ở hội Thị trấn (Tứ Liêm - Hà Nội) | | | | |
| 2 | Thi nấu cơm ở hội làng Chuông (Hà Nội) | | | | |
| 3 | Thi nấu cơm ở hội Từ Trống (Hoàng Hoá - Thanh Hoá) | | | | |
| 4 | Thi nấu cơm ở hội Hành Thiện (Nam Định) | | | | |

? Ý nghĩa của hội thi nấu cơm?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: đọc ngữ liệu trong SGK, suy nghĩ cá nhân, trao đổi nhóm, liên kết nhóm để hoàn thiện phiếu bài tập.

GV:

- **Dự kiến KK:** HS khó trả lời phần các bước, thử thách
- **Tháo gỡ KK:** GV Hội thi thổi cơm ở địa phương nào có nói về các bước thì chúng ta điền vào phiếu học tập, còn không giới thiệu các bước thì không phải điền
- Thử thách: Hội thi diễn ra trong điều kiện, hoàn cảnh nào?

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.
- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.

| Nhóm | Nội dung | Thể lệ | | | |
|------|---|--|---|--|--|
| | | Đối tượng | Các bước | Thử thách | Cách đánh giá |
| 1 | Thi nấu cơm ở hội Thị Cấm (Tứ Liêm - Hà Nội) | Không bắt buộc nam hay nữ | 3 bước:
- thi làm gạo; - tạo lửa và lấy nước;
- thổi cơm. | Tạo lửa từ hai thanh nửa già cọ vào nhau, áp bụi nhùi ⁽¹⁾ rơm khô vào cho bén lửa | Đội nào có được gạo trắng trước nhất, tạo được lửa và lấy được nước về đích trước. thổi được cơm chín dẻo, ngon và xong trước thì thắng cuộc |
| 2 | Thi nấu cơm ở hội làng Chuông (Hà Nội) | Có phần thi dành riêng cho nam, phần thi dành riêng cho nữ | - Lấy lửa
- thổi cơm. | <i>Cuộc thi của nữ:</i> thực hiện trong một vòng tròn ĐK 1,5 mét, vừa thổi cơm vừa phải giữ một đứa trẻ và canh chừng một con cóc, không để nó nhảy ra khỏi vòng tròn.
<i>Cuộc thi của nam:</i> các chàng trai bước xuống một cái thuyền nan, bơi bằng tay sang bờ bên kia, áp thuyền vào bờ và thực hiện hết thảy các việc trên thuyền bằng bành. Tay ướt vẫn phải đánh lửa, thổi cơm và giữ thuyền ổn định. | Ai thổi được nồi cơm thơm dẻo, ngon, xong trước là người thắng cuộc. |
| 3 | Thi nấu cơm ở hội Từ Trọng (Hoàng Hoá - Thanh Hoá) | Không bắt buộc nam hay nữ | - Lấy lửa
- thổi cơm. | Người dự thi ngồi trên thuyền thúng tại một đầm rộng, lộng gió. Mỗi người một thuyền, kiềng, rơm ẩm, bã mía tươi | ai có nồi cơm hoặc chỗ xôi chín dẻo, ngon là người thắng cuộc. |
| 4 | Thi nấu cơm ở hội Hành Thiện (Nam Định) | Chỉ có nam | - Lấy lửa
- thổi cơm. | Một người buộc cành tre dẻo, dai vào lưng, ngọn tre cao hơn đầu. Trên ngọn tre treo san một niêu cơm. Người kia có nhiệm vụ nhanh chóng dùng hai thanh | ai có niêu cơm chín đều, dẻo ngon thì thắng cuộc. |

| | | | | | |
|------------------------------------|---|--|--|--|--|
| | | | | nửa già tạo ra lửa rồi châm vào
bó đuốc hơ dưới đáy niêu. | |
| Ý nghĩa của hội thi nấu cơm | <p>- Hội thi vừa đem lại không khí sôi nổi, vui tươi, vừa rèn luyện sự nhanh nhạy, khéo léo, hoạt bát, tinh thần đoàn kết, sự phối hợp ăn ý cho người tham gia.</p> <p>- Hội thi nhằm tái hiện lại truyền thống trảy quân, đánh giặc của người Việt xưa. Sự tái hiện đó nhằm thể hiện lòng biết ơn chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam ta.</p> <p>- Hội thi thổi cơm góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay.</p> | | | | |

***Điểm giống và khác nhau giữa Hội thi thổi cơm ở các địa phương**

Mục tiêu: [1]; [2]; [3] , [4] , [5] [6]

Nội dung:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm điểm giống và khác nhau về Hội thi thổi cơm ở một số địa phương.
- HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện

Sản phẩm

B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia nhóm theo bàn.

- Giao nhiệm vụ cho các nhóm:

? Nêu điểm giống và khác nhau Hội thi thổi cơm ở một số địa phương?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần)

HS: Nêu hiểu biết về hội thi thổi cơm , nêu điều thú vị trong luật thi, cách thi ở một địa phương

GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.
- Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide

a. Điểm giống và khác nhau về Hội thi thổi cơm ở một số địa phương.

***Giống nhau**

- + Nội dung thi: thổi cơm trong những điều khó khăn.
- + Cách đánh giá: đội nào nấu cơm nhanh nhất và ngon nhất thì sẽ thắng cuộc.

*** Khác nhau**

- Đối tượng dự thi:
- Địa điểm thi
- Thử thách (khó khăn) khi thi

3. Ý nghĩa của hội thi thổi cơm

Mục tiêu: [1]; [2]; [3] , [4] , [5] [6]

Nội dung:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về ý nghĩa của hội thi thổi cơm ở một số địa

| <p>phương.</p> <p>- HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi và báo cáo sản phẩm.</p> | |
|---|--|
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| <p>B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>GV chiếu video:</p> <p>- YC HS quan sát video</p> <p>- Chia nhóm theo bàn.</p> <p>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm:</p> <p>? Quan sát video, kết hợp với hiểu biết, em hãy nêu ý nghĩa của hội thi thổi cơm?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần)</p> <p>HS: Nêu hiểu biết về hội thi thổi cơm, nêu điều thú vị trong luật thi, cách thi ở một địa phương</p> <p>GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.</p> <p>- Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide</p> | <p>3. Ý nghĩa của hội thi thổi cơm.</p> <p>- Hội thi vừa đem lại không khí sôi nổi, vui tươi, vừa rèn luyện sự nhanh nhạy, khéo léo, hoạt bát, tinh thần đoàn kết, sự phối hợp ăn ý cho người tham gia.</p> <p>- Hội thi nhằm tái hiện lại truyền thống trẩy quân, đánh giặc của người Việt xưa. Sự tái hiện đó nhằm thể hiện lòng biết ơn chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam ta.</p> <p>- Hội thi thổi cơm góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay</p> <p>.....</p> |
| <p>III. TỔNG KẾT (...)</p> | |
| <p>Mục tiêu: [1]; [2]; [6]</p> <p>Nội dung:</p> <p>- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản...</p> <p>- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.</p> | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
| <p>B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>- Chia nhóm theo bàn.</p> <p>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm:</p> <p>? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</p> <p>? Nội dung chính của văn bản “Hội thi thổi cơm”?</p> <p>? Qua giờ học, em rút ra bài học gì giới thiệu về quy tắc,</p> | <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Thông tin trong văn bản được Trình bày, sắp xếp theo trình tự: Từ khái quát đến cụ thể và theo thời gian, rõ ràng, chính xác</p> <p>2. Nội dung</p> <p>Cung cấp thông tin về nguồn gốc,</p> |

| | |
|--|--|
| <p>luật lệ của một hoạt động hay trò chơi?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).</p> <p>GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | <p>những qui tắc, luật lệ hội thi thổi cơm ở một số địa phương trên đất nước ta</p> <p>3. Khi giới thiệu về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi cần chú ý giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc của hoạt động hay trò chơi (nếu có) - Các qui tắc, luật lệ của trò chơi (thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia, các bước tiến hành trò chơi, hoạt động, các thử thách cần vượt qua, tiêu chí đánh giá. - Nêu ý nghĩa của hoạt động, trò chơi... |
|--|--|

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Câu 1: D; Câu 2: B; Câu 3: C; Câu 4: B

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Câu 1: Văn bản “Hội thi thổi cơm” thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản tự sự.
- B. Văn bản biểu cảm.
- C. Văn bản nghị luận.
- D. Văn bản thông tin.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản Văn bản “Hội thi thổi cơm” là gì?

- A. Tự sự.
- B. Thuyết minh.
- C. Biểu cảm.
- D. Nghị luận.

Câu 3: Văn bản “Hội thi thổi cơm” giới thiệu cho chúng ta những thông tin gì?

- A. Cách nấu cơm ở một số địa phương.
- B. Những khó khăn, thử thách trong hội thi thổi cơm ở một số địa phương.
- C. Những qui tắc, luật lệ trong hội thi thổi cơm ở một số địa phương.
- D. Ý nghĩa của hội thi thổi cơm ở một số địa phương.

Câu 4: Sau khi học xong văn bản, em thấy nội dung nào không thể thiếu khi giới thiệu về một hoạt động, trò chơi?

- A. Nguồn gốc, xuất xứ của hoạt động, trò chơi.
- B. Các qui tắc, luật lệ của hoạt động, trò chơi.
- C. Ý nghĩa của hoạt động, trò chơi.
- D. Điểm giống và khác nhau giữa hoạt động, trò chơi này với hoạt động, trò chơi khác.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chốt bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Viết bài văn ngắn giới thiệu về một trò chơi dân gian mà em biết.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS khi giới thiệu về một hoạt động. trò chơi cần giới thiệu những gì?

HS: Dựa vào bài học rút ra từ văn bản và những hiểu biết, trải nghiệm thực tế để viết bài văn

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn...

*** Dặn dò:**

- Về học kĩ nội dung của bài học và đọc

- Chuẩn bị trước bài “Thực hành tiếng Việt”: Ôn lại kiến thức về trạng ngữ.

...

Bài 5

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 7B1

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- + Tri thức được kiến thức về mở rộng trạng ngữ.
- + Các trường hợp mở rộng trạng ngữ.

2. Về năng lực:

- Xác định được trạng ngữ
- Nhận biết từ, các cụm từ mở rộng trạng ngữ.
- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có mở rộng thành phần trạng ngữ.

3. Về phẩm chất:

- **Chăm chỉ:** HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- **Trách nhiệm:** Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Giúp học sinh huy động những hiểu biết về mở rộng trạng ngữ kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “truyền mật thư” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Câu hỏi này nhằm tạo không khí và dẫn dắt hs vào bài học.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh**d. Tổ chức thực hiện:**

| HD của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
|--|------------------|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Truyền thư mật” <p>Luật chơi:</p> <p>Cả lớp cùng hát một bài hát, vừa hát vừa truyền mật thư. Khi hết bài hát, mật trong tay bạn nào thì bạn đó sẽ trả lời câu hỏi trong mật thư</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chơi trò chơi “Truyền mật thư”. - Trả lời câu hỏi trong mật thư <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>GV nhận xét và giới thiệu bài học:</p> <p>Những kiến thức các bạn vừa nhắc lại trong bài trạng ngữ cô trò chúng ta học ở lớp 6. Lên lớp 7 chúng ta sẽ được học nâng cao hơn về trạng ngữ</p> | |

đó là mở rộng trạng ngữ. Vậy có những cách mở rộng trạng ngữ nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu:

- + Các trường hợp mở rộng trạng ngữ.
- Sử dụng mở rộng trạng ngữ trong khi nói và viết
- Định hướng phát triển năng lực sử dụng mở rộng trạng ngữ trong viết văn, trong giao tiếp tiếng Việt.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.

HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

Dựa vào phần kiến thức ngữ văn, hãy trả lời câu hỏi: Việc mở rộng trạng ngữ thường được thực hiện bằng những cách nào?

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

I. Tri thức tiếng Việt

- GV giao nhiệm vụ: Trình bày sản phẩm hoạt động dự án của tổ đã chuẩn bị trước ở nhà.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc phần kiến thức ngữ văn nhận biết mở rộng trạng ngữ
- Trình bày sơ đồ tư duy (đã chuẩn bị ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Trạng ngữ không phải là thành phần bắt buộc trong câu. Nhưng trong giao tiếp, ở những câu cụ thể, việc lược bỏ trạng ngữ sẽ làm cho câu thiếu thông tin, thậm chí thiếu thông tin chính hoặc không liên kết được với các câu khác. Vậy chúng ta vận dụng mở rộng trạng ngữ trong khi nói và viết sao cho đạt hiệu quả giao tiếp? Cô trò chúng ta cùng luyện tập.

Việc mở rộng trạng ngữ thường được thực hiện bằng một trong hai cách sau:

- Dùng từ hoặc cụm từ chính phụ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) bổ sung cho từ làm trạng ngữ. Ví dụ: “Hồi **ấy**, rừng này còn nhiều hổ lắm.” (Đoàn Giỏi); “Trong chuyến **đi về Hà Tĩnh**, quan Phó bảng Sắc lưu lại huyện Đức Thọ một thời gian.” (Sơn Tùng).
- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm trạng ngữ hoặc trực tiếp cấu tạo trạng ngữ. Ví dụ: “Khi **tôi cảm lạnh** thì thấy chú đã ngồi xồm xuống cạnh bếp.” (Đoàn Giỏi); “Tôi không trả lời mẹ vì **tôi muốn khóc quá**.” (Tạ Duy Anh).

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về mở rộng trạng ngữ.

b. Nội dung:

Học sinh làm tập SGK/108-109.



| | |
|--|---|
|  Think | - Học sinh thực hiện hoạt động cá nhân "Think": Suy nghĩ độc lập về bài tập 1 và hoàn thành phiếu bài tập số 1. |
|  Pair | - Học sinh thực hiện hoạt động cặp đôi "Pair": Trao đổi với bạn suy nghĩ của mình. |
|  Share | - Học sinh trình bày cá nhân trước lớp hoạt động "Share": Chia sẻ những điều vừa trao đổi về bài tập 1 trước lớp. |

Bài tập 1

Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

| Câu | Trạng ngữ | Danh từ trung tâm | Các thành tố phụ |
|-----|-----------|-------------------|------------------|
| a | | | |
| b | | | |
| c | | | |

Bài tập 2

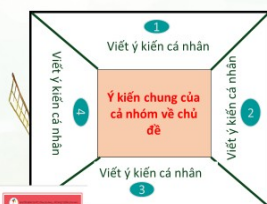
Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

| Câu | Trạng ngữ | Danh từ trung tâm | Các thành tố phụ là cụm chủ vị |
|-----|-----------|-------------------|--------------------------------|
| a | | | |
| b | | | |
| c | | | |

THẢO LUẬN THEO BÀN

Kĩ thuật "Khăn trải bàn"



Bài 9: Tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây. Chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ.

- Tôi cũng đỡ phần nào áy náy vì chắc Trữì được vô sự (Tô Hoài)
- Dù có vấp phải cái gì, ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. (Véc-nơ)
- Khi ấy, nhất thiết hai đô phải dừng trận đấu để cụ cầm châu phán xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc. (Phí Trường Giang)

c. **Sản phẩm:** Phần bài tập hs đã làm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV phát phiếu bài tập- yêu cầu học sinh hoạt động nhóm đôi, làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó thống nhất và chia sẻ.

Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó.

a) Với hai lần bật cung liên tiếp, chú đã bắn gục hai tên địch. (Bùi Hồng)

b) Sau nghi lễ bái tổ, hai đô thực hiện nghi thức xe đài. (Phí Trường Giang)

c) Sau hồi trống lệnh, các đội đổ thóc vào xay, giã, giần, sàng. (Hội thi thổi cơm)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo, đại diện chia sẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm đôi
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2.

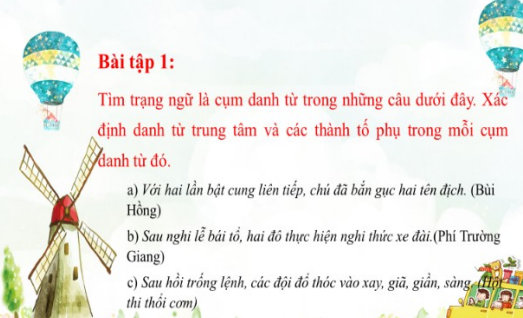
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV phát phiếu bài tập, yêu cầu học sinh chơi trò chơi “Ai nhanh ai giỏi”

Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu

II. Luyện tập

1. Bài tập 1



Bài tập 1:

Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó.

a) Với hai lần bật cung liên tiếp, chú đã bắn gục hai tên địch. (Bùi Hồng)

b) Sau nghi lễ bái tổ, hai đô thực hiện nghi thức xe đài. (Phí Trường Giang)

c) Sau hồi trống lệnh, các đội đổ thóc vào xay, giã, giần, sàng. (Hội thi thổi cơm)

Bài tập 1

Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

| Câu | Trạng ngữ | Danh từ trung tâm | Các thành tố phụ |
|-----|--------------------------------|-------------------|-------------------------|
| a | Với hai lần bật cung liên tiếp | lần | hai, bật cung liên tiếp |
| b | Sau nghi lễ bái tổ | nghi lễ | Sau, bái tổ |
| c | Sau hồi trống lệnh | hồi | Sau, trống lệnh |

2. Bài tập 2

Bài tập 2

Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

| Câu | Trạng ngữ | Danh từ trung tâm | Các thành tố phụ là cụm chủ vị |
|-----|--------------------------------|-------------------|--------------------------------|
| a | Từ ngày công chúa bị mất tích | ngày | công chúa / bị mất tích |
| b | Mỗi khi xuân về | khí | xuân / về |
| c | Ở thị trấn trắng châu vàng lùn | thị | trắng trắng châu / vàng lùn |

bài tập xung phong chia sẻ.

2. Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó.

a, Từ ngày công chúa bị mất tích, nhà vua vô cùng đau đớn (Thạch Sanh)

b, Mỗi khi xuân về, những vùng quê trên đất Bắc Giang lại rộn ràng tiếng trống vật. (Phí Trường Giang)

c, Khi tiếng trống châu vang lên, hai đô vật "mình trần đóng khố", chân quỳ vai sánh, hai tay chấp sườn. (Phí Trường Giang)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó trình bày.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân
- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3: HS làm bài tập 3.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV phát phiếu bài tập- yêu cầu học sinh hoạt động nhóm bàn với kỹ thuật khăn phủ bàn sau đó thống nhất và chia sẻ.

3. Bài tập 3:

Bài tập 3

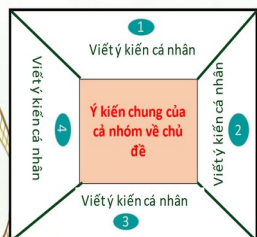
Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

| Câu | Trạng ngữ là cụm chủ vị | Các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ |
|-----|--|--|
| a | <i>Khí / được vô sự</i> | <i>vì</i> |
| b | <i>Tàu / đang đỗ ở chỗ nước trong</i> | <i>vì</i> |
| c | <i>Qu / cảm châu phân xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc</i> | <i>để</i> |

THẢO LUẬN TÌNH HUỐNG THEO BÀN

Kĩ thuật “Khăn trải bàn”



Bài 3: Tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây. Chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ.

- a) Tôi cũng đỡ phần nào áy náy vì chắc Trữ được vô sự. (Tô Hoài)
 b) Dù có vấp phải cái gì, ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. (Véc-nơ)
 c) Khi ấy, nhất thiết hai đô phải dừng trận đấu để cụ cầm châu phán xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc. (Phí Trường Giang)

3. Tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây. Chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ.

- a, Tôi cũng đỡ phần nào áy náy vì chắc Trữ được vô sự (Tô Hoài)
 b, Dù có vấp phải cái gì, ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. (Véc-nơ)
 b, Khi ấy, nhất thiết hai đô phải dừng trận đấu để cụ cầm châu phán xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc (Phí Trường Giang)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs chia nhóm bàn thảo luận phiếu bài tập

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng**a. Mục tiêu:**

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài SGK/109 và bài tập mở rộng bằng trò chơi.

TRÒ CHƠI

- ✓ Mỗi em được phát một tấm thẻ màu đỏ.
- ✓ GV đọc câu hỏi, ai có câu trả lời sẽ giơ thẻ, bạn nào nhanh nhất sẽ được gọi.
- ✓ Người chiến thắng là HS có câu trả lời chính xác, nhanh, rõ.

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập mở rộng.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi:
“Nhanh như chớp”

***Luật chơi:**

- ✓ Mỗi em được phát một tấm thẻ màu đỏ.
- ✓ GV đọc câu hỏi, ai có câu trả lời sẽ giơ thẻ, bạn nào nhanh nhất sẽ được gọi.
- ✓ Người chiến thắng là HS có câu trả lời chính xác, nhanh, rõ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ
- + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.
- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân
- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:
 - + Kết quả làm việc của học sinh.
 - + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 5: HS làm bài tập 4.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân trong 5 phút và trả lời câu hỏi sau:

Viết một đoạn văn (khoảng 5 -7 dòng) phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản *Cà Huế*, trong đó có sử dụng ít nhất một trạng ngữ là cụm chủ vị. Xác định vị ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **HS** đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.
- + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.
- **GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả.
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

4. Bài tập 4:

BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN
(GIỚI THIỆU QUY TẮC, LUẬT LỆ CỦA MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI)

THỰC HÀNH ĐỌC – HIỂU:
NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRÊN “ĐẤT VẬT” BẮC GIANG

- Theo **Phí Trường Giang** (dulichbacgiang.gov.vn) -

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa...) của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.
- Hiểu ý nghĩa của hoạt động đó.

2. Về năng lực:

*** Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

*** Năng lực đặc thù**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang”.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa...) của văn bản “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang”.
- Viết được đoạn văn khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang”.
- Đọc hiểu một văn bản cùng thể loại, cùng chủ đề.

3. Về phẩm chất:

Yêu nước: Yêu quý, trân trọng cảnh vật, con người và truyền thống văn hóa của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh tư liệu liên quan đến bài học.
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

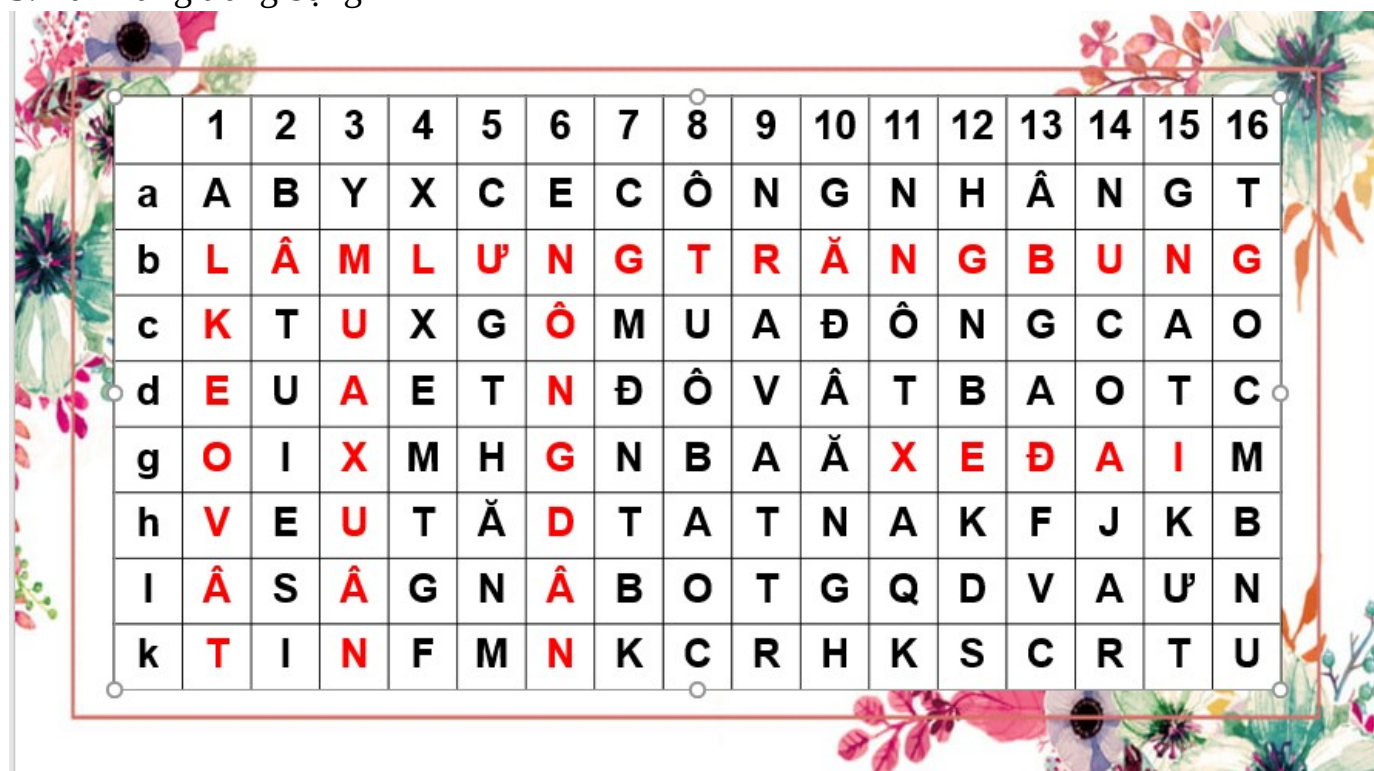
1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS tìm hiểu về các hoạt động đấu vật truyền thống, qua đó sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: HS xem clip giới thiệu các hoạt động đấu vật truyền thống và tham gia trò chơi „Ma trận“

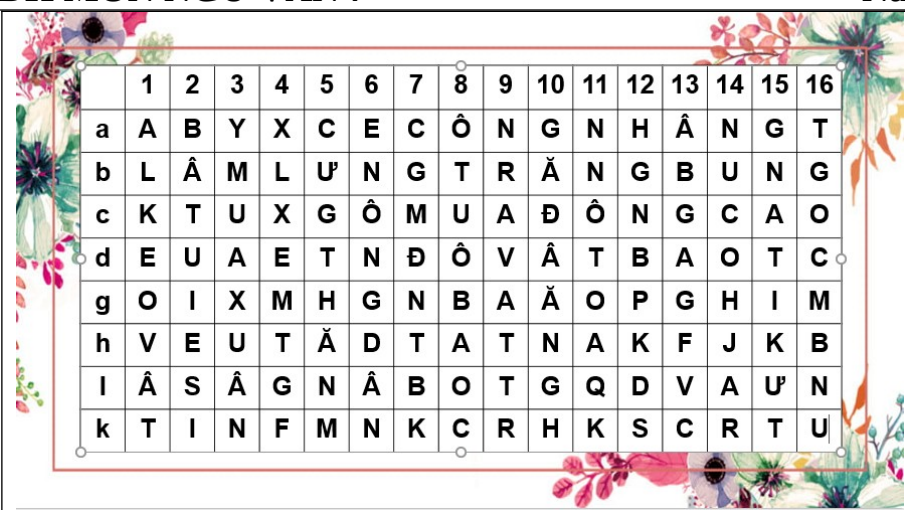
c) Sản phẩm: Từ khóa trong ma trận:

1. Mùa xuân
2. Nông dân
3. Keo vật
4. Xe đài
5. Lăm lăm trắng bụng



d) Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | SẢN PHẨM |
|--|---|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu video giới thiệu về đấu vật dân tộc - GV yêu cầu HS chú ý theo dõi video, sau đó trả lời câu hỏi: - Hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Ma trận”: <p>+ Chia lớp thành 4-6 nhóm (tùy theo số lượng HS trong lớp), cử nhóm trưởng, thư ký. Mỗi nhóm được phát 1 bảng ma trận in sẵn và 1 bút dạ màu.</p> <p>+ GV lần lượt đặt câu hỏi liên quan đến clip đã xem bằng cách khoanh vào các ô chữ trong ma trận. Thời gian cho mỗi câu hỏi là 10s. Đội nào có nhiều đáp án đúng hơn, đội đó sẽ thắng.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ suy nghĩ |



Nội dung câu hỏi:

1. Đấu vật truyền thống thường được tổ chức vào thời gian nào trong năm?
2. Đấu vật truyền thống là bộ môn thể thao được tăng lớp nào ưa chuộng?
3. Một trận đấu giữa 2 đô vật được gọi là gì?
4. Trước khi đấu vật, các đô vật phải thực hiện nghi lễ nào?
5. Muốn chiến thắng, đô vật phải hạ đối thủ bằng cách nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chia đội, quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Nhóm trả lời câu hỏi của GV bằng cách khoanh vào ma trận.
- Đại diện các nhóm lên dán kết quả lên bảng và chấm chéo cho bài nhóm khác theo hướng dẫn của GV.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Nhận xét câu trả lời của HS, đánh giá quá trình làm việc của các nhóm.
- Kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: *Trò chơi vừa rồi đã mang lại cho chúng ta thêm nhiều kiến thức về môn đấu vật truyền thống của dân tộc. Các em ạ, đấu vật là môn thể thao có lịch sử lâu đời, tồn tại ở nhiều quốc gia trên thế giới và có nhiều biến thể khác nhau. Tại Việt Nam, đấu vật là một trò chơi dân gian mang tính cổ truyền ở hầu hết các tỉnh miền Bắc. Các làng nổi tiếng với môn vật là: Trung Mầu ([Gia Lâm](#)), Vị Thanh ([Vĩnh Yên](#)), Mai Động ([Hà Nội](#)), Thức Vụ ([Nam Định](#)), Phong Châu, Đoan Hùng ([Vĩnh Phú](#))... Mỗi nơi lại có những điểm nhấn nổi bật riêng, thu hút những ai yêu đấu vật và du khách thập phương. Ngày hôm nay, cô*

mời các em cùng đến với vùng đất Bắc Giang để tìm hiểu về nét đẹp khó trộn lẫn của môn đấu vật tại nơi đây qua tiết: Thực hành Đọc – Hiểu

NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRÊN “ĐẤT VẬT” BẮC GIANG

Phí Trường Giang

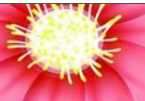
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

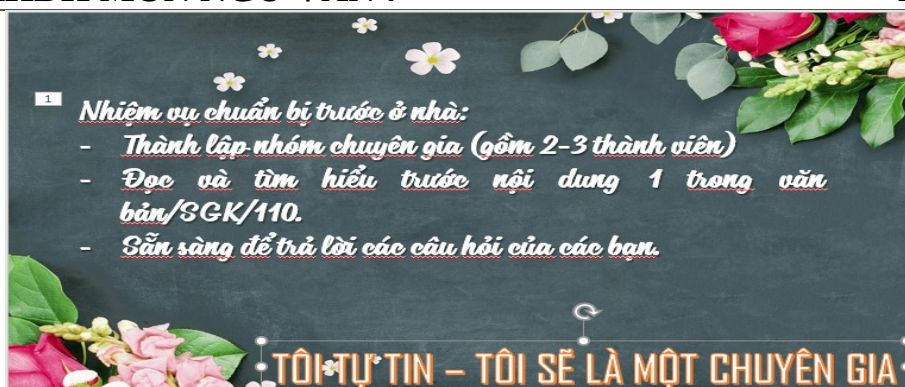
Mục tiêu: Biết cách đọc văn bản; nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm: thể loại, ngôi kể, bố cục...

Nội dung: GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản; học sinh trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm... thông qua phiếu học tập

| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |
|--|---|
| <p>Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS cách đọc văn bản</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cách đọc văn bản: đọc giọng rõ ràng, mạch lạc, ngắt nghỉ đúng chỗ - GV gọi 1 HS đọc phần còn lại. - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ câu trả lời cá nhân</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét đánh giá kết quả hoạt động của HS. - GV bổ sung, chốt kiến thức: <i>Chỉ qua bước đọc văn bản, toàn bộ diễn biến keo vật hiện lên qua trí tưởng tượng của cô trò chúng ta thật mới mẻ, thú vị. Nét mới mẻ, thú vị ấy thể hiện ở nhiều yếu tố, trong đó có cách sử dụng từ ngữ. Vì vậy, các em cố gắng tập đọc, tìm hiểu nghĩa của từ, đặc biệt những từ thuộc về chuyên môn đấu vật, để đồng điệu với tác giả về cảm xúc trân trọng, yêu quê hương, yêu đất nước thông qua nét đẹp trong hội vật.</i> | <p>I. TÌM HIỂU CHUNG:</p> <p>1. Đọc</p> |
| <p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khái quát tác phẩm:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi theo bàn trong 5 phút thực hiện phiếu bài tập sau:</p> | <p>2. Từ khó:</p> <p>3. Tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: thuyết minh |

| <div><div><div>PHIẾU HỌC TẬP</div><div>Thảo luận nhóm đôi và hoàn thành bảng sau trong 5 phút</div></div></div> | | | <div><div>PTBD:</div><div>thuyết minh</div><div>Bố cục: 2 phần</div></div> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|--|--|--|----|-----|-------|----------------------|--|--|----------------|--|---|------------|--|---|------------------------|--|--|-------------|--|--|------------------------|--|----------------------------------|-------------------------|--|--|------------------------|--|--|
| <table><tr><th colspan="3">Từ khó</th></tr><tr><th>Từ</th><th>Nói</th><th>Nghĩa</th></tr><tr><td>1. Khách thập phương</td><td></td><td>a. trên đầu mờ đầu hội vật, mang tính lễ nghi, diễn ra đẹp mắt, vui vẻ</td></tr><tr><td>2. Keo vật thờ</td><td></td><td>b. cảm động và được kích thích tinh thần trước hành vi tốt đẹp của người khác</td></tr><tr><td>3. Dư khan</td><td></td><td>c. chỉ số lượng người đông đảo đến từ nhiều nơi</td></tr><tr><td>4. Lăm lừng trắng bụng</td><td></td><td>d. tâm hồn, tinh thần thường có tính chất thiêng liêng</td></tr><tr><td>5. Tâm linh</td><td></td><td>e. chỉ người thua trong đấu vật, lưng chạm mặt đất, bụng ngửa lên trời</td></tr><tr><td>6. Tinh thần thượng võ</td><td></td><td>g. có khí phách và lòng hào hiệp</td></tr><tr><td colspan="3">- Phương thức biểu đạt:</td></tr><tr><td colspan="3">- Bố cục: gồm....phần:</td></tr></table> | | | Từ khó | | | Từ | Nói | Nghĩa | 1. Khách thập phương | | a. trên đầu mờ đầu hội vật, mang tính lễ nghi, diễn ra đẹp mắt, vui vẻ | 2. Keo vật thờ | | b. cảm động và được kích thích tinh thần trước hành vi tốt đẹp của người khác | 3. Dư khan | | c. chỉ số lượng người đông đảo đến từ nhiều nơi | 4. Lăm lừng trắng bụng | | d. tâm hồn, tinh thần thường có tính chất thiêng liêng | 5. Tâm linh | | e. chỉ người thua trong đấu vật, lưng chạm mặt đất, bụng ngửa lên trời | 6. Tinh thần thượng võ | | g. có khí phách và lòng hào hiệp | - Phương thức biểu đạt: | | | - Bố cục: gồm....phần: | | |
| Từ khó | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Từ | Nói | Nghĩa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Khách thập phương | | a. trên đầu mờ đầu hội vật, mang tính lễ nghi, diễn ra đẹp mắt, vui vẻ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Keo vật thờ | | b. cảm động và được kích thích tinh thần trước hành vi tốt đẹp của người khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3. Dư khan | | c. chỉ số lượng người đông đảo đến từ nhiều nơi | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. Lăm lừng trắng bụng | | d. tâm hồn, tinh thần thường có tính chất thiêng liêng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5. Tâm linh | | e. chỉ người thua trong đấu vật, lưng chạm mặt đất, bụng ngửa lên trời | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6. Tinh thần thượng võ | | g. có khí phách và lòng hào hiệp | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - Phương thức biểu đạt: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - Bố cục: gồm....phần: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <div><div>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</div><div>GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ nhóm đôi và cá nhân.</div><div>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</div><div><div>- Đại diện 1 nhóm đôi báo cáo kết quả hoàn thành nhiệm vụ 1 của nhóm.</div><div>- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.</div></div><div>Bước 4: Kết luận, nhận định:</div><div>GV nhận xét câu trả lời của HS, trình chiếu đáp án. GV chốt kiến thức:</div></div> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <div>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</div> <div><div>1. NỘI DUNG 1: Tìm hiểu về hình thức của văn bản</div><div>Mục tiêu: biết được những đặc trưng về hình thức của văn bản và hiểu ý nghĩa của hình thức trong việc thể hiện nội dung văn bản.</div><div>Nội dung: tổ chức tìm hiểu bằng kỹ thuật vấn đáp, HS hoạt động cá nhân.</div></div> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <div><div>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</div><div>GV yêu cầu HS tìm hiểu nhan đề cùng các yếu tố hình thức khác của văn bản bằng hoạt động cá nhân:</div><div><div>? Quan sát nhan đề kết hợp với sự chuẩn bị bài ở nhà, em hãy cho biết văn bản này giới thiệu về hoạt động hay trò chơi?</div><div>? Nhan đề cho người đọc biết gì về nội dung chính được nói tới trong văn bản? Qua đó, em hãy nhận xét về cách đặt nhan đề của tác giả?</div><div>? Văn bản được minh họa những hình ảnh nào? Theo em, tại sao người biên soạn sách lại lựa chọn những hình ảnh đó trong văn bản này?</div></div></div> | <div><div>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:</div><div>1. Nhan đề</div><div><div>- hình thức văn bản:</div><div>- Nhan đề: ngắn gọn, súc tích,</div></div></div> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | |
|---|--|
| <p>? Cách trình bày có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi cùng các chuyên gia trong nhóm. - HS suy nghĩ câu hỏi của GV ở hoạt động cá nhân <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời bằng cách xung phong - HS khác nhận xét (nếu có) <p>Dự kiến câu trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản giới thiệu về trò chơi truyền thống của dân tộc, cho ta biết nội dung chính được nói tới trong văn bản là: hội đấu vật. - Tác giả đã đặt nhan đề ngắn gọn nhưng rất đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, tập trung được các ý chính của văn bản. - Văn bản được minh họa bởi 2 hình ảnh: <ul style="list-style-type: none"> + Hình ảnh thứ nhất là tranh dân gian Đông Hồ về đấu vật, chứng tỏ hình thức thể thao này đã có từ lâu đời trên đất nước ta. Hình ảnh đó đã củng cố thêm nét đẹp truyền thống vốn có của dân tộc. + Hình ảnh thứ hai là tranh vẽ mô phỏng hội đấu vật ở Bắc Giang giúp HS hình dung được phần nào nét đẹp trong keo vật thờ ở lễ hội. - Cách lựa chọn hình ảnh rất phù hợp, khéo léo đã góp phần mang hình ảnh lễ hội đến gần hơn tới HS, khi kết hợp với nội dung bài sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về lễ hội đặc sắc ở Bắc Giang. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần trình bày của nhóm chuyên gia, thư kí và sự chuẩn bị của các HS khác.</p> | <p>tập trung vào nội dung chính của văn bản: lễ hội đấu vật ở Bắc Giang với những nét đặc sắc riêng có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách trình bày hình ảnh minh họa phù hợp, khéo léo góp phần làm rõ nội dung văn bản. |
| <p align="center">2. NỘI DUNG 2: Giới thiệu chung về hội vật Bắc Giang</p> <p>Mục tiêu: Thấy được những chi tiết giới thiệu về hội vật Bắc Giang, đặc biệt là ý nghĩa của hội vật.</p> <p>Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật “Hỏi chuyên gia”.</p> | |
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Kĩ thuật hỏi chuyên gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đã giao từ trước: | <p>2. Giới thiệu chung về hội vật Bắc Giang:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sới vật: + Hình |



- GV yêu cầu HS thảo luận lại cùng các chuyên gia trong nhóm trong 1 phút, sau hiệu lệnh của GV, nhóm chuyên gia nào xung phong nhanh nhất sẽ lên trình bày trước lớp.
- GV mời thêm 1 bạn thư kí lên tổng hợp ý kiến của chuyên gia lên bảng theo dàn ý có sẵn:



- Dự kiến các câu hỏi sẽ hỏi chuyên gia:
? Sói vật là gì? Hình dạng của sói vật? Phân biệt giữa sói vật và hội vật?
? Sói vật được đặt ở đâu?
? Tại sao sói vật hình tròn lại được đặt trước sân đình hình vuông?
? Cho biết ý nghĩa của hội đấu vật ở Bắc Giang?
- Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân:** Từ phần trình bày của nhóm chuyên gia, GV đặt câu hỏi cá nhân cho HS:
? Qua nội dung phần 1 của văn bản, em hãy thử đánh giá tình cảm của tác giả Phí Trường Giang dành cho hội vật ở Bắc Giang? (tác giả là người rất yêu mến hội vật ở Bắc Giang)

dáng: hình tròn
+ Ý nghĩa: đại diện cho trời tròn, mang tính dương, cân đối với sân đình hình vuông đại diện cho đất, mang tính âm.

- Ý nghĩa của hội vật:
+ Mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu.

+ Tôn vinh tinh thần thượng võ của dân tộc.
+ Thể hiện cái hay, cái đẹp độc đáo của đấu vật dân tộc.

| | |
|---|--|
| <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi cùng các chuyên gia trong nhóm. - HS suy nghĩ câu hỏi của GV ở hoạt động cá nhân <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 1 nhóm chuyên gia lên báo cáo. - HS khác đặt câu hỏi cho chuyên gia. - HS trả lời các câu hỏi của GV <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét phần trình bày của nhóm chuyên gia, thư kí và sự chuẩn bị của các HS khác. - GV chốt kiến thức, chuyển dẫn: <i>Vậy là, chỉ bằng một đoạn văn ngắn, tác giả đã khái quát những đặc điểm tiêu biểu của hội vật Bắc Giang. Vậy, trong hội vật, keo vật thờ có ý nghĩa như thế nào, trình tự thực hiện ra sao, cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu ở phần tiếp theo.</i> | |
| <p>3. NỘI DUNG 3: Tìm hiểu về keo vật thờ trong hội vật Bắc Giang</p> <p>Mục tiêu: Biết được trình tự diễn ra của keo vật thờ và những quy tắc bắt buộc trong keo vật thờ.</p> <p>Nội dung: Tổ chức tìm hiểu chi tiết keo vật thờ trong hội vật Bắc Giang bằng hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân...</p> | |
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân: GV đặt câu hỏi cá nhân cho HS:</p> <p><i>? Theo văn bản, để tổ chức một hội vật, cần chuẩn bị và tiến hành những nghi lễ, nghi thức nào?</i></p> <p><i>? Để được chọn là đô vật thực hiện keo vật thờ cần đảm bảo những tiêu chí nào?</i></p> <p><i>? Em hãy nhận xét về cách lựa chọn đô vật thực hiện keo vật thờ?</i></p> <p><i>? Quan sát đoạn 2 đô vật thực hiện nghi lễ bái tổ, em hãy phát hiện tư thế bái tổ của 2 đô và ý nghĩa của tư thế này?</i></p> <p><i>? Quan sát đoạn 2 đô thực hiện nghi lễ xe đài và cho biết nghi thức xe đài ở hội vật Bắc Giang có gì đặc sắc? Em có nhận xét gì về nghi thức xe đài này?</i></p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động thảo luận nhóm bốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm có 4 HS, phát cho mỗi nhóm 1 phiếu học tập yêu cầu thảo luận trong 10 phút để thực hiện nhiệm vụ sau: | <p>3. Tìm hiểu về keo vật thờ:</p> <p>Các nghi thức của keo vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn 2 đô tham gia keo vật với những tiêu chí khắt khe cả về tài năng và đức độ. - Nghi lễ bái tổ trang |

| THẢO LUẬN NHÓM BỐN- 10 phút | |
|---|-------|
| Cho biết trình tự diễn ra “keo vật thờ” bằng cách hoàn thành bảng sau | |
| Các miếng đánh trong keo vật thờ: | |
| Tốc độ thể hiện các miếng đánh: | |
| Khi kết thúc keo vật thờ: | |
| Mục đích của keo vật thờ: | |
| Ý nghĩa của keo vật thờ: | |
| Cảm nhận của người dự khán: | |
| Cảm nhận của cá nhân em: | |

? Qua đó, em hãy nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả dành cho hội vật ở Bắc Giang? (tác giả là người am hiểu, yêu mến và tự hào về truyền thống hội vật ở Bắc Giang)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi.
- HS thảo luận nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời câu hỏi của GV. HS khác nhận xét, bổ sung nếu có.
- Đại diện 1 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có)

Dự kiến câu trả lời:

*** Câu hỏi trong hoạt động cá nhân:**

- Những nghi lễ trong hội vật:
 - + Lựa chọn đô vật cho keo vật thờ.
 - + Giới thiệu về 2 đô vật trong keo vật thờ.
 - + 2 đô thực hiện nghi lễ bái tổ.
 - + Thực hiện nghi thức xe dài.
 - + Tiến hành keo vật thờ.
- Tiêu chí lựa chọn đô vật thực hiện keo vật thờ:
 - + phải là đô có tiếng trong vùng, được đông đảo công chúng ghi nhận về tài năng.
 - + phải có đức độ, có bề dày thời gian cống hiến công lao cho phong trào vật trong vùng.
- Cách lựa chọn đô vật: cẩn thận, đảm bảo tiêu chí cả tài và đức. Trong đó, tập trung vào đức độ của cả 2 đô, qua đó thấy được quan

ng nghiêm, mang đậm ý nghĩa của nghề nông.

- Nghi thức xe dài độc đáo, riêng biệt của vùng đất Bắc Giang.
- Keo vật thờ được thể hiện chi tiết nhưng chậm rãi, giúp người xem hiểu được cách tấn công và phòng thủ, khơi dậy sự cảm kích của người dự khán.

điểm của người xưa: lấy đức làm trọng của người xưa.

- Hai đô thực hiện nghi lễ “bái tổ tam cấp” có ý nghĩa:

+ Thông báo với các bậc thần về việc làng mở hội vật.

+ cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, trái cây bội thu, dân sinh cường tráng. => Hội vật mở ra với nhiều ý nghĩa gắn liền với nghề nông và những người nông dân cường tráng.

- Nghi thức xe đài ở Bắc Giang là những thế như “đại bàng tung cánh, sư tử vờn cầu” hay hiền hòa uốn lượn như “dòng sông cầu nước chảy lơ thơ”, “dòng sông Thương nước chảy đôi dòng”. => Đó là nghi thức trang nghiêm, mang đặc trưng của vùng miền, mô phỏng động tác của nhà nông như: chèo thuyền lúc khoan lúc mau, làn sóng lúc hiền lúc dữ...

*** Phiếu học tập:**

| THẢO LUẬN NHÓM BỐN- 10 phút | |
|---|---|
| Cho biết trình tự diễn ra “keo vật thờ” bằng cách hoàn thành bảng sau | |
| Các miếng đánh trong keo vật thờ: | Miếng bốc, miếng gồng, miếng mồi, miếng sườn... |
| Tốc độ thể hiện các miếng đánh: | Các miếng đánh được 2 đô thể hiện rất chậm và nhịp nhàng, đẹp mắt. |
| Khi kết thúc: | Khi kết thúc, cả 2 đô cùng thua “lắm lưng trắng bụng” |
| Mục đích của keo vật thờ: | Giới thiệu cho người xem hiểu được phương pháp tấn công và thủ pháp chống đỡ để rồi phản công. |
| Ý nghĩa của keo vật thờ: | Mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc, là cầu nối cho vẻ đẹp truyền thống ngàn đời, góp phần khơi dậy tình yêu tổ quốc ở mỗi người dân. |
| Cảm nhận của người dự khán: | Cảm kích trước tài năng của 2 đô vật, phân vân không biết đô nào đáng thua, đô nào đáng thắng. |
| Cảm nhận của cá nhân em: | Thích thú, mong muốn được đến Bắc Giang xem keo vật thờ truyền thống... |

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét phần trình bày của HS.

- GV chốt kiến thức: Keo vật thờ là một nghi lễ quan trọng của hội vật Bắc Giang. Với nhiều ý nghĩa tâm linh độc đáo, keo vật thờ trở thành cầu nối gắn kết những trái tim yêu nét đẹp truyền thống, giúp những giá trị ấy tồn tại vững bền trong thời đại ngày nay.

III. TỔNG KẾT

Mục tiêu: HS khái quát kiến thức cần nhớ về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

Nội dung:

| | |
|--|---|
| <p>- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản...</p> <p>- HS làm việc cá nhân và báo cáo sản phẩm.</p> | |
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</p> <p>? Nội dung chính của văn bản ?</p> <p>? Qua giờ học, em hãy nhắc lại các nội dung cần nhớ khi khám phá một văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi.(SGK/103)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>GV hướng theo dõi, quan sát HS thực hiện, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.</p> <p>- GV chốt bài: <i>Các em ạ, hội làng tồn tại hàng nghìn năm với các nghi lễ, nội dung, hình thức riêng song mục đích chính của lễ hội đều nhằm giúp cho sự thống nhất, đoàn kết trong cộng đồng làng xã, giáo dục truyền thống văn hoá, lịch sử, truyền thống chống ngoại xâm, truyền thống hiếu học, phát triển ngành nghề. Hàng năm, Bắc Giang có hơn 500 lễ hội truyền thống được tổ chức như: lễ hội Yên Thế; lễ hội Xương Giang; lễ hội Suối Mỡ; lễ hội Thổ Hà; lễ hội Chùa La ... song hội vật vẫn luôn giữ 1 vị trí nhất định trong lòng con dân vùng Bắc Giang và du khách thập phương. Bởi, nó không chỉ thể hiện nét đẹp truyền thống đáng tự hào mà còn là tình yêu tổ quốc gửi gắm qua hoạt động thi đấu đặc sắc. Phí Trường Giang, bằng tất cả tấm chân tình của mình, đã mang đến cho bạn đọc những nét đẹp riêng của của vùng đất Bắc Giang trù phú.</i></p> | <p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1.Nghệ thuật:</p> <p>- Ngôn từ phong phú</p> <p>- Lối viết hấp dẫn, thú vị</p> <p>-Kết hợp hài hòa, khéo léo giữa nội dung và hình ảnh,giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về hội vật ở Bắc Giang.</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>Văn bản mang đến cho độc giả một nét đẹp truyền thống của hội vật Bắc Giang, qua đó khơi dậy lòng yêu nước,</p> |

| | |
|--|--|
| | tự hào với
bản sắc
văn hóa lâu
đời. |
|--|--|

3.HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS khái quát được kiến thức văn bản thông qua các bài tập luyện tập.

b) **Nội dung:** HS ghi nhớ kiến thức bằng cách thực hiện các bài tập cá nhân.

c) **Sản phẩm:** bài làm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Ý nghĩa chung của đấu vật trong quan niệm dân gian là:

- A. Rèn luyện sức khỏe.
- B. Cầu mưa thuận gió hòa.
- C. Tôn vinh tinh thần thượng võ.
- D. Cầu mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, tôn vinh tinh thần thượng võ.

Câu 2: Đâu không phải các khâu trong keo vật thờ?

- A. Chọn đô vật.
- B. Thắp hương bái lạy tổ tiên.
- C. Xe đài.
- D. Thực hiện keo vật thờ.

Câu 3: Mục đích quan trọng của việc thực hiện keo vật thờ là:

- A. Giúp người xem hiểu được luật thi đấu của môn vật.
- B. Giúp người xem cảm nhận được sức mạnh của các đô vật.
- C. Giúp người xem hiểu được phương pháp tấn công và thủ pháp chống đỡ để phản công.
- D. Giúp người xem giải trí trong lễ hội.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét, bổ sung nếu có.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần làm bài của HS, đánh giá cho điểm (nếu có)

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Bài tập làm trên lớp:

Bài 1: Hiện nay, vật truyền thống đã được nối tiếp bằng môn thể thao đấu vật, có nhiều điều luật mới và được tham gia các đại hội thể thao khu vực như SEAGAMES, ASIAD, OLYMPIC... Em hãy kể tên các đô vật tiêu biểu của Việt Nam mà em biết cùng những thành tích tiêu biểu của họ?

Môn vật với sức mạnh truyền thống lâu đời đã thể hiện rất tuyệt vời trong các đại hội thể thao khu vực. Tại SEAGAMES 31, đấu vật trở thành mỏ vàng cho đội tuyển Việt Nam khi mang về 17 HCV, 1 HCB ở 18 nội dung thi đấu. Làm nên thành công đó phải kể đến các đô vật tài năng, tiêu biểu như:

- Đô Cấn Tất Dự: HCV hạng 73kg.
- Đô Phùng Khắc Huy: HCV vật tự do hạng 57kg.
- Đô Nguyễn Thị Xuân: HCV vật nữ hạng 50kg.

Tiến xa hơn trên đấu trường quốc tế chính là đại hội thể thao ASIAD, tiêu biểu có Đô Nguyễn Thị Lua: HCB vật nữ hạng 53kg tại ASIAD-16 (2010); Vũ Thị Hằng: HCB năm 2013... Chúng ta vẫn tiếp tục ấp ủ niềm khát khao chiến thắng ở đấu trường cao hơn – OLYMPIC trong tương lai không xa.

Bài 2: Hiện nay, vật truyền thống không còn sức hút như trước, người dân không còn chăm luyện đấu vật để rèn luyện sức khỏe mà chỉ dừng lại ở thi đấu và xuất hiện trong các lễ hội. Nếu em là Bộ trưởng Bộ văn hóa, thể thao và du lịch, em sẽ làm gì để đấu vật nước nhà tìm lại vị trí đứng trong lòng người dân?

Bài tập về nhà:

Bài 1: Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về hội vật ở Bắc Giang.

Bài 2: Sưu tầm và viết bài giới thiệu về hội vật ở Hải Phòng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi, viết đoạn văn cảm nhận, hoàn thành bài giới thiệu về hội vật ở Hải Phòng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét, bổ sung nếu có.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần làm bài của HS, đánh giá cho điểm (nếu có)

Ngày soạn: 2/6/2022

| | | |
|----------|-----|-----|
| Lớp | 7A1 | 7A2 |
| Ngày dạy | | |

BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC, LUẬT LỆ TRONG MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI****Thời gian thực hiện: 03 tiết****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Nắm được mục đích, yêu cầu và bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi

2. Về kĩ năng

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

* Năng đặc thù:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
- Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống
- Thuyết minh được về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi
- Trình bày bài thuyết minh trước tập thể

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt - ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.
- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

Phiếu học tập số 1

| PHIẾU TÌM Ý | |
|---|--|
| - Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu? | |
| - Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là | |

| | |
|---|--|
| gì? Đối tượng tham gia là ai? | |
| - Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? | |
| - Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy? | |
| - Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? | |

Phiếu học tập số 2

| PHIẾU LẬP DÀN Ý | | |
|------------------------|--|--|
| Mở bài | Giới thiệu hoạt động hay trò chơi | |
| Thân bài | Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định | |
| Kết bài | Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi | |

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5')**

a) Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu 4 bức tranh sau:

Yêu cầu: ? Em hãy nêu tên 4 hoạt động hay trò chơi tương ứng với 4 bức tranh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến:

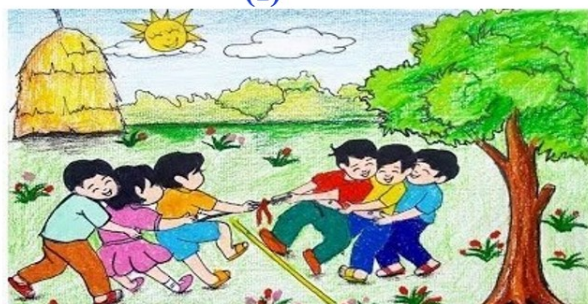
* Tên 4 hoạt động hay trò chơi:



(1)



(3)



(2)



(4)

1. Đua thuyền
2. Kéo co
3. Đập niêu đất
4. Đánh đu

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức, cho điểm học sinh.

Giáo viên giới thiệu dẫn dắt vào bài:

Chắc hẳn các em không thể quên nhiều trò chơi hay hoạt động đặc biệt đã theo suốt tuổi thơ của mình hoặc từng biết đến những trò chơi hay hoạt động độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa từng vùng miền đất nước. Để những trò chơi hay hoạt động đó được tiếp tục gìn giữ và phát triển thì chúng ta phải biết được quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Vậy viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi như thế nào? Cách viết bài văn thuyết minh ra sao? Cô và các em cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (113')

| ĐỊNH HƯỚNG | |
|--|----------|
| Mục tiêu: Hiểu được khái niệm, mục đích, các thao tác chính của việc viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi
Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi HS về xác định yêu cầu, nội dung. - HS trả lời | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm |

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động chia sẻ

? Dựa vào phần soạn bài và phần tìm hiểu kiến thức ngữ văn trong sgk, em hãy cho biết thế nào là viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi?

? Theo em mục đích của việc viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi là gì?

? Các thao tác cần để thực hiện viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi ra sao?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: chia sẻ theo hiểu biết của bản thân.

GV:

- Dự kiến khó khăn HS gặp: lúng túng khi lí giải, dùng từ diễn đạt chưa thoát ý

- Giúp đỡ học sinh bằng cách đặt thêm một số câu hỏi phụ gợi ý hoặc khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ cảm xúc

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định 3 - 5 học sinh chia sẻ

- HS trình bày.

- HS bày tỏ suy nghĩ về phần chia sẻ của các bạn.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét phần chia sẻ của HS.

1. Định hướng

a. Khái niệm

- Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi là giới thiệu những quy định mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ

b. Mục đích

- Cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

c. Các thao tác chính

- Xác định hoạt động hay trò chơi cần thuyết minh

- Tìm thông tin về hoạt động hay trò chơi đó ở các nguồn khác nhau; chọn lọc thông tin quan trọng, tập trung vào các thông tin liên quan đến các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi đã xác định

- Xác định bố cục bài văn; lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin chính, chú ý làm nổi bật các thông tin về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Xác định hình thức trình bày: chữ viết kèm theo hình vẽ hoặc tranh, ảnh để giới thiệu, minh họa về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Có thể trình bày bài văn

bằng cách viết tay hoặc thiết kế trên máy vi tính

| THỰC HÀNH | |
|--|---|
| <p>Mục tiêu: HS thực hành viết đoạn văn, bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi</p> <p>Nội dung: HS thực hiện yêu cầu theo hướng dẫn của giáo viên</p> | |
| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm cần đạt |
| <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? GV yêu cầu học sinh đọc phần chuẩn bị?</p> <p>? Học sinh thực hiện yêu cầu trong Phiếu học tập số 1: tìm ý</p> <p>? Học sinh hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu Phiếu học tập số 2: lập dàn ý</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát phiếu học tập số 1, 2 - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS. <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm ý và lập dàn ý theo hệ thống câu hỏi trong phiếu (Hoàn thiện phiếu học tập số 1, 2 – làm việc cá nhân) - Trao đổi bài theo cặp kiểm tra và sửa chữa (làm việc cặp đôi). - Hoạt động viết <p>+ Viết một đoạn văn: GV chia lớp thành 3 nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Thực hiện viết một đoạn văn phần mở bài theo dàn ý đã lập</p> <p>Nhóm 2: Thực hiện viết một đoạn văn phần kết bài theo dàn ý đã lập</p> <p>Nhóm 3: Thực hiện viết một đoạn văn về một ý lớn trong phần thân bài mà em thấy tâm đắc theo dàn ý đã lập</p> <p>Có thể cho 3 học sinh trong 3 nhóm thực hiện trên bảng, các học sinh khác viết vào vở.</p> <p>+ Viết bài văn thuyết minh hoàn chỉnh: HS hoạt động cá nhân</p> | <p>2. Thực hành</p> <p>Đề bài: Dựa vào các văn bản đã học (“Ca Huế”, “Hội thi thổi cơm”, “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.</p> <p>a. Chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định hoạt động hay trò chơi được em thuyết minh về quy tắc, luật lệ - Xem lại các văn bản đọc hiểu về các hoạt động hay trò chơi đó - Tìm hiểu thông tin và thu thập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi mà em định viết bài văn thuyết minh <p>b. Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>* Tìm ý: (trả lời các câu hỏi)</p> |

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

- HS: Trình bày sản phẩm của mình.

+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bài của bạn và chữa bài của mình (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

- GV chiếu kết quả của phiếu tìm ý, lập dàn ý để học sinh đối chiếu hoàn thiện bài.

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS

- Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu?

- Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai?

- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào?

- Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy?

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

* Lập dàn ý:

- Mở bài: Giới thiệu hoạt động hay trò chơi

- Thân bài: Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định

- Kết bài: Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi

c. Viết

- Viết một đoạn văn (mở bài, kết bài hoặc một ý lớn trong phần thân bài) mà em thấy tâm đắc

- Viết bài văn thuyết minh hoàn chỉnh

d. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại

- Xem xét bố cục và nội dung các ý nêu trong

| | | |
|---|---|--|
| | | đoạn văn, bài văn thuyết minh đã hợp lí và đầy đủ chưa
- Rà soát, phát hiện và sửa các lỗi trong trình bày, diễn đạt. |
| Phiếu học tập số 1 | | |
| PHIẾU TÌM Ý | | |
| - Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu? | - Ca Huế là một hoạt động văn hóa đặc sắc của vùng đất Cố đô Huế | |
| - Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai? | - Mục đích: Cung cấp thông tin về quy tắc, luật lệ của ca Huế
- Đối tượng tham gia: người trình diễn và người nghe ca Huế; số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế có khoảng từ 8 đến 10 người gồm ca sĩ, nhạc công | |
| - Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? | - Môi trường diễn xướng: thường ở trong một không gian hẹp, số lượng người trình diễn và người nghe hạn chế
- Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế: có khoảng 8 đến 10 người gồm ca sĩ, nhạc công
- Số lượng nhạc công: có khoảng 5 đến 6 người
- Số lượng nhạc cụ: dàn ngũ tuyệt, dàn tứ tuyệt, đầy đủ hơn là dàn lục ngự: tam, tì, nhị, nguyệt, tranh, bầu
- Phong cách biểu diễn: Trình diễn ca Huế là một cuộc tao ngộ giữa các tao nhân mặc khách có hiểu biết về văn hóa | |

| | |
|---|--|
| | và âm nhạc. Buổi biểu diễn không bị lệ thuộc vào quy trình cứng nhắc giữa người thưởng thức và người trình diễn mà có sự hiểu biết lẫn nhau giữa chủ và khách, thể hiện bằng hai phong cách: biểu diễn truyền thống, biểu diễn cho du khách |
| - Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy? | - Môi trường diễn xướng của ca Huế thường ở trong một không gian hẹp, số lượng người trình diễn và người nghe hạn chế, do tính chất của âm nhạc mang tính tâm tình, tự sự
- Ca Huế không trình diễn trước đám đông hoặc hát dưới ánh Mặt Trời |
| - Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? | - Ca Huế đã trở thành một “đặc sản” văn hóa nổi tiếng của vùng đất Cố đô, là di sản văn hóa phi vật thể của cả dân tộc |

Phiếu học tập số 2

| PHIẾU LẬP DÀN Ý | | |
|------------------------|--|---|
| Mở bài | Giới thiệu hoạt động hay trò chơi | Ca Huế là một hoạt động văn hóa đặc sắc của vùng đất Cố đô Huế. Trong ca Huế, có nhiều quy tắc, luật lệ rất độc đáo. |
| Thân bài | Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định | + Môi trường diễn xướng: thường ở trong một không gian hẹp, số lượng người trình diễn và người nghe hạn chế
+ Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế: có khoảng 8 đến 10 người gồm ca sĩ, nhạc công. Số lượng |

| | | |
|---------|---|--|
| | | <p>nhạc công: có khoảng 5 đến 6 người. Số lượng nhạc cụ: đàn ngũ tuyệt, đàn tứ tuyệt, đầy đủ hơn là đàn lục ngự: tam, tì, nhị, nguyệt, tranh, bầu</p> <p>+ Phong cách biểu diễn: Trình diễn ca Huế là một cuộc tao ngộ giữa các tao nhân mặc khách có hiểu biết về văn hóa và âm nhạc. Buổi biểu diễn không bị lệ thuộc vào quy trình cứng nhắc giữa người thưởng thức và người trình diễn mà có sự hiểu biết lẫn nhau giữa chủ và khách, thể hiện bằng hai phong cách: biểu diễn truyền thống, biểu diễn cho du khách</p> |
| Kết bài | Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi | <p>Từ lâu ca Huế đã trở thành một “đặc sản” văn hóa nổi tiếng của vùng đất Cố đô. Không những thế, ca Huế đã trở thành di sản văn hóa phi vật thể của cả dân tộc.</p> |

TRẢ BÀI

Mục tiêu:

- Thấy được ưu điểm và nhược điểm của đoạn văn, bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi
- Chỉnh sửa hoàn thiện đoạn văn, bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi cho học sinh

Nội dung:

- HS thảo luận theo cặp nhận xét bài của mình và bài của bạn.
- HS đọc bài viết, làm việc theo cặp.

| Tổ chức thực hiện | Sản phẩm cần đạt |
|-------------------------------|-------------------------|
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) | - Đoạn văn hoặc bài văn |

- Yêu cầu HS đọc, nhận xét, chữa bài theo cặp
- HS chữa lại bài sau khi đã đọc lại và nhận phiếu góp ý từ bạn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ
- HS làm việc theo cặp và làm việc cá nhân
- GV thu phiếu của một vài cặp ngẫu nhiên và chữa

PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT

Họ và tên HS làm bài:

Họ và tên HS góp ý:

Đoạn văn hoặc bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi có đảm bảo các nội dung chính trong dàn ý chưa?

Hình thức đoạn văn hoặc bài văn đã đảm bảo chưa?

Đoạn văn hoặc bài văn có cần bổ sung thêm nội dung gì không? (Nếu có hãy chỉ rõ)

Đoạn văn hoặc bài văn có cần lược bỏ từ ngữ, hoặc câu, đoạn nào không? (Nếu có hãy chỉ rõ)

Nếu được đánh giá, em đánh giá bạn đạt bao nhiêu điểm?

thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi đã chỉnh sửa của HS đảm bảo yêu cầu của đề bài.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 3 - 5 nhóm báo cáo kết quả thảo luận, rút kinh nghiệm của cặp mình với bạn.

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.
- Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo.

3. HĐ 3: Luyện tập (10')

a) Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

b) Nội dung: GV đưa thêm các bài tập để củng cố, khắc sâu kiến thức bài học

c) Sản phẩm: Câu trả lời học sinh

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chiếu các dạng bài tập

Bài 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm để hoàn thành khái niệm sau:

Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi là (1) những(2) mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần (3) và (4).

Bài 2. Các bước để viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi là gì?

- A. Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa
- B. Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài
- C. Tìm ý và lập dàn ý, chuẩn bị, kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài
- D. Kiểm tra và chỉnh sửa, viết bài, chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý

Bài 3. Trong các thao tác để thực hiện viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi theo em thao tác nào là quan trọng nhất, vì sao?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm bài cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi học sinh trả lời các bài tập

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại trong bài làm của HS.

Bài 1. Trả lời

(1) giới thiệu

(2) quy định

(3) tôn trọng

(4) tuân thủ

Bài 2. Trả lời: đáp án A

Bài 3. Học sinh có thể lựa chọn thao tác mà học sinh nhận thấy là quan trọng nhất, chỉ cần đưa ra kiến giải hợp lí và thuyết phục.

Chiếu một số bài làm tốt của HS để HS trong lớp tham khảo.

4. HĐ 4: Vận dụng (5')

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức được học về tóm tắt văn bản theo yêu cầu về độ dài để tóm tắt các văn bản khác đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung

b) Nội dung: Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Dựa vào văn bản “Hội thi thổi cơm” hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu trong văn bản?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.

HS: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần

B4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng quy định (nếu có)).

*** Hướng dẫn học sinh học bài và chuẩn bị bài sau (2 phút)**

- Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà: tiếp tục hoàn thiện bài tập trong tiết học

- Chuẩn bị bài sau: Soạn bài Nói và nghe: Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa

BÀI 5. VĂN BẢN THÔNG TIN
NÓI VÀ NGHE
GIẢI THÍCH QUY TẮC, LUẬT LỆ
CỦA MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Thuyết minh về hoạt động hay trò chơi. Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi mà các thành viên tham gia cần tuân thủ.
- HS có kiến thức về hoạt động hay trò chơi gắn với cuộc sống thực tiễn.

2. Về năng lực:

- Biết tìm hiểu, nắm chắc các quy tắc, luật lệ và giới thiệu những quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi đó.
- Lập dàn ý cho bài nói của mình.
- Nói được về một hoạt động hay trò chơi theo dàn ý với ngữ điệu phù hợp và các biểu hiện của yếu tố phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ,...
- Bảo đảm thời gian trình bày và biết cách lắng nghe ý kiến của người khác, phản hồi tích cực và xây dựng.

3. Về phẩm chất:

- Yêu quý, trân trọng cảnh vật, con người và các truyền thống văn hóa dân tộc.
- Quan tâm đến các hoạt động, trò chơi, nét sinh hoạt văn hóa nổi bật của địa phương, đất nước hoặc trên thế giới.
- Chủ động, sáng tạo tìm kiếm, lựa chọn thông tin phục vụ cho học tập và giao tiếp hàng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí hoạt động nói.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ

Nhóm:.....

| Tiêu chí | Mức độ | | |
|---|---|---|--|
| | Chưa đạt | Đạt | Tốt |
| 1. Chọn được hoạt động, trò chơi có ý nghĩa | Chưa có ý nghĩa | Có hoạt động, trò chơi nhưng chưa hay, còn đơn điệu. | Hoạt động, trò chơi ấn tượng. |
| 2. Nội dung thuyết minh phong phú, hấp dẫn | Còn sơ sài, chưa có nội dung. | Có nội dung nhưng chưa làm nổi bật được quy tắc, luật lệ. | Nội dung thuyết minh phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng... | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HĐ 1: Xác định vấn đề****a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe phần giới thiệu về trò chơi pháo đất và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là giải thích về quy tắc, luật lệ của một hoạt động, trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:
? Nội dung của đoạn video? MC trong đoạn video giới thiệu về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

| TRƯỚC KHI NÓI | |
|---|---|
| <p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được mục đích nói và người nghe. - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói. <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p> | |
| HĐ của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? Mục đích nói của bài nói là gì?</p> <p>? Những người nghe là ai?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. <p>? Em sẽ nói về nội dung gì?</p> <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi của GV. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.</p> | <p>1. Chuẩn bị nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. <p>2. Tập luyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nói một mình. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

| TRÌNH BÀY NÓI | |
|--|--|
| <p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. <p>b) Nội dung: GV yêu cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết: Trò đấu vật ở Bắc Giang. - HS nhận xét hoạt động nói của bạn. <p>c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p> | |
| HĐ của GV & HS | Dự kiến sản phẩm |
| <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. | <ul style="list-style-type: none"> - HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích: giới thiệu quy tắc, |

| | |
|---|--|
| <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xem lại dàn ý của HĐ viết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | <p>luật lệ trò đấu vật ở Bắc Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp. |
|---|--|

| TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI | |
|---|--|
| <p>a) Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. <p>c) Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p> | |
| HĐ của GV & HS | Dự kiến sản phẩm |
| <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.</p> <p>HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.</p> <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS |

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Giới thiệu về trò chơi bịt mắt bắt dê.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS giới thiệu về quy tắc, luật lệ của trò chơi.
- GV hướng dẫn HS:
- + Giới thiệu về trò chơi bịt mắt bắt dê.
- + Giới thiệu về các quy tắc, luật chơi: địa điểm chơi, số lượng người chơi, luật chơi.
- + Nêu giá trị, ý nghĩa của trò chơi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài nói của HS.

HD 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm một video giới thiệu về một trò chơi dân gian.

Bài tập 2: Hãy giới thiệu về một hoạt động trong lễ hội Đền Hùng: nấu cơm thi, thi giã bánh giầy, thi gói bánh chưng,...(có thể làm video lồng tiếng).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy, hay quay video và nộp lại cho GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- HS ôn tập cuối kì.

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIÁO SOẠN BÀI ÔN TẬP HKI-
DỰ ÁN GIÁO ÁN MIỄN PHÍ 2022- BỘ SGK CÁNH DIỀU**

| BÀI | HỌ VÀ TÊN | ĐƠN VỊ CÔNG TÁC | SĐT | CÔNG |
|------------|------------------|------------------------|------------|-------------|
|------------|------------------|------------------------|------------|-------------|

| | | | | |
|---------------|-------------------------------|--|------------|-------------|
| | | | | VIỆC |
| Ôn tập
HKI | 1. Đoàn Thị Thu Phương | Trường TH - THCS Ngô Quyền
- Tiên Lữ Hưng Yên | 0835150084 | W |
| | | | | PP |

Ngày soạn

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

Ngày dạy:

KHỞI ĐỘNG

TRÒ CHƠI "ÔNG LÀ AI?"

1



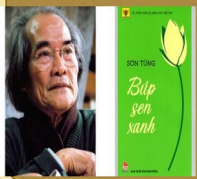
Đoàn Giỏi

2



A. Đô đê

3



Sơn Tùng

4



Đỗ Trung Lai

Phiếu học tập 01

| Loại | Thể loại hoặc kiểu loại | Tên văn bản đã học |
|-------------------|--------------------------|------------------------|
| Văn bản văn học | M - Truyện ngắn
- Thơ | M - Buổi học cuối cùng |
| Văn bản nghị luận | | |
| Văn bản thông tin | | |

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**1. Kiến thức**

- HS trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập, giúp HS tự đánh giá kết quả học tập cuối kì I.

2. Năng lực cần hình thành

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

3. Phẩm chất

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:
 - + Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
 - + Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

2. Học sinh.

Trả lời các câu hỏi phần Nội dung ôn tập (Tr 119 -> 122/SGK) vào vở soạn bài.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**1. HĐ 1: KHỞI ĐỘNG (5')**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung:

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi lật mảnh ghép về các tác giả văn học trong chương trình hk I

HS lật mảnh ghép và trả lời các câu hỏi.

GV kết nối với nội dung của bài ôn tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

-Chia lớp ra làm các đội chơi.

- Tổ chức trò chơi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV chỉ định đội chơi trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của trò chơi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung ôn tập

2. HĐ 2: Ôn tập**a) Mục tiêu:**

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì I.

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

*GV kiểm tra phần chuẩn bị các câu hỏi phần Nội dung ôn tập (Tr 119 -> 122/SGK) của HS (GV đã giao làm trước ở nhà).

Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về văn bản, thể loại**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản đã học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|--|--|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 1: Thống kê ra vở tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:</p> |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1: Thống kê ra vở tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:

| Loại | Thể loại hoặc kiểu loại | Tên văn bản đã học |
|-----------------|--|--|
| Văn bản văn học | 
–
<i>Truyện ngắn</i>
– <i>Thơ</i> | 
– <i>Buổi học cuối cùng</i> |
| Văn bản | | |

| | | |
|-------------------|---|--|
| nghị luận | | |
| Văn bản thông tin | - | |

Gợi ý

| Loại | Thể loại hoặc kiểu loại | Tên văn bản đã học |
|--------------------------|-------------------------|---|
| Văn bản văn học | - Tiểu thuyết | <ul style="list-style-type: none"> - Người đàn ông cô độc giữa rừng (Trích “Đất rừng phương Nam - Đoàn Giỏi) - Dọc đường xứ Nghệ (Trích “Búp sen xanh” - Sơn Tùng) - Bạch tuộc (Trích “ Hai vạn dặm dưới đáy biển” - Giuyn Véc nơ) - Nhật trình Sol 6 (Trích “ Người về từ Sao Hỏa” - En - đi Uya) - Một tram dặm dưới mặt đất (Trích “ Cuộc du hành vào lòng đất” - Giuyn Véc nơ) |
| | - Truyện ngắn | <ul style="list-style-type: none"> - Buổi học cuối cùng (An – phông – xơ Đô – đê) - Bố của Xi – mông (Guy – đơ Mô – pát – xăng) - Chết làm gỏi (Rây Bret bơ ry) |
| | - Thơ | <ul style="list-style-type: none"> - Ông đồ(Vũ Đình Liên) - Mẹ (Đỗ Trung Lai) - Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh) - Một mình trong mưa (Đỗ Bạch Mai) |
| Văn bản nghị luận | Nghị luận văn học | <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng) - Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đinh Trọng Lạc) - Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên) - Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương) |

| | | |
|------------------------------|--|---|
| Văn bản
thông tin | <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi | <ul style="list-style-type: none">- Ca Huế (Theo dsvh.gvo.vn)- Hội thi thổi cơm (Theo dulichvietnam.org.vn)- Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang (Theo Phi Trường Giang)- Trò chơi dân gian của người Khmer Nam bộ (Theo baocantho.com.vn) |
|------------------------------|--|---|

Nhiệm vụ 2: Củng cố tri thức về nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong sách Ngữ văn 7, tập 1

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được nội dung chính của các văn bản đọc hiểu đã học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|---|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS <p>Phiếu học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 2: Trình bày ra vở nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:</p> |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

Câu 2: Trình bày ra vở nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong sách Ngữ văn 7, tập 1 theo bảng sau:

| Loại | Tên văn bản | Nội dung chính |
|-----------------|--|--|
| Văn bản văn học |  <p>– Mẹ (Đỗ Trung Lai)</p> |  <p>– Nỗi xúc động, băng khuâng của tác giả khi nhìn hàng cau và nghĩ về người mẹ</p> |

| | | |
|--------------------------|---|--|
| Văn bản nghị luận | | |
| Văn bản thông tin | - | |

Gợi ý

| Loại | Tên văn bản | Nội dung chính |
|------------------------|--|---|
| Văn bản văn học | – Người đàn ông cô độc giữa rừng (Đoàn Giỏi) | Kể về nhân vật đặc sắc – Võ Tòng |
| | - Buổi học cuối cùng (An – phong – xơ Đô – đê) | Buổi học tiếng Pháp lần cuối trước khi vùng quê của chú bé Phrăng bị nhập vào nước Phổ |
| | - Dọc đường xứ Nghệ (Sơn Tùng) | Thời thơ ấu của Bác Hồ |
| | - Bố của Xi – mông (Guy – đơ Mô – pát – xăng) | Tình yêu thương, lòng đồng cảm, sự vị tha... |
| | – Mẹ (Đỗ Trung Lai) | – Nỗi xúc động, băng khuâng của tác giả khi nhìn hàng cau và nghĩ về người mẹ |
| | - Ông đồ (Vũ Đình Liên) | - Kể chuyện Ông đồ viết chữ Nho để nói hộ tâm trạng đầy buồn bã, xót xa, thảng thốt đối với cả một thế hệ nhà nho sắp bị lãng quên. |
| | - Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh) | Tâm sự giản dị mà thật xúc động của tác giả khi nghe tiếng gà trưa |
| | - Một mình trong mưa (Đỗ Bạch Mai) | Hình ảnh con cò hay tâm sự của người mẹ vất vả nuôi con |

| | | |
|--------------------------|--|--|
| | - Bạch tuộc (Giuyñ Véc nơ) | Trận chiến quyết liệt của đoàn thủy thủ với con bạch tuộc khổng lồ |
| | - Chất làm gỉ (Rây Bret bơ ry) | Viên trung sỹ chế ra “chất làm gỉ” có thể phá hủy tất cả các vũ khí bằng kim loại để ngăn chặn chiến tranh |
| | - Nhật trình Sol 6 (En - đi Uya) | Tình huống bất ngờ, éo le của viên phi công vũ trụ trong một lần lên Sao Hỏa |
| | - Một trăm dặm dưới mặt đất (Giuyñ Véc nơ) | Cuộc phiêu lưu thú vị của các nhân vật xuống thẳng trung tâm Trái Đất |
| Văn bản nghị luận | - Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng) | Phân tích những nét đặc sắc về thiên nhiên và con người trong tác phẩm “Đất rừng phương Nam” (Đoàn Giỏi) |
| | - Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đinh Trọng Lạc) | Cái hay cái đẹp trong bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh |
| | - Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên) | Những phân tích của tác giả Lê Phương Liên về giá trị truyện khoa học viễn tưởng của Giuyñ Véc - nơ |
| | - Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương) | Những nét đặc sắc trong bài thơ “Ông đồ” |
| Văn bản thông tin | - Ca Huế (Theo dsvh.gvo.vn) | Nêu lên các quy định của một loại hoạt động văn hóa truyền thống rất nổi tiếng ở vùng đất cố đô |
| | - Hội thi thổi cơm (Theo dulichvietnam.org.vn) | Giới thiệu những luật lệ rất thú vị trong các cuộc thi nấu cơm ở nhiều |

| | | |
|--|--|--|
| | | địa phương khác nhau |
| | - Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang (Theo Phi Trường Giang) | Giới thiệu luật lệ của một hoạt động văn hóa - thể thao cộng đồng đặc sắc mang tinh thần thượng võ |
| | - Trò chơi dân gian của người Khmer Nam bộ (Theo baocantho.com.vn) | Giới thiệu cách chơi kol rất độc đáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long |

Nhiệm vụ 3: Củng cố tri thức về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng) trong sách Ngữ Văn 7 tập một

a. Mục tiêu:

- Nắm được những điểm cần chú ý về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|--|---|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 3: Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng) trong sách Ngữ Văn 7 tập một theo mẫu sau</p> |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

Câu 3: **Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc thơ (bốn chữ, năm chữ), truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng) trong sách Ngữ Văn 7 tập một theo mẫu sau**

Gợi ý

- Thơ bốn chữ, năm chữ

+ **M** ý nhan đề, dòng thơ, số chữ, khổ thơ, cách ngắt nhịp, gieo vần, thanh bằng trắc và biện pháp tu từ có trong bài thơ

+ Hiểu được bài thơ là lời của ai? Nói về ai, về điều gì? Nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ.

+ Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm người đọc.

- Truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng)

Cách đọc truyện nói chung:

+ Nhận biết được văn bản kể chuyện gì, có những nhân vật nào, ai là người được chú ý nhất, những chi tiết nào đáng nhớ.

+ Nắm được trình tự diễn ra của các sự việc và mối quan hệ của các sự việc ấy; mở đầu và kết thúc truyện có gì đặc biệt,..

+ Nhận biết được chủ đề của truyện, chỉ ra được sự liên quan của chủ đề ấy với cuộc sống hiện nay của bản thân các em.

Ngoài ra các em cần chú ý thêm một số yêu cầu riêng do đặc điểm mỗi thể loại

***Truyện ngắn:**

+ Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lý, hành động và lời nói

+ Nhận biết được lời người kể chuyện và lời nhân vật, ngôi kể và tác dụng của ngôi kể trong truyện

***Tiểu thuyết:**

+ Tóm tắt được nội dung văn bản (Truyện kể lại sự kiện gì? Xảy ra trong bối cảnh nào?)

+ Nhân vật chính là ai? Nhân vật ấy được thể hiện qua những phương diện nào?

+ Truyện kể theo ngôi nào? Nếu có sự thay đổi ngôi kể thì tác dụng của việc thay đổi ấy là gì?

+ Liên hệ, kết nối với kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm truyện

*** Truyện khoa học viễn tưởng**

+ Tác giả viết về ai? Về sự kiện (đề tài) gì?

+ Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời

+ Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích?

Nhiệm vụ 4: Hãy nêu lên một văn bản trong sách Ngữ Văn 7, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em

a. Mục tiêu: Từ văn bản văn học liên hệ với thực tế đời sống

- b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|--|---|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 4: Hãy nêu lên một văn bản trong sách Ngữ Văn 7, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em</p> |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

Câu 4: Hãy nêu lên một văn bản trong sách Ngữ Văn 7, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em (Hs linh hoạt lựa chọn, đưa ra ý kiến cá nhân)

Theo em, trong sách Ngữ văn 7, tập 1, nội dung em thấy gần gũi và có tác dụng với đời sống hiện nay và với chính bản thân em chính là văn bản “**Hội thi thổi cơm**”(Theo dulichvietnam.org.vn) bởi văn bản này đã giới thiệu nguồn gốc, mục

đích và những luật lệ rất thú vị trong các cuộc thi nấu cơm ở nhiều địa phương khác nhau, giúp em hiểu thêm về lịch sử, về những lễ hội xa xưa của cha ông ta lưu truyền qua nhiều thế hệ, nhằm tôn vinh những nét đẹp của văn hoá dân tộc, của nghề trồng lúa nước. Qua đó, văn bản cũng góp phần nhắc nhở ý thức trách nhiệm của mỗi chúng ta đặc biệt là thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc trong quá trình toàn cầu hội nhập.

VIẾT

Nhiệm vụ 5: Củng cố tri thức đã học về tên kí hiệu viết đoạn văn.

a. Mục tiêu:

- **Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 7, tập một**

- **Nắm được các bước tiến hành viết một văn bản** và nhiệm vụ của từng bước

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|--|--|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập từ câu 5 đến câu 7 + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn học sinh thực hiện kĩ thuật khăn phủ bàn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 5: Thống kê ra vở tên và yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:</p> <p>Câu 6: Nêu các bước tiến hành viết một văn bản theo thứ tự trước sau, chỉ ra nhiệm vụ của mỗi bước</p> <p>Câu 7: Nêu một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi (Gợi ý: về mục đích, nội dung, hình thức, lời văn...)</p> |

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

Câu 5: Thống kê ra vở tên và yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:

| Tên kiểu văn bản | Yêu cầu cụ thể |
|---|---|
|  – Tự sự |  – Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử |

Gợi ý

| Tên kiểu văn bản | Yêu cầu cụ thể |
|------------------|---|
| – Tự sự | – Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử |
| - Biểu cảm | - Bước đầu biết làm bài thơ bốn chữ, năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ
- Biểu cảm về con người hoặc sự việc |
| - Nghị luận | - Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (nghị luận xã hội) và phân tích đặc điểm nhân vật (nghị luận văn học) |
| - Thuyết minh | - Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi |

Câu 6: Nêu các bước tiến hành viết một văn bản theo thứ tự trước sau, chỉ ra nhiệm vụ của mỗi bước

| Thứ tự các bước | Nhiệm vụ cụ thể |
|---|--|
|  – Bước 1: Chuẩn bị |  – Xác định đề tài: Viết về cái gì?
Viết về ai? |

| | |
|--|-----|
| | ... |
|--|-----|

Gợi ý

| Thứ tự các bước | Nhiệm vụ cụ thể | | | | | | | | | | |
|-------------------------------------|--|----------------------|------------|--------------|--|----------------|--|-----------------|--|--------------------|--|
| – Bước 1: Chuẩn bị | <ul style="list-style-type: none"> – Xác định đề tài: Viết về cái gì? Viết về ai? – Xác định mục đích viết: <ul style="list-style-type: none"> + Kể lại sự việc, miêu tả sự vật và bộc lộ tình cảm, cảm xúc + Bàn luận, thuyết phục + Cung cấp thông tin, hướng dẫn hoạt động – Xác định kiểu văn bản: <ul style="list-style-type: none"> + Tự sự hay miêu tả? + Nghị luận hay biểu cảm? + Thuyết minh hay nhật dụng? – Thu thập tư liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Trong thực tế + Trên sách, báo, internet | | | | | | | | | | |
| – Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | <p>- Tìm ý cho bài viết và phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi, sắp xếp các ý có một bố cục rành mạch, hợp lí.</p> <table> <tr> <th>Đối với kiểu văn bản</th><th>Cách tìm ý</th></tr> <tr> <td>Tự sự</td><td>Ai là người kể chuyện? Kể chuyện gì? Ở đâu? Khi nào? Có những ai? Chuyện bắt đầu từ đâu? Từ việc gì? Diễn biến thế nào? Hành động và lời nói của các nhân vật thế nào? Kết thúc câu chuyện ra sao?</td></tr> <tr> <td>Miêu tả</td><td>Tả đối tượng nào (người, vật, phong cảnh hay cảnh sinh hoạt...)? Đối tượng ấy có đặc điểm gì và được thể hiện qua những phương diện nào?</td></tr> <tr> <td>Biểu cảm</td><td>Biểu cảm về ai, cái gì, sự việc gì? Con người, sự vật, sự việc ấy gợi cho em cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học, kinh nghiệm sống gì?
...</td></tr> <tr> <td>Thuyết minh</td><td>Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi</td></tr> </table> | Đối với kiểu văn bản | Cách tìm ý | Tự sự | Ai là người kể chuyện? Kể chuyện gì? Ở đâu? Khi nào? Có những ai? Chuyện bắt đầu từ đâu? Từ việc gì? Diễn biến thế nào? Hành động và lời nói của các nhân vật thế nào? Kết thúc câu chuyện ra sao? | Miêu tả | Tả đối tượng nào (người, vật, phong cảnh hay cảnh sinh hoạt...)? Đối tượng ấy có đặc điểm gì và được thể hiện qua những phương diện nào? | Biểu cảm | Biểu cảm về ai, cái gì, sự việc gì? Con người, sự vật, sự việc ấy gợi cho em cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học, kinh nghiệm sống gì?
... | Thuyết minh | Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi |
| Đối với kiểu văn bản | Cách tìm ý | | | | | | | | | | |
| Tự sự | Ai là người kể chuyện? Kể chuyện gì? Ở đâu? Khi nào? Có những ai? Chuyện bắt đầu từ đâu? Từ việc gì? Diễn biến thế nào? Hành động và lời nói của các nhân vật thế nào? Kết thúc câu chuyện ra sao? | | | | | | | | | | |
| Miêu tả | Tả đối tượng nào (người, vật, phong cảnh hay cảnh sinh hoạt...)? Đối tượng ấy có đặc điểm gì và được thể hiện qua những phương diện nào? | | | | | | | | | | |
| Biểu cảm | Biểu cảm về ai, cái gì, sự việc gì? Con người, sự vật, sự việc ấy gợi cho em cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học, kinh nghiệm sống gì?
... | | | | | | | | | | |
| Thuyết minh | Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|--|---|-------------------|--|------------|--|--|--|
| | <table><tr><td></td><td>Giới thiệu hoạt động, trò chơi đó là gì?Diễn ra ở đâu? Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai? Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy ? Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?</td></tr><tr><td>Nghị luận</td><td>Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật
- Đặc điểm nhân vật được khắc họa từ những phương diện nào (nguồn gốc, hình dáng bên ngoài, lời nói, hành động, nhận xét của các nhân vật khác)
- Nhận xét của em về nhân vật...là người như thế nào?
- Nhân vật để lại trong em những ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì?</td></tr></table> | | Giới thiệu hoạt động, trò chơi đó là gì?Diễn ra ở đâu? Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai? Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy ? Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? | Nghị luận | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật
- Đặc điểm nhân vật được khắc họa từ những phương diện nào (nguồn gốc, hình dáng bên ngoài, lời nói, hành động, nhận xét của các nhân vật khác)
- Nhận xét của em về nhân vật...là người như thế nào?
- Nhân vật để lại trong em những ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì? | | |
| | Giới thiệu hoạt động, trò chơi đó là gì?Diễn ra ở đâu? Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai? Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy ? Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? | | | | | | |
| Nghị luận | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật
- Đặc điểm nhân vật được khắc họa từ những phương diện nào (nguồn gốc, hình dáng bên ngoài, lời nói, hành động, nhận xét của các nhân vật khác)
- Nhận xét của em về nhân vật...là người như thế nào?
- Nhân vật để lại trong em những ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì? | | | | | | |
| <p>- Lập dàn ý(có thể bằng sơ đồ tư duy) đầy đủ 3 bước: Mở bài, thân bài, kết bài.</p> <div><div>Mở bài</div><div>Thân bài</div><div>Kết bài</div></div> | | | | | | | |
| - Bước 3:
Viết | Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, đoạn văn , bài văn hoàn chỉnh. Chú ý dùng từ, đặt câu, viết chính tả cho chính xác, trong sáng, giàu hình ảnh, biểu cảm, sử dụng các biện pháp tu từ, kết hợp với việc sử dụng hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu...phù hợp với yêu cầu của mỗi kiểu văn bản; có sự mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau. | | | | | | |
| - Bước 4:
Kiểm tra và chỉnh sửa | Kiểm tra lại văn bản để xem có đạt các yêu cầu đã nêu trong bảng kiểm chưa và cần sửa chữa gì không. <table><tr><td>Tiêu chí kiểm tra</td><td>Câu hỏi kiểm tra</td><td>Lỗi cụ thể</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> | Tiêu chí kiểm tra | Câu hỏi kiểm tra | Lỗi cụ thể | | | |
| Tiêu chí kiểm tra | Câu hỏi kiểm tra | Lỗi cụ thể | | | | | |
| | | | | | | | |

| | | | |
|--|-----------|--|--|
| | Nội dung | <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung văn bản viết đã đầy đủ chưa - Các ý trong bài có chính xác không? - Nội dung các phần trong bài văn đã thống nhất chưa? - Có nội dung nào mới mẻ, độc đáo không? | |
| | Hình thức | <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn có đủ ba phần chưa? - Sắp xếp các ý đã hợp lý chưa? - Có lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu không? - Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? - Trình bày: chữ viết, xuống dòng và độ dài văn bản có đúng không? | |

Câu 7: Nêu một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi (Gợi ý: về mục đích, nội dung, hình thức, lời văn...)

Gợi ý

Một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi

| Tiêu chí so sánh | Văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học | Văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một hoạt động hay trò chơi |
|------------------|--|--|
| Mục đích | Thuyết phục người đọc người nghe về một vấn đề văn học (đặc điểm nhân vật) | Cung cấp thông tin giới thiệu luật lệ quy tắc của một hoạt động hay trò chơi |
| Nội dung | - Giới thiệu, miêu tả và nêu nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm... của nhân vật | Giới thiệu những quy định mà thành viên tham gia các hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ |
| Hình thức | <ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến - Lí lẽ - Bằng chứng | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm - Cách triển khai... |
| Lời văn | <ul style="list-style-type: none"> - Mang tính chủ quan của người nói, người viết | <ul style="list-style-type: none"> - Mang tính khách quan , chân thực |

NÓI VÀ NGHE

Nhiệm vụ 6: Củng cố tri thức đã học về rèn kĩ năng nói và nghe**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện kĩ năng nói và nghe trong sách Ngữ Văn 7, tập một
- Nắm được các bước tiến hành luyện kĩ năng nói và nghe và nhiệm vụ của từng bước

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|---|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi qua phiếu học tập câu 8 + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 8: Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ Văn 7, tập một. Chứng minh nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết.</p> |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

Câu 8: Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ Văn 7, tập một. Chứng minh nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết.

Gợi ý

| Kỹ năng | Nội dung |
|---------------------------|---|
| Nói | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống - Giải thích quy tắc hay luật lệ của một hoạt động hay trò chơi |
| Nghe | <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt nội dung trình bày của người khác |
| Nói nghe tương tác | <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt - Thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi |

=> Học nói học nghe sẽ giúp chúng ta rèn luyện kỹ năng tiếp thu nội dung thông tin cả về thái độ và tình cảm khi nghe và nói, vận dụng vào trong bài viết của mình và rút được bài học khi đọc hiểu văn đề

*** Chứng minh nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết.**

| Nói - Nghe | | Đọc hiểu | Viết |
|--|---|---|---|
| Nói | Nghe | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống - Trao đổi, thảo luận nhóm về một vấn đề | Tóm tắt nội dung trình bày của người khác | Văn bản nghị luận văn học: <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam” (Bùi Hồng) - Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đinh Trọng Lạc) - Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (Lê Phương Liên) - Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương) | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật |
| <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích quy tắc hay luật lệ của một hoạt động hay trò chơi | | Văn bản thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Ca Huế (Theo dsvh.gvo.vn) - Hội thi thổi cơm (Theo dulichvietnam.org.vn) | Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | - Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang (Theo Phi Trường Giang)
- Trò chơi dân gian của người Khmer Nam bộ (Theo baocantho.com.vn) | |
|--|--|--|--|

TIẾNG VIỆT

Nhiệm vụ 7: Cùng có tiếng Việt

a. Mục tiêu:

- Nắm được các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách Ngữ Văn 7, tập một
- + Từ địa phương
- + Các biện pháp tu từ như so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ
- + Số từ và phó từ
- + Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị
- + Mở rộng trạng ngữ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|--|
| <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi qua phiếu học tập câu 9 + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập: - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | <p>Câu 9: Liệt kê tên các nội dung thực hành tiếng Việt được học trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:</p> |

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

Câu 9: Liệt kê tên các nội dung thực hành tiếng Việt được học trong sách Ngữ Văn 7, tập một theo bảng sau:

| Bài | Tên nội dung tiếng Việt |
|--|---|
|  – Bài 2: Thơ bốn chữ, năm chữ |  – Các biện pháp tu từ như so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ
– ... |

Gợi ý

| Bài | Tên nội dung tiếng Việt |
|--|--|
| - Bài 1: Tiểu thuyết và truyện ngắn | - Từ địa phương |
| - Bài 2: Thơ bốn chữ, năm chữ | – Các biện pháp tu từ như so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ |
| - Bài 3: Truyện khoa học viễn tưởng | - Số từ và phó từ |
| - Bài 4: Nghị luận văn học | - Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị |
| - Bài 5: Văn bản thông tin | - Mở rộng trạng ngữ |

3. HĐ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

a) Mục tiêu:

Giúp HS làm quen với dạng bài đánh giá tổng hợp cuối hk I

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi “Ai là triệu phú”
(Hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì I (sgk/122))

c) Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân

d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|---|
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV phổ biến luật chơi “Ai là triệu phú”
Hs bình chọn người chơi
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV quan sát, hỗ trợ
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | (Hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì I (sgk/122)) |

*** Đọc hiểu: Đọc hai khổ thơ sau và ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6)**

“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”

(Trích “Sang thu” – Hữu Thỉnh)

1. Hai khổ thơ trên có sự kết hợp giữa phương thức biểu cảm và phương thức nào?

A. Tự sự B. Thuyết minh **C. Miêu tả** D. Nghị luận

2. Các dòng trong hai khổ thơ chủ yếu được ngắt nhịp như thế nào?

A. 2/2/1 B. 2/3 C. 1/2/2 **D. 3/2**

3. Trong hai khổ thơ những tiếng nào bắt vần với nhau?

A. Ổi – se B. Ngõ – về **C. Vã – hạ** D. Dàng – hạ

4. Hai khổ thơ trên viết về điều gì?

A. Sự chuyển biến của đất trời khi thu sang

B. Vẻ đẹp của cây cối khi mùa thu về

- C. Nỗi buồn của con người trước cảnh thu
D. Sự vui mừng của tác giả khi mùa thu về
5. Các từ “chùng chình, dềnh dàng, vội vã” được xếp vào nhóm từ láy nào?
A. Láy âm đầu
B. Láy vần
C. Láy âm đầu và vần
D. Láy âm đầu và thanh
6. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong hai khổ thơ trên?
A. So sánh
B. Hoán dụ
C. Nhân hóa
D. Ẩn dụ

b. Đọc đoạn trích sau và ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 7 đến câu 10)

QUY TẮC VÀNG KHI SỬ DỤNG THANG MÁY

- 1. Đứng bên phải:** hãy nhớ rằng khi chờ thang máy bạn nên đứng cách xa cửa thang máy ở bên phải tối thiểu 1m để người bên trong có thể nhanh chóng ra ngoài; chỉ bước vào trong thang máy khi không còn ai bước ra ngoài.
- 2. Nhấn nút giữ cửa thang máy nếu bạn đứng gần:** Có rất nhiều tranh luận xoay quanh vấn đề có nên giữ cửa hay không. Nhưng theo chúng tôi thì có. Bởi trong thang máy, người ở bên trong không dễ dàng gì ra bên ngoài, hãy giữ cửa cho đến khi chắc chắn không còn ai bước ra hoặc vào trong thang máy nữa.
- 3. Đừng cố gắng bước vào bên trong thang máy khi thang máy đã chật người.**
- 4. Sẵn sàng nhấn nút cho một người khác:** nếu bạn đứng gần bảng điều khiển, hãy luôn sẵn sàng bấm nút hộ người khác khi họ có nhu cầu.
- 5. Di chuyển đến phía sau:** khi bước vào thang máy nhanh chóng vào phía sau, bên trong để mọi người đến sau có thể dễ dàng bước vào. [...]
- 6. Nhanh chóng ra khỏi thang máy:** khi thang máy dừng tầng tại vị trí bạn muốn đến, hãy nhanh chóng bước ra khỏi thang máy một cách trật tự. Nếu bạn ở phía sau đừng ngại ngần nói rằng: “Xin lỗi cho tôi nhờ một chút!”. [...]

(Theo atvin.com.vn)

7. Văn bản “Quy tắc vàng khi sử dụng thang máy” nói về điều gì?

- A. Giới thiệu các loại thang máy khác nhau
B. Nêu lên các quy tắc cần chú ý khi sử dụng thang máy
C. Giới thiệu những ưu điểm và hạn chế của việc đi thang máy
D. Cảnh báo những nguy hiểm và bất lợi khi đi thang máy

8. Phương án nào nêu đúng căn cứ để xác định đoạn trích trên là văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc của một hoạt động

- A. Nêu lên các biểu hiện đa dạng phong phú về các loại thang máy
- B. Nêu lên các lí do vì sao nên đi thang máy nơi công cộng
- C. Nêu lên các quy tắc cần chú ý khi đi thang máy nơi công cộng**
- D. Nêu lên tác dụng và vai trò của thang máy trong các tòa nhà công cộng

9. Phương án nào nêu được cách tóm tắt đầy đủ các quy tắc khi đi thang máy?

- A. Đọc kĩ tất cả các tiêu đề mở đầu được in đậm của mỗi mục**
- B. Đọc kĩ nhan đề của văn bản: “Quy tắc vàng khi sử dụng thang máy”
- C. Đọc kĩ phần mở đầu của văn bản: “Đứng bên phải...”
- D. Đọc kĩ phần kết thúc của văn bản: “Nhanh chóng ra khỏi thang máy...”

10. Thông tin quan trọng được nêu lên trong đoạn trích trên là gì?

- A. Yêu cầu các tòa nhà chung cư hiện đại cần có thang máy
- B. Yêu cầu về không gian và thời gian khi sử dụng thang máy
- C. Cần chú ý các quy tắc khi sử dụng thang máy nơi công cộng**
- D. Cần chú ý quy định về phòng chống cháy nổ khi sử dụng thang máy

*** Viết (sgk/124)**

Chọn một trong hai đề sau để viết thành đoạn hoặc bài văn ngắn

Đề 1: Phân tích đặc điểm một nhân vật trong tác phẩm truyện đã học ở sách Ngữ Văn 7, tập 1 mà em có ấn tượng và yêu thích.

Dàn ý

Phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học

▪ **Mở bài:**

Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Giới thiệu nhân vật cần phân tích: có thể giới thiệu đôi nét về tác giả hoặc hoàn cảnh sáng tác/ nội dung chính của tác phẩm có nhân vật cần phân tích rồi sau mới giới thiệu nhân vật. Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.

▪ **Thân bài:**

Giới thiệu đôi nét về hoàn cảnh xuất hiện của nhân vật (nếu có).

Nêu những đặc điểm về ngoại hình lẫn tính cách của nhân vật rồi phân tích, chứng minh từng đặc điểm đó.

(lưu ý: mỗi đặc điểm ta sẽ triển khai thành một đoạn văn theo hướng diễn dịch với câu chủ đề nêu lên đặc điểm của nhân vật.) Cụ thể:

Nêu đặc điểm thứ nhất của nhân vật:

Viết câu chủ đề nêu đặc điểm thứ nhất của nhân vật.

Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ. (Cố gắng học thuộc lòng các chi tiết chính, quan trọng và trích dẫn trực tiếp thì bài viết sẽ có giá trị hơn)

Chuyển ý sang đặc điểm thứ hai.

Nêu đặc điểm thứ hai của nhân vật:

(cách làm 3 bước tương tự như đặc điểm thứ nhất)

Cứ làm như thế cho tới đặc điểm cuối cùng của nhân vật.

Đánh giá về nhân vật:

Nhân vật đó tượng trưng cho lớp người nào trong xã hội? qua nhân vật đó tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta bức thông điệp gì?

Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc? (cách xây dựng nhân vật, ngôn ngữ miêu tả, tự sự, đối thoại, độc thoại nội tâm, v.v.)

Qua nhân vật đó ta thấy tác giả là người như thế nào?

▪ **Kết bài:**

Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật

Liên hệ bản thân (nếu có)

Đề 2: Viết đoạn văn (khoảng 15-20 dòng) nêu suy nghĩ và cảm xúc của em sau khi đọc hai khổ thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh nêu trên.

Dàn ý

1, Mở đoạn

– Giới thiệu tác giả tác phẩm: bài thơ là một tác phẩm hay, độc đáo, mới lạ về đề tài mùa thu.

– Giới thiệu suy nghĩ và cảm xúc của em về 2 khổ thơ đầu: Cảnh sắc giao mùa khi đất trời chuyển từ mùa hạ sang mùa thu.

2, Thân đoạn

a, Cảm nhận của em về những biểu hiện đầu tiên của mùa thu

– Những tín hiệu vô hình trong thiên nhiên:

+ Hương ổi: mùi hương bình dị, dân dã đặc trưng của mùa thu miền Bắc khi mùa ổi chín.

+ Động từ “phả”: sự lan tỏa, trộn lẫn: gợi tả về một không gian dường như mang cả hương thơm của mùa thu, của sự trong lành

+ Gió se: gió hơi lạnh, khô, là gió heo may của mùa thu, không phải cơn gió nam của mùa xuân hay gió bắc mùa đông.

+ Sương: hiện tượng ngưng tụ hơi nước khi thời tiết chuyển lạnh vào buổi tối và sáng sớm.

+ Động từ “chùng chình”: chuyển động chậm rãi, thong thả, nhân hóa cho hình ảnh, sương như có tâm hồn.

– Cảm xúc của tác giả:

+ Giật mình nhận ra mùa thu đang về qua từ “bỗng”

+ Câu hỏi tu từ “Hình như thu đã về”: sự ngỡ ngàng, khó tin, tâm hồn thi sĩ cũng như biến chuyển cùng đất trời.

⇒ Tác giả sử dụng những hình tượng vô hình, chỉ cảm nhận được qua khứu giác, cảm giác chứ không nhìn thấy, không cầm nắm được. Đây là một điểm đặc biệt so với việc dùng những hình ảnh quen thuộc để nói về mùa thu như hoa sữa, quả hồng, cốm non,... cho thấy sự tinh tế trong cảm xúc của tác giả.

b, Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên trong thời khắc giao mùa

– Hình ảnh đối lập: sông “dềnh dàng” với chim “vội vã”. Dòng sông vào mùa thu bắt đầu chảy chậm rãi, đã qua rồi những cơn bão hè khiến sông cuộn trào. Chim thì lại vội vã bay về phương Nam tránh rét

– Hình ảnh đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu: một hình ảnh liên tưởng sự níu kéo, lưu luyến của mùa hạ, gợi tả vẻ đẹp bầu trời đặc biệt. Một sắc mây không còn nóng bỏng đầy nắng của mùa hè nhưng cũng chưa nhẹ nhàng thanh thoát của mùa thu.

⇒ Thiên nhiên giao mùa đẹp kì lạ, độc đáo

3, Kết đoạn

– Hai khổ thơ cho thấy: tâm hồn nhạy cảm của nhà thơ, vẻ đẹp của khoảnh khắc giao mùa.

– Nghệ thuật: sử dụng hình ảnh, nhân hóa, liên tưởng.

- Suy nghĩ, cảm xúc của bản thân em.

3. Chuẩn bị kiểm tra chất lượng cuối học kì I.

H. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 7 – *Cánh diều*

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

I. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY